



SÁCH TRẮNG 2016

**CÁC VẤN ĐỀ THƯƠNG MẠI/ĐẦU TƯ
& KIẾN NGHỊ**

Ấn bản thứ 8

NỘI DUNG

LỜI MỞ ĐẦU	Số trang
Nội dung	i
Giới thiệu về EuroCham	ii
Thông điệp từ Chủ tịch	iii
Thông điệp từ Đại sứ/Trưởng Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam	iv
Thông điệp từ các Hiệp hội Doanh nghiệp	v
Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ châu Âu về quyền Sở hữu trí tuệ tại Đông Nam Á	ix
Giới thiệu về bố cục ấn phẩm	x
Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm	xi
TỔNG QUAN	1
Giới thiệu Tổng quan	2
Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài	8
Tóm tắt các vấn đề và kiến nghị chính	12
PHẦN 1: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH	19
1. Quản trị Doanh nghiệp	20
2. Ngành Năng lượng và Điện lực	25
3. Tăng trưởng Xanh	32
4. Phát triển Nguồn Nhân lực và Đào tạo	35
5. Quyền Sở hữu Trí tuệ	42
6. Thủ tục Tư pháp	48
7. Mua bán và Sáp nhập Doanh nghiệp	55
8. Đối tác Công-Tư	60
9. Thuế	65
10. Vận tải và Hậu cần	70
PHẦN 2: CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH	77
11. Ngành Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản	78
12. Công nghệ Thông tin	85
13. Bảo hiểm Nhân thọ	90
14. Trang thiết bị Y tế & Sinh phẩm Chuẩn đoán	93
15. Ô tô – Xe máy	97
A. Ngành Công nghiệp Ô tô	98
B. Ngành Công nghiệp Xe máy	105
16. Sản phẩm Dinh dưỡng và Sữa Công thức	109
17. Dược phẩm	115
18. Bất động sản	125
19. Du lịch và Nhà hàng – Khách sạn	130
20. Rượu vang và Rượu mạnh	139
Danh mục từ viết tắt và từ đồng nghĩa	146
Danh mục bảng biểu	150
Lời cảm ơn	151

GIỚI THIỆU VỀ EUROCHAM

Kể từ khi thành lập với chỉ 60 Hội viên vào năm 1998, Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) đã phát triển thành đại diện của hơn 870 doanh nghiệp châu Âu, trong đó có nhiều doanh nghiệp hàng đầu thế giới. Với các văn phòng tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, sứ mệnh của EuroCham không chỉ đại diện cho quyền lợi của các hội viên châu Âu tại Việt Nam mà còn hỗ trợ cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam vì lợi ích của tất cả các bên liên quan.

Là tổ chức đứng đầu đại diện cho các quyền lợi doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, EuroCham hiện đại diện và là đối tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Bỉ - Luxembourg tại Việt Nam (BeluxCham), Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu tại Việt Nam (CEEC), Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan tại Việt Nam (DBAV), Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam (CCIFV), Hiệp hội Doanh nghiệp Đức tại Việt Nam (GBA), Phòng Thương mại Ý tại Việt Nam (ICham), Chi nhánh Hà Nội của Hiệp hội Doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam (NordCham) và Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha (SBG).

EuroCham là thành viên của Mạng lưới các Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu toàn cầu (European Business Organisation Worldwide Network ASBL), đại diện cho quyền lợi của các doanh nghiệp châu Âu tại 30 quốc gia trên thế giới và kiến nghị các vấn đề liên quan đến thương mại và đầu tư lên Ủy ban châu Âu. Trong khu vực, EuroCham là thành viên của Hội đồng Doanh nghiệp EU – ASEAN. Kể từ cuối năm 2015, EuroCham trở thành đối tác của Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ châu Âu về Quyền sở hữu trí tuệ tại Đông Nam Á, cung cấp các tư vấn và hỗ trợ miễn phí về vấn đề bảo vệ Quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp khi gia nhập và mở rộng tại thị trường ASEAN.

*Để có thêm thông tin chi tiết về EuroCham,
xin mời ghé thăm trang web www.eurochamvn.org.*

*Để có thêm thông tin chi tiết về Sách Trắng,
xin mời ghé thăm web www.eurochamvn.org/Whitebook*





Nicola Connolly
 Chủ tịch
 Hiệp hội Doanh nghiệp
 châu Âu tại Việt Nam

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH

Thay mặt Ban Lãnh đạo, các Tiểu ban Ngành nghề và các thành viên thuộc Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, tôi rất hân hạnh giới thiệu đến quý vị ấn phẩm "Sách Trắng 2016: Các Vấn đề về Thương mại/Đầu tư và Kiến nghị". Như các năm trước, ấn phẩm Sách Trắng lần thứ 8 của Sách Trắng tập hợp và trình bày những mối quan ngại và lời khuyên từ cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam. Sách Trắng là quan điểm chung của các công ty thành viên, hoạt động trong một loạt các ngành công nghiệp. Vì vậy, ấn phẩm này cung cấp tổng hợp những thông tin đánh giá mới nhất về doanh nghiệp, kinh tế và môi trường pháp lý hiện nay ở Việt Nam.

EuroCham và các nhóm công tác ngành nghề, được gọi là các Tiểu ban Ngành nghề, đang ngày càng phát triển. Tính đến thời điểm tôi viết những lời này, EuroCham đang có 14 Tiểu ban. Vì các Tiểu ban mới đang được thành lập, các vấn đề được đề cập trong Sách Trắng năm nay cũng tăng lên tương ứng. EuroCham mong muốn tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chức năng Việt Nam, nhằm cung cấp thông tin cho việc hoạch định chính sách của Chính phủ vì lợi ích của các công ty, của các nhà đầu tư và của xã hội nói chung. Với tinh thần này, các thành viên Tiểu ban của chúng tôi đã được yêu cầu xác định ba vấn đề hàng đầu mà họ cho rằng Chính phủ cần phải ưu tiên trong năm 2016. Cũng như những năm trước, mỗi chương của Sách Trắng đều bàn luận về những vấn đề này và các lợi ích/quan ngại tiềm tàng cũng như các giải pháp và kiến nghị do các thành viên của chúng tôi đề xuất.

Năm 2015 là năm Việt Nam tiếp tục hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Trong khu vực, Cộng đồng Kinh tế ASEAN đang dẫn đi vào thực tế, Việt Nam đã tham gia cam kết TPP. Một sự kiện vô cùng quan trọng đối với chúng tôi là việc Liên minh châu Âu và Việt Nam đã kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam. Hiệp định này sẽ thúc đẩy phát triển 25-35% thương mại và đầu tư giữa hai thị trường. Chúng tôi tin rằng các vòng đàm phán đã đưa đến một hiệp định toàn diện, mang lại lợi ích cho các bên liên quan và rất mong đợi việc thực thi Hiệp định này trong tương lai.

EuroCham sẽ tiếp tục làm việc chặt chẽ với Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam nhằm đảm bảo rằng các vấn đề được nêu trong ấn bản thứ 8 của Sách Trắng được quan tâm. Chúng tôi rất trân trọng mối quan hệ vững mạnh với Phái đoàn và hy vọng rằng Sách Trắng 2016 sẽ tiếp tục là một công cụ hữu ích nhằm đối thoại mang tính xây dựng giữa cộng đồng doanh nghiệp châu Âu và các cơ quan chức năng Việt Nam.



Bruno Angelet
*Trưởng Phái đoàn
 Liên minh châu Âu
 tại Việt Nam*

THÔNG ĐIỆP TỪ ĐẠI SỨ

Năm 2015 đánh dấu kỷ niệm lần thứ 25 ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam. Cũng trong năm này, việc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do song phương EU-Việt Nam (EVFTA) đã hoàn tất, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quan hệ thương mại, kinh tế và đầu tư song phương giữa Việt Nam và EU như lãnh đạo cấp cao hai bên đã thống nhất.

Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong ba thập kỷ qua kể từ khi chính thức tiến hành công cuộc đổi mới. Bức tranh kinh tế toàn cảnh hôm nay phản ánh kết quả của những bước đi đúng đắn mà Việt Nam đã thực hiện trong khát vọng trở thành một thành viên hội nhập toàn diện vào hệ thống kinh tế quốc tế. Để đạt được khát vọng này, Việt Nam cần phải tiếp tục công cuộc hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu với các đối tác quan trọng như EU. Trong nhiều năm, EU đã thể hiện cam kết nghiêm túc của mình trong việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi của Việt Nam theo nhiều cách và tiếp tục là nguồn đầu tư nước ngoài chủ chốt. Các doanh nghiệp châu Âu đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp kiến thức và chuyên môn kỹ thuật cho Việt Nam.

EU cấu thành một trong những thị trường nước ngoài quan trọng nhất của Việt Nam. Tuy vậy, để tăng cường hơn nữa mối quan hệ thương mại và thu hút được nguồn đầu tư chất lượng cao từ EU, Việt Nam phải tập trung vào việc nâng cao giá trị gia tăng và tăng tốc các nỗ lực tái cơ cấu. Đứng trên góc độ này, các kiến nghị trong Sách Trắng 2016 từ cộng đồng doanh nghiệp châu Âu là vô giá. Cuốn sách làm sáng tỏ môi trường kinh doanh tại Việt Nam, chỉ rõ các trở ngại đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, cũng như gợi mở các chính sách mới và trình bày các vấn đề liên ngành để chính phủ Việt Nam xem xét.

Năm 2016 sẽ là một thời kỳ quan trọng với nhiều cơ hội và thách thức cho cộng đồng doanh nghiệp. EuroCham đã chứng tỏ vai trò chủ động của mình trong việc hợp tác chặt chẽ với Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam trong nhiều vấn đề thương mại và đầu tư. Với việc đàm phán EVFTA hoàn tất, tôi mong đợi EuroCham sẽ tiếp tục hợp tác hiệu quả để đảm bảo rằng hiệp định thương mại tham vọng của thế kỷ 21 này sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp và nền kinh tế của Việt Nam và châu Âu.

THÔNG ĐIỆP TỪ CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP



Guy Balza
Chủ tịch BeluxCham



Hoạt động chính:

- Thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Bỉ, Lúcxăm-bua và Việt Nam.
- Cung cấp các hỗ trợ liên quan đến kinh tế, luật pháp, công nghệ, tài chính, thị trường và các vấn đề khác trong kinh doanh tại Bỉ, Lúcxăm-bua và Việt Nam.
- Nâng cao vị thế của các doanh nghiệp Việt Nam trong cộng đồng doanh nghiệp tại Bỉ và Lúcxăm-bua, và ngược lại.
- Hỗ trợ các hoạt động kinh tế song phương do các phái đoàn và các tổ chức kinh tế tại Việt Nam tổ chức.
- Đóng góp vào sự phát triển của kinh tế Việt Nam thông qua hoạt động quốc tế hoá của các doanh nghiệp Việt Nam tại Bỉ và Lúcxăm-bua.



Marko Moric
Chủ tịch CEEC



Tháng 3 năm 2015, Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu Việt Nam (CEEC), một tổ chức độc lập và phi lợi nhuận đã được thành lập nhằm mục đích thúc đẩy sự hợp tác và nâng cao mối quan hệ giữa các doanh nghiệp, cá nhân đến từ 15 quốc gia Trung và Đông Âu (Áo, Bun-ga-ri, Crô-a-ti-a, Séc, E-xtô-ni-a, Hung-ga-ri, Lát-vi-a, Lit-va, Ba Lan, Ru-ma-ni, Xéc-bi-a, Xlô-va-ki-a, Xlô-ven-ni-a, Môn-tê-nê-grô, và Ma-xê-đô-ni-a) với Việt Nam trên các mặt kinh tế, tài chính, thương mại, đầu tư, và xúc tiến thương mại.

CEEC hỗ trợ các hoạt động thương mại giữa Việt Nam và các nước Trung và Đông Âu: từ giúp đỡ các doanh nghiệp Trung và Đông Âu trong quá trình tạo dựng chỗ đứng trên thị trường Việt Nam, các cá nhân mong muốn mở rộng hoạt động ra nước ngoài, và các doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm cơ hội hợp tác với doanh nghiệp Trung và Đông Âu; đến việc thúc đẩy hợp tác trong nhiều lĩnh vực giữa cá nhân, tổ chức tại Việt Nam và tại một nước Trung và Đông Âu. CEEC cũng đóng vai trò trung tâm thông tin về các sự kiện hay các vấn đề luật pháp cho thành viên. Các hỗ trợ của CEEC bao gồm: mở rộng mạng lưới quan hệ, kết nối doanh nghiệp, phân tích thị trường, dịch thuật; tư vấn, giới thiệu và sắp xếp gặp gỡ cho doanh nghiệp Trung và Đông Âu với các đối tác thương mại tin cậy tại cả Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức sự kiện như hội thảo và đối thoại kinh doanh, nơi các chuyên gia trên nhiều lĩnh vực có thể cùng chia sẻ và giúp đỡ nhau tháo gỡ vướng mắc trong quá trình hoạt động tại Việt Nam; xây dựng cộng đồng doanh nghiệp tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nơi thành viên có thể chia sẻ kinh nghiệm, mở rộng mối quan hệ, tìm kiếm công việc cũng như đối tác; cung cấp thông tin hữu ích về các nước Trung và Đông Âu trên nhiều ngôn ngữ như tiếng Ba Lan, tiếng Bun-ga-ri, tiếng Hung-ga-ri và tiếng Crô-a-ti-a.



Remco Gaanderse
Chủ tịch DBAV



Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan (DBAV) đã hoạt động tích cực trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam kể từ khi thành lập vào năm 1999. Thành viên của chúng tôi bao gồm những công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các nhóm doanh nhân của Hà Lan đang hoạt động tại thị trường Việt Nam hay thị trường khu vực. Mục đích của chúng tôi là hỗ trợ theo đúng nhu cầu riêng biệt của mỗi thành viên mặc dù mạng lưới thành viên rất đa dạng, để họ đều hưởng lợi từ các mối quan hệ, sự nắm bắt thông tin và nền tảng kinh nghiệm của chúng tôi.

DBAV đem đến những cơ hội để các doanh nghiệp có thể giao lưu và kết nối (ví dụ: tiệc Ned Drinks và Giải Gôn Hà Lan mở rộng hàng năm), cùng các sự kiện cung cấp thông tin về những xu hướng phát triển ở Việt Nam đang ảnh hưởng đến cộng đồng doanh nghiệp (ví dụ: hội thảo chuyên đề và các chuyến tham quan nhà máy). Chúng tôi hợp tác chặt chẽ với Phòng Thương mại Việt Nam tại Hà Lan để có thể hỗ trợ tối đa cho cộng đồng doanh nghiệp ở cả hai nước.

Là một thành viên của EuroCham, DBAV đã xây dựng những mối liên kết mật thiết với các cơ quan chính phủ và các phòng thương mại tại Việt Nam. Đây là nền tảng cho cộng đồng doanh nghiệp Hà Lan xây dựng chỗ đứng trong cộng đồng doanh nghiệp lớn hơn tại Việt Nam. DBAV duy trì mối hợp tác chặt chẽ với Đại sứ quán tại Hà Lan tại Hà Nội và Tổng Lãnh sự quán Hà Lan tại thành phố Hồ Chí Minh nhằm hỗ trợ tốt hơn cho các công ty mới hoặc đang mở rộng có được thông tin về thị trường, các chính sách và các Bộ ngành liên quan tại Việt Nam.



Nicolas du Pasquier
Chủ tịch CCI FV



Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam (CCIFV) là tổ chức phi lợi nhuận được thành lập vào năm 1989. CCIFV hỗ trợ 270 công ty thành viên và cả Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. CCIFV trực thuộc mạng lưới toàn cầu bao gồm 113 Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại 83 quốc gia. Nhiệm vụ của CCIFV là:

- Hướng dẫn cộng đồng doanh nghiệp Pháp tại Việt Nam, đặc biệt hỗ trợ việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm giữa các thành viên.
- Nâng cao hình ảnh của Pháp tại Việt Nam và tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hoá, dịch vụ và vốn đầu tư giữa hai nước.
- Giúp các công ty Pháp từng bước phát triển dự án của họ tại Việt Nam qua những hỗ trợ thiết thực và giải pháp hoạt động như khảo sát thị trường, tìm kiếm đối tác, dịch vụ cung cấp nhân lực và văn phòng làm việc dành cho các công ty Pháp mới tới Việt Nam.
- Hỗ trợ các công ty Việt Nam trong việc tiếp cận thị trường Pháp thông qua những dự án tìm kiếm đối tác và tham quan các hội chợ thương mại lớn tại Pháp.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.ccifv.org



Jens Ruebbert
Chủ tịch GBA



Hiệp hội các doanh nghiệp Đức tại Việt Nam (GBA) thành lập vào năm 1995, chính thức được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép vào năm 1998, là cơ quan ngôn luận và bảo vệ quyền lợi của cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư Đức tại Việt Nam, giúp bồi dưỡng mối quan hệ kinh tế-xã hội song phương giữa hai nước. GBA là một trong những hiệp hội doanh nghiệp có thâm niên lâu năm nhất, là thành viên đồng sáng lập EuroCham tại Việt Nam. Hiện nay, GBA đang đại diện cho hơn 180 doanh nghiệp thành viên và hoạt động hướng tới một môi trường kinh doanh và điều kiện hoạt động tốt nhất cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư Đức tại Việt Nam. GBA hoạt động như một trung tâm hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên qua việc cung cấp các thông tin kinh tế hữu ích và thiết lập các mối quan hệ mới với cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam. Trong năm 2015, GBA quyết định hợp nhất với Phòng Thương mại Đức trong tương lai. Việc hợp nhất giữa hai tổ chức sẽ giúp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các doanh nghiệp và nhà đầu tư Đức, và từ đó tích cực khuyến khích và hỗ trợ đầu tư từ Đức đến Việt Nam. GBA thường xuyên tạo các cơ hội giao lưu chuyên môn hoặc giao lưu cộng đồng, tiêu biểu nhất là dạ vũ truyền thống Đức và lễ hội bia Đức thường niên ở cả Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Để biết thêm thông tin chi tiết về các hoạt động cũng như các lợi ích dành cho thành viên, vui lòng tham khảo thêm trang thông tin điện tử của GBA.



Michele D'Ercole
Chủ tịch ICham



Phòng Thương mại Ý tại Việt Nam (ICHAM) bắt đầu đi vào hoạt động từ cuối năm 2008 và tính đến nay đã bước sang năm hoạt động thứ 7. ICHAM hiện có 2 văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với hơn 50 hội viên, trong đó có những doanh nghiệp Ý tiêu biểu như: ENI, Generali, Ariston, Intesa Sanpaolo, Unicredit, BNP Paribas, Piaggio, Datalogic, Bonfiglioli, Perfetti Van Melle, Danieli, CAE, Carvico, Tenova, Dezan Shira, Interglobo, Cigisped, Savino del Bene...

ICHAM có mục tiêu chính nhằm xúc tiến trao đổi thương mại giữa Việt Nam và các doanh nghiệp Ý, bao gồm hỗ trợ các hoạt động của doanh nghiệp thành viên; tổ chức các đoàn doanh nghiệp, hội thảo; đẩy mạnh liên hệ và hợp tác với các tổ chức ở Ý và với Liên minh châu Âu với vai trò thành viên của EuroCham và là đối tác trong Mạng lưới xúc tiến Thương mại Việt Nam - châu Âu (EU-Vietnam Business Network - EVBN); và kết nối với các Phòng Thương mại và các tổ chức Doanh nghiệp khác. ICHAM cũng đã phối hợp với Đại sứ quán Việt Nam tại Ý thành lập Ban Thương mại Việt Nam tại vùng Emilia-Romagna, nhằm cung cấp thông tin và hỗ trợ cho các doanh nghiệp của vùng quan tâm đến Việt Nam thông qua các báo cáo thương mại khả thi và tổ chức cho các cơ quan và đoàn doanh nghiệp đến thăm Việt Nam; hợp tác với Đại sứ quán Ý tại Hà Nội và Lãnh sự quán Ý tại thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời phối hợp với các tổ chức doanh nghiệp địa phương và quảng bá các sản phẩm sản xuất tại Ý.



Anders Smedberg
Chủ tịch NordCham Hà Nội



Đại diện cho Hiệp hội Doanh nghiệp Bắc Âu tại Hà Nội (Nordcham Hà Nội) và cộng đồng doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam, tôi xin chúc mừng lần xuất bản thứ tám ấn phẩm Sách Trắng của EuroCham.

Thông qua hoạt động của các Tiểu ban thuộc EuroCham, ấn phẩm thường niên này đã giúp chỉ ra những vấn đề thuộc mối quan tâm chung của khối doanh nghiệp châu Âu. Sách Trắng cũng nêu lên các vấn đề cụ thể mà các doanh nghiệp Bắc Âu có mặt ở Việt Nam đang quan tâm, bao gồm các ngành nghề như sản phẩm và kỹ thuật công nghiệp, công nghệ thông tin, dược phẩm và chăm sóc sức khỏe, phát triển bền vững.

Tầm nhìn của các doanh nghiệp Bắc Âu thường vượt ra khỏi giới hạn quốc gia. Các nước Bắc Âu có dân số tương đối ít và nền kinh tế phát triển cao. Vì vậy, các doanh nghiệp vừa và nhỏ Bắc Âu cũng như các thương hiệu Bắc Âu toàn cầu phải dựa vào thị trường thế giới để phát triển và thành công. Ở Việt Nam, các doanh nghiệp cũng như các quốc gia Bắc Âu trên thực tế cũng đã có mặt từ lâu đời. Với việc thị trường Việt Nam phát triển và hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới thông qua các thỏa thuận thương mại như AEC, EVFTA và TPP, Hiệp hội Doanh nghiệp Bắc Âu xin được thể hiện sự ủng hộ đối với chính sách thương mại và toàn cầu hóa của Việt Nam.

Tôi tin rằng ấn bản Sách Trắng lần thứ tám của EuroCham sẽ được đón nhận nồng nhiệt và trở thành một nguồn hỗ trợ đầy giá trị để các cơ quan chức năng Việt Nam có một kênh đối thoại với đồng đảo các nhà đầu tư châu Âu trên thị trường.



Casar Ximenez
Chủ tịch SBG



Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha (SBG) khởi đầu là một nhóm các công ty Tây Ban Nha thành lập tại Việt Nam từ những năm đầu 1990. Hiện tại SBG quy tụ 20 thành viên, phần lớn trong số đó đồng thời là thành viên của EuroCham. Việc thành lập SBG là bước tiền đề để thành lập một Phòng Thương mại chính thức. SBG tích cực thúc đẩy Việt Nam trở thành một trung tâm tại châu Á mặc dù Việt Nam là thị trường mới được khám phá trong thời gian gần đây đối với các doanh nghiệp và cá nhân Tây Ban Nha.

Nhiệm vụ của SBG bao gồm: trở thành cầu nối giao lưu của cộng đồng doanh nghiệp Tây Ban Nha tại Việt Nam, đặc biệt hỗ trợ các thành viên nhằm hiểu rõ về phương thức kinh doanh tại đây; hỗ trợ các công ty Việt Nam triển khai hợp tác kinh doanh với các công ty châu Âu, đặc biệt chú trọng khối doanh nghiệp Tây Ban Nha. Chúng tôi hân hạnh chào đón các doanh nghiệp quan tâm đến quốc gia Tây Ban Nha cũng như bất cứ cơ hội kinh doanh nào tại nơi có sử dụng tiếng Tây Ban Nha. SBG còn có nhiệm vụ quảng bá hình ảnh của Tây Ban Nha, các tổ chức Tây Ban Nha, và làm cầu nối giữa Văn phòng Thương vụ tại thành phố Hồ Chí Minh và Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Hà Nội; là nơi liên hệ của bất kỳ doanh nghiệp Tây Ban Nha nào muốn thành lập công ty tại Việt Nam; hợp tác với Văn phòng Thương vụ của Liên minh châu Âu và của Tây Ban Nha để cung cấp các thông tin, khảo sát thị trường hoặc các chính sách nhân sự liên quan.



Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ châu Âu về quyền Sở hữu trí tuệ tại Đông Nam Á

- ❖ Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) châu Âu về quyền Sở hữu trí tuệ (SHTT) tại Đông Nam Á cung cấp **miễn phí dịch vụ tư vấn riêng trực tiếp với ngôn ngữ dễ hiểu, các buổi đào tạo, tài liệu, tài nguyên trực tuyến về SHTT và các vấn đề liên quan đến SHTT** tại Đông Nam Á.
- ❖ Dự án nâng cao nhận thức về các vấn đề SHTT tại Đông Nam Á có ảnh hưởng tới DNVVN châu Âu, giúp Doanh nghiệp đưa ra quyết định đúng đắn về quyền SHTT.

Dự án **phối hợp với các mạng lưới DNVVN châu Âu, các phòng thương mại và hiệp hội ngành** trong việc cung cấp hỗ trợ miễn phí cho tất cả DNVVN châu Âu, bao gồm:



Đường dây tư vấn

DNVVN châu Âu và các tổ chức trung gian của DNVVN châu Âu có thể gửi thắc mắc về quyền SHTT tới dự án qua điện thoại, thư điện tử hay trực tiếp tại văn phòng dự án để nhận được **tư vấn riêng trực tiếp và miễn phí** từ nhóm chuyên gia SHTT trong tối đa **3 ngày làm việc**.

Tài liệu đào tạo



Các vấn đề về quyền SHTT tại Đông Nam Á được phân tích trong sổ tay hướng dẫn và tài liệu đào tạo theo ngành nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh:

- **Sổ tay hướng dẫn theo từng đối tượng của SHTT**, ví dụ: sáng chế, nhãn hiệu
- **Trang thông tin về SHTT tại từng nước:** tổng quan về SHTT tại 10 nước Đông Nam Á
- **Sổ tay hướng dẫn theo ngành**, ví dụ: dệt may, cơ khí, công nghiệp sáng tạo
- **Sổ tay hướng dẫn theo hoạt động kinh doanh**, ví dụ: chuyển giao công nghệ, sản xuất

Dự án còn cung cấp các **bài viết** về quyền SHTT tại Đông Nam Á do các chuyên gia SHTT biên soạn để đăng tải bản tin hoặc ấn phẩm khác của các tổ chức trung gian là đối tác của dự án.



Dịch vụ trực tuyến

- **Cổng thông tin trực tuyến đa ngôn ngữ** giúp DNVVN châu Âu dễ dàng tiếp cận các hỗ trợ của dự án như **sổ tay hướng dẫn, thông tin về sự kiện và ghi âm các buổi đào tạo trực tuyến**.
- Người dùng có thể đăng ký tại **blog Your IP Insider, bản tin, Twitter, Facebook và LinkedIn** của dự án để được cập nhật về hoạt động của dự án và tin tức về SHTT tại Đông Nam Á.

Các khóa Đào tạo (bao gồm đào tạo trực tuyến)



Dự án tổ chức **các khóa đào tạo (bao gồm đào tạo trực tuyến)** ở châu Âu và Đông Nam Á về **bảo vệ và thực thi quyền SHTT tại Đông Nam Á**, phù hợp với nhu cầu của DNVVN:

- **Các vấn đề chung về SHTT** như đăng ký SHTT, xây dựng chiến lược thực thi quyền SHTT
- **Những thách thức về SHTT trong hoạt động kinh doanh**, ví dụ: lựa chọn đối tác kinh doanh, tham dự hội chợ thương mại, xin cấp giấy phép
- **Các khóa đào tạo theo ngành**
- **Tư vấn cá nhân** miễn phí trong 20 phút với chuyên gia SHTT tại hầu hết các sự kiện đào tạo
- **Đào tạo trực tuyến:** 45 phút thuyết trình và 30 phút Hỏi Đáp, rất tiện lợi cho đại diện DNVVN có thể tham gia tại văn phòng hoặc nhà riêng. Bản ghi âm được đăng tải trên website của dự án sau mỗi buổi đào tạo trực tuyến.

Hợp tác với chúng tôi!

Để biết thêm thông tin và thảo luận cách thức hợp tác với dự án, vui lòng liên hệ:

ĐT: +84 8 3825 8116 | Fax: +84 8 3827 2743

Thư điện tử:

question@southeastasia-iprhelpdesk.eu

Website: www.southeastasia-iprhelpdesk.eu

Blog: www.yourIPinsider.eu



Sáng kiến do Liên minh châu Âu đồng tài trợ

Dự án được triển khai bởi:



South-East Asia
IPR SME
Helpdesk

GIỚI THIỆU VỀ BỘ CỤC ẨM PHẨM

Cấu trúc của Sách Trắng năm nay đã được chỉnh sửa nhằm mang lại một cái nhìn tổng quan súc tích hơn về các vấn đề đang ảnh hưởng đến các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Với mục tiêu này, các doanh nghiệp thành viên EuroCham tập trung vào thảo luận tối đa ba (3) vấn đề chính mà các doanh nghiệp tin rằng Chính phủ Việt Nam nên ưu tiên giải quyết. Sách Trắng 2016 cũng đánh giá ảnh hưởng của những mối quan ngại này đến Việt Nam, như thông qua tác động về thương mại, sự tăng trưởng hoặc việc làm. Đồng thời, các Chương đều đưa ra các kiến nghị cụ thể nhằm giúp cải thiện tình hình hiện tại và giải quyết những thách thức liên quan. Mỗi chương đều được bố cục như sau:

VẤN ĐỀ CHÍNH

Mô tả vấn đề: Tóm tắt các mối quan ngại chính

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam: Tóm tắt các lợi ích tiềm tàng hoặc cản trở đối với nền kinh tế/sự tăng trưởng/việc làm của Việt Nam.

Kiến nghị: Các kiến nghị cụ thể nhằm cải thiện hoặc giúp giải quyết các vấn đề

Ấn phẩm bao gồm hai mươi bốn (24) chương, ba (3) chương tổng quan, mười (10) chương trình bày các vấn đề liên ngành và mười một (11) chương về các vấn đề của ngành. Tên (tiếng Anh) của các chương này được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và đóng góp ý kiến của tất cả các thành viên thuộc các Tiểu ban ngành nghề trong việc hoàn thành ấn phẩm lần thứ 8 của Sách Trắng EuroCham (Sách Trắng). Sách Trắng tổng hợp quan điểm của các doanh nghiệp thành viên EuroCham, đại diện bởi các Tiểu ban ngành nghề, về các vấn đề cụ thể trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Sách Trắng không đại diện cho quan điểm của một hay nhiều công ty cụ thể nào. Thông tin và quan điểm đề cập trong cuốn Sách Trắng này nhằm mục đích thúc đẩy các cuộc thảo luận mang tính xây dựng và đưa ra các kiến nghị nhằm tăng cường mối quan hệ thương mại giữa các doanh nghiệp châu Âu và doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, Sách Trắng được xuất bản nhằm mục đích sử dụng cho các thành viên của EuroCham và các bên quan tâm, không hướng tới bất kỳ công ty và/hoặc tổ chức cụ thể nào.

Nếu không có sự đồng ý của EuroCham, các nội dung của ấn phẩm này sẽ không được sao chép, chia sẻ hoặc truyền đi tất cả hay một phần, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, bao gồm nhưng không giới hạn như việc sao chụp hoặc thông qua các phương pháp điện tử hoặc kỹ thuật. Để yêu cầu việc chấp thuận từ EuroCham, xin vui lòng viết thư về địa chỉ dưới đây. EuroCham đã nỗ lực hết sức để đảm bảo các thông tin trong cuốn Sách Trắng này là chính xác tại thời điểm soạn thảo theo những hiểu biết và quan điểm của chúng tôi. Tuy nhiên, EuroCham không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý đối với bất cứ bên nào về tính đầy đủ, chính xác, độ tin cậy và phù hợp của nội dung Sách Trắng và/hoặc kết quả từ bất cứ quyết định nào được đưa ra dựa các nội dung này. Trong mọi trường hợp, các bên không nên hành động dựa vào nội dung Sách Trắng mà không có sự tư vấn hay hỗ trợ chuyên môn.

Trong bất kỳ trường hợp nào, EuroCham, các doanh nghiệp thành viên, Ban Lãnh đạo và/hoặc các thành viên của Ban Lãnh đạo EuroCham sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất cứ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, nghiêm trọng, ngẫu nhiên hay mang tính tất yếu (bao gồm cả thiệt hại về lợi nhuận) một cách trực tiếp hay gián tiếp liên quan hoặc phát sinh từ ấn phẩm của cuốn Sách Trắng này, dưới bất kỳ hình thức nào, cho dù trong hợp đồng, kế ước, các văn bản ràng buộc trách nhiệm pháp lý, cho dù các thiệt hại đã được lường trước hay không, hay thậm chí đã được khuyến cáo về khả năng có thể xảy ra. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng.

Thời điểm soạn thảo: tháng 11 năm 2015

© 2015 Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, bản quyền của EuroCham.
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức.

Văn phòng Hà Nội:

Tầng trệt, Sofitel Plaza Hà Nội
1 Thanh Niên
Quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84 4) 3 715 2228
Fax: (84 4) 3 715 2218
Email: info-hn@eurochamvn.org

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh:

Phòng 2B, Tầng 15, The Landmark
5B Tôn Đức Thắng,
Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84 8) 3 827 2715
Fax: (84 8) 3 827 2743
Email: info-hcm@eurochamvn.org



TỔNG QUAN

A decorative graphic consisting of a dark blue wave shape that curves across the top of the page, set against a lighter blue background.

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

TỔNG QUAN

Năm 2015 là năm có ý nghĩa quyết định đối với Việt Nam và sự hội nhập của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam bước vào năm 2016 với một nền tảng hứa hẹn nhiều thay đổi đáng kể, bắt đầu với việc thực thi các luật quan trọng ở cấp độ quốc gia, cùng với việc hoàn thành đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership - TPP), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC) sắp triển khai và Hiệp định Thương mại Tự do với Hàn Quốc.

Đối với các thành viên EuroCham nói riêng và mối quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) nói chung, việc chính thức hoàn thành đàm phán EVFTA là một bước tiến quan trọng cho tương lai của quan hệ thương mại giữa Việt Nam và EU, và sẽ đem lại một loạt cơ hội mới. Chúng tôi tin chắc rằng những vòng đàm phán đã dẫn đến một thỏa thuận toàn diện, hài hòa, đôi bên cùng có lợi.

CHUYỂN MÌNH NHANH CHÓNG CỦA VIỆT NAM

Việt Nam được đồng đảo bạn bè quốc tế ghi nhận như một ví dụ thành công điển hình trong lịch sử phát triển của thế giới. Kể từ khi quá trình cải cách (Đổi Mới) bắt đầu năm 1986, từ một quốc gia với tổng thu nhập quốc nội (Gross Domestic Product - GDP) đầu người 100 Đô-la Mỹ, Việt Nam đã vươn lên là một nước có thu nhập trung bình thấp với mức thu nhập đầu người 2.200 Đô-la Mỹ vào cuối năm 2014.¹ Với tốc độ tăng trưởng bình quân 6,4% duy trì suốt thập kỷ đầu của thế kỷ 21, Việt Nam đã vượt qua giai đoạn suy giảm do khủng hoảng tài chính năm 2008, và dự báo tăng trưởng 6,5% trong năm 2015.² Hơn nữa, nhờ cải thiện sự ổn định của kinh tế vĩ mô, Việt Nam cũng đạt được nhiều bước tiến trong xóa đói giảm nghèo, khi chỉ còn chưa đầy 3% dân số sống ở mức nghèo cùng cực.³ Cùng với đó, Việt Nam thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc chinh phục các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ thông qua việc hoàn thành chỉ tiêu về tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi trong năm 2015 cũng như đạt gần 100% tỷ lệ nhập học ở bậc tiểu học.⁴ Việt Nam vẫn đang nỗ lực để tăng cường khả năng tiếp cận phổ quát về sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và môi trường bền vững.⁵

Với những đặc điểm tích cực, Việt Nam có lợi thế để trở thành một điểm đến đầu tư hấp dẫn. Với dân số trên 90 triệu người, trong đó dân số ở độ tuổi từ 10 – 24 tuổi chiếm 25%, có thể nói Việt Nam đang ở thời kỳ “dân số vàng”.⁶ Ngoài ra, Việt Nam có tỷ lệ biết chữ và tỷ lệ giáo dục bậc cao ở mức cao, tạo nên một lực lượng lao động năng động với giá nhân công thấp. Một điểm nữa, vị trí chiến lược và khoảng cách gần sát các nước láng giềng Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tạo nên lợi thế cho Việt Nam để trở thành một điểm đến đầu tư hấp dẫn.

Sự mở cửa của Việt Nam càng được khích lệ với việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organisation - WTO) năm 2007, buộc Việt Nam tuân thủ với một loạt chuẩn mực quốc tế. Việc mở cửa từng bước hầu hết các ngành dịch vụ theo lộ trình cam kết WTO của Việt Nam bắt đầu từ năm 2007 và hoàn tất vào năm 2015. Luật pháp trong nước cũng đã cho mở rộng khả năng tiếp cận thị trường ở một số ngành dù không nằm trong cam kết WTO của Việt Nam. Đơn cử, nếu như trước đây tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp đại

¹ Tổng quan (Việt Nam), *Ngân hàng Thế giới*, 05/10/2015. Tham khảo tại <<http://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>>

² Ngân hàng Phát triển Châu Á nâng dự báo GDP của Việt Nam lên 6,5%, *Vietnam News*, 23/09/15. Tham khảo tại <<http://vietnamnews.vn/economy/276160/adb-raises-vn-gdp-forecast-to-65.html>>

³ *Ngân hàng Thế giới*, như trên

⁴ Việt Nam, Hợp tác Chiến lược Quốc gia, *Ngân hàng Phát triển Châu Á*, 2012, trang 1. Tham khảo tại <<http://www.adb.org/sites/default/files/institutional-document/33620/files/cps-vie-2012-2015-r.pdf>>

⁵ *Ngân hàng Thế giới*, như trên

⁶ “Việt Nam; từ dân số vàng đến dân số già vàng”, *UK FOC*, 07/01/15. Tham khảo tại <<https://www.gov.uk/government/publications/vietnam-from-golden-age-to-golden-oldies/vietnam-from-golden-age-to-golden-oldies>>

chúng với quy định mức trần 49% thì nay về cơ bản nước ngoài đã có thể sở hữu lên tới 100%. Việt Nam cũng áp dụng các cơ chế khuyến khích đầu tư bao gồm cơ chế ưu đãi thuế trong các lĩnh vực như công nghệ cao, công nghệ môi trường, và nông nghiệp – vốn là những lĩnh vực mà các doanh nghiệp châu Âu chiếm vị trí dẫn đầu trên thế giới.

Để tiếp tục con đường phát triển, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu đưa Việt Nam thành nước công nghiệp hiện đại trước năm 2020 trong khuôn khổ Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội (CLPTKT-XH) giai đoạn 2011-2020.⁷ Với tinh thần này, bản CLPTKT-XH đặt trọng tâm cải cách cơ cấu, môi trường bền vững, bình đẳng xã hội, và các vấn đề mới nổi liên quan đến ổn định kinh tế vĩ mô, đòi hỏi thay đổi hệ thống ngân hàng, các thiết chế thị trường cũng như doanh nghiệp nhà nước (DNNN).⁸

2016: MỘT CHÂN TRỜI MỚI CHO VIỆT NAM VÀ QUAN HỆ THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VỚI THẾ GIỚI

Sau giai đoạn tăng trưởng thương mại toàn cầu chậm lại vào cuối những năm 2000, thương mại thế giới đạt tăng trưởng 5,3% vào năm 2015.⁹ Khi các dòng chảy thương mại tiếp tục mở rộng nhờ tác động của toàn cầu hóa, các nước đang phát triển như Việt Nam đã tham gia hết mình vào quá trình quốc tế hóa và tự do hóa thương mại và thị trường vốn. Kết quả của xu hướng này là một bước đi thúc đẩy hội nhập và quốc tế hóa sâu hơn với việc hình thành các thiết chế khu vực như EU, Mercosur và ASEAN.

Năm 2015 là năm có ý nghĩa quan trọng với Việt Nam và quá trình tiếp tục mở cửa ra các thị trường quốc tế với một loạt hiệp định thương mại được thỏa thuận thành công. Phản ánh xu thế này, ở góc độ trong nước, Việt Nam đã có những thay đổi quan trọng về luật định dành cho nhà đầu tư nước ngoài. Bắt đầu với Luật Đầu tư mới và Luật Doanh nghiệp mới thay thế Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp 2005, nhà đầu tư nước ngoài sẽ nhận được những điều kiện ưu đãi hơn cho hoạt động đầu tư của mình, đồng thời việc bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài cũng được cải thiện.¹⁰ Ngoài ra, Luật Kinh doanh Bất Động sản mới và Luật Nhà ở mới đã mở màn cho một số thay đổi dành cho người nước ngoài tại Việt Nam, khi giờ đây người nước ngoài đã được phép mua bất động sản trong nước.

ASEAN và EU

Nhiều thay đổi lớn trong khu vực cũng đã bắt đầu. Kể từ khi thành lập năm 1967 đến nay, ASEAN đã kết nạp thêm các quốc gia mới và khẳng định vị thế của một tổ chức khu vực quan trọng. Năm 2014, ASEAN đạt tổng GDP 2.573.589 triệu Đô-la Mỹ với đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI) đạt 136.181 triệu Đô-la Mỹ. Về thương mại quốc tế, ASEAN đạt 2.528.917 triệu Đô-la Mỹ năm 2014.¹¹ ASEAN trở thành đối tác quan trọng của EU khi cả hai tổ chức đã phát triển thành các khối thương mại khu vực tầm cỡ. Tháng 5 năm 2015, đại diện cấp cao của EU về Chính sách Ngoại giao và An ninh cùng với Ủy ban châu Âu đã thông qua một văn kiện chung có tiêu đề "EU và ASEAN: Hợp tác vì mục đích chiến lược", nêu bật thiện chí của EU trong việc thúc đẩy quan hệ EU-ASEAN.¹² ASEAN là đối tác thương mại lớn nhất của EU nằm ngoài châu Âu với kim ngạch thương mại hàng hóa đạt hơn 235 tỷ Euro trong năm 2013. Tương tự, EU cũng là đối tác thương mại lớn thứ ba của ASEAN sau Trung Quốc và Nhật Bản. Quan hệ EU và ASEAN được thể hiện qua dòng FDI từ châu Âu hướng về khu vực ASEAN trong giai đoạn 2011-2013, khi EU là nhà đầu tư FDI lớn nhất với mức bình quân trên 70 triệu Euro mỗi năm. Năm 2013, EU

⁷ "Việt Nam, Hợp tác Chiến lược Quốc gia", *Ngân hàng Phát triển Châu Á*, 2012, trang 4. Tham khảo tại <<http://www.adb.org/sites/default/files/institutional-document/33620/files/cps-vie-2012-2015-r.pdf>> và "Chiến lược phát triển KT-XH Việt Nam giai đoạn 2011 -2020 – Chính phủ Việt Nam, *Economica*, 2011. Tham khảo tại <<http://www.economica.vn/Portals/0/MauBieu/1d3f7ee0400e42152bdcaa439bf62686.pdf>>

⁸ "Tổng quan (Việt Nam), *Ngân hàng Thế giới*, 05/10.2015. Tham khảo tại <<http://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>>

⁹ Walker, A, "WTO: Thương mại toàn cầu sẽ tăng tốc trong năm 2014 và 2015", *BBC News*, 17/04/14. Tham khảo tại <<http://www.bbc.com/news/business-27025011>>

¹⁰ Massmann, O, "Tin trấn động – Việt Nam- Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp hoàn toàn mới – những điều cần biết", *Duane Morris*, 27/11/14. Tham khảo tại <<http://blogs.duanemorris.com/vietnam/2014/11/27/breaking-news-vietnam-brand-new-investment-law-and-enterprise-law-what-you-must-know/>>

¹¹ "Một vài chỉ số ASEAN cơ bản", *ASEAN*, 2015. Tham khảo tại <http://www.asean.org/images/2015/september/selected-key-indicators/Summary%20table_as%20of%20Aug%202015.pdf>

¹² "Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á, ASEAN", *EEAS*, 2015. Tham khảo tại <http://eeas.europa.eu/asean/index_en.htm>

chiếm 22% FDI vào ASEAN, đưa EU lên vị trí nguồn cung cấp FDI lớn nhất cho khu vực.¹³

Theo đó, một số dự án có thể minh họa cho mối quan hệ thường xuyên giữa hai khối như:

- Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh thường niên EU-ASEAN (AEBS) thúc đẩy cơ hội kinh doanh được tổ chức trong tháng 8 năm 2015;
- Chương trình Hỗ trợ Hội nhập Khu vực ASEAN (ARISE), một chương trình do EU hỗ trợ nhằm giúp ASEAN hài hòa hóa và triển khai các chính sách về luật định, đặc biệt để hoàn tất tiến trình hoàn thiện AEC;
- Đối thoại Chính sách ASEAN-EU về Khả năng Kết nối, tổ chức trong các ngày 24-28 tháng 2 năm 2014 tại Brúc-xen và Lúc-xăm-bua. Đối thoại hoan nghênh việc thành lập một cơ chế của EU để thu hút sự tham gia của Ủy ban Điều phối Kết nối ASEAN (ACCC) trong việc hỗ trợ Quy hoạch Tổng thể Kết nối (MPAC) và tăng cường hợp tác kết nối giữa ASEAN-EU. Hội nghị khởi động ACCC-EU đã được tổ chức vào ngày 11 tháng 9 năm 2014 tại Nay Pyi Taw;
- Hội nghị Ủy ban Hợp tác chung ASEAN-EU (JCC) lần thứ 22 tổ chức vào tháng 2 năm 2015; Hội nghị Bộ trưởng ASEAN-EU tổ chức tại Brúc-xen ngày 23 tháng 7 năm 2014; và cuộc họp không chính thức các lãnh đạo ASEAN-EU tổ chức tại Mi-lan tháng 10 năm 2014;
- Tiếp theo JCC, EU và ASEAN đã thảo luận kế hoạch viện trợ phát triển của châu Âu cho ASEAN đến năm 2020, bản kế hoạch sẽ làm gia tăng đáng kể nguồn tài chính cho hợp tác từ 70 triệu Euro lên 170 triệu Euro trong giai đoạn 2014-2020. Với nguồn tài chính mới này, EU sẽ tiếp tục tài trợ cho Công cụ Đối thoại Tăng cường khối EU-ASEAN (E-READI) bao gồm nhiều loại hình hợp tác phát triển từ giáo dục đến công nghệ và an toàn thực phẩm;¹⁴ và
- EU đồng thời cung cấp hỗ trợ kinh phí cho sáng kiến Nâng cao Năng lực Thể chế để Giám sát và Thống kê ASEAN (2013-2017), Hỗ trợ của EU cho Giáo dục Bậc cao tại Khu vực ASEAN (2014-2019), và Dự án ASEAN về Bảo hộ Quyền Sở hữu Trí tuệ (SHTT) (2009-2018).

Cộng đồng Kinh tế ASEAN

Ở góc độ khu vực, thay đổi lớn đầu tiên đối với Việt Nam là việc AEC được ký kết thành lập vào cuối năm 2015 và bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2016, thể hiện một bước tiến quan trọng cho việc hội nhập khu vực ở tất cả các cấp độ. Theo một nghiên cứu do KPMG thực hiện trong năm nay, AEC được xác định bởi bốn trụ cột: kiến tạo một thị trường và nền sản xuất đơn nhất, tăng khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế bình đẳng, và hội nhập hơn nữa ASEAN với nền kinh tế toàn cầu.¹⁵ Với việc tích hợp các nền kinh tế trong khu vực, AEC sẽ kết nối 600 triệu người với GDP 2,4 nghìn tỷ Đô-la Mỹ.¹⁶ Theo một nghiên cứu của Viện Ngân hàng Phát triển châu Á, bằng việc cho tự do dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề, và vốn trong khu vực khi thành lập AEC, khu vực ASEAN có thể tăng thu nhập đầu người tới 3 lần vào năm 2030, từ đó đạt được những cải thiện mạnh mẽ về chất lượng sống, đạt ngang mức của các nước thành viên Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organisation for Economic Co-operation and Development – OECD).¹⁷

¹³ "Quan hệ EU – Việt Nam, dữ liệu và những con số, EEAS, 19/05/15. Tham khảo tại <http://eeas.europa.eu/factsheets/news/eu-asean-relationship_fact-sheet_en.htm>

¹⁴ "Thông cáo Báo chí Chung, Hội nghị 22 Ủy ban Hợp tác Chung ASEAN-EU (JCC) tại Jakarta (05/02/15)", EEAS, 2015. Tham khảo tại <http://eeas.europa.eu/delegations/indonesia/press_corner/all_news/news/2015/20150205_03_en.htm>

¹⁵ "Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015, lộ trình hướng tới tác động kinh doanh thực sự", KPMG, trang 4, 2015. Tham khảo tại <<https://www.kpmg.com/SG/en/IssuesAndInsights/ArticlesPublications/Documents/Tax-Itax-The-ASEAN-Economic-Community-2015.pdf>>

¹⁶ Palatino, M, "Ai sẽ Hưởng lợi từ Cộng đồng Kinh tế ASEAN", *The Diplomat*, 05/05/15. Tham khảo tại <<http://thediplomat.com/2015/05/who-will-benefit-from-the-asean-economic-community/>>

¹⁷ "Cộng đồng Kinh tế ASEAN: 12 điều cần biết", *Ngân hàng Phát triển Châu Á*, 18/08/14. Tham khảo tại <<http://www.adb.org/features/asean-economic-community-12-things-know>>

Biểu đồ 1: Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC 2015): những đặc điểm chính



Nguồn: "Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015" KPMG, 2015, trang 4.¹⁸

Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương

Ngày 5 tháng 10 năm 2015, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership - TPP) gồm 12 quốc gia (Úc, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-xi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Sing-ga-po, Việt Nam và Hoa Kỳ) đã được ký kết về nguyên tắc.

TPP sẽ tác động mạnh đến Việt Nam bởi theo ước tính thì trong vòng một thập kỷ, GDP của Việt Nam sẽ tăng 11% và do kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu và thương mại với Hoa Kỳ¹⁹ với hơn 18.000 loại thuế, ước tính kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng 28%, trong đó ngành may mặc và dệt sẽ tăng 50%.²⁰ Như vậy, Việt Nam sẽ có thể tranh thủ các thị trường mới hiện chưa tiếp cận được. Tuy nhiên, nhiều rào cản cũng sẽ nảy sinh vì Việt Nam sẽ phải tuân thủ những chuẩn mực mới phức tạp hơn về bao bì, điều kiện lao động, thiết kế, dư lượng kháng sinh, v.v.²¹ Hơn nữa, việc tham gia TPP còn buộc Việt Nam tuân thủ các chuẩn mực mới về nghiệp đoàn lao động và quyền SHTT, đồng thời không được ưu đãi DNNN. Những yếu tố này sẽ châm ngòi cho những thay đổi trong nền kinh tế tổng thể của Việt Nam.²²

¹⁸ KPMG, như trên

¹⁹ Panda, A, "Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương: Hãy tham gia vì lợi ích của Việt Nam", *The Diplomat*, 28/04/15. Tham khảo tại <<http://thediplomat.com/2015/04/trans-pacific-partnership-do-it-for-vietnam/>>

²⁰ Boudreau, J, "Kê thẳng đăm nhất từ thỏa thuận thương mại TPP có thể là Việt Nam", *Bloomberg*, 09/10/15. Tham khảo tại <<http://www.bloomberg.com/news/articles/2015-10-08/more-shoes-and-shrimp-less-china-reliance-for-vietnam-in-tpp>>

²¹ "Việt Nam gia nhập sân chơi mới sau khi kết thúc đàm phán TPP", *VietNamNet*, 07/10/15. Tham khảo tại <<http://english.vietnamnet.vn/fms/special-reports/143286/vietnam-enters-new-playground-after-tpp-negotiation-ends.html>>

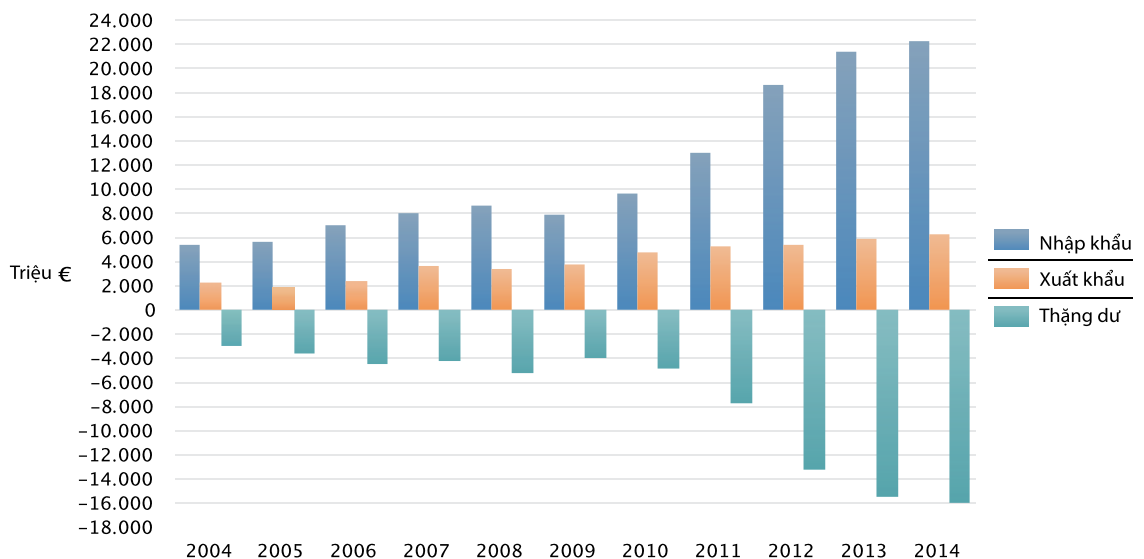
²² Lai, T, "Việt Nam cần làm gì", *New York Times*, 06/04/15. Tham khảo tại <http://www.nytimes.com/2015/04/07/opinion/what-vietnam-must-now-do.html?_r=1>

EU, VIỆT NAM VÀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

Vào ngày 2 tháng 12 năm 2015, Việt Nam và EU chính thức kết thúc đàm phán EVFTA tại Brúc-xen - Vương quốc Bỉ với sự hiện diện của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng và các đại diện cấp cao của EU gồm Chủ tịch Ủy ban châu Âu Jean-Claude Juncker, Chủ tịch Hội đồng châu Âu Donald Tusk và Chủ tịch Nghị viện châu Âu Martin Schulz. Nhân dịp này, Chủ tịch Ủy ban châu Âu Jean-Claude Juncker đã nhấn mạnh sự phát triển liên tục của mối quan hệ Việt Nam-EU: "Việc ký kết hôm nay không phải làm kết thúc một mối quan hệ mà là khởi đầu cho những gắn kết đầy tham vọng hơn nữa".²³ Trước đó, vào ngày 4 tháng 8 năm 2015, nhân dịp kỷ niệm 25 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam-EU và sau gần ba năm đàm phán, Cao ủy Thương mại EU Cecilia Malmström và Bộ trưởng Bộ Công thương Việt Nam Vũ Huy Hoàng đã đạt được thống nhất trên nguyên tắc cho một hiệp định thương mại và đầu tư toàn diện, đầy tham vọng.

Hiệp định thương mại tự do này là một dấu mốc lớn đối với Việt Nam và EU, bởi EU là một thị trường quan trọng của Việt Nam xét về mặt thương mại. Năm 2014, thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU mở rộng 8,8% khi EU là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam sau Trung Quốc, đạt thặng dư 2 tỷ Đô-la Mỹ trong năm 2014. Các mặt hàng xuất khẩu nổi trội của Việt Nam bao gồm: dệt, đồ điện tử, da giày, cà phê, hải sản và đồ nội thất. Hơn nữa, Việt Nam cũng được hưởng lợi từ Chương trình Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (Generalised Scheme of Preferences - GSP) của EU dành thuế suất ưu đãi cho hàng xuất khẩu của Việt Nam vào EU.²⁴

Biểu đồ 2: Tổng lượng hàng hóa: Dòng chảy và cán cân thương mại EU, số liệu hàng năm 2005-2014



Nguồn: "EU, Thương mại hàng hóa với Việt Nam", Tổng Vụ Thương mại của EU, trang 3.²⁵

Khi Hiệp định có hiệu lực, ước tính GDP của Việt Nam có thể tăng trên 15% và giá trị kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU có thể tăng gần 35%.²⁶ Việt Nam và EU đã đạt được thỏa thuận toàn diện về tất cả các khía cạnh thương mại và hợp tác, bao gồm cả phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, với cam kết mạnh mẽ về việc bảo hộ quyền SHTT ở mức cao và một sân chơi bình đẳng giữa DNNN và doanh nghiệp tư nhân khi DNNN tham gia các hoạt động thương mại. Hơn nữa, khi 99% các dòng thuế được gỡ bỏ, Việt Nam sẽ tự do hóa 65% thuế nhập

²³ "EU, Việt Nam ký hiệp định thương mại tự do", *Tuoi Tre News*, 03/12/15. Tham khảo tại <<http://tuoitrenews.vn/business/32000/eu-vietnam-sign-free-trade-deal>>

²⁴ "Quan hệ Kinh tế Thương mại EU-Việt Nam, Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, 2015. Tham khảo tại <http://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/eu_vietnam/trade_relation/index_en.htm>

²⁵ "Liên minh Châu Âu, Thương mại Hàng hóa với Việt Nam", *Tổng Vụ Thương mại Ủy ban châu Âu*, 25/10/15, trang 3. Tham khảo tại <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2006/september/tradoc_113463.pdf>

²⁶ "Phụ lục của Ban Dịch vụ Ủy ban Châu Âu về Việt Nam trong Tài liệu Nhận định về Đánh giá Tác động Thương mại Bền vững của Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và ASEAN", *Tổng Vụ Thương mại Ủy ban châu Âu*, 2013. Tham khảo tại <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2013/may/tradoc_151230.pdf>

khẩu đối với các mặt hàng có xuất xứ EU khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực và dần tự do hóa phần thuế còn lại trong 10 năm kế tiếp. Hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU sẽ được gỡ bỏ thuế dần trong 7 năm.²⁷ Người tiêu dùng Việt Nam sẽ được sử dụng các sản phẩm từ EU đa dạng hơn với mức giá phù hợp hơn rất nhiều, từ rượu vang, rượu mạnh đến ô tô và xe máy.

Một loạt thay đổi đi kèm EVFTA sẽ không chỉ có tác dụng đẩy mạnh thương mại mà còn tạo điều kiện cải thiện các chuẩn mực an toàn và chất lượng cho Việt Nam. FDI từ EU gia tăng sẽ đem lại những kỹ năng mới, chuyển giao kiến thức và công nghệ, giúp Việt Nam tránh được cái gọi là “bẫy thu nhập trung bình”. Hơn thế nữa, ngoài EVFTA, EU sẽ tiếp tục thúc đẩy phát triển và hợp tác với Việt Nam. Với chương trình định hướng cho giai đoạn 2014-2020, EU sẽ đầu tư 400 triệu Euro cho quy hoạch phát triển toàn diện kinh tế xã hội với trọng tâm năng lượng, quản trị và pháp quyền.²⁸ Ở các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, dược, an toàn thực phẩm và thiết bị y tế, EU có thể hỗ trợ đáng kể giúp Việt Nam tuân thủ các tiêu chuẩn theo yêu cầu của EU.

Việt Nam đã xây dựng được nền móng vững chắc để tiếp tục phát triển thành công. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh thực tế rằng việc triển khai các hiệp định thương mại tự do cũng sẽ đòi hỏi những nỗ lực rất lớn trong cải thiện khuôn khổ pháp lý, tính minh bạch và gỡ bỏ các biện pháp bảo hộ. Nhìn từ góc độ hậu cần kho vận, thương mại gia tăng sẽ đặt ra nhu cầu về các dự án hạ tầng mới theo cơ chế Hợp tác Công Tư và các trung tâm vận tải quốc tế và khu vực khi quan hệ hai bên được tăng cường.

KẾT LUẬN

Trong năm qua, Việt Nam đã đạt được những thay đổi then chốt, tác động đến tất cả các thành viên EuroCham. Với việc Việt Nam tiếp tục lộ trình hội nhập sâu hơn nữa với thế giới và quảng bá đất nước như một điểm đến FDI hấp dẫn, ấn phẩm Sách trắng năm nay không chỉ mô tả những tiến bộ đạt được ở từng ngành kinh tế kể từ thời điểm phát hành Sách trắng năm ngoái, mà còn nêu bật những vấn đề then chốt mà cộng đồng doanh nghiệp châu Âu đang đối mặt.

Trên thực tế, năm 2015 đã chứng kiến những thay đổi lớn về thương mại và năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Chính phủ Việt Nam vì những nỗ lực trong thời gian qua, và vì đã đạt được thỏa thuận thương mại thành công giữa Việt Nam và EU, tạo nên một bức tranh tích cực cho những năm tới đây. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn phải vượt qua một số thách thức để cải thiện năng lực cạnh tranh của mình, đặc biệt ở thời điểm các nước láng giềng đang thách thức lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực.

Do đó, chúng tôi kính mong Chính phủ Việt Nam sẽ giải quyết những vấn đề được đề cập trong ấn phẩm Sách trắng này và đáp ứng kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Xin lưu ý rằng, những đề xuất của chúng tôi là đại diện và vì quyền lợi của các thành viên EuroCham - cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam. Tuy nhiên, đại đa số những đề xuất này rõ ràng cũng đem lại lợi ích lâu dài cho Chính phủ và người dân Việt Nam.

Chúng tôi chân thành hi vọng những đề xuất của chúng tôi sẽ giúp Chính phủ Việt Nam đạt được các mục tiêu của mình, và EuroCham sẵn sàng tiếp tục đồng hành hỗ trợ bằng mọi phương tiện có thể. Do đó, chúng tôi mong muốn được hợp tác với Chính phủ Việt Nam cũng như tất cả các doanh nghiệp thành viên và đối tác Việt Nam và châu Âu để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Laura Chan-Aramendi, Biên tập viên Sách Trắng, EuroCham

²⁷ "Dữ liệu & những con số: Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Việt Nam", Ủy ban châu Âu, 04/08/15. Tham khảo tại <http://europa.eu/rapid/press-release_MEMO-15-5468_en.htm>

²⁸ "Hợp tác Phát triển", Phái đoàn Châu Âu tại Việt Nam 2015. Tham khảo tại <http://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/eu_vietnam/tech_financial_cooperation/index_en.htm>

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

TÓM TẮT TỔNG QUAN

Việt Nam đang trải qua những bước chuyển mình cơ bản để xây dựng nền tảng cho sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh trước thêm gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) cũng như trước việc triển khai các hiệp định thương mại bao gồm Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Kể từ tháng 7 năm 2015, một số luật và quy định điều chỉnh các vấn đề về đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp, bất động sản và giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đã có hiệu lực thi hành. Chẳng hạn như, Luật Đầu tư mới và Luật Doanh nghiệp mới đã:

- (i) làm rõ các khái niệm về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- (ii) tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp;
- (iii) giảm số lượng các lĩnh vực ngành nghề cấm kinh doanh và ngành nghề kinh doanh có điều kiện;
- (iv) rút ngắn thời gian cấp phép theo luật định;
- (v) tăng tính linh hoạt trong quản trị doanh nghiệp (chẳng hạn cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật và giảm tỷ lệ biểu quyết thông qua); và
- (vi) tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tiến hành tố tụng của cổ đông.

Ngoài ra, các luật và quy định mới liên quan đến quyền sở hữu bất động sản của người nước ngoài đã có hiệu lực thi hành. Hiện tại, người nước ngoài có thể sở hữu căn hộ chung cư, lần đầu tiên được phép mua nhà, có thể cho thuê lại nhà và được quyền thừa kế bất động sản.

Với nhiều hiệp định thương mại quốc tế sắp được triển khai, đặc biệt hơn cả là EVFTA, các thành viên EuroCham mong chờ những thay đổi tích cực sẽ được thực hiện và tạo thêm các ưu đãi trong kinh doanh cũng như đóng góp vào tăng trưởng của Việt Nam.

VIỆT NAM, ĐIỂM ĐẾN HẤP DẪN CHO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

Bên cạnh hàng loạt thay đổi về pháp lý, các yếu tố cơ bản khác cũng đóng góp vào sự tăng trưởng liên tục của Việt Nam. Chẳng hạn như, xét về nhân khẩu học, Việt Nam đang trong thời kỳ độ tuổi vàng với 25% trong tổng số 90 triệu dân ở độ tuổi từ 10 đến 24 tuổi. GDP bình quân đầu người đang tăng nhanh do Việt Nam có tầng lớp trung lưu phát triển nhanh nhất khu vực Đông Nam Á (12,9% mỗi năm trong giai đoạn 2012-2020).¹ Với tỷ lệ biết chữ và trình độ học vấn cao, mức lương tương đối thấp, ở vị trí cầu nối và trung tâm trong khu vực ASEAN, Việt Nam ngày càng được nhiều nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn làm trung tâm hoạt động để cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho khu vực Mê Kông và các khu vực xa hơn.

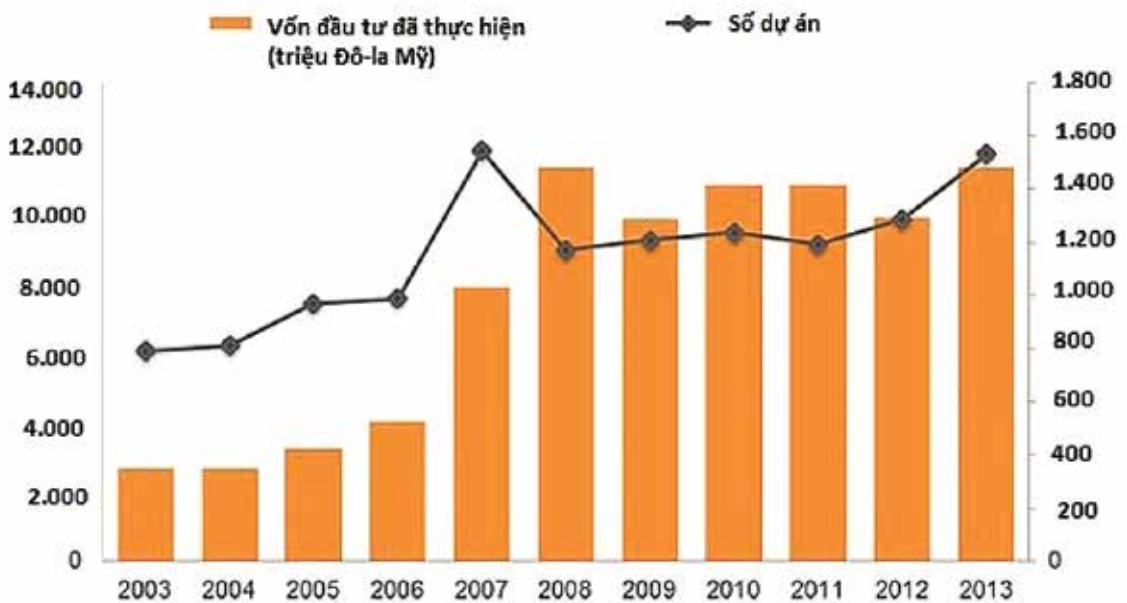
Nét đặc trưng hấp dẫn của Việt Nam được thể hiện qua sự chào đón một cách rộng rãi FDI vào các hoạt động sản xuất. Việc mở cửa dẫn hầu hết các ngành dịch vụ theo lộ trình cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organisation – WTO) của Việt Nam bắt đầu từ năm 2007 đã được hoàn thành vào năm 2015. Trong

¹ Việt Nam; từ độ tuổi vàng sang độ tuổi già, UK FOC, 07/01/15. Tham khảo tại <<https://www.gov.uk/government/publications/vietnam-from-golden-age-to-golden-oldies/vietnam-from-golden-age-to-golden-oldies>>

một số lĩnh vực, pháp luật trong nước đã nới rộng khả năng tiếp cận thị trường còn vượt ra ngoài các cam kết WTO. Ví dụ, cổ phần nắm giữ tối đa của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty đại chúng, trước đó ở mức 49%, hiện nay đã có thể lên tới 100%. Việt Nam cũng áp dụng các ưu đãi đầu tư bao gồm cắt giảm thuế trong một số lĩnh vực như công nghệ cao, công nghệ môi trường, nông nghiệp. Đây là những lĩnh vực mà các doanh nghiệp châu Âu luôn dẫn đầu trên toàn cầu.

Hơn thế nữa, trong năm 2014, Việt Nam thống kê được 21,92 tỷ Đô-la Mỹ vốn FDI với tổng số 1.843 giấy phép đầu tư được cấp cho các dự án có vốn đầu tư nước ngoài và số vốn đăng ký đạt 16,5 tỷ Đô-la Mỹ, tăng 14% so với năm trước.² Trong số các nhà đầu tư nước ngoài, EU không ngừng đóng vai trò là nguồn FDI quan trọng đối với Việt Nam bởi lẽ “theo Cục Đầu tư Nước ngoài thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, các nhà đầu tư đến từ 23 trong số 28 quốc gia thành viên EU đã góp tổng số vốn FDI cam kết lên tới 19,1 tỷ Đô-la Mỹ vào 1.566 dự án trong suốt 25 năm qua (tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2014)”. Với hoạt động đầu tư mạnh mẽ này, vào năm 2014, EU đứng thứ năm trong số các đối tác FDI hàng đầu của Việt Nam với tổng số vốn FDI cam kết đạt 587,1 triệu Đô-la Mỹ.³

Biểu đồ 3: Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam



Nguồn: "Thị trường ngành Hậu cần Việt Nam: Khám phá các cơ hội", Hội đồng Phát triển Thương mại Hồng Kông (HKTDC)⁴

Bên cạnh FDI, mối quan hệ thương mại bền vững giữa Việt Nam và EU còn được nhận thấy thông qua các chương trình như Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại Đa biên (MUTRAP) trị giá hơn 35,12 tỷ Euro. MUTRAP đã đóng góp vào việc hỗ trợ những nỗ lực đàm phán của Việt Nam trong quá trình gia nhập WTO và hiện tại đang tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong việc thực thi các cam kết thương mại.⁵ Về thương mại, cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp châu Âu đều mong muốn được hưởng lợi từ EVFTA. Hiệp định này sẽ dẫn xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với 99% hàng hóa và dịch vụ bên cạnh các cơ chế hỗ trợ thương mại song phương khác. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2015, Việt Nam và EU chính thức kết thúc đàm phán EVFTA tại Brúc-xen - Vương quốc Bỉ với sự hiện diện của

² "Báo cáo rà soát số liệu FDI 2014", Viet Nam News, 18/03/15. Tham khảo tại <<http://vietnamnews.vn/economy/267704/report-revises-2014-fdi-figures.html>>

³ "Đầu tư-Quan hệ kinh tế và thương mại Việt Nam-EU", Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, 2015. Tham khảo tại http://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/eu_vietnam/trade_relation/index_en.htm

⁴ "Thị trường ngành Hậu cần Việt Nam: Khám phá các cơ hội", Hội đồng Phát triển Thương mại Hồng Kông (HKTDC), 20/01/15. Tham khảo tại <<http://economists-pick-research.hktcdc.com/business-news/article/Research-Articles/Vietnam-s-Logistics-Market-Exploring-the-Opportunities/rp/en/1/1X-000000/1X0A0XQJ.htm>>

⁵ "Thương mại – Quan hệ kinh tế và thương mại Việt Nam-EU", Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, 2015. Tham khảo tại <http://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/eu_vietnam/trade_relation/index_en.htm>

Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng và các đại diện cấp cao của EU gồm Chủ tịch Ủy ban châu Âu Jean-Claude Juncker, Chủ tịch Hội đồng châu Âu Donald Tusk và Chủ tịch Nghị viện châu Âu Martin Schulz. Rõ ràng hiệp định này sẽ khuyến khích hơn nữa FDI vào Việt Nam.

Bảng 1: Các đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam năm 2014

Nhập khẩu			Xuất khẩu			Tổng giá trị thương mại		
Đối tác	Giá trị (triệu Euro)	Tỷ lệ với thế giới (%)	Đối tác	Giá trị (triệu Euro)	Tỷ lệ với thế giới (%)	Đối tác	Giá trị (triệu Euro)	Tỷ lệ với thế giới (%)
Thế giới	105.486	100,0	Thế giới	104.378	100,0	Thế giới	209.864	100,0
1 Trung Quốc	32.011	30,3	1 Hoa Kỳ	20.910	20,0	1 Trung Quốc	42.888	20,4
2 Hàn Quốc	15.861	15,0	2 28 nước EU	20.364	19,5	2 28 nước EU	26.854	12,8
3 Nhật Bản	9.420	8,9	3 Trung Quốc	10.877	10,4	3 Hoa Kỳ	25.496	12,1
4 Đài Loan	8.089	7,7	4 Nhật Bản	10.730	10,3	4 Hàn Quốc	21.074	10,0
5 28 nước EU	6.489	6,2	5 Hàn Quốc	5.213	5,0	5 Nhật Bản	20.150	9,6
6 Thái Lan	5.195	4,9	6 Hồng Kông	3.797	3,6	6 Đài Loan	9.771	4,7
7 Sing-ga-po	4.982	4,7	7 Các Tiểu VQ Á-Rập Thống nhất	3.377	3,2	7 Thái Lan	7.731	3,7
8 Hoa Kỳ	4.586	4,3	8 Úc	2.912	2,8	8 Singapore	7.122	3,4
9 Ma-lai-xi-a	3.060	2,9	9 Ma-lai-xi-a	2.868	2,7	9 Ma-lai-xi-a	5.928	2,8
10 Ấn Độ	2.286	2,2	10 Thái Lan	2.536	2,4	10 Hồng Kông	4.554	2,2
5 28 nước EU	6.489	6,2	2 28 nước EU	20.364	19,5	2 28 nước EU	26.854	12,8

Thương mại thế giới: không bao gồm thương mại nội vùng
 Các đối tác chính: không bao gồm các thành viên là vùng
 Tăng trưởng: quan hệ tương đối giữa kỳ hiện tại và kỳ trước

Nguồn: "Liên minh châu Âu, Mua bán hàng hóa với Việt Nam", Tổng vụ Thương mại tại Ủy ban châu Âu.⁶

Cuối cùng, cam kết vững chắc của EU trong việc hỗ trợ quá trình hiện đại hóa và hội nhập nền kinh tế thế giới của Việt Nam được thể hiện thông qua các chương trình viện trợ. Song song với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam năm 2020, EU đã tăng mức viện trợ lên tới 30%, đạt 400 triệu Euro thông qua chương trình định hướng hỗ trợ đa niên cho Việt Nam giai đoạn 2014-2020 tập trung phát triển năng lượng sạch tại Việt Nam.⁷

NHỮNG CẢI TIẾN CẦN THIẾT TIẾP THEO

Rõ ràng, sự phát triển và sức hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài là không thể phủ nhận bởi lẽ Việt Nam đang không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh trong nước.

Tuy nhiên, vào thời điểm của bài viết này, các quy định hướng dẫn cho nhiều văn bản luật mới vẫn chưa được ban hành, và quá trình xử lý hồ sơ cho các nhà đầu tư đang còn bị trì hoãn. Chúng tôi mong đợi sự cải thiện trong thời gian xử lý hồ sơ một khi các quy định hướng dẫn thi hành mới có hiệu lực và các cán bộ xử lý hồ sơ sẽ nhanh chóng làm quen với những thay đổi này.

Một vấn đề khác mà các thành viên của chúng tôi muốn nhấn mạnh là việc nhiều nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn gặp khó khăn đáng kể khi làm việc với hệ thống hành chính của Việt Nam. Việc khai báo thuế, thủ tục thông quan, thủ tục đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép, và các thủ tục hành chính khác thường bị trì hoãn, kết quả xử lý hồ sơ không thể lường trước được. Các doanh nghiệp thường phải tiêu tốn nguồn lực cho các thủ tục hành chính mà lẽ ra có thể được dùng để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp.

Bất chấp các trở ngại đang còn tồn tại, Chính phủ Việt Nam đã thể hiện sự nắm bắt sát sao các vấn đề liên quan đến đầu tư nước ngoài. Với việc nới rộng khả năng tiếp cận thị trường cho các nhà đầu tư nước ngoài, dòng vốn FDI được mong đợi sẽ tiếp tục tăng. Đối với nhiều nhà đầu tư nước ngoài, sự phát triển tích cực của nền kinh tế Việt Nam và các đặc điểm cơ bản của Việt Nam vẫn hấp dẫn bất chấp những rủi ro hiện có.

⁶ "Liên minh châu Âu, Mua bán hàng hóa với Việt Nam", Tổng vụ Thương mại tại Ủy ban châu Âu, 10/04/15, trang 9. Tham khảo tại <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2006/september/tradoc_113463.pdf>

⁷ "Hợp tác phát triển", Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, 2015. Tham khảo tại <http://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/eu_vietnam/tech_financial_cooperation/index_en.htm>

Qua những trình bày ở trên, EuroCham mong muốn nêu lên những vấn đề cốt yếu mà các thành viên của chúng tôi đang phải đối mặt trong quá trình hoạt động tại Việt Nam cùng với một số kiến nghị quan trọng. EuroCham hy vọng sẽ được tham gia vào một cuộc đối thoại mang tính xây dựng và tăng cường hợp tác với các cơ quan nhà nước có liên quan về các vấn đề được trình bày trong ấn phẩm này nhằm góp phần vào việc cải thiện môi trường kinh doanh cho tất cả doanh nghiệp tại Việt Nam cũng như quá trình hiện đại hóa nhanh chóng của đất nước.

LỜI CẢM ƠN

Oliver Massmann, Luật sư Điều hành, Tổng Giám đốc, Công ty Luật TNHH Duane Morris Việt Nam

Manfred Otto, Luật sư, Công ty Luật TNHH Duane Morris Việt Nam

TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH

TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM

Các thành viên EuroCham rất phấn khởi với những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc giải quyết một số vấn đề đã được nêu trong ấn phẩm Sách Trắng năm vừa qua. Trong số các tiến triển tích cực, chúng tôi đặc biệt trân trọng việc ban hành những văn bản luật mới bao gồm Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp cũng như Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Nhà ở.

Tuy nhiên, một số trở ngại đối với các doanh nghiệp châu Âu vẫn chưa được giải quyết và các thành viên EuroCham mong muốn được phối hợp với Chính phủ trong việc xây dựng một khung pháp lý hiệu quả và môi trường kinh doanh tích cực, vì lợi ích của Việt Nam, người dân Việt Nam và các doanh nghiệp châu Âu.

Liên quan đến vấn đề năng lực cạnh tranh trên toàn cầu, theo Báo cáo 2015-2016 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum - WEF), Việt Nam xếp hạng 56 trong 144 nền kinh tế, tăng 12 bậc so với vị trí thứ 68 của năm trước.¹ Tuy nhiên, các chỉ số trong nghiên cứu này cũng cho thấy một số vấn đề quan trọng liên quan đến môi trường kinh doanh của Việt Nam vẫn cần được tiếp tục cải thiện. Ví dụ, các chuẩn mực kiểm toán và báo cáo còn nhiều điểm chưa hoàn thiện (xếp hạng 130) và thủ tục thành lập doanh nghiệp còn rườm rà (xếp thứ 116) vẫn là những rào cản đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Bảng 2: Xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam trong một số lĩnh vực nhất định

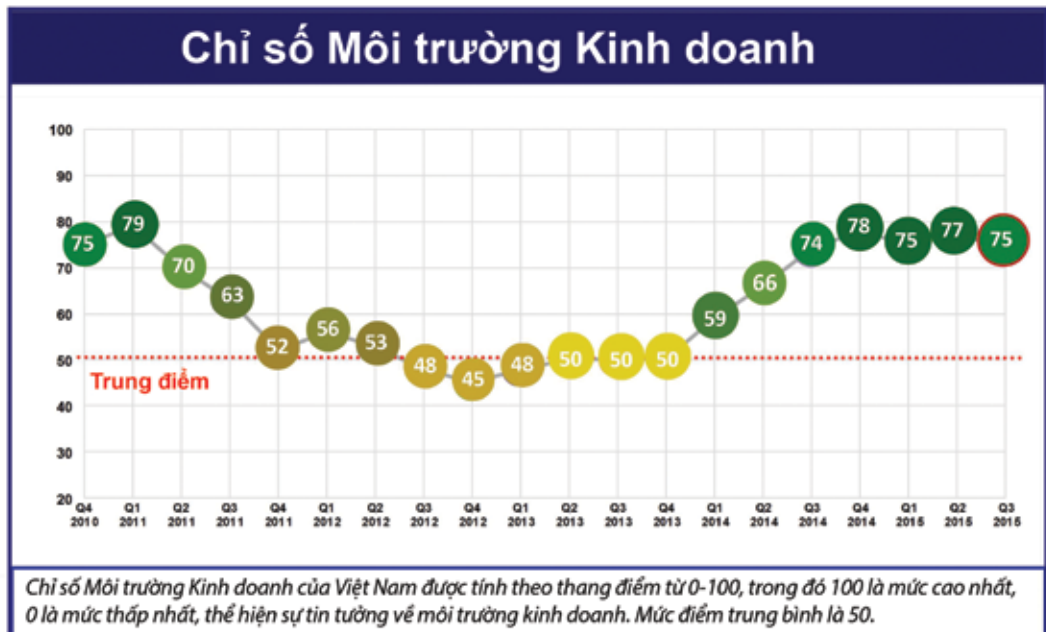
Chỉ số	Xếp hạng 2014-2015	Xếp hạng 2015-2016	Thay đổi hạng 2015-2016
Gánh nặng của các quy định pháp luật	101	90	+11
Hiệu quả giải quyết tranh chấp của khung pháp lý	89	69	+20
Sự chặt chẽ trong các chuẩn mực kiểm toán và báo cáo	132	130	+2
Chất lượng hệ thống giáo dục	94	78	+16
Số lượng thủ tục cần thiết khi thành lập doanh nghiệp	118	116	+2
Bảo hộ sở hữu trí tuệ	105	88	+17
Nguồn cung dịch vụ tài chính	104	103	+1
Nguồn cung công nghệ mới nhất	123	112	+11
Chất lượng của các cơ sở nghiên cứu khoa học	96	95	+1
Chất lượng tổng thể của cơ sở hạ tầng	112	99	+13
Vị trí xếp hạng tổng thể	68	56	+12

Nguồn: Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2015-2016 của WEF, thứ hạng trong 140 nền kinh tế giai đoạn 2015-2016 và 144 nền kinh tế giai đoạn 2014-2015.²

¹ "Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2015-2016", *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, 2015, tr.366. Tại địa chỉ <http://www3.weforum.org/docs/gcr/2015-2016/Global_Competitiveness_Report_2015-2016.pdf>

² "Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2015-2016", *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, 2015, tr.367. Tại địa chỉ http://www3.weforum.org/docs/gcr/2015-2016/Global_Competitiveness_Report_2015-2016.pdf và "Báo cáo Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2014-2015", *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, 2014, tr.385. Tại địa chỉ <http://www3.weforum.org/docs/WEF_GlobalCompetitivenessReport_2014-15.pdf>

Biểu đồ 4: Chỉ số Môi trường Kinh doanh



Nguồn: Chỉ số Môi trường Kinh doanh (Business Climate Index – BCI), EuroCham, Q3 2015

EuroCham rất phấn khởi với kết quả tích cực của Chỉ số Môi trường Kinh doanh gần đây. Tuy nhiên, như đã trình bày trong Sách Trắng, các doanh nghiệp châu Âu vẫn gặp phải một số thách thức trong quá trình hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Những quan ngại và kiến nghị chính của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu được tổng hợp trong những nội dung dưới đây.

TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH

1. Nâng cao đời sống người dân

a. Tiếp cận dịch vụ y tế và dược phẩm an toàn: một trong những vấn đề trọng tâm đối với Chính phủ Việt Nam trong những năm tới là tìm ra điểm cân bằng giữa việc đảm bảo chất lượng và giá cả phải chăng. Bộ Y tế hiện đang trong quá trình rà soát lại quy trình mua sắm của Chính phủ (qua việc ban hành Thông tư liên tịch quy định việc lựa chọn nhà thầu trong các cơ sở y tế và các Thông tư ban hành danh mục thuốc thuộc diện đấu thầu) phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Trong quá trình này, một số vấn đề cần phải được giải quyết một cách hiệu quả. Do các doanh nghiệp nước ngoài hiện nay không được phép tham gia trực tiếp vào hoạt động đấu thầu thuốc tại Việt Nam, nên một số phát kiến mới được đề xuất như đàm phán giá sẽ khó có thể triển khai trên thực tế.

Trong năm 2015, có đến 40.000 người Việt Nam ra nước ngoài để điều trị, tương đương với 1 tỷ Đô-la Mỹ mỗi năm. Xu hướng này cho thấy rõ sự cần thiết của việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu y tế của người dân tại Việt Nam, thông qua việc nâng cao chất lượng bệnh viện, tuyển dụng đội ngũ cán bộ y tế có trình độ và thay thế các thiết bị y tế đã lạc hậu. Theo dự báo, thị trường trang thiết bị y tế sẽ tiếp tục tăng trưởng và đạt mức 1,4 tỷ Đô-la Mỹ vào năm 2018.³ Đây là thị trường quan trọng đối với các doanh nghiệp châu Âu vì Việt Nam hiện nay nhập khẩu trên 90% thiết bị y tế do ngành công nghiệp trong nước, với hiện trạng như hiện nay, không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu nội địa.

³ “Thị trường Thiết bị Y tế của Việt Nam”, Tạp chí *Epicom Business Intelligence*, 11/06/14. Tại địa chỉ <<http://www.epicom.com/vietnam-medical-device-market.html>>

b. An toàn thực phẩm và dinh dưỡng dành cho trẻ nhỏ: với những thay đổi lớn liên quan đến các hiệp định thương mại tự do (free trade agreements - FTAs) và sự kiện Cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community - AEC) chính thức đi vào hoạt động, Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội xuất khẩu nông sản. Liên quan đến dinh dưỡng của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, việc áp dụng biện pháp giá bán tối đa trong thời gian gần đây đã ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của người tiêu dùng. Thực trạng này cùng với xu hướng tăng giá nhẹ của các sản phẩm sữa thuộc phân khúc bình dân kể từ khi biện pháp bình ổn giá được áp dụng cho thấy chính sách này đã không mang lại tác động nhân đạo dự kiến là giảm giá sản phẩm sữa để hỗ trợ người tiêu dùng có thu nhập thấp.

c. Năng lượng và điện lực: trong một vài năm qua, nhu cầu năng lượng đã và đang tăng trưởng ở mức 15% mỗi năm.⁴ Để đáp ứng tốc độ gia tăng nhu cầu sử dụng, Việt Nam vẫn ưu tiên phát điện từ những nguồn lực chi phí thấp như nhà máy nhiệt điện chạy than và thủy điện, những nguồn phát điện này đòi hỏi phải mất khoảng một thập kỷ mới có thể hoàn thành công tác quy hoạch, xây dựng và đưa vào hoạt động. Thực tế này đang diễn ra trong bối cảnh Việt Nam có tiềm năng rất lớn trong việc phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo vào mục đích phát điện.

Tiếp theo ý kiến liên quan đến chủ đề năng lượng, ở thời điểm hiện tại có một số quyết định mang tính then chốt mà Việt Nam cần phải đưa ra liên quan đến vấn đề môi trường và bảo vệ hành tinh của chúng ta nói chung. Trong bối cảnh Việt Nam chuyển trọng tâm sang những ngành thâm dụng vốn để tăng hàm lượng nội địa, Chính phủ có thể tập trung chính sách công nghiệp giúp hoàn thiện chuỗi cung ứng và tăng cường hàm lượng nội địa cùng với các quy trình thân thiện với môi trường hoặc có những cơ sở tái chế phù hợp, vì Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, và trong bối cảnh tình trạng ô nhiễm trực tiếp tỷ lệ thuận với tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, việc nhập khẩu nhiên liệu từ nước ngoài sẽ tạo áp lực lớn lên hoạt động logistics và cân cân thanh toán của đất nước.

Vì những lý do này, EuroCham xin được gửi tới Chính phủ Việt Nam những ví dụ điển hình và hỗ trợ từ kinh nghiệm và công nghệ của châu Âu trong hoạt động bảo tồn và sử dụng hiệu quả năng lượng, trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và sản xuất sạch. Các chính phủ và người tiêu dùng ở phương tây hiện nay đang ngày càng kỹ tính hơn và chỉ chọn mua những sản phẩm được sản xuất bằng quy trình thân thiện với môi trường và lao động làm ra sản phẩm có mức độ tương đương cao nhất với tiêu chuẩn trong nước. Quy mô của các nguồn năng lượng tái tạo có thể nhỏ hơn các nguồn năng lượng khác nhưng thời gian thì công lại ngắn hơn rất nhiều, và không đặt các quốc gia vào vị thế phải đưa ra cam kết dài hạn đối với việc sử dụng cùng một nguồn năng lượng trong thời gian dài như đối với trường hợp các nhà máy nhiệt điện chạy than được xây dựng bằng hình thức BOT.

Kiến nghị

- Chúng tôi cho rằng nhu cầu cố hữu hiện nay là đảm bảo việc tạo dựng sân chơi bình đẳng trong hoạt động đấu thầu công thông qua sự tham gia trực tiếp của các doanh nghiệp nước ngoài, thay vì chỉ dựa vào các đối tác trong nước – tương tự như sân chơi bình đẳng mà các quốc gia ASEAN khác đã tạo ra. Ngoài ra, sân chơi bình đẳng sẽ giúp cơ quan mua sắm có thêm nhiều lựa chọn về giá cả và chất lượng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác mua sắm sử dụng ngân sách Nhà nước và các quỹ bảo hiểm y tế.
- Chúng tôi kiến nghị cần có sự tham gia mạnh mẽ vào hoạt động nâng cấp thiết bị y tế dưới hình thức đào tạo cán bộ y tế và xây dựng một văn bản chính thức, tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý sản xuất và lưu thông thiết bị y tế.
- Thêm vào đó, việc giải quyết thành công những vấn đề sau đây cũng đóng vai trò quan trọng không kém: an toàn thực phẩm⁵, xuất khẩu sản phẩm gia công cao cấp (không chỉ đơn thuần là hàng hóa), đa dạng hóa sản phẩm, thương mại hóa phụ phẩm và sử dụng đúng đắn thuốc trừ sâu, kháng sinh và phân bón.⁶ Bên cạnh đó,

⁴“Dự án thủy điện sẽ giúp đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày một gia tăng và tránh phát thải 1 triệu tấn CO₂”, *Ngân hàng Thế giới*, 26/04/11. Tại địa chỉ <<http://www.worldbank.org/en/news/press-release/2011/04/26/vietnam-hydro-project-help-meet-growing-energy-demand-avoiding-1-million-tonnes-co2-emissions>>

⁵“An toàn thực phẩm là yếu tố sống còn để chinh phục thị trường châu Âu”, *Vietnam Plus*, 10/06/2015. Tại địa chỉ <<http://en.vietnamplus.vn/food-safety-vital-to-win-eu-market/78465.vnp>> và “Người sản xuất và thương gia phải chịu trách nhiệm về tình trạng an toàn thực phẩm xuống cấp”, *Viet Nam News*, 25/11/2014. Available at <<http://vietnamnews.vn/society/263169/producers-traders-blamed-for-substandard-food-safety.html>> và “Các nhà nhập khẩu châu Á áp dụng tiêu chuẩn châu Âu vào sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam”, *The Saigon Times*, 08/07/2015. Tại địa chỉ <english.theesaigontimes.vn/41839/Asian-importers-apply-EU-standards-to-seafood-imports-from-Vietnam.html>

⁶ Xem chương 1.3 Kinh doanh Nông nghiệp và An toàn Thực phẩm trong *Sách Trắng 2015 của EuroCham*. Available at <<http://www.eurochamvn.org/Whitebook>> và “Vai trò của doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp là trọng điểm của báo cáo thường niên”, *Vietnam Plus*, 15/04/2015. Tại địa chỉ <<http://en.vietnamplus.vn/Home/Annual-report-spotlights-enterprise-role-in-agriculture/20154/64259.vnp>>

cần quan tâm hơn nữa đến các quy định về nhãn mác⁷ và vấn đề thương mại hóa, hiện đại hóa và tái cơ cấu ngành nông nghiệp.⁸

- Liên quan đến dinh dưỡng của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, chúng tôi quan ngại rằng những vấn đề liên quan đến việc áp dụng biện pháp giá bán tối đa trong tương lai sẽ có tác động tiêu cực trực tiếp tới các mục tiêu mà Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia đã đề ra về việc nâng cao trạng thái sức khỏe của trẻ em Việt Nam.
- Khi có được khung chính sách rõ ràng, lĩnh vực điện gió tại Việt Nam sẽ có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư lớn từ khối tư nhân bao gồm nguồn vốn của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài thay vì phải sử dụng nguồn vốn công để đầu tư.

2. Gia tăng lựa chọn cho người tiêu dùng

- a. Rượu vang và rượu mạnh:** Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham quan ngại về những điều chỉnh bổ sung đối với Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (thuế TTĐB) áp dụng đối với rượu vang và rượu mạnh theo nội dung thảo luận tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa 13 của Việt Nam. Trong dự thảo hiện nay, dự thảo sửa đổi lần hai Luật Thuế TTĐB trong một thời gian rất ngắn, giá trị tính thuế sẽ thay đổi từ giá nhập khẩu sang giá nhập khẩu và giá bán lại. Do đó, thuế TTĐB sẽ tăng lên và làm mất giá trị và ảnh hưởng đến lợi ích mà khoản cắt giảm thuế quan theo khuôn khổ EVFTA đối với rượu mạnh nhập khẩu mang lại. Sự điều chỉnh tăng bất ngờ và mạnh mẽ thuế TTĐB đối với rượu mạnh nhập khẩu sẽ tất yếu làm giá bán lại tăng mạnh và giảm nhu cầu sử dụng và gây tác động tiêu cực lên nguồn thu của Chính phủ.
- b. Ô tô - xe máy:** đối với ngành xe gắn máy và ô tô, những rào cản thuế vẫn là vấn đề đáng quan ngại. Đối với xe gắn máy, theo Luật mới số 70/2014/QH13⁹, mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe mô tô có dung tích xi lanh trên 125cc vẫn ở mức 20%.¹⁰ Đối với lĩnh vực ô tô, những lo ngại về tình trạng kẹt xe đã dẫn đến việc đánh thuế và phí cao đối với ô tô như thuế trước bạ.

Kiến nghị

- Ngành rượu vang và rượu mạnh tin tưởng rằng việc duy trì hệ thống hiện tại theo tất cả các thông lệ quốc tế sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các bên; và
- Chúng tôi đề xuất các cơ quan hữu quan xem xét vấn đề này trong quá trình sửa đổi/ban hành Luật sửa đổi hoặc Luật mới về thuế TTĐB.
- Đối với ngành ô tô, chúng tôi kiến nghị phải đưa ra cam kết với mục tiêu loại bỏ tất cả các loại thuế quan đối với ô tô (xe sản xuất hoàn toàn ở nước ngoài và xe lắp ráp trong nước bằng linh kiện nhập khẩu). Nếu điều này không khả thi, chúng tôi kiến nghị giảm dần ngay lập tức và theo hình thức tương hỗ tất cả các loại thuế quan theo lộ trình rõ ràng.

3. Khung pháp lý

Năm 2015 là năm quyết định của hoạt động lập pháp. Một số luật và quy định mới điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp, bất động sản, giới hạn sở hữu nước ngoài đã bắt đầu có hiệu lực như Luật Đầu tư mới và Luật Doanh nghiệp mới. Đây là những văn bản luật được kỳ vọng sẽ là đầu mối tích cực mới trong khung pháp lý về hoạt động Mua bán và Sáp nhập (M&A) tại Việt Nam. Bên cạnh đó, các luật và quy định mới về người nước ngoài được sở hữu bất động sản cũng đã có hiệu lực. Tùy thuộc vào một số điều kiện nhất định, hiện nay người nước ngoài có thể sở hữu căn hộ, mua nhà và được phép cho thuê lại và thừa kế bất động sản. Mặc dù cả hai luật này đều có những tiến bộ so với luật cũ nhưng vẫn còn những điểm chưa hoàn thiện liên quan đến bảo lãnh ngân hàng cho bất động sản ngoài quy hoạch, quyền sở hữu nhà của các cá nhân là người nước ngoài cũng như điều kiện chuyển nhượng các dự án bất động sản của nhà đầu tư.

Bên cạnh nhiều vấn đề cần quan tâm khác, Việt Nam cần ưu tiên hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (quyền SHTT) nhằm khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Mặc dù khung pháp lý và công tác thực thi pháp luật về quyền SHTT của Việt Nam trong những năm gần đây đã được cải thiện, tình trạng vi phạm và khả năng thực

⁷ Xem chương 3.4 Nhóm hàng Tiêu dùng Nhanh trong *Sách Trắng 2015 của EuroCham*. Tại địa chỉ <<http://www.eurochamvn.org/Whitebook>>

⁸ "Công nghiệp hóa nông nghiệp: Giải pháp duy nhất dành cho Việt Nam", *VietnamNet*, 05/05/2015. Tại địa chỉ <english.vietnamnet.vn/fms/special-reports/129352/industrializing-agriculture--the-only-solution-for-vietnam.html>

⁹ Luật mới số 70/2014/QH13 sửa đổi một số điều của Luật số 27 (Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ("TTĐB") số 27/2008/QH12) và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016

¹⁰ Xăng-ti-mét khối là đơn vị công suất máy

thi pháp luật về quyền SHTT vẫn là vấn đề đáng quan ngại đối với các doanh nghiệp châu Âu và doanh nghiệp Việt Nam.

Đối với hợp đồng có giá trị lớn, các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường lựa chọn quy định giải quyết tranh chấp bằng trọng tài quốc tế. Mặc dù phương án lựa chọn trọng tài quốc tế có thể gây tốn kém chi phí và thời gian nhưng phán quyết của trọng tài quốc tế nhìn chung đều có thể được thực thi ở hầu hết các khu vực tài phán trên thế giới theo Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài trong đó Việt Nam là thành viên. Đa đa số các quốc gia thành viên đều áp dụng một cách đúng đắn các quy định của Công ước New York năm 1958 trên thực tiễn và thừa nhận cũng như thực thi một cách phù hợp các phán quyết của trọng tài quốc tế trong khu vực tài phán của quốc gia mình.

Kiến nghị

- Do đó, EuroCham kiến nghị Chính phủ Việt Nam đẩy mạnh nỗ lực bảo đảm bảo vệ có hiệu quả quyền SHTT để có thể phát triển các ngành công nghệ cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, gia tăng thu hút đầu tư nước ngoài, chấm dứt tình trạng hàng giả nguy hiểm trong các lĩnh vực như nông nghiệp và dược phẩm.
- Các thành viên của chúng tôi nhận thấy rằng trên thực tế, việc công nhận và thực hiện các phán quyết của trọng tài quốc tế thông qua tòa án Việt Nam là hết sức khó khăn. Những khó khăn chính bao gồm việc đảo ngược trách nhiệm chứng minh trong trường hợp có đơn kháng án đối với hợp hồ sơ xin công nhận và thực hiện phán quyết, và việc tòa án Việt Nam từ chối hồ sơ trên cơ sở những lý do không phù hợp với Công ước New York năm 1958.
- Bên cạnh đó, việc áp dụng khung quản trị doanh nghiệp chi tiết và chặt chẽ hơn sẽ tạo điều kiện cho sự chuyển đổi sang văn hóa quản trị doanh nghiệp mang tính tuân thủ cao hơn theo chuẩn mực của thông lệ kinh doanh.

4. Tăng cường sức cạnh tranh của Việt Nam

Những nỗ lực không ngừng nhằm hội nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế trong năm 2015 đã giúp Việt Nam hoàn thành việc đàm phán một số hiệp định thương mại quan trọng. Qua việc ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Thương mại tự do với Hàn Quốc, hoàn tất lộ trình thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), Việt Nam đang gia tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Với việc đàm phán thành công Hiệp định EVFTA, các thành viên EuroCham đang mong đợi một khung pháp lý và quy định kinh doanh mới giúp khuyến khích và tăng cường đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

- a. Thuế:** mặc dù đã có nhiều chuyển biến tích cực trong luật thuế cũng như trong việc giảm thiểu thời gian thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, tuy nhiên chúng tôi nhận thấy việc thực thi luật thuế trên thực tế nhìn chung dường như đã trở nên khó khăn hơn. Ví dụ, mặc dù Việt Nam hiện có một mạng lưới hiệp ước thuế rộng lớn với hơn 60 hiệp ước đang có hiệu lực và nhiều hiệp ước mới sắp được ký kết, trên thực tiễn, việc thực hiện những lợi ích mà các hiệp ước thuế mang lại trong thời gian gần đây đã trở nên khó khăn hơn. Bên cạnh đó, các cơ quan thuế dường như thường có xu hướng viện dẫn việc không tuân thủ các quy định và pháp luật không liên quan đến thuế làm căn cứ để tăng thu nhập chịu thuế, áp thuế nhà thầu, từ chối giảm thuế, từ chối khấu trừ thuế GTGT đầu vào hoặc từ chối hoàn thuế GTGT.
- b. Công nghệ thông tin:** sự phát triển của ngành công nghệ thông tin và mức độ sử dụng internet ở Việt Nam càng cao thì yêu cầu kết nối internet ổn định và liên tục càng trở nên quan trọng hơn. Sự ổn định kết nối internet toàn cầu có vai trò then chốt không chỉ đối với các khối doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của người dân.
- c. Nguồn nhân lực:** mặc dù công tác đào tạo lực lượng lao động của Việt Nam đã gia tăng theo từng năm và đạt được những cải thiện đáng ghi nhận, tuy nhiên hiện nay Việt Nam vẫn thiếu nguồn nhân lực có tay nghề ở các ngành nghề cơ bản, đóng vai trò chủ chốt trong việc đảm bảo tốc độ tăng trưởng nhanh và giúp hình thành lực lượng lao động có tính toàn diện hơn. Việc hoàn tất AEC và các hoạt động hội nhập khác đòi hỏi Việt Nam phải có những cải cách hơn nữa trong lĩnh vực này.
- d. Du lịch:** du lịch và lữ hành là lĩnh vực có đóng góp lớn vào GDP và tạo việc làm trong nền kinh tế Việt Nam. So với các lĩnh vực có đóng góp lớn khác, sự đóng góp của lĩnh vực này dường như bị lãng quên. Tại Việt Nam,

ngành du lịch và lữ hành trực tiếp đóng góp 4,6% GDP trong năm 2014. Ngoài ra, trong năm 2014 ngành du lịch cũng đã trực tiếp tạo thêm 2 triệu việc làm và con số này dự kiến sẽ còn tiếp tục tăng.¹¹ Chúng tôi cho rằng còn một số vấn đề quan trọng cần tiếp tục được giải quyết để ngành du lịch và lữ hành có thể phát huy hết tiềm năng, và Việt Nam có thể hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược Phát triển Du lịch Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.¹²

- e. Hạ tầng:** tăng trưởng kinh tế cùng với sự đô thị hóa nhanh chóng đang dẫn đến sự gia tăng nhu cầu về đường, điện, cảng, xử lý nước và rác thải, bệnh viện và các hạ tầng công cộng phục vụ hàng hóa và dịch vụ. Ngày 14 tháng 2 năm 2015, Chính phủ ban hành văn bản được mong đợi từ lâu là Nghị định quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) với hiệu lực bắt đầu từ ngày 10 tháng 4 năm 2015.¹³ Cùng với một Nghị định mới về đầu thầu dành cho các nhà đầu tư tham gia vào các dự án PPP có hiệu lực từ ngày 5 tháng 5 năm 2015, Nghị định PPP thay thế khung pháp lý trước đây liên quan đến các dự án BOT và các dự án PPP thí điểm.¹⁴ Mặc dù Nghị định PPP mới là một bước tiến pháp lý quan trọng nhưng bản thân bước tiến này sẽ không tự chuyển đổi thành những dự án hạ tầng đầu tư tư nhân thành công.
- f. Vận tải và hậu cần:** việc đàm phán hoàn tất EVFTA đã khiến việc thiết lập trung tâm trung chuyển tại Cái Mép trở thành yêu cầu cấp bách hơn bao giờ hết. Sự gia tăng thương mại từ Hiệp định này (và do đó lưu lượng công-te-nơ lưu thông vào và ra khỏi Việt Nam) dự kiến sẽ vượt xa tốc độ tăng trưởng 7% đến 8% như đã dự báo cho giai đoạn từ nay đến năm 2020.

Kiến nghị

- Theo chúng tôi, hệ quả phù hợp nhất đối với việc vi phạm các quy định về thuế là xử phạt hành chính.
- Trong bối cảnh các hiệp định thương mại tự do quốc tế như EVFTA và TPP được thỏa thuận, ký kết và triển khai, chúng tôi cho rằng tình trạng thường xuyên không thể kết nối internet ổn định với thế giới sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài. Hiện tượng gián đoạn đường truyền internet tại Việt Nam làm ảnh hưởng đến lòng tin và uy tín của doanh nghiệp nước ngoài, do họ không thể đầu tư kinh doanh một cách bền vững tại Việt Nam.
- Việc nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục và khung pháp lý điều chỉnh hoạt động quản lý lao động sẽ giúp đáp ứng được nhu cầu lao động có tay nghề, thúc đẩy môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo đà cho việc chuyển giao tri thức và phát triển nền kinh tế Việt Nam nói chung.
- Chúng tôi đề xuất việc áp dụng chính sách thị thực linh hoạt và đơn giản hơn thông qua việc mở rộng danh mục các quốc gia được miễn thị thực và áp dụng cơ chế thị thực điện tử thực sự, nhằm cấp thị thực trực tuyến cho du khách, để họ có thể tự in ra và làm thủ tục khi nhập cảnh. Chúng tôi cũng cho rằng thời hạn miễn thị thực 15 ngày như hiện nay nên được tăng thành 30 ngày và cho phép du khách quay trở lại trong vòng 30 ngày được miễn thị thực đó, nếu du khách xuất trình vé máy bay chứng minh việc sẽ rời Việt Nam.
- EuroCham xin nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều phối, hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan hữu quan của Chính phủ, cũng như nhu cầu ban hành những quy định triển khai cụ thể hơn, liên quan đến việc phân bổ và cơ chế sử dụng quỹ bù đắp tài chính để có thể thực hiện được những dự án thành công và có tiếng vang.
- Thương mại giữa EU và Việt Nam bình quân đã tăng 23,1% trong giai đoạn 2010 và 2014¹⁵, nhằm gia tăng tối đa khối lượng thương mại mà EVFTA chắc chắn sẽ mang lại, Việt Nam cần đầu tư xây dựng một cảng công-te-nơ nước sâu hiệu quả để đáp ứng nhu cầu của hoạt động thương mại này. Việc phụ thuộc vào các cảng tại thành phố Hồ Chí Minh như hiện nay không mang tính bền vững về mặt thương mại và khai thác.

¹¹ "Thông kê thực tế về ngành du lịch của Việt Nam", *VietNamNet*, 11/06/15. Tại địa chỉ <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/132189/facts-and-figures-about-the-tourism-industry-in-vietnam.html>>

¹² "Chiến lược Phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, Tầm nhìn 2030", *Cổng thông tin của Chính phủ Việt Nam*. Tại địa chỉ <<http://chinhphu.vn/portal/page/portal/English/strategies/strategiesdetails?categoryId=30&articleId=10051267>>

¹³ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015

¹⁴ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015.

¹⁵ Eurostat COMEXT, 10 tháng 4 năm 2014.

CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH

PHẦN 1

CHƯƠNG 1 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TỔNG QUAN

Quản trị doanh nghiệp là khuôn khổ quy định các thông lệ và quy trình nội bộ của doanh nghiệp nhằm phục vụ lợi ích của các bên có liên quan cả công và tư. Tại các quốc gia đang phát triển, việc triển khai hiệu quả các hệ thống quản trị doanh nghiệp từ trước đến nay luôn là một thách thức lớn. Tuy nhiên, việc xây dựng được một hệ thống như vậy lại đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự tăng trưởng của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nâng cao lợi thế cạnh tranh và hội nhập thành công vào nền kinh tế toàn cầu.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)¹, chất lượng của công tác quản trị doanh nghiệp trong nước ảnh hưởng rất lớn đến khả năng quốc gia đó có thể đạt được năng suất lao động bền vững thật sự, tăng trưởng và khả năng thành công trong việc đạt được các mục tiêu phát triển dài hạn. Những thách thức trong giai đoạn chuyển đổi về kinh tế - chính trị tạo ra những thay đổi mạnh mẽ, làm nảy sinh những khó khăn đối với nền kinh tế đang tăng trưởng. Quản trị doanh nghiệp thiết lập các hệ thống nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ mạnh mẽ những thay đổi trong môi trường kinh doanh.

Báo cáo Thẻ điểm Quản trị Công ty tại Việt Nam² cho thấy công tác quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam còn nhiều điểm cần hoàn thiện, với mức điểm số quản trị doanh nghiệp bình quân chung của 100 công ty niêm yết tại Việt Nam là 42,5% so với tiêu chuẩn thực tiễn quản trị doanh nghiệp tốt là 65% - 74%. Thẻ điểm xét đến các tiêu chí gồm: hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp tổng thể, quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông, vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, minh bạch và công bố thông tin, trách nhiệm của Hội đồng Quản trị/ Ban kiểm soát. Điểm số cho tất cả các tiêu chí này đều ở dưới mức 60%.³

Tóm lại, Báo cáo Thẻ điểm Quản trị Công ty tại Việt Nam đã kết luận: công tác quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam chưa thực sự trở thành trọng tâm trong quá trình đưa ra quyết định của doanh nghiệp. Việc các cơ quan quản lý ban hành một khung thể chế chi tiết hơn và mạnh mẽ hơn về quản trị doanh nghiệp sẽ hỗ trợ quá trình chuyển đổi hướng đến việc tạo ra một văn hóa quản trị doanh nghiệp với mức độ tuân thủ cao hơn, đóng vai trò như một tiêu chuẩn trong hoạt động kinh doanh.

Khung pháp lý về quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam

Các luật và quy định chính về quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam bao gồm:

- ▶ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- ▶ Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng (Sau đây gọi là “Thông tư 121”).

Luật Doanh nghiệp sửa đổi được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2015, đưa vào những điểm tiến bộ hướng đến việc nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam. Luật Doanh nghiệp được áp dụng cho tất cả doanh nghiệp tại Việt Nam.

Mặc dù đã có những thay đổi tích cực trong luật và quy định, nhưng thực tế lại nảy sinh một số thách thức mới, gây khó khăn trong việc thực hiện. Vào ngày 19 tháng 10 năm 2015, Chính phủ thông qua Nghị định 95/2015/NĐ-CP nhằm thực thi Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, nghị định này lại không đi sâu vào các vấn đề về quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam.

Phần này nhằm nêu bật những thách thức đang tồn tại trong công tác quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam và đưa ra các kiến nghị tới Chính phủ nhằm giải quyết những thách thức này, với mục tiêu hướng đến cải thiện công tác quản trị doanh nghiệp ở các doanh nghiệp tại Việt Nam.

¹ Bản tóm tắt chính sách của OECD số 23, Quản trị công ty tại các nền kinh tế đang phát triển trong quá trình chuyển đổi và có thị trường mới nổi, OECD, 2003. Tại địa chỉ <<http://willembuiter.com/oecd.pdf>>

² Báo cáo Thẻ điểm Quản trị Công ty 2012, *Tổ chức Tài chính Quốc tế - Việt Nam*, 2012. Tại địa chỉ <<http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/4e9e9c804dddfdf39ab2ba7a9dd66321/Scorecard+2012++Eng.pdf?MOD=AJPERES>>

³ Ibid.

I. NGHĨA VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HIỆU LỰC THỰC THI

Bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Mô tả vấn đề

Theo Luật Doanh nghiệp, các thành viên hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên tinh thần thiện chí và chuyên nghiệp. Ngoài ra, các thành viên hội đồng quản trị cũng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp cũng quy định các thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ trung thành với lợi ích của doanh nghiệp và không được phép sử dụng thông tin, công nghệ, các cơ hội kinh doanh, tài sản của doanh nghiệp hoặc lợi dụng chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp, điều lệ mẫu và các quy định về quản trị doanh nghiệp lại không nêu rõ khái niệm về nghĩa vụ trung thành của các thành viên hội đồng quản trị đối với doanh nghiệp.

Mặc dù Luật Doanh nghiệp có quy định về các hành vi quan trọng mà các thành viên hội đồng quản trị được phép thực hiện, Luật này vẫn chưa đưa ra được một hướng dẫn toàn diện về cách thức các thành viên Hội đồng quản trị nên xử lý như thế nào hoặc các bước cụ thể cần thực hiện để thực hiện vai trò, chức năng của các thành viên Hội đồng quản trị. Các khái niệm như thiện chí, chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng, trung thành và hành động vì quyền lợi tối cao của doanh nghiệp đều là những thước đo có thể mang tính chủ quan. Nhìn ở góc độ thực tiễn, Luật Doanh nghiệp hiện hành chưa đưa ra được hướng dẫn đầy đủ về những yêu cầu của Luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Việc bắt buộc thực hiện các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị tại các doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp niêm yết theo Luật Doanh nghiệp là rất khó thực hiện do không có một cơ quan quản lý hoặc một cơ quan giám sát thực thi nào có thẩm quyền đối với các doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp niêm yết. Phạm vi công việc của các Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các tỉnh thường giới hạn ở việc cấp chứng nhận đăng ký và giấy phép cho các doanh nghiệp và ít khi tham gia vào việc thực thi các vấn đề về quản trị doanh nghiệp.

Mặc dù gần đây đã có sẵn nhiều cơ sở dữ liệu trực tuyến và nhiều nguồn tìm kiếm doanh nghiệp trong nước, các nguồn này thường cung cấp thông tin khá hạn chế, đặc biệt là về các doanh nghiệp thuộc sở hữu nước ngoài, gây cản trở đến quy trình thực thi do thiếu tính minh bạch.

Các cơ quan, tổ chức nhà nước như các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (đối với các doanh nghiệp niêm yết) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với các tổ chức tín dụng) gặp phải các vấn đề về năng lực và thiếu nhân sự, dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác thực thi do phải tập trung nỗ lực vào các lĩnh vực khác như tuân thủ quy định pháp luật và việc đăng ký kinh doanh.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Khi nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng, quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam sẽ trở nên ngày càng quan trọng trong việc tạo ra các doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ và thúc đẩy sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp trong nước. Các tổ chức xây dựng được những quy trình quản trị doanh nghiệp vững chắc thường được xem như là những khoản đầu tư có rủi ro thấp hơn và do đó, có cơ hội nhận được những khoản đầu tư lớn hơn từ các nhà đầu tư nước ngoài và/hoặc có giá bán cao hơn. Khi càng nhiều thông lệ tốt về quản trị doanh nghiệp được áp dụng tại Việt Nam, chất lượng tổ chức sẽ được cải thiện và minh chứng cho lập luận rằng quản trị doanh nghiệp tốt đồng nghĩa với việc kinh doanh tốt.

Kiến nghị

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các sở giao dịch chứng khoán và các hiệp hội doanh nghiệp chính ở Việt Nam cần hợp tác với nhau để xây dựng một Bộ Quy tắc ứng xử, trong đó đưa ra các thông lệ tốt nhất nhằm hướng dẫn các thành viên hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ của mình, không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ theo pháp luật mà còn đóng vai trò như là hình mẫu về công dân xã hội tích cực.

- Thành lập một cơ quan quản lý chuyên biệt (một ban trong một cơ quan chính phủ được thành lập cho mục đích này, tập trung vào cả doanh nghiệp niêm yết và không niêm yết). Chúng tôi cũng kiến nghị các cơ quan chức năng cần hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp xây dựng một học viện tại Việt Nam dành cho các thành viên hội đồng quản trị của các doanh nghiệp. Học viện này sẽ đẩy mạnh công tác quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tốt nhất, hỗ trợ các khóa đào tạo về quản trị doanh nghiệp và sẽ được dẫn dắt bởi cộng đồng doanh nghiệp. Việc thành lập một khung thể chế thống nhất về quản trị doanh nghiệp, ví dụ như Các Nguyên tắc Quản trị Doanh nghiệp của OECD và Cẩm nang Quản trị Doanh nghiệp tại Việt Nam của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), trong đó đưa ra hướng dẫn về các thông lệ tốt nhất cho tất cả các doanh nghiệp, sẽ hỗ trợ trong việc hướng tới việc áp dụng các thông lệ tốt về quản trị doanh nghiệp trong thực tiễn tại các doanh nghiệp Việt Nam.
- Nâng cao phạm vi và vai trò của các ủy ban kiểm toán độc lập;
- Xây dựng các thông lệ kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ vững chắc;
- Xây dựng các thông lệ để cử và bổ nhiệm đúng các thành viên Hội đồng quản trị có kinh nghiệm và có năng lực phù hợp;
- Thực hiện báo cáo tài chính và phi tài chính đạt chất lượng cao, hướng đến việc áp dụng các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và các thông lệ tốt nhất trên thế giới; và
- Xây dựng văn hóa minh bạch và trách nhiệm giải trình.

II. BẢO VỆ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG

Bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Mô tả vấn đề

Các cổ đông tại các doanh nghiệp Việt Nam hiếm khi đưa các thành viên hội đồng quản trị hoặc tổng giám đốc/giám đốc doanh nghiệp ra tòa vì lý do không thực hiện nghĩa vụ. Đặc biệt, các cổ đông thiểu số hiếm khi đưa doanh nghiệp ra tòa vì hành vi chèn ép. Có rất nhiều lý do giải thích điều này, một trong số đó là lý do văn hóa. Người Việt Nam nói chung thường mong muốn dàn xếp các vấn đề trên cơ sở đồng thuận giữa các bên trước khi đưa ra công luận. Tuy nhiên, một trong những lý do chính là theo quy định của pháp luật, cổ đông không có vị thế để bắt buộc các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện nghĩa vụ của mình. Có vẻ như chỉ mỗi doanh nghiệp mới có thể buộc các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm đối với việc không thực hiện nghĩa vụ của mình. Vì vậy, việc một cổ đông thiểu số khiếu kiện hành động nêu trên của thành viên hội đồng quản trị là một việc hết sức khó khăn nếu không có được sự nhất trí của các cổ đông đa số khác cùng hành động thông qua nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Chúng tôi nhận thấy rằng Luật Doanh nghiệp có nhiều điều khoản được đưa ra nhằm bảo vệ các cổ đông. Ví dụ:

- cổ đông sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên có thể yêu cầu tòa án hủy bỏ nghị quyết của đại hội cổ đông nếu nghị quyết đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc điều lệ doanh nghiệp.
- cán bộ lãnh đạo của doanh nghiệp thực hiện một giao dịch với bên liên quan mà không được phê duyệt trước phải chịu trách nhiệm đối với tổn thất gây ra và phải hoàn trả cho doanh nghiệp bất kỳ khoản lợi nhuận nào đạt được.
- tổng giám đốc/giám đốc có hành vi trái pháp luật hoặc không tuân thủ theo các điều khoản trong điều lệ doanh nghiệp hoặc các điều kiện của hợp đồng lao động có thể phải chịu trách nhiệm trước doanh nghiệp đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh.

Tuy nhiên, ngôn ngữ trong các quy định luật này không rõ ràng để tạo vị thế cho các cổ đông đứng ra kiện doanh nghiệp hoặc các cán bộ lãnh đạo vì lý do không thực hiện nghĩa vụ hoặc không tuân thủ pháp luật. Có vẻ như doanh nghiệp phải thay mặt các cổ đông khi đưa ra các biện pháp đối với cán bộ lãnh đạo vi phạm.

Luật Doanh nghiệp không đưa ra bất kỳ điều khoản trực tiếp nào để cập đến vấn đề chèn ép các cổ đông hoặc hành động gây tổn hại bất công đến các cổ đông. Rất nhiều hành động có thể được quy là hành động chèn ép như:

- chuyển nhượng phần lớn tài sản của doanh nghiệp cho một doanh nghiệp khác để phục vụ mục đích do cổ đông đa số đề xuất.

- › không công bố cổ tức nhằm ngăn không cho cổ đông nhận được bất kỳ lợi ích nào từ doanh nghiệp.
- › cung cấp thông tin không đầy đủ cho các cổ đông về các giao dịch.
- › phát hành thêm cổ phiếu với mục đích chính là làm giảm quyền bỏ phiếu của cổ đông thiểu số.
- › cho phép áp dụng nhiều mức giá đăng ký mua cổ phần cho cổ đông đa số.

Nhiều hành vi nêu trên được quy định và xử lý trong Luật Doanh nghiệp của nhiều quốc gia nhưng chưa được áp dụng tại Việt Nam. Tất nhiên, nếu các hành vi nêu trên được quy định là trái pháp luật thì sẽ cần phải có các biện pháp khắc phục đầy đủ để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông thiểu số. Những biện pháp này có thể bao gồm việc yêu cầu cổ đông đa số mua lại toàn bộ cổ phần của cổ đông thiểu số theo mức giá được ấn định bởi một chuyên gia độc lập theo phán quyết của tòa án và việc xem xét một loạt các yếu tố bao gồm cả số tiền phải trả để đạt được quyền kiểm soát tại doanh nghiệp. Tòa án có thể đưa ra các yêu cầu phải thực hiện một số hành động cụ thể (chẳng hạn như bác bỏ một hoạt động huy động vốn hoặc một giao dịch).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các thành viên Hội đồng quản trị và lãnh đạo điều hành của doanh nghiệp có thể sẽ hành động vì lợi ích của cổ đông và thực hiện các nghĩa vụ của mình tốt hơn nếu họ biết rằng các cổ đông có những vị thế nhất định buộc họ phải có trách nhiệm giải trình. Nếu các cổ đông được trao nhiều cơ hội hơn để thực hiện hành động can thiệp về mặt pháp lý thì chuẩn mực đối với các thành viên Hội đồng quản trị cũng cần được cải thiện để các cổ đông không có được cơ hội thực thi quyền của mình đối với các thành viên hội đồng quản trị không hành động vì lợi ích của cổ đông và doanh nghiệp.

Cần áp dụng các quy định mới về bảo vệ quyền lợi cổ đông thiểu số nhằm phát hiện ra các trường hợp có các hành vi chèn ép hoặc gây tổn hại bất công cho một hay nhiều cổ đông. Nhiều quốc gia đã quy định một loạt các biện pháp khắc phục nhằm bảo vệ các cổ đông thiểu số nếu có hành động chèn ép xảy ra. Việt Nam nên tham khảo các biện pháp này nhằm bảo vệ tốt hơn các cổ đông thiểu số.

Kiến nghị

- › Chính phủ cần ban hành nghị định về quản trị doanh nghiệp trong đó đưa ra các quy định nhằm bảo vệ các cổ đông thiểu số nhiều hơn thông qua việc cho phép các cổ đông quyền được khiếu kiện thành viên Hội đồng quản trị nếu không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.
- › Chính phủ cũng cần xem xét áp dụng các biện pháp bảo vệ các cổ đông thiểu số khỏi các hành vi chèn ép do các quy định pháp luật hiện hành không bảo vệ được các cổ đông thiểu số nếu cổ đông đa số có hành động chèn ép.

III. CHÀO MUA CÔNG KHAI

Bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Mô tả vấn đề

Luật Chứng khoán và Nghị định số 58 đã được ban hành liên quan đến việc áp dụng quy định bắt buộc thực hiện chào mua công khai đối với các doanh nghiệp đại chúng có từ 100 cổ đông trở lên. Về cơ bản, theo quy định này, một nhà đầu tư muốn mua từ 25% tổng số cổ phiếu đang lưu hành trở lên của một doanh nghiệp đại chúng phải thực hiện chào mua công khai. Tuy nhiên, chỉ có một số ít các cuộc chào mua công khai được thực hiện tại Việt Nam. Các quy định liên quan đến việc chào mua công khai vẫn còn mập mờ; các điều khoản về bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số thậm chí còn mập mờ hơn. Những điểm mơ hồ này trong các quy định pháp luật làm mờ nhạt khung quản trị doanh nghiệp được thiết lập để bảo vệ cổ đông. Dưới đây là các vấn đề chính về quản trị doanh nghiệp trong chào mua công khai mà chúng tôi đã xác định được; đồng thời, chúng tôi cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm giải quyết các vấn đề này.

Luật chứng khoán quy định nhiều ngoại lệ đối với yêu cầu phải thực hiện chào mua công khai bắt buộc. Cụ thể:

- › Nếu việc chào mua là một phần trong kế hoạch phát hành cổ phiếu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua (ví dụ chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng).

- Nếu việc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư được đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Nếu việc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư được tòa án thông qua.
- Nếu việc chuyển nhượng cổ phần giữa các doanh nghiệp trong cùng một tập đoàn.

Luật không quy định chi tiết về cách thực hiện các điểm ngoại lệ này. Ví dụ, nếu một nhà đầu tư mua 50% cổ phần từ cổ đông của một doanh nghiệp đại chúng và nếu việc chuyển nhượng này được đại hội đồng cổ đông thông qua, đâu là ngưỡng bỏ phiếu để thông qua việc chuyển nhượng? Liệu người chuyển nhượng có thể thực hiện được giao dịch này hay không hay cần phải có một nghị quyết được một tỷ lệ đa số nhất định bao gồm các cổ đông còn lại không liên quan thông qua? Do những điểm chi tiết nêu trên không được quy định trong luật nên rất khó cho nhà đầu tư tận dụng được các điểm ngoại lệ không phải thực hiện chào mua công khai.

Trong trường hợp chào mua công khai, hội đồng quản trị phải công bố ý kiến của doanh nghiệp về việc chấp thuận hoặc từ chối việc chào mua lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Nếu một thành viên nào trong hội đồng quản trị đưa ra ý kiến khác với ý kiến của đa số thành viên hội đồng quản trị, thành viên đó cũng phải công bố ý kiến của mình. Hội đồng quản trị của các doanh nghiệp tại Việt Nam bị giới hạn việc phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư trừ khi phương án phát hành được đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Vì vậy, rất khó để hội đồng quản trị có thể xây dựng được một chiến lược phòng vệ nhằm tránh khỏi khả năng doanh nghiệp bị thầu tóm.

Theo Nghị định 58, một nhà đầu tư sau khi công bố chào mua công khai chỉ có thể rút lại đề nghị chào mua trong năm trường hợp đã được quy định, trong đó bao gồm trường hợp: doanh nghiệp mục tiêu tăng hoặc giảm vốn cổ phần hoặc số lượng cổ phiếu đăng ký bán không đủ số lượng chào mua công khai. Ngoài năm trường hợp được mô tả, dường như quy định không cho phép quyền rút lại đề nghị chào mua, ví dụ như trong trường hợp nhà đầu tư không thể huy động được nguồn tài chính để thực hiện chào mua công khai. Điều này khiến hình thức mua lại và sáp nhập doanh nghiệp bằng nguồn tài chính đi vay hầu như không thể thực hiện được tại Việt Nam..

Nghị định 58 cũng quy định rằng nếu một nhà đầu tư mua lại từ 80% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một doanh nghiệp đại chúng, nhà đầu tư này phải mua tiếp tất cả các cổ phiếu còn lại của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chưa có quy trình nào được thiết lập để loại bỏ các cổ đông hiện hữu và cũng không có quy trình nào đảm bảo rằng tất cả cổ đông còn lại sẽ bán cổ phần của mình cho nhà đầu tư. Ví dụ, một quy trình theo lệnh của tòa án cho phép tòa án có thẩm quyền chấp thuận cho nhà đầu tư mua lại tất cả cổ phần thiếu số ở mức giá được tòa án án hoặc một bên chuyên gia độc lập ấn định.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Một quy trình mua lại và chào mua công khai được quy định rõ ràng sẽ mang lại sự chắc chắn cho các nhà đầu tư muốn mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam và giúp xây dựng nền kinh tế Việt Nam. Điều này cũng giúp đưa ra một quy trình công bằng cho các cổ đông để ra quyết định về việc có cho phép một nhà đầu tư mua lại phần lớn cổ phần trong doanh nghiệp hay không và đảm bảo rằng các cổ đông được bù đắp hợp lý. Đặc biệt, cần phải có một cơ chế cho phép nhà đầu tư loại bỏ các cổ đông hiện hữu khi họ mua lại toàn bộ cổ phần của doanh nghiệp.

Kiến nghị

- Các quy định về chào mua công khai cần phải được cải thiện; nhiều điểm mập mờ cần được quy định rõ trong luật. Sẽ hữu ích hơn nếu xác định cách thức các trường hợp ngoại trừ đối với việc thực hiện chào mua công khai được thực hiện trong thực tế như thế nào.
- Chính phủ cần khuyến khích hình thức mua lại và sáp nhập doanh nghiệp bằng nguồn tài chính đi vay trong việc chào mua công khai thông qua việc cho nhà đầu tư cơ hội rút lại đề nghị chào mua nếu nhà đầu tư không đáp ứng được yêu cầu của bên cho vay trong việc tài trợ cho giao dịch mua lại.
- Các quy định liên quan đến việc nhà đầu tư mua từ 80% trở lên cổ phần của doanh nghiệp đại chúng cần được hoàn thiện; cần thiết lập một quy trình nhằm đảm bảo rằng các cổ đông thiểu số hiện hữu có thể rút khỏi doanh nghiệp mục tiêu và bán lại cổ phần cho nhà đầu tư một cách công bằng.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Minh Dương, Luật sư thành viên, Công Ty Luật TNHH Asia Counsel Việt Nam

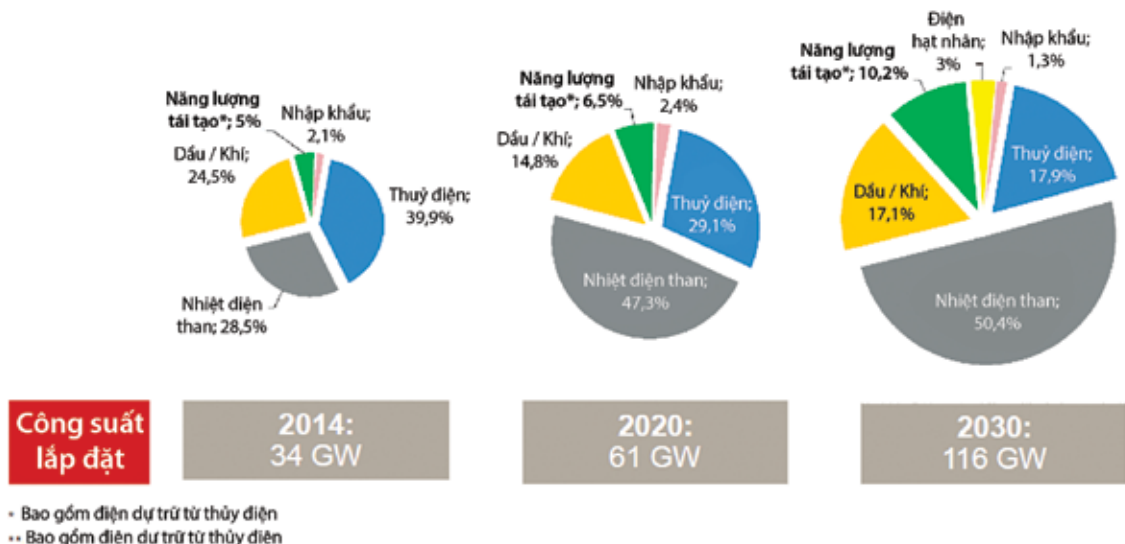
CHƯƠNG 2 NGÀNH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

TỔNG QUAN

Nguồn cung năng lượng và điện ổn định với mức giá phù hợp là một trụ cột trong nỗ lực phát triển và tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam. Về khía cạnh này, chúng tôi xin chúc mừng Chính phủ Việt Nam đã đảm bảo được đủ nguồn cung điện trong năm 2015 mặc dù đây là năm khô hạn kỷ lục tại miền Nam và xuất hiện những đợt nắng nóng kéo dài vào mùa hè tại miền Bắc.

Tuy nhiên, các thành viên của EuroCham hiện đang quan ngại về triển vọng nguồn cung điện trong nước trong bối cảnh Việt Nam đang dần trở thành quốc gia nhập khẩu năng lượng ròng vì theo ước tính đến năm 2020, khoảng 31%¹ nguồn năng lượng của Việt Nam sẽ được nhập khẩu do nhu cầu tăng, đặc biệt là nhu cầu sử dụng điện.

Biểu đồ 5: Sự phát triển ngành năng lượng – Quy hoạch điện VII sửa đổi



Nguồn: GDE (2015)²

Trong vài năm vừa qua, nhu cầu năng lượng tăng trưởng ở mức 15% mỗi năm.³ Năm 2014 nhu cầu tiếp tục tăng trên 10%/năm.⁴ Để đáp ứng tốc độ gia tăng nhu cầu sử dụng, Việt Nam vẫn ưu tiên phát điện từ những nguồn lực chi phí thấp như nhà máy nhiệt điện chạy than và thủy điện. Tuy nhiên, công tác quy hoạch, xây dựng và vận hành các công trình này phải mất khoảng một thập kỷ trong khi Việt Nam là quốc gia có tiềm năng lớn có thể phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo vào mục đích phát điện.

Trong nội dung này của Sách Trắng, EuroCham sẽ đưa ra những kiến nghị cụ thể để có thể triển khai áp dụng thực tế các chính sách liên quan đến năng lượng có vai trò thiết yếu đối với việc đáp ứng nhu cầu năng lượng trong

¹ "Phát biểu khai mạc", Thứ trưởng Bộ Công thương Hoàng Quốc Vương tại Chương trình hỗ trợ của Liên minh châu Âu cho phát triển năng lượng bền vững tại Việt Nam, 15/04/15. Tham khảo tại <http://eeas.europa.eu/delegations/vietnam/documents/press_corner/2015/20150415_energy_seminar_en.pdf>

² Frick, A, "Các đặc điểm thiết kế để xây dựng chính sách năng lượng gió hiệu quả cho Việt Nam", tại một Hội thảo Chuyên gia do Đại sứ quán Đức tại Việt Nam tổ chức, 14-15/05/15, Tham khảo tại <http://www.renewableenergy.org.vn/index.php?mact=Uploads,mb58be,getFile,1&mb58beupload_id=412&mb58bereturnid=102&page=102>

³ "Dự án thủy điện của Việt Nam giúp đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày một gia tăng trong khi giảm phát thải 1 triệu tấn CO₂", Ngân hàng Thế giới, 26/04/11. Tham khảo tại <<http://www.worldbank.org/en/news/press-release/2011/04/26/vietnam-hydro-project-help-meet-growing-energy-demand-avoiding-1-million-tonnes-co2-emissions>>

⁴ "Hoãn quy hoạch điện hạt nhân do nhu cầu sử dụng điện thấp hơn dự báo", VietNamNet, 02/03/15. Tham khảo tại <<http://english.vietnamnet.vn/fms/science-it/124198/nuclear-power-plans-delayed-as-electricity-demand-lower-than-predicted.html>>

tương lai trong khi vẫn có thể duy trì khả năng tiếp cận năng lượng cho mọi người dân với chi phí hợp lý, giảm phát thải các-bon, tác động môi trường và duy trì tăng trưởng bền vững cho Việt Nam trong mục tiêu dài hạn.

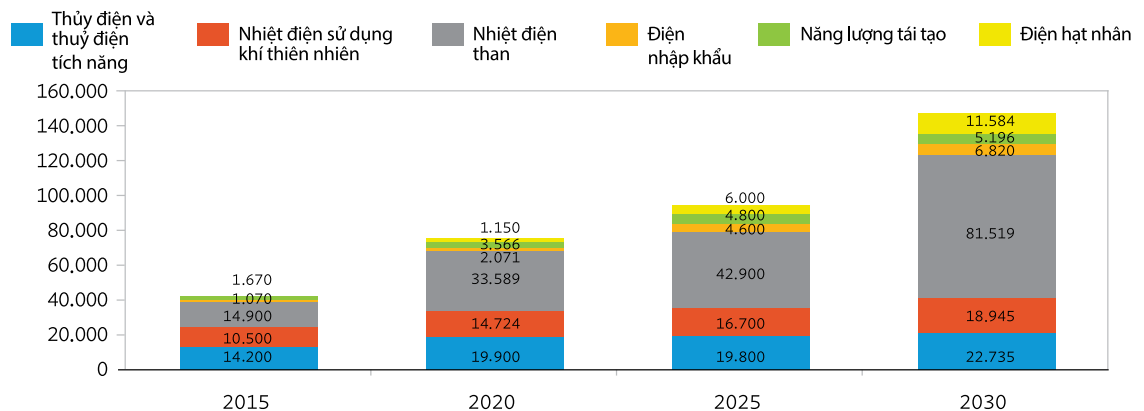
I. PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Bộ ngành liên quan: Bộ Công thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Văn phòng Chính phủ

Mô tả vấn đề

Việt Nam có tiềm năng phát điện lớn từ nguồn năng lượng tái tạo nhưng lại là quốc gia có mức độ ứng dụng công nghệ này thấp nhất trong khu vực. Bên cạnh cung cấp nguồn năng lượng sạch từ những nguồn tài nguyên phong phú của Việt Nam, việc phân quyền phát điện từ nguồn năng lượng tái tạo cho các địa phương sẽ mang lại những tác động có lợi cho địa phương như tạo việc làm và phát triển hạ tầng tại khu vực xây dựng nhà máy. Tại khu vực Đông Nam Á, nhiều dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn đang chờ được triển khai trong khi Việt Nam, quốc gia có tiềm năng rất lớn, lại được xem là điểm đến đầu tư thiếu hấp dẫn trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Biểu đồ 6: Quy hoạch Phát triển Phát điện (MW)



MW = Mê-ga-oát.

Nguồn: Thủ tướng 2011. 7 Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia VII giai đoạn 2011-2020 và Tổng cục Năng lượng (2014b).

Nguồn: Đánh giá Cải cách Ngành Điện của Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Châu Á, 2015

Những rào cản phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam:

- Hiện nay chưa có “luật năng lượng tái tạo” để quản lý các hoạt động phát triển lĩnh vực này. Bên cạnh đó, kế hoạch cụ thể cho việc phát triển năng lượng tái tạo cũng chưa được xây dựng ngoại trừ các mục tiêu được đề ra trong Quy hoạch Điện.⁵
- Các chính sách hỗ trợ riêng trong các lĩnh vực năng lượng gió, thủy điện, sinh khối và sử dụng chất thải để phát điện đã được ban hành. Mới đây, chính phủ đã ban hành Thông tư 32/2015/TT-BCT ngày 8 tháng 10 năm 2015 quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn. Chúng tôi rất mong đợi những thông tư tương tự cho các dự án điện sinh khối được quy định

⁵ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/07/2011, Phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.

trong Quyết định 31⁶ để các dự án đang chờ triển khai có thể được triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, cần ban hành thêm văn bản hướng dẫn thực hiện các biện pháp ưu đãi như ưu đãi thuế. Hiện nay các chủ đầu tư dự án không thể tận dụng hết những quyền lợi mà các biện pháp ưu đãi thuế dành cho các nhà đầu tư do các cơ quan thuế quan không có hướng dẫn thực hiện những biện pháp này.

- Triển khai áp dụng các giải pháp năng lượng mặt trời như bình đun nước năng lượng mặt trời và tấm pin mặt trời giúp các tòa nhà thương mại và các cơ sở công nghiệp tiết kiệm hơn 60% năng lượng tiêu thụ.⁷ Tuy nhiên, do chi phí đầu tư cao nên cho tới nay các công nghệ này chưa được áp dụng rộng rãi.
- Cơ chế hỗ trợ minh bạch và mạnh mẽ như các biện pháp ưu đãi thuế trong quá trình mua hoặc vận hành các giải pháp năng lượng mặt trời cũng sẽ mang lại nhiều lợi ích to lớn cho lĩnh vực này. Một trong những ưu đãi về thuế được kiến nghị là cho phép bồi hoàn toàn bộ chi phí lắp đặt thiết bị nhiệt và năng lượng mặt trời khỏi lợi nhuận chịu thuế trong năm lắp đặt thiết bị phát điện.
- Chi phí đầu tư ban đầu hiện đang được bồi hoàn thuế bằng cách khấu hao dần trong vòng đời tài sản theo mức Chính phủ quy định và tùy theo loại tài sản (thiết bị năng lượng mặt trời thường khấu hao trong 10 đến 20 năm). Hỗ trợ về thuế trong năm vận hành đầu tiên sẽ khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng điện chuyển sang sử dụng điện tự sản xuất, giảm áp lực đối với điện lưới và giúp cân bằng nhu cầu năng lượng với lượng cung điện năng hiện có.
- Biện pháp này cũng tăng sức hấp dẫn của Việt Nam đối với ngành sản xuất và dịch vụ, đồng thời loại bỏ một trong những rủi ro lớn nhất mà các nhà đầu tư nước ngoài quan ngại⁸ là độ tin cậy của nguồn cung năng lượng trong tương lai và khả năng tăng đáng kể đơn giá điện từ nguồn cung cấp lưới điện.
- Hiện tại, doanh nghiệp phát điện không thể bán điện trực tiếp cho doanh nghiệp bao tiêu mà phải bán cho doanh nghiệp bán buôn duy nhất là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Việc cho phép và quản lý phân quyền cung ứng năng lượng như cho phép doanh nghiệp sản xuất điện bán điện trực tiếp cho doanh nghiệp bao tiêu⁹ hoặc ý tưởng thành lập Công ty Dịch vụ Năng lượng (ESCO) cũng là những giải pháp bổ sung hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo tại những địa phương cần loại năng lượng này nhất.
- Các mô hình doanh nghiệp ESCO cũng có thể giúp tránh tạo ra những tác động môi trường (như sử dụng nguồn tài nguyên sinh khối có sẵn tại địa phương để phát điện). Việc ban hành các quy định bảo vệ các doanh nghiệp ESCO trước những rủi ro như rủi ro doanh nghiệp bao tiêu không thanh toán tiền điện và quyền sở hữu đối với các thiết bị của ESCO được lắp đặt tại các công trình của người dùng cuối cùng có thể thu hút thêm được vốn đầu tư vào các mô hình này. Chúng tôi không xem xét tới việc hình thành nguồn cung năng lượng phi tập trung phù hợp do việc thành lập 5 tổng công ty điện lực khu vực trực thuộc cơ cấu của EVN theo Quyết định số 8266/QĐ-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2015.

Để khắc phục được những hạn chế này, chúng tôi đã đưa ra một số kiến nghị được trình bày chi tiết trong những phần dưới đây.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Đứng trên quan điểm phát triển kinh tế - xã hội và quan điểm của Việt Nam với vị thế là một quốc gia đang trong quỹ đạo chuyển dịch từ một nước đang phát triển sang một nền kinh tế công nghiệp hóa, sự phát triển thịnh vượng và bền vững của ngành năng lượng, không đơn thuần là hoạt động phát điện, sẽ mang lại nhiều lợi ích to lớn.

Khi có một khung chính sách rõ ràng, ngành điện gió của Việt Nam sẽ thu hút được rất nhiều vốn đầu tư tư nhân từ khu vực nước ngoài cũng như trong nước – thay vì khu vực công phải bỏ vốn đầu tư. Song song với đó, khi năng lực và kỹ năng được tăng cường ở tất cả các cấp, ngành năng lượng tái tạo trước mắt sẽ tạo ra được hàng

⁶ Như trên.

⁷ "SolarBK chính thức công bố cam kết "tiết kiệm 60% năng lượng từ hệ thống máy nước nóng công nghiệp", SolarBK, 19/10/13. Tham khảo tại <<http://bit.ly/1igBpEc>>

⁸ "Chỉ số năng lực cạnh tranh ngành sản xuất chế tạo toàn cầu 2013", Deloitte, 2012. Tham khảo tại <<http://www2.deloitte.com/us/en/pages/manufacturing/articles/2013-global-manufacturing-competitiveness-index.html>>

⁹ "Hợp đồng tiêu thụ điện trực tiếp từ năng lượng tái tạo" Báo Đầu tư, 16/06/14. Tham khảo tại <<http://www.vir.com.vn/one-to-one-deal-touted-for-renewables.html>>

trăm và sau đó là hàng nghìn việc làm. Giai đoạn đầu sẽ là những công việc liên quan đến hoạt động xây dựng, vận hành và bảo trì. Nhưng một khi thị trường đã được thiết lập, bước tiếp theo sẽ là tăng cường năng lực sản xuất chế tạo. Để hỗ trợ quá trình tạo ra giá trị trong nước, lĩnh vực đòi hỏi công nghệ cao như điện gió sẽ cần phải có đội ngũ nhân lực có trình độ.

Kiến nghị

Dưới đây là một số những kiến nghị cụ thể có thể giúp ứng dụng một cách toàn diện năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

- Thay đổi khung giá bán và hợp đồng mua bán điện đối với điện gió và điện mặt trời;
- Triển khai có hiệu quả các quy định cụ thể về tất cả các nguồn năng lượng tái tạo, đi đầu là nguồn năng lượng sinh khối;
- Cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và người tiêu dùng về giá bán lẻ điện tương lai trong dài hạn để tạo khả năng lường trước về giá cả và thiết lập lại lộ trình giá điện;
- Cung cấp bảo lãnh nghĩa vụ của EVN trong các hợp đồng mua bán điện cho chủ đầu tư các dự án năng lượng tái tạo.

Nội dung chi tiết những kiến nghị này như sau:

1. Thay đổi giá bán và hợp đồng mua bán điện (PPA) đối với điện gió và điện mặt trời

Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2011 về việc ban hành các cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam đã được ban hành, nhưng cho tới nay vẫn chưa thể trở thành động lực phát triển thị trường điện gió. Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) đã phối hợp với BCT để giải quyết vấn đề này và lần đầu tiên đưa ra kiến nghị về việc sửa đổi chính sách này vào năm 2010¹⁰.

Do đó, chúng tôi kiến nghị Chính phủ Việt Nam phê duyệt và giao cho BCT triển khai những kiến nghị của GIZ nêu trong Quy hoạch Điều chỉnh Điện gió tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Tăng giá mua điện gió lên tối thiểu 11,5 cent (đủ để hoàn thành mục tiêu 1000 MW)
- Sửa đổi cấu trúc hợp đồng PPA

2. Triển khai có hiệu quả các quy định cụ thể về điện sinh khối

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều cơ chế hỗ trợ lĩnh vực điện sinh khối và dự án phát điện sử dụng chất thải được quy định tại các quyết định do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ban hành vào năm ngoái, bao gồm Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 (Quyết định 24) và Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg ngày 5 tháng 5 năm 2014 (Quyết định 31)¹¹. Các cơ chế hỗ trợ bao gồm các biện pháp khuyến khích nhằm tăng cường đầu tư vào hoạt động phát điện từ những nguồn tài nguyên này và đây được xem là bước khởi đầu tích cực.

EuroCham hiểu rằng những dự án mới trong những lĩnh vực này sẽ không thể tiếp tục được triển khai nếu không có Hợp đồng mua bán điện mẫu (SPPA) theo quy định tại Điều 2.9, Quyết định 24 và Điều 2.8, Quyết định 31 và Điều 11.2 của các Quyết định 24 và 31.

Đáng tiếc, hiện nay các nhà đầu tư vẫn phải đối mặt với vấn đề rủi ro về mặt pháp lý trong bối cảnh SPPA vẫn chưa được ban hành. Chúng tôi cũng hiểu rằng các dự thảo hợp đồng được đưa ra trong Hội thảo tham vấn giữa GIZ và BCT tổ chức ngày 27 tháng 5 năm 2015 tại Hà Nội cũng sẽ không được sử dụng trong thời gian này. Do đó chúng tôi trân trọng đề nghị BCT ban hành mẫu SPPA vào thời điểm sớm nhất có thể theo quy định tại Điều 16.1(c) của Quyết định 24 và Điều 15.1(c) của Quyết định 31. EuroCham rất hân hạnh được tham gia hỗ trợ công tác soạn thảo dự thảo SPPA này và/hoặc tiếp xúc với cán bộ phụ trách của BCT để thảo luận về vấn đề này.

¹⁰ Cattelaeens, P, "Nhân rộng điện gió tại Việt Nam", GIZ, 30/06/15. Tham khảo tại < <https://www.giz.de/fachexpertise/downloads/peter-cattelaens-giz-iv-windenergie.pdf>>

¹¹ Quyết định số 31/2014/QĐ-TTg ngày 5 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng và Quyết định số 24/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng

Các văn bản luật bổ sung khác cũng đã được thông qua trong năm nay và Việt Nam cũng đã có những bước tiến đều đặn trong việc tiến tới thị trường điện cạnh tranh¹² và đây là hai yếu tố giúp củng cố khuôn khổ phát triển năng lượng tái tạo nhưng những vấn đề tồn tại hiện nay đối với Quyết định 8266/QĐ-BCT (của Bộ Công thương) cần phải được giải quyết riêng trong những nội dung dưới đây.

Chúng tôi khuyến khích Chính phủ Việt Nam tiếp tục xây dựng những văn bản hướng dẫn chi tiết cho các cơ quan triển khai và các nhà đầu tư các dự án năng lượng tái tạo. Việc ban hành những hướng dẫn rõ ràng liên quan đến các biện pháp ưu đãi như ưu đãi đất, thuế và hợp đồng mua bán điện là những yếu tố bổ sung quan trọng giúp đảm bảo nguồn vốn và sự phát triển của những dự án này.

II. THỊ TRƯỜNG BÁN BUÔN ĐIỆN CẠNH TRANH

Bộ ngành liên quan: Bộ Công thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) và Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

EuroCham đánh giá cao quyết định phê duyệt thiết kế chi tiết thị trường bán buôn điện cạnh tranh (CWM) trên cơ sở Quyết định số 8266/QĐ-BCT của Bộ Công thương. Tuy nhiên, việc quyết định vận hành thị trường hoàn chỉnh vào năm 2019 cho thấy rằng CWM không phải là ưu tiên cấp thiết hoặc không nằm trong mục tiêu thu hút đủ nguồn vốn đầu tư cần thiết từ khu vực tư nhân cho thị trường năng lượng từ nay đến thời điểm đó.

Bên cạnh đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vẫn là đơn vị mua độc quyền mặc dù khả năng trả nợ của đơn vị này không được đảm bảo. Các hợp đồng mua bán điện “trực tiếp”, công cụ đã giúp quốc gia như Mê-hi-cô tăng mạnh tỷ trọng của năng lượng tái tạo của quốc gia trong một thời gian ngắn vẫn chưa được tính tới. Các nguồn năng lượng tái tạo khác cũng đang phải đối mặt với vấn đề tương tự và bị loại ra khỏi CWM mà không có bất kỳ cơ sở hợp lý nào.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Một thành tố cơ bản giúp thị trường điện mở hoạt động đầy đủ là những chủ thể chính trên thị trường phải hoạt động độc lập và mối quan hệ giữa các chủ thể được điều chỉnh trên cơ sở hợp đồng thương mại minh bạch. Đây là thành tố không chỉ giúp thu hút lượng lớn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào thị trường năng lượng của Việt Nam mà còn giúp hoàn thành các cam kết WTO và FTA của Việt Nam. Đây là yếu tố sẽ giúp Việt Nam được hưởng lợi từ điển hình thông lệ tốt nhất về nền kinh tế thị trường hiệu quả trong đó đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội được đảm bảo.

Do đó, việc nới lỏng quản lý của nhà nước đối với thị trường điện của Việt Nam có thể giúp kích thích tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn cung năng lượng bền vững và thu hút được nhiều nguồn vốn FDI vào Việt Nam. Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam sẽ được thực hiện; giá điện sẽ được dự báo và định giá ở mức thấp hơn mức giá điện sản xuất từ các nguồn tài nguyên nhập khẩu như than (vì nguồn năng lượng tái tạo là nguồn tài nguyên trong nước) và sẽ góp phần vào hình thành nền kinh tế sử dụng tài nguyên hiệu quả và phát thải các-bon thấp cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

Kiến nghị

Với việc ban hành Quyết định 8266/QĐ-BCT, EuroCham cũng kiến nghị BCT xem xét một số vấn đề sau:

- Triển khai sớm CWM vào năm 2017 để đẩy nhanh thu hút đầu tư tư khu vực tư nhân vào thị trường năng lượng
- Xem xét lại việc không đưa các dự án năng lượng tái tạo (đặc biệt các dự án điện mặt trời và điện gió) vào CWM. Việc đưa năng lượng tái tạo vào CWM có thể khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân đầu tư vào thị trường điện gió, khu vực cho tới nay phát triển thiếu hiệu quả và chi phí cao khiến giá điện từ nguồn năng lượng này rất đắt.
- Nhanh chóng xác định những “yêu cầu” mà đơn vị sử dụng điện lớn phải tuân thủ khi tham gia vào CWM với vai trò là bên mua điện

¹² Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng về Lộ trình Thị trường Điện

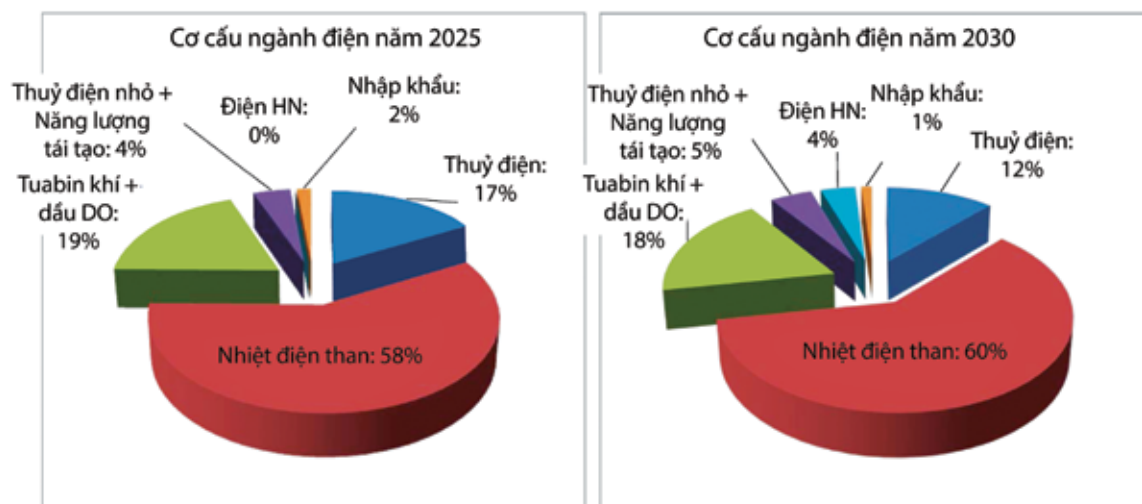
- Để đảm bảo thành công của CWM, cần thành lập Cơ quan Quản lý Năng lượng độc lập hỗ trợ Cục Điều tiết Điện lực trở thành một cơ quan độc lập và không trực thuộc Bộ Công thương.

III. PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Bộ ngành liên quan: Bộ Công thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Văn phòng Chính phủ

Theo Quy hoạch Điện VII (2011-2030) (PDP7; Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2011) và các dự thảo điều chỉnh được lưu hành của Quy hoạch Điện VII, Việt Nam dự kiến tăng công suất phát điện 7 lần trong giai đoạn 2011-2030 trong đó có 75.000 MW công suất lắp đặt nhà máy điện chạy than vào năm 2030. Con số này chiếm 50% tổng công suất phát điện dự báo của giai đoạn này. Quy hoạch Điện VII hiện đang được sửa đổi vì các mục tiêu đề ra khó có thể hoàn thành trong điều kiện như hiện nay.

Biểu đồ 7: Tỷ trọng phát điện năm 2030 trong Tổng sơ đồ VII điều chỉnh



Nguồn: Chính sách Năng lượng của Việt Nam, Bộ Công thương, 2015.¹³

Việt Nam dự kiến nhập khẩu một nửa lượng than tiêu thụ vào mục đích phát điện trong năm 2030. Chính phủ Việt Nam nhận thức được rằng các nhà máy nhiệt điện than đang và dự kiến xây dựng sẽ khiến các chất ô nhiễm không khí như NOx, SO₂ và bụi không khí cũng như khí thải khí nhà kính không thể bị tiêu hủy trong hàng thập kỷ sau năm 2030.

Đây không chỉ là phương án gây ra nguy cơ lớn về mặt khí hậu và sức khỏe cộng đồng mà còn tạo ra vòng luẩn quẩn những thách thức mà Chính phủ Việt Nam và nền kinh tế phải giải quyết. Than, gia tốc biến đổi khí hậu, sẽ tiếp tục là nguồn năng lượng chủ đạo đến năm 2030.

Do đó, Tiểu ban Tăng trưởng Xanh của EuroCham mạnh mẽ khuyến nghị Chính phủ Việt Nam nên thay đổi “quy hoạch phát triển điện dựa trên gia tốc biến đổi khí hậu” theo hướng đề ra những mục tiêu tham vọng hơn về việc sử dụng năng lượng có hiệu quả và về năng lượng tái tạo cũng như nới lỏng quản lý một cách phù hợp thị trường điện.

¹³ “Chính sách Năng lượng Việt Nam”, Bộ Công thương, 08/15. Tham khảo tại <Chính sách Năng lượng Việt Nam – Tổng cục Năng lượng, Bộ Công thương, <https://eneken.ieej.or.jp/data/6238.pdf>>

Trên cơ sở tham khảo dự thảo mới nhất của Quy hoạch Điện điều chỉnh, chúng tôi xin lưu ý rằng bản quy hoạch này chưa xác định cụ thể tên hoặc địa phương triển khai các dự án năng lượng tái tạo, dù là dự án nhà máy điện gió hay điện mặt trời, điện sinh khối hay các nhà máy thủy điện nhỏ. Điều này cho thấy rõ rằng nguồn vốn, nhà đầu tư, địa điểm và giấy phép hoạt động của các dự án này chưa được đảm bảo chắc chắn.

Cam kết mạnh mẽ, cải cách thị trường năng lượng và đầu tư mạnh là những yếu tố thiết yếu giúp đáp ứng nhu cầu điện trong tương lai, duy trì khả năng tiếp cận năng lượng cho mọi người dân với mức giá hợp lý, tạo nguồn cung điện ổn định để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế đang tăng trưởng và tầng lớp trung lưu cũng như góp phần vào giảm hoặc tối thiểu giữ ổn định mức phát thải các-bon và tác động môi trường.

Trước tình hình này, Ngân hàng Thế giới đã và đang soạn thảo một bản Quy hoạch Điện Thay thế cho Việt Nam với nội dung tương đồng với những phân tích và kiến nghị mà chúng tôi trình bày trong chương này.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham.



CHƯƠNG 3 TĂNG TRƯỞNG XANH

TỔNG QUAN

Nhận thức được tác động ngày càng nghiêm trọng và mối đe dọa của biến đổi khí hậu đối với quá trình hiện đại hoá và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, Chính phủ đã xem việc phát triển đô thị bền vững là một hạng mục chính sách quan trọng trong Chiến lược Quốc gia về Biến đổi khí hậu và Chiến lược Tăng trưởng Xanh năm 2012. Một trong những mục tiêu quan trọng của Chiến lược Tăng trưởng Xanh và Kế hoạch Hành động (2014) là thúc đẩy kế hoạch tổng thể phát triển đô thị xanh.¹

Các chính sách và kế hoạch này đang được phát triển trong bối cảnh đang cần thêm thông tin và hướng dẫn thi hành chính sách phát triển các thành phố “sinh thái”. Tuy nhiên, việc triển khai chiến lược trên thực tế diễn ra chậm trễ hoặc không triển khai đang gây trở ngại cho tốc độ phát triển đô thị nhanh chóng trên cả nước. Đây đang là một vấn đề gây ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực như xử lý chất thải, phát triển với phát thải các-bon thấp, sử dụng nguồn lực hiệu quả, hạ tầng đô thị, năng lượng và các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả. Mặc dù năng lượng và điện năng là những vấn đề quan trọng nhưng hiện vẫn chưa có chiến lược rõ ràng về cung cấp năng lượng bền vững mà không gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người và biến đổi khí hậu.

Mặc dù đã có sẵn công nghệ, tri thức và sẵn sàng đầu tư vào lĩnh vực công nghệ sạch và tăng trưởng xanh, việc áp dụng các giải pháp kinh doanh trong vẫn còn hạn chế. Theo quan điểm của chúng tôi, các cơ hội triển khai và kinh doanh trong thực tế của lĩnh vực này đã không được nắm bắt do một số nguyên nhân:

Thiếu các biện pháp gián tiếp nhằm xây dựng ngành năng lượng bền vững, chẳng hạn như thông qua việc tăng cường sử dụng năng lượng hiệu quả

Các công trình xanh: việc xây dựng chưa tuân theo các quy chuẩn cũng như thực hiện các quy định trong xây dựng. Nếu được thực thi đúng, có nhiều phân ngành và vấn đề tiếp tục được đề cập dưới đây sẽ là đối tượng chính hoặc có liên quan tới khái niệm “công trình xanh”. Do đó, một mục riêng trong chương này sẽ được dành để để cập tới nội dung các công trình xanh.

Tiết kiệm năng lượng trong các quy trình công nghiệp: đa phần các nhà tư bản công nghiệp đều mong muốn giá năng lượng duy trì ở mức thấp và được Chính phủ bảo đảm nguồn cung năng lượng. Do đó, họ không có nhiều động lực khi đầu tư vào các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả vốn là tiêu chuẩn ở các quốc gia có giá năng lượng cao hơn.

Một ví dụ điển hình, những quy định hiện hành yêu cầu về yêu cầu thu hồi nhiệt thải đối với ngành xi măng đã cho thấy khoảng cách giữa chính sách và việc thực thi áp dụng chính sách². Mặc dù đã có quy định tất cả các nhà máy sản xuất xi măng phải lắp đặt Hệ thống Thu hồi Nhiệt thải (WHR) tuy nhiên một khảo sát gần đây của IFC cho biết tính tới thời điểm này mới chỉ có 4 nhà máy có lắp đặt hệ thống này.³

Hệ thống xử lý nước thải ở Việt Nam

Tỷ lệ thất thoát nước rất lớn ở mức 37% như hiện nay cần giảm xuống còn 15% và lý tưởng nhất được thực hiện trước năm 2025. Tuy nhiên, dù đạt được mục tiêu để ra, tỷ lệ thất thoát này vẫn là rất cao để có thể đảm bảo nguồn cung ứng nước sạch ổn định trong bối cảnh các thách thức về biến đổi khí hậu đang gia tăng.

Về lĩnh vực xử lý nước thải, các kế hoạch và việc triển khai thực hiện xử lý nước thải theo một quy mô lớn hơn hiện không đủ để đáp ứng nhu cầu hiện tại, các chuyên gia ước tính rằng chỉ có 10% nước thải từ các hộ gia đình được xử lý.⁴

¹ "Vietnam National Green Growth Strategy", 2012. Tham khảo tại <<http://www.greengrowth-elearning.org/pdf/VietNam-GreenGrowth-Strategy.pdf>>

² Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải yêu cầu tất cả các dự án xây dựng nhà máy xi măng mới có công suất lò nung từ 2.500 tấn clanhke/ngày trở lên phải lắp đặt hệ thống thu hồi nhiệt thải và các nhà máy xi măng đang vận hành khác phải lắp đặt hệ thống này trước năm 2015.

³ "Waste Heat Recovery for the Cement Sector: Market & Supplier Analysis", Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC), 06/14, tr.68. Tham khảo tại <<http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/a87be50044581e9889678dc66d9c728b/IFC+Waste+Heat+Recovery+Report.pdf?MOD=AJPERES>>

⁴ *Ibid.*,

Các báo cáo gần đây cũng chỉ ra rằng các ngành công nghiệp trên cả nước tạo ra hơn 1 triệu mét khối nước thải mỗi ngày. 75% lượng nước thải này được thải mà chưa qua xử lý vào nguồn nước tại Việt Nam.⁵ Ở các nước khác, các công ty này sẽ không được phép hoạt động.

Công nghệ môi trường – Chất lượng không khí

Kiểm soát chất lượng không khí hiện đang là một nhu cầu cấp thiết trong bối cảnh Việt Nam là một trong 9 quốc gia có bầu không khí ô nhiễm nhất trên thế giới theo đánh giá xếp hạng của Đại học Yale.⁶ Bên cạnh đó, lượng phát thải khí nhà kính cũng đang tăng lên nhanh chóng và có khả năng sẽ tăng gấp 3 lần vào năm 2030.⁷ Các phương tiện giao thông, hoạt động sản xuất công nghiệp và xây dựng đang thải ra các chất gây ô nhiễm không khí như sun-fu-rơ, bụi, đi-ô-xit, các-bon ô-xit và nitơ đi-ô-xit. Do đó, Chính phủ Việt Nam cần nhanh chóng làm rõ các mục tiêu cụ thể trong chính sách kiểm soát chất lượng không khí.

CÔNG TRÌNH BỀN VỮNG VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

Bộ ngành liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Xây dựng (BXD)

Mô tả vấn đề

Các tòa nhà vẫn đang và sẽ là các công trình tiêu thụ nhiều điện năng nhất. Sự phát triển nhanh chóng của những người có thu nhập trung bình và lối sống của họ (trong đó có thói quen sử dụng điều hòa) chiếm tỷ lệ đáng kể trong mức tăng trưởng tiêu thụ năng lượng ở các thành phố lớn của Việt Nam. Do đó, thiết kế tòa nhà một cách hợp lý có thể góp phần hạn chế việc tăng điện năng tiêu thụ trong 25 năm tiếp theo của vòng đời tòa nhà. Việc xây dựng các công trình xanh tại Việt Nam hiện vẫn đang trong giai đoạn sơ khai với khoảng 40 công trình trong nước được cấp giấy chứng nhận, trong đó phần lớn các công trình này thuộc lĩnh vực công nghiệp. Do các quy định chưa được thực thi đầy đủ nên các hướng dẫn doanh nghiệp quốc tế dường như là động lực thúc đẩy duy nhất ở thời điểm hiện tại. Chính vì không có nhu cầu giảm chi phí vận hành do giá năng lượng thấp, nên vốn đầu tư vào các công trình xanh vẫn còn quá hạn chế để có thể giải quyết các lo ngại về môi trường hiện nay.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường bất động sản gần đây là cơ hội tuyệt vời để cải thiện việc thiết kế các công trình trong tương lai cũng như hạn chế nhu cầu năng lượng ngày càng tăng cao. Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia - Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả (EEBC)⁸, do Bộ Xây dựng (BXD) ban hành vào năm 2013 là một động thái tích cực. Tuy nhiên, công tác thực hiện quy định này còn gặp nhiều khó khăn do hiệu lực thi hành chưa cao. Nếu tuân thủ theo bộ Quy chuẩn về Công trình Xanh, các tòa nhà văn phòng và ngành nhà hàng - khách sạn sẽ có thể áp dụng mức phí dịch vụ cao hơn và nổi bật trong các thị trường đã bão hòa.

Kiến nghị

Các kiến nghị của chúng tôi được xây dựng dựa trên bốn hoạt động sau:

- ▶ Tập huấn cho kiến trúc sư về thiết kế công trình bền vững;
- ▶ Lồng ghép nội dung bền vững vào giai đoạn lên ý tưởng thiết kế công trình;
- ▶ Thực hiện chính sách giá điện có thưởng/phạt; và
- ▶ Xây dựng mô hình trình diễn.

⁵ "Over 1 mln cu.m of industrial wastewater dumped every day in Vietnam", *VietNamNet*, 03/12/15. Available at <<http://english.vietnamnet.vn/fms/environment/148243/over-1-mln-cu-m-of-industrial-wastewater-dumped-everyday-in-vietnam.html>>

⁶ "Air Quality, Environmental Performance Index", *Yale University*, 2014. Tham khảo tại <<http://epi.yale.edu/epi/issue-ranking/air-quality>>

⁷ "Reduction of Greenhouse Gas Emissions in Vietnam to improve lives of rural farmers", *Viện Nghiên cứu Chính sách Thực phẩm Quốc tế (IFPRI)*, 26/03/12. Tham khảo tại <<http://www.ifpri.org/news-release/reduction-greenhouse-gas-emissions-vietnam-improve-lives-rural-farmers>>

⁸ "MOU thúc đẩy việc sử dụng năng lượng hiệu quả", *Vietnam News*, 25/05/2013. Tham khảo tại: <<http://vietnamnews.vn/economy/239852/mou-aims-to-boost-energy-efficiency.html>> và Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia – Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả, QCVN 09:2013/BXD, Tham khảo tại: <http://www.vgbc.org.vn/index.php/resources/download/QCVN_09-2013_BXD%20-%20ENG.docx>.

1. Giáo dục

Cần tăng cường giáo dục và nhận thức để cải thiện năng lực hướng tới xây dựng công trình xanh, đồng thời kết hợp thay đổi các thói quen và hành vi gây lãng phí nguồn lực. Châu Âu hiện đứng đầu thế giới trong lĩnh vực công trình bền vững và tiện ích cho con người. Những tri thức này có thể được chia sẻ với các đối tác Việt Nam, thay đổi cho phù hợp với điều kiện kinh doanh và môi trường của Việt Nam, đồng thời lan tỏa đến cộng đồng. Việc này cũng bao gồm xây dựng các thể chế liên quan trong lĩnh vực kiến trúc, đô thị, cơ khí và kỹ thuật dân dụng; ví dụ như Viện Kiến trúc Nhiệt đới thuộc Đại học Kiến trúc Hà Nội, Viện Kiến trúc Quốc gia Việt Nam, Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Việt Nam, Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam.

2. Thiết kế công trình tích hợp

Cũng liên quan mật thiết đến vấn đề giáo dục, cần phải nhấn mạnh rằng phương pháp thiết kế công trình hiện đang áp dụng ở Việt Nam đã lỗi thời. Một công trình không thể còn được thiết kế mang tính bền vững sau khi công trình đó đã hoàn thành và được chính quyền hoặc chủ đầu tư nghiệm thu. Do đó, các kiến trúc sư, kỹ sư và chủ đầu tư nên phối hợp chặt chẽ với nhau ngay từ đầu để tối ưu hóa thiết kế ở giai đoạn hình thành ý tưởng. Những kết quả lý tưởng và kinh tế nhất đạt được không phải do lắp đặt các loại máy móc thiết bị hiệu quả mà nhờ vào việc không cần sử dụng các máy móc này. Ví dụ, các tòa nhà xả ít nước thải sẽ không cần xử lý nhiều nước thải. Các công trình tiêu thụ ít năng lượng sẽ không cần nhiều năng lượng do cơ sở bên ngoài cấp, cho dù đó là năng lượng tái tạo hay năng lượng khác. Việc tối ưu hóa công trình tích hợp sẽ giúp nhân đôi hiệu quả tác động tích cực đến tăng trưởng xanh và nền kinh tế sử dụng hiệu quả nguồn lực.

3. Chính sách hỗ trợ giá điện

Giá điện thấp hiện nay đang là một trở ngại trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có thể áp dụng một biểu giá điện cho các tòa nhà thương mại và dân sinh theo hướng áp dụng giá điện thấp cho các tòa nhà tiêu thụ ít năng lượng và giá cao cho các tòa nhà tiêu thụ nhiều năng lượng hơn. Chính sách này cần dựa trên các tiêu chuẩn về môi trường khí hậu, mục đích sử dụng của tòa nhà, điểm chất lượng và số lượng người trong tòa nhà. Chính sách này sẽ tạo ra chuyển động từ dưới lên trên và theo quy mô lớn, theo đó sẽ khiến nhiều người quan tâm hơn đến việc thiết kế công trình bền vững.

4. Mô hình điển hình

Quy chuẩn xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả nên được ưu tiên áp dụng cho các công trình ở tất cả các thành phố lớn, từ đó giúp cắt giảm việc sử dụng năng lượng một cách tối đa và mang lại mức độ tiện nghi tương đương hoặc tốt hơn cho người sử dụng mà vẫn đảm bảo độ bền lâu hơn và giá thuê hoặc doanh thu cao hơn. Các công trình của Chính phủ hoặc các doanh nghiệp nhà nước cũng nên được xem xét bởi đây là các công trình có ảnh hưởng trực tiếp tới các khoản chi có định ở thời điểm hiện tại và tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

CHƯƠNG 4 PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

TỔNG QUAN

Trong những năm vừa qua, Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực và tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện các quy định về lao động và việc làm, bao gồm việc tăng cường đối thoại và tham vấn cộng đồng doanh nghiệp, ban hành hoặc soạn thảo một số quy định liên quan cho thấy những thay đổi và phát triển tích cực. Chúng tôi rất trân trọng sự hỗ trợ quý báu này trong việc tạo ra một môi trường làm việc và đầu tư tốt hơn tại Việt Nam.

Mặc dù việc đào tạo lực lượng lao động ở Việt Nam vẫn tăng hàng năm, Việt Nam vẫn thiếu nguồn nhân lực có trình độ ở các ngành nghề và khu vực cơ bản, có vai trò chủ chốt nhằm đạt được tăng trưởng nhanh và một lực lượng lao động toàn diện hơn. Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020¹ đưa ra một trong ba khâu đột phá là khuyến khích phát triển nguồn nhân lực/kỹ năng. Cải thiện giáo dục, đào tạo và hệ thống pháp lý trong việc quản lý lao động sẽ giúp đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ, khuyến khích một môi trường đầu tư cạnh tranh lành mạnh giúp thúc đẩy việc chuyển giao tri thức nói riêng cũng như sự phát triển của kinh tế Việt Nam nói chung.

Chúng tôi xin đưa ra một số vấn đề đã được nhắc đến trong Sách trắng phiên bản năm ngoái, nay vẫn cần sự xem xét:

1. Làm việc ngoài giờ: Ngày 23/6/2015, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH) đã ban hành Thông tư 23/2015/TT-BLĐTB&XH (Thông tư 23) về một số nội dung bên cạnh hướng dẫn chi tiết và công thức cụ thể cho việc tính toán tiền lương làm thêm giờ. Tuy nhiên, quy định về thời gian tối đa huy động làm việc ngoài giờ hiện vẫn chưa có chuyển biến. Chúng tôi đặc biệt khuyến nghị Chính phủ xem xét lại vấn đề này theo những đề xuất chúng tôi đã đưa ra trong ấn phẩm Sách trắng năm 2015 (mục 2.3.2):

- Ký thỏa thuận lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động về thời gian thử việc, không vượt quá giới hạn thời gian.
- Cần nhắc thay đổi về thời gian làm việc ngoài giờ, đặc biệt trong lĩnh vực chế tạo và sản xuất.

2. Giấy phép lao động: Các dự thảo sửa đổi gần đây của Nghị định 102/2013/NĐ-CP hiện hành của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH) về việc quản lý lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam đã cho thấy những tiến triển tích cực trong vấn đề giấy phép lao động. Chúng tôi vui mừng được biết Chính phủ và Bộ LĐTB&XH đã xem xét các ý kiến và đề xuất của chúng tôi về vấn đề này. Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo rất trân trọng việc này và chúng tôi hy vọng những dự thảo sửa đổi này sẽ sớm được ban hành. Chúng tôi kiến nghị Chính phủ và Bộ LĐTB&XH tiếp tục cân nhắc phát triển thêm các khía cạnh cơ bản sau:

- Có sự nhất quán trong các yêu cầu và hoạt động triển khai hợp pháp hóa văn bản ban hành ở nước ngoài đối với những trường hợp được miễn giấy phép lao động.
- Mở rộng đối tượng được miễn giấy phép lao động nhằm hỗ trợ dòng chảy tự do của lực lượng lao động có trình độ từ Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập năm 2015.

¹ Nội dung chủ yếu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và nhiệm vụ trọng tâm của năm 2011 (Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (SEDS) 2011-2020), Bộ Ngoại giao, năm 2015. Tham khảo tại: <<http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr091019080134/nr091019083649/ns111003074416>>

I. CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

Bộ ngành liên quan: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH)

Mô tả vấn đề

Khái niệm về một hình thức mới của việc “cho thuê lại” lao động đã được giới thiệu trong Bộ Luật Lao động của Việt Nam có hiệu lực vào ngày 01/5/2013 và được quy định trong Nghị định số 55/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/7/2013. Nghiên cứu do Hiệp hội các Công ty Nhân sự Việt Nam (VEAF) tiến hành năm 2013 đã cho thấy 10 công ty tuyển dụng tư nhân hàng đầu đã thuê hơn 13.500 nhân viên và thu được lợi nhuận hơn 42 triệu euro (1,12 nghìn tỷ đồng). VEAF tin rằng ngành này có giá trị doanh thu hơn 100 triệu euro (2,67 nghìn tỷ đồng) trong năm 2014 và con số này sẽ tiếp tục tăng lên.

Nhiều tổ chức, bao gồm Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labour Organisation - ILO) theo Công ước số 181, đã ghi nhận rằng các công ty tuyển dụng tư nhân đóng góp cho sự vận hành của toàn thể thị trường lao động.² Trong Báo cáo Lao động Việt Nam quý I năm 2014, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH) chỉ ra rằng cùng với việc phục hồi kinh tế, các xu hướng của thị trường lao động là khả quan. Sự tham gia về kinh tế trong thị trường lao động gia tăng và tỷ lệ lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật được mở rộng. Hơn nữa, chất lượng công việc nhìn chung đã cải thiện, được phản ánh bởi tỷ lệ người làm công ngày một tăng, việc chuyển đổi lao động liên tục từ làm nông năng suất thấp và chế độ tiền lương và tiền công tốt hơn vẫn tiếp tục diễn ra. Để đạt được điều này, các công ty tuyển dụng và các dịch vụ lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc kết nối cung và cầu trong lao động cũng như tạo điều kiện cho các thay đổi trong thị trường lao động.³

Việc thiếu nguồn nhân lực có chất lượng và trình độ được xem là một trong những thách thức lớn nhất đối với nền kinh tế Việt Nam. Việc cho thuê lại lao động sẽ là khởi điểm trong thị trường lao động cũng như giúp người lao động có việc làm lâu dài hơn. Theo Báo cáo Kinh tế năm 2015 của Liên đoàn quốc tế Hiệp hội các Công ty Nhân sự (CIETT), người lao động có thể tìm được việc làm trong vòng 12 tháng kể từ khi hợp đồng cho thuê lại lao động của họ kết thúc. Điều này đặc biệt phù hợp với Việt Nam vì việc cho thuê lại lao động sẽ cung cấp nhiều việc làm cho người lần đầu bước vào thị trường lao động và sẽ giúp lực lượng lao động nâng cao kỹ năng. Theo Báo cáo Kinh tế CIETT năm 2015, trên thế giới có khoảng 12 triệu người hiện đang là người lao động cho thuê lại, với tỷ lệ trung bình là 1.6% số lao động trong năm 2013. Những người lao động cho thuê lại thường sẽ không quay lại tình trạng thất nghiệp sau khi hợp đồng làm việc kết thúc. Tuy tình hình mỗi nước có sự khác nhau đáng kể, cho thuê lại lao động vẫn là bước đệm để thoát khỏi tình trạng thất nghiệp và bước chân vào thị trường lao động. Ví dụ tại Brasil, chỉ 30% người lao động thuê lại bị thất nghiệp trở lại sau khi hợp đồng thuê lại lao động của họ kết thúc.⁴ Rõ ràng là người lao động đã sử dụng những kinh nghiệm và kỹ năng họ đạt được khi làm người lao động cho thuê lại để quyết định tiếp theo của họ trong thị trường lao động. Điều này Việt Nam vẫn chưa làm được và chúng tôi tin lý do một phần nằm ở những ràng buộc tại Nghị định số 55/2013/NĐ-CP.

Theo quy định hiện hành, việc cho thuê lại lao động chỉ được phép thực hiện tại 17 loại hình công việc và thời hạn hợp đồng không được vượt quá 12 tháng. Các loại hình công việc cho thuê lại được cho phép trong Nghị định 55/2013/NĐ-CP không phản ánh đúng bản chất công việc mà các doanh nghiệp sử dụng lao động yêu cầu, thường bao gồm hình thức sử dụng lao động thuê ngoài hoặc dịch vụ được quản lý. Sự thiếu linh động trong lĩnh vực này đã gây ra nhiều vấn đề lớn về hoạt động và tuân thủ đối với những người tham gia thị trường lao động, cũng như không đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp thuê lại lao động trên thị trường.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Bằng việc cho phép các công ty tuyển dụng tư nhân được cung cấp các giải pháp nguồn nhân lực hoàn chỉnh, bao gồm cả cung ứng lao động thời vụ, lao động tạm thời, lao động thuê ngoài và dịch vụ kinh doanh được quản lý, Việt Nam sẽ có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động luôn thay đổi. Việc mở cửa lĩnh vực này theo hướng cho phép áp dụng mô hình cho thuê nhân sự tạm thời theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương

² Công ước C181 Công ước về Các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân năm 1997”, có hiệu lực từ năm 2000. Xem tại <http://www.ilo.org/dyn/normlex/en/?p=NORMLEXPUB:12100:0:NO:P12100_INSTRUMENT_ID:312326>

³ “Báo cáo kinh tế năm 2015”, (CIETT), 2015, trang 45. Xem tại <http://www.ciett.org/fileadmin/templates/ciett/docs/Stats/Economic_report_2015/CIETT_ER2015.pdf>

⁴ “Báo cáo kinh tế năm”, *op.cit*, p.47

binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH) và phối hợp với VEOF sẽ giúp đảm bảo các quyền lợi và bảo hiểm bắt buộc của người lao động và cũng cho phép ngành tự chủ hơn. Chúng tôi cho rằng Việt Nam cần có các quy định thoáng hơn về việc cho thuê lại lao động nhằm làm giảm số lượng các công việc chưa được khai báo. Việc cho thuê lại lao động mở ra một lựa chọn mới về ngành nghề này cho các doanh nghiệp và người lao động và mức độ của các quy định về việc cho thuê lại lao động với phạm vi ảnh hưởng của nghề nghiệp chưa khai báo có mối tương quan trực tiếp với nhau⁵

Ngoài ra, những biện pháp này sẽ giúp lực lượng lao động trẻ có được những kinh nghiệm quý báu và xây dựng bộ kỹ năng cho bản thân. Đây là cơ hội để Việt Nam thu hút được nhiều hơn các nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm một thị trường lao động linh hoạt.

Kiến nghị

- Công nhận VEOF là cơ quan quản lý ngành của Việt Nam;
- Cho phép thực hiện các phương thức sử dụng lao động linh hoạt bên cạnh hoạt động cho thuê lại lao động (ví dụ: lao động tạm thời, lao động thuê ngoài và dịch vụ kinh doanh được quản lý như để xuất của CIETT);
- Bỏ quy định về thời hạn tối đa cho thuê lại lao động trong hợp đồng buộc các doanh nghiệp phải thay đổi lao động 12 tháng một lần và tăng số lượng các loại hình công việc trong danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động;
- Cho phép công ty tuyển dụng tư nhân tự quyết phí dịch vụ cung cấp. Phí dịch vụ nên dựa trên tính phức tạp và bản chất của dịch vụ chào khách hàng. Để có thể cung cấp dịch vụ và tăng cường cạnh tranh trên thị trường, các công ty tuyển dụng tư nhân sẽ phải đảm bảo tất cả lao động phải được bảo vệ theo Luật Lao động;
- Bộ LĐTB&XH nên áp dụng các quy tắc về công ty tuyển dụng tư nhân đã được quốc tế công nhận, ví dụ như quy tắc trong Công ước 181 và Bộ Quy tắc Ứng xử CIETT⁶; và
- Xử phạt các đơn vị hoạt động lừa đảo (không tuân theo quy định pháp luật và không thực hiện đúng nghĩa vụ của đơn vị hoặc bảo đảm quyền lợi của người lao động).

II. BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

Bộ ngành liên quan: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH)

1. Lấy tiền lương làm căn cứ để tính mức đóng góp bảo hiểm xã hội

Mô tả vấn đề

Luật mới về Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13 được Quốc hội thông qua vào ngày 20/11/2014, sẽ có hiệu lực vào 01/01/2016 (Luật mới về Bảo hiểm Xã hội) và sẽ thay thế luật trước đây về Bảo hiểm Xã hội số 71/2006/QH11 được Quốc hội thông qua vào ngày 29/6/2006 (Luật Bảo hiểm Xã hội 2006). Bên cạnh một số thay đổi lớn, Luật mới cũng quy định một định nghĩa mới về tiền lương làm căn cứ để tính bảo hiểm xã hội.

Theo Luật này, tiền lương tháng ở thời điểm hiện tại được dùng làm căn cứ tính mức đóng góp bảo hiểm xã hội là mức lương được quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.⁷ Tuy nhiên trên thực tế, cơ quan Bảo hiểm Xã hội thường cho rằng mức lương được lấy làm căn cứ để tính bảo hiểm xã hội chỉ bao gồm tiền lương cơ bản được quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết và không bao gồm bất kỳ khoản phụ cấp nào.

⁵ *Ibid.*

⁶ "CIETT Code of Conduct", 2015. Available at <http://www.ciett.org/fileadmin/templates/ciett/docs/Corporate_literature/CiETT_Code_Conduct_-_2015.pdf>

⁷ Luật Bảo hiểm Xã hội hiện hành, Điều 94.

Tuy nhiên, Luật mới về Bảo hiểm Xã hội dần dần mở rộng định nghĩa về mức lương được dùng làm căn cứ tính mức đóng góp bảo hiểm xã hội.⁸ Cụ thể là:

- từ ngày 01/01/2016 (khi Luật mới về Bảo hiểm Xã hội bắt đầu có hiệu lực) đến trước ngày 31/12/2017, mức lương được dùng làm căn cứ để tính mức đóng góp bảo hiểm xã hội sẽ bao gồm cả tiền lương⁹ lẫn phụ cấp tiền lương.¹⁰
- từ ngày 01/01/2018 trở đi, mức lương được dùng làm căn cứ để tính mức đóng góp bảo hiểm xã hội sẽ bao gồm tiền lương, phụ cấp tiền lương và các khoản bổ sung khác.¹¹

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc mở rộng định nghĩa về tiền lương dùng làm căn cứ để tính mức đóng bảo hiểm xã hội (như đã đề cập ở trên) sẽ khiến phí bảo hiểm xã hội, cũng như chi phí lao động nói chung tăng lên theo.

Nhiều doanh nghiệp đã bày tỏ quan ngại về những thay đổi bất ngờ trong luật và gia tăng lớn về chi phí lao động.

Kiến nghị

- Chính phủ Việt Nam cần cân nhắc mở rộng phạm vi áp dụng khái niệm tiền lương theo Luật Bảo hiểm Xã hội mới để người sử dụng lao động có thể dẫn thích ứng với luật mới. Bên cạnh đó, Chính phủ cần thận trọng rà soát việc tăng lương tối thiểu trong khu vực.

2. Bảo hiểm Xã hội và Bảo hiểm Y tế cho người lao động không mang quốc tịch Việt Nam

Mô tả vấn đề

Hiện nay, người nước ngoài làm việc ở Việt Nam làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn “3 tháng trở lên” phải đóng góp bảo hiểm y tế. Hơn nữa, kể từ ngày 01/01/2018, người nước ngoài làm việc ở Việt Nam đã có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hay giấy phép hành nghề phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như đã quy định trong chương 1, điều 2.2 Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trên thực tế, một số lượng nhất định người nước ngoài sẽ giữ nguyên mức đóng bảo hiểm xã hội như ở quốc gia của người lao động đó và/hoặc tham gia các chương trình chăm sóc sức khỏe toàn cầu tư nhân. Trong trường hợp này, việc đóng bảo hiểm y tế và xã hội bắt buộc sẽ khiến người lao động và/hoặc người sử dụng lao động phải chịu thêm chi phí.

Kiến nghị

- Miễn đóng bảo hiểm xã hội và y tế bắt buộc trong trường hợp người sử dụng lao động và người nước ngoài làm việc ở Việt Nam có thể chứng minh rằng chương trình chăm sóc sức khỏe tư nhân và/hoặc bảo hiểm xã hội vẫn được duy trì tại quốc gia của họ.

3. Các điều khoản pháp lý cần được xem xét đặc biệt

Mô tả vấn đề

Trong quá trình rà soát Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13 đã xác định được một số điều luật thuộc các lĩnh vực cần bổ sung hướng dẫn để đảm bảo việc triển khai diễn ra nhất quán. Các lĩnh vực này bao gồm:

⁸ Luật Bảo hiểm Xã hội mới, Điều 89.2.

⁹ Mức lương theo công việc hoặc chức danh là mức lương được xác định theo thang bảng lương của người sử dụng lao động theo luật định. Trên thực tế, mức lương thường được gọi là “lương cơ bản” và có thể không thấp hơn mức lương tối thiểu trong khu vực do Chính phủ quy định (Luật Lao động, Điều 90, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP, Điều 21; Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH, Điều 3).

¹⁰ Phụ cấp lương là khoản tiền được trả để hỗ trợ điều kiện làm việc, điều kiện sinh hoạt, tính chất phức tạp và kém hấp dẫn của công việc mà không nằm trong lương (Luật Lao động, Điều 90, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP, Điều 21; Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH, Điều 3).

¹¹ Các khoản bổ sung khác là các khoản tiền được trả bên cạnh tiền lương và phụ cấp tiền lương phải liên quan tới công việc hoặc chức danh nêu trong hợp đồng lao động. Tuy nhiên, “không bao gồm khoản thưởng, chi phí ăn khi làm ca, chi phí hỗ trợ người lao động trong trường hợp người thân qua đời, đám cưới, sinh nhật, trợ cấp cho người lao động gặp khó khăn do tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp và các khoản tiền và phụ cấp hỗ trợ khác của người sử dụng lao động mà không liên quan tới công việc hoặc chức danh nêu trong hợp đồng lao động (Các khoản thanh toán ngoại lệ) (Luật Lao động, Điều 90, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP, Điều 21; Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH, Điều 3).

Theo chương 5, điều 86 của Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13, bắt đầu từ năm 2016, người sử dụng lao động sẽ không được phép giữ lại 2% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng. Do người sử dụng lao động chưa có kinh phí hoạt động cho khoản này, nên rất khó đảm bảo thanh toán đúng hạn những quyền lợi chính đáng của người lao động. Mặt khác, người sử dụng lao động không thể đảm bảo tất cả các yêu cầu cấp bảo hiểm sẽ được cơ quan bảo hiểm xã hội xét duyệt hoàn toàn. Điều này có thể gây mất thời gian, nỗ lực và chi phí về sau trong trường hợp này sinh thiếu đồng nhất.

Theo chương 5, điều 85.3 của Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13, Người lao động thôi việc sẽ đóng bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho đến ngày cuối cùng của tháng trước tháng làm việc cuối nếu tổng số ngày không lương và không làm việc của tháng làm việc cuối là 14 ngày hoặc hơn. Tuy nhiên, chưa xác định rõ liệu người lao động thôi việc chỉ được hưởng bảo hiểm y tế đến ngày thôi việc hay không. Trong trường hợp này, thông thường người lao động sẽ muốn giữ thẻ bảo hiểm y tế cho đến ngày làm việc cuối và người sử dụng lao động sẽ không thể trả lại thẻ bảo hiểm y tế cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo thời gian quy định. Điều này sẽ tăng thêm chi phí đóng vào quỹ bảo hiểm y tế do nộp chậm.

Theo chương 5, điều 88.2 của Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13, khi người lao động bị tạm giam, người sử dụng lao động và người lao động sẽ tạm thời được miễn đóng bảo hiểm xã hội và sẽ đóng bù khi người lao động đã được cơ quan chức năng xác nhận bị oan sai. Do không thể xác định trước thời gian tạm giam và người lao động không làm việc trong những điều kiện như đã nêu, việc đóng bảo hiểm xã hội sẽ gây rắc rối cho cả người lao động và người sử dụng lao động.

Khi xin trợ cấp khi ốm đau, bệnh tật, "24 ngày" được coi là số ngày làm việc hàng tháng tiêu chuẩn để tính mức trợ cấp như đã quy định trong chương 3, điều 28.4 của Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13. Điều này sẽ khiến một số người lao động mất đi thu nhập nếu chuẩn ngày làm việc của họ ít hơn 24 ngày một tháng.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Cung cấp những hướng dẫn rõ ràng hơn với phương pháp tiếp cận linh hoạt trong khuôn khổ các tiêu chuẩn đã thống nhất sẽ giúp việc thi hành được nhất quán hơn trong tất cả các công ty và cơ quan bảo hiểm, giảm thủ tục hành chính cho người sử dụng lao động và cán bộ công chức, và đem lại nhiều lợi ích hơn cho người lao động.

Kiến nghị

- Xác định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội phải thực hiện thanh toán kịp thời trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động;
- Xác định mốc thời gian cắt quyền lợi bảo hiểm y tế phù hợp với thời gian ngừng đóng bảo hiểm để phối hợp hành chính được hiệu quả
- Miễn đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian người lao động bị tạm giam. Tuy nhiên, chúng tôi kiến nghị Chính phủ xem xét đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho những người lao động bị tạm giam; và
- Cho phép người sử dụng lao động sử dụng chuẩn ngày làm việc hàng tháng riêng để tính toán các khoản bảo hiểm xã hội cho người lao động.

4. Gánh nặng hành chính

Mô tả vấn đề

Chương 7, mục 2 của Luật Bảo hiểm Xã hội số 58/2014/QH13 và đặc biệt Điều 102 cung cấp hướng dẫn về khung thời gian nộp, rà soát và xét duyệt các yêu cầu lợi ích của người lao động. Theo quy định, trong vòng một số ngày hoặc ngày làm việc nhất định tùy thuộc vào loại trợ cấp, người sử dụng lao động phải nộp các văn bản yêu cầu của người lao động tới cơ quan bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, những cơ quan này ở các tỉnh khác nhau đều đặt ra thông lệ riêng (ví dụ người sử dụng lao động chỉ có thể nộp các văn bản này một đến hai lần một tháng). Thêm vào đó, định nghĩa ngày không rõ ràng (ngày theo lịch hay ngày làm việc) gây hoang mang và thiếu nhất quán trong việc điều hành. Hơn nữa, quy định văn bản yêu cầu phải được nộp và nhận trực tiếp bởi người đại diện cho bên sử dụng lao động là một quy trình tốn thời gian.



Người lao động mắc bệnh cần phải chữa trị lâu dài sẽ được miễn đóng bảo hiểm y tế. Trên thực tế, người sử dụng lao động phải đợi cơ quan bảo hiểm xã hội xét duyệt yêu cầu trợ cấp trước khi đưa ra yêu cầu miễn giảm mặc dù miễn giảm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp đã được báo cáo và thông qua. Điều này dẫn đến việc mất nhiều thời gian và công sức cho việc quản lý, báo cáo.

Theo quy định, trong vòng 30 ngày trước ngày thẻ bảo hiểm y tế hết hạn, người sử dụng lao động phải nộp đơn xin phát hành thẻ bảo hiểm mới dựa trên danh sách các phòng khám và bệnh viện theo quy định của cơ quan bảo hiểm xã hội. Trên thực tế, cơ quan bảo hiểm xã hội liên tục thay đổi danh sách này sau khi cấp thẻ bảo hiểm mới. Người sử dụng lao động mất nhiều thời gian phối hợp với người lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội để cấp lại thẻ bảo hiểm y tế.

Sự thay đổi trong quy định hoặc các vấn đề liên quan đến việc hoạt động đòi hỏi những nỗ lực lớn từ người sử dụng lao động trong việc tìm thông tin chính xác qua nhiều kênh khác nhau.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Những quy định hoạt động trên đã gây ra những áp lực về thời gian, hành chính và làm tăng chi phí vận hành của cả doanh nghiệp và cán bộ công chức.

Kiến nghị

- Định nghĩa thống nhất “ngày làm việc” là mốc thời gian xử lý yêu cầu trợ cấp bảo hiểm xã hội. Trong thời gian đó, các cơ quan bảo hiểm xã hội phải tiếp nhận hồ sơ trong giờ làm việc thay vì theo một lịch hạn chế về mặt thời gian.
- Chấp nhận bản chụp quét các văn bản nộp qua thư điện tử để xét duyệt yêu cầu bảo hiểm. Người sử dụng lao động có trách nhiệm nộp toàn bộ bản gốc các văn bản yêu cầu bảo hiểm mỗi tháng một lần hoặc ba tháng một lần, theo thỏa thuận trước với cơ quan bảo hiểm xã hội.
- Chấp nhận bản sao các văn bản yêu cầu bảo hiểm do bệnh cần điều trị lâu dài để giảm mức bảo hiểm y tế.
- Vì thẻ bảo hiểm y tế được cấp mới mỗi năm, danh sách phòng khám và bệnh viện tiếp nhận người tham gia bảo hiểm y tế cần được cập nhật chậm nhất là ngày 15 tháng 11 để tiếp tục triển khai.
- Đề xuất cơ quan bảo hiểm xã hội lập ra một địa chỉ thư điện tử chính thức để kịp thời gửi thông báo/nhắc nhở cho người sử dụng lao động khi có thay đổi.

III. CÔNG ĐOÀN

Bộ ngành liên quan: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTB&XH)

Mô tả vấn đề

Trong thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc thực hiện một số chức năng quản lý lao động cơ bản. Điều này là do theo Bộ Luật Lao động mới số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 (Bộ Luật Lao động), người sử dụng lao động phải tham vấn công đoàn cấp trên trực tiếp, (thường là công đoàn cấp quận huyện) trong trường hợp doanh nghiệp không có công đoàn cơ sở, để có thể hoàn thành một số bước quản lý lao động cơ bản, ví dụ như xây dựng các nội quy lao động, xây dựng thang bảng lương và áp dụng một số biện pháp kỷ luật, bên cạnh các hoạt động khác. Theo Bộ Luật Lao động trước đây, người sử dụng lao động không cần tham vấn công đoàn nếu không có công đoàn cơ sở. Trong khi có nhiều doanh nghiệp đã nỗ lực tuân thủ luật và xin tham vấn từ công đoàn cấp trên trực tiếp theo quy định của Bộ Luật Lao động nhưng đã có nhiều trường hợp các công đoàn cấp trên này từ chối. Kết quả là, nhiều doanh nghiệp đã không thể thực hiện các chức năng quản lý lao động cơ bản.

Bộ Luật Lao động và Luật Công đoàn số 12/2012/QH13 ngày 20/6/2012 (Luật Công đoàn) quy định rằng công đoàn cấp trên trực tiếp là tổ chức đại diện cho tập thể lao động tại các doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở.¹² Theo đó, Bộ Luật Lao động yêu cầu các doanh nghiệp không có công đoàn cơ sở phải tham vấn, và trong một số trường hợp, có được sự đồng thuận với công đoàn cấp trên trực tiếp về bất cứ vấn đề gì liên quan đến quy định lao động hoặc lợi ích của người lao động. Bộ Luật Lao động và Luật Công đoàn chỉ rõ rằng công đoàn cấp trên trực tiếp phải đóng vai trò đại diện cho người lao động tại các doanh nghiệp không có công đoàn cơ sở, vì vậy họ có quyền và nghĩa vụ phải hoàn thành vai trò này và tham gia vào quá trình tham vấn.

Việc công đoàn cấp trên trực tiếp từ chối hợp tác với doanh nghiệp đã gây cản trở nghiêm trọng việc kinh doanh của các doanh nghiệp này. Ví dụ, nhiều doanh nghiệp đã không thể đăng kí nội quy lao động bởi theo luật, trong hồ sơ đăng kí phải có một công văn tham vấn công đoàn cấp trên trực tiếp về nội quy lao động. Nếu không có văn bản này, việc đăng kí nội quy lao động sẽ bị từ chối. Tuy nhiên, một số công đoàn cấp quận huyện (ví dụ như công đoàn quận Tân Bình và công đoàn quận 11 tại Thành phố Hồ Chí Minh) đã từ chối xem xét nội quy lao động của các doanh nghiệp không có công đoàn cơ sở. Các công đoàn này cho rằng việc nhận xét về nội quy lao động không nằm trong chức năng của họ và doanh nghiệp cần thành lập công đoàn cơ sở riêng để xem xét nội quy lao động của doanh nghiệp. Một số công đoàn cho biết họ đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh và Liên đoàn Lao động cấp tỉnh chỉ thị từ chối xem xét nội quy lao động. Các công đoàn cấp trên trực tiếp đã đưa ra các giải thích trên đây bằng lời nói, nhưng từ chối đưa ra bất kỳ phản hồi nào bằng văn bản.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Cách tiếp cận của các công đoàn cấp trên trực tiếp này trái với Bộ Luật Lao động và đi ngược lại tinh thần của Luật Công đoàn, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực đến kinh doanh, khiến cho Việt Nam kém hấp dẫn trong mắt nhà đầu tư.

Kiến nghị

- Về việc này, chúng tôi đề xuất Chính phủ phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam yêu cầu các công đoàn cấp trên trực tiếp trên cả nước chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo luật định.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham

¹² Điều 3.4 và 188.3 trong Luật Lao động; Điều 17 trong Luật Công đoàn.

CHƯƠNG 5 QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

TỔNG QUAN

Hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam đã tồn tại khoảng 25 năm và do đó, vẫn còn khá non trẻ so với các nước phát triển. Kể từ khi Luật Sở hữu trí tuệ (Luật SHTT)¹ lần đầu tiên được ban hành vào năm 2005, và sau đó được sửa đổi vào năm 2009², cùng với việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007 và Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (WTO Agreement on Trade Related Aspects of Intellectual Property Rights - TRIPS), Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể trong lĩnh vực này và đã phát triển một hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (quyền SHTT) khá toàn diện, bao quát các khía cạnh quan trọng nhất về quyền SHTT. Tuy nhiên, với sự phát triển không ngừng của các hiệp định quốc tế như Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực để thúc đẩy nhận thức và cải thiện khung pháp lý trong lĩnh vực này nhằm giải quyết các thách thức mới xuất hiện trong những năm tiếp theo khi Việt Nam phải tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.

Một hệ thống quyền SHTT mạnh là một yếu tố thiết yếu để thúc đẩy khả năng sáng tạo, điều mà theo Ngân Hàng Thế Giới là một trong bốn trụ cột để xây dựng một nền kinh tế dựa vào tri thức.³ Đây cũng là một yếu tố quyết định đối với Việt Nam nhằm triển khai thành công chiến lược phát triển bền vững trong giai đoạn 2011-2020.⁴ Một hệ thống quyền SHTT vững mạnh sẽ đem lại lợi ích cho các đối tác nước ngoài cũng như các doanh nghiệp Việt Nam, giúp các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu, và mang lại tiềm năng lợi ích to lớn cho toàn xã hội thông qua việc bảo vệ người tiêu dùng trước các sản phẩm giả, không đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn và sức khỏe. Bảo vệ quyền SHTT, đặc biệt là việc thực thi quyền SHTT, là giải pháp nhiều bên cùng có lợi, và nên là vấn đề trọng tâm đối với sự phát triển của Việt Nam.

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ (TBQSHTT) thuộc EuroCham bao gồm các thành viên là đại diện của các công ty luật và doanh nghiệp. Kể từ năm 2012, TBQSHTT là một diễn đàn nơi các thành viên có thể chia sẻ và trao đổi ý kiến về việc tăng cường bảo hộ quyền SHTT tại Việt Nam và thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền, nhằm thúc đẩy việc bảo vệ quyền SHTT tại Việt Nam trong tất cả các ngành. Trước nhu cầu cấp thiết về một hệ thống quyền SHTT mạnh mẽ tại Việt Nam, tại chương này, chúng tôi xin đề cập đến ba vấn đề nổi bật và mong muốn có cơ hội tăng cường đối thoại với các cơ quan chức năng của Việt Nam.

I. QUYỀN SHTT TRÊN MÔI TRƯỜNG TRỰC TUYẾN

Bộ ngành liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KHHCN), Cục Sở hữu Trí tuệ (Cục SHTT), Bộ Công thương (BCT), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTTDL), Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT)

Mô tả vấn đề

Việt Nam đứng thứ 14 trên toàn cầu về số lượng người sử dụng Internet. Tỷ lệ dân số tiếp cận Internet đã đạt đến 44%.⁵ Thương mại điện tử đang bùng nổ và dự kiến sẽ tạo ra doanh thu 4 tỷ Đô-la Mỹ vào năm 2015.⁶ Khi số lượng người sử dụng internet ngày càng gia tăng, các hành vi vi phạm trên môi trường trực tuyến cũng tăng theo. Tuy

¹ Luật số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 về Sở Hữu Trí Tuệ (ban hành theo Lệnh số 28/2005/L-CTN ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam). Tham khảo tại: <<http://www.wipo.int/wipolex/en/details.jsp?id=12011>>.

² Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 06 năm 2009 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Sở Hữu Trí Tuệ (ban hành theo Lệnh số 12/2009/L-CTN ngày 29 tháng 06 năm 2009 của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam). Tham khảo tại: <<http://www.wipo.int/wipolex/en/details.jsp?id=6566>>.

³ Derek H. C. Chen và Carl J. Dahlman. Nền kinh tế tri thức, Phương pháp luận KAM và các hoạt động của Ngân Hàng Thế Giới. Tham khảo tại: <http://siteresources.worldbank.org/WBI/Resources/The_Knowledge_Economy-FINAL.pdf>.

⁴ "Vấn đề phát triển nền kinh tế tri thức tại Việt Nam trong những năm gần đây", NCEIF, 2015. Tham khảo tại: <<http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/vandephattrienkinhte-nd-15965.html>>

⁵ "Cuộc cách mạng di động của Việt Nam làm bùng nổ hàng triệu người vào kỷ nguyên Kỹ thuật số", Nhật Báo Phố Wall, 12/06/15. Tham khảo tại <<http://www.wsj.com/articles/vietnams-mobile-revolution-catapults-millions-into-the-digital-age-1434085300>> tra cứu ngày 12 tháng 08 năm 2015.

⁶ Như trên.

vậy, việc xử lý vi phạm vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt đối với hành vi mua bán trái phép các tác phẩm có bản quyền (vi phạm bản quyền trực tuyến), các sản phẩm vi phạm, các hành vi vi phạm quyền SHTT trên các trang mạng, cũng như hành vi lợi dụng đăng ký hoặc duy trì tên miền (chiếm dụng tên miền).

Hiện nay, ở một chừng mực nào đó, ngày càng nhiều các nhà cung cấp nội dung trực tuyến đang cung cấp nội dung mang bản quyền được cấp phép sử dụng.⁷ Nhìn chung, nhận thức về bảo vệ quyền tác giả trên môi trường trực tuyến trong công chúng và các cơ quan nhà nước dường như đã được nâng cao. Tuy nhiên, vi phạm trên môi trường trực tuyến vẫn là một vấn đề trọng tâm đối với các chủ thể quyền SHTT. Gần đây đã có một số đơn khiếu nại hành chính đối với hành vi vi phạm bản quyền trên một số trang mạng và đã có một vụ kiện dân sự đối với một nhà cung cấp nội dung trực tuyến.⁸ Về tranh chấp tên miền, đã có một vụ việc không thể xác minh được địa chỉ của người chiếm dụng tên miền nhưng đã được giải quyết thành công tại tòa – đây là vụ án dân sự thứ hai liên quan tới tranh chấp tên miền được xét xử tại Việt Nam.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều lĩnh vực mà trong đó việc bảo vệ và thực thi quyền SHTT cần được cải thiện. Việc xâm phạm bản quyền trực tuyến vẫn rất phổ biến liên quan tới tất cả các loại hình nội dung (phần mềm, âm nhạc, phim ảnh, sách, v.v.) trong khi mức phạt vi phạm hành chính vẫn còn thấp.⁹ Thêm vào đó, các sản phẩm vi phạm vẫn tràn ngập trên môi trường trực tuyến, cả trên các trang mạng Internet và các trang mạng di động. Trong khi đó, Luật SHTT, được ban hành vào năm 2005, hiện nay đã lỗi thời và khiến cho việc xử lý vi phạm trên môi trường trực tuyến cực kỳ khó khăn. Tương tự, việc xử lý vi phạm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian còn hạn chế và trên thực tế là không thể thực hiện được.¹⁰ Các biện pháp “thông báo và tháo gỡ (nội dung vi phạm)” vẫn chưa được đưa vào quy định pháp luật. Các tranh chấp tên miền hầu như không thể giải quyết thông qua các khiếu nại hành chính, cụ thể là tranh cãi gần đây giữa các cơ quan chức năng đã tước đi khả năng của các chủ thể quyền SHTT trong việc yêu cầu các cơ quan hành chính cưỡng chế thu hồi tên miền. Dự kiến thông tư liên tịch giữa hai bộ có liên quan sẽ được ban hành vào tháng 11 năm 2015¹¹ để giải quyết vấn đề này. Ngoài ra, vẫn chưa có quy định về xử phạt hành chính đối với những chủ đăng ký tên miền không xác minh được danh tính hay địa chỉ tại Việt Nam, vẫn còn cần rất nhiều thời gian và công sức cho các vụ kiện dân sự mà kết quả thì rất khó dự đoán.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

- Thương mại điện tử: doanh thu tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây.
- Quyền tác giả trên môi trường trực tuyến: khuyến khích sáng tạo và đổi mới, góp phần tăng nguồn thu thuế.
- Hàng hóa vi phạm/giả mạo: tăng cường bảo vệ người tiêu dùng, bao gồm chống hàng giả có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe.
- Tên miền: cần có cơ chế thu hồi tên miền và ngăn chặn các hành vi chiếm dụng tên miền một cách nhanh chóng hơn.

Kiến nghị

Chúng tôi xin đưa ra các kiến nghị sau đây:

- Sửa đổi Luật SHTT và các văn bản dưới luật để quy định các biện pháp thực thi quyền SHTT trên môi trường trực tuyến;
- Tăng mức phạt vi phạm hành chính đối với các cá nhân có hành vi vi phạm quyền tác giả;¹²
- Tăng cường nỗ lực xử lý các trang web vi phạm và thực hiện theo Thông tư liên tịch số 07/2012/

⁷ Tổ chức Liên minh Sở hữu Trí tuệ Thế giới (*International Intellectual Property Alliance*), “Ấn Phẩm Đặc Biệt số 301/2014: Việt Nam”, Ấn Phẩm Đặc Biệt số 301/2014: Báo cáo về Bảo vệ và Thực thi Quyền Tác giả, ngày 07/02/2014, trang 78.

⁸ “Website âm nhạc hàng đầu Việt Nam bị kiện vi phạm bản quyền”, *Báo Thanh Niên News*, 31/07/14. Tham khảo tại <<http://www.thanhniennews.com/entertainment/top-vietnamese-music-site-faces-lawsuit-over-copyright-infringement-29292.html>> và “Hiệp hội ghi âm khiếu kiện vi phạm bản quyền”, *Báo Vietnam Net Bridge*, 26/12/13. Tham khảo tại: <<http://english.vietnamnet.vn/fms/science-it/92334/recording-assoc--seeks-to-fight-copyright-violation.html>>

⁹ *Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam*. “Báo cáo về Quyền Sở hữu Trí tuệ tại Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày 08/02/2013 và “Về phần biện pháp xử phạt hành chính, Nghị định số 131/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan ban hành ngày 16/10/2013, thì thậm chí còn giảm mức phạt đối với cá nhân.

¹⁰ Quá ít biện pháp xử lý hành vi vi phạm đã được thực hiện dựa trên Thông tư số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng internet và mạng viễn thông ngày 19/06/2012.

¹¹ Chương này được hoàn tất vào ngày 09 tháng 10 năm 2015.

¹² Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ban hành ngày 16/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan. Tham khảo tại <http://www.itpc.gov.vn/investors/how_to_invest/law/Decree_No.131_2013/view>.

TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19 tháng 06 năm 2012; Sửa đổi Thông tư trên để đưa vào các biện pháp “thông báo và tháo gỡ (nội dung vi phạm)”;

- Bộ KHHCN và Bộ TTTT cần ban hành thông tư liên tịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hồi tên miền được giải quyết thông qua các biện pháp hành chính;
- Áp dụng cơ chế giải quyết theo Chính sách thống nhất giải quyết tranh chấp tên miền (Domain Name Dispute Resolution Policy - UDRP) để giải quyết các tranh chấp tên miền ".vn", hoặc sửa đổi luật để các cơ quan hành chính giải quyết các vụ việc hiệu quả hơn – kể cả khi chủ đăng ký tên miền vắng mặt; và
- Tiếp tục nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc bảo vệ tất cả các loại quyền SHTT trên môi trường trực tuyến.

II. QUYỀN TÁC GIẢ

Bộ ngành liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT-DL), Cục Bản quyền tác giả (Cục BQTG)

Mô tả vấn đề

1. Thủ tục đăng ký

Chúng tôi được biết Cục Bản quyền tác giả (Cục BQTG) yêu cầu các tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả nộp bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của họ và cung cấp địa chỉ cư trú khi nộp đơn đăng ký quyền tác giả tại Việt Nam. Cục BQTG cũng công bố họ tên, địa chỉ, số và ngày tháng của các giấy tờ trên trên cơ sở dữ liệu về quyền tác giả trực tuyến miễn phí mà mọi người đều có thể truy cập trên trang web chính thức của Cục BQTG.

2. Giám định quyền tác giả

Luật SHTT quy định về quyền của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu giám định sở hữu trí tuệ khi giải quyết các vụ việc xâm phạm quyền SHTT, và quyền của chủ thể quyền SHTT và các tổ chức và cá nhân khác trong việc yêu cầu giám định sở hữu trí tuệ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.¹³ Tuy nhiên, cho đến nay, sau 10 năm thực hiện Luật SHTT, không có một cơ quan chuyên môn nào tại Việt Nam cung cấp hiệu quả dịch vụ giám định các vấn đề quyền tác giả.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Những vấn đề này đã gây quan ngại sâu sắc cho các tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả, những người hành nghề và công chúng. Trên thực tế, vấn đề này gây khó khăn lớn cho việc thực thi quyền tác giả tại Việt Nam. Chúng tôi được biết, nhiều chủ sở hữu quyền tác giả, đặc biệt là các chủ sở hữu là người nước ngoài, đành bỏ qua việc nộp đơn đăng ký quyền tác giả tại Việt Nam do không muốn phải tiết lộ các thông tin cá nhân riêng tư theo yêu cầu của Cục BQTG. Việc thiếu giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và thiếu vắng các cơ quan chuyên môn có khả năng giám định các vấn đề quyền tác giả là một trong những trở ngại chính trong việc thực thi quyền tác giả tại Việt Nam.

Kiến nghị

- Xóa bỏ các yêu cầu bất hợp lý yêu cầu chủ sở hữu quyền tác giả và tác giả cung cấp thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân/hộ chiếu khi nộp đơn đăng ký quyền tác giả.
- Thiết lập các cơ quan có khả năng thực hiện giám định về quyền tác giả.

III. ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ VÀ NHÃN HIỆU

Bộ ngành liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KHHCN), Cục Sở hữu trí tuệ (Cục SHTT)

Mô tả vấn đề

Chúng tôi rất phấn khởi với những nỗ lực của Việt Nam trong việc cải thiện cơ chế đăng ký quyền sở hữu công

¹³ Luật SHTT số 50/2005/QH11, Điều 201.

nghiệp, cơ chế này được nhìn nhận là tương đối toàn diện.¹⁴ Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng và cần hướng dẫn và giải thích thêm. Chúng tôi sẽ thảo luận các vấn đề này trong phần tiếp theo, bao gồm cả các vấn đề đã được đề cập trong các ấn phẩm trước đây của chúng tôi. Qua việc đề cập lại các vấn đề này trong ấn phẩm năm nay, chúng tôi mong muốn sẽ nhận được sự lưu tâm và giải quyết nhanh chóng của Chính phủ Việt Nam và các cơ quan hữu quan.

1. Tính minh bạch

Chúng tôi nhận thấy, mặc dù đã đạt được các thành quả nhất định trong việc xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu trực tuyến của Cục SHTT về các đơn và các đăng ký sở hữu công nghiệp, và cơ sở dữ liệu này trong một khoảng thời gian nhất định đã chứng tỏ là một công cụ hữu ích cho việc tra cứu đơn và các đăng ký sở hữu công nghiệp, cơ sở dữ liệu này hiện nay đã trở nên khó truy cập, không được cập nhật thường xuyên và còn thiếu các thông tin quan trọng bao gồm các dữ liệu về khiếu nại và hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ. Thêm vào đó, chúng tôi mong muốn cơ sở dữ liệu này sẽ bao gồm các quyết định và kết luận của Cục SHTT về các vấn đề phản đối, khiếu nại và hủy bỏ hiệu lực, cho phép chủ thể quyền và người hành nghề được tiếp cận các lập luận của các quyết định và kết luận này, nhằm khuyến khích tính thống nhất trong các quyết định và kết luận của thẩm định viên.

2. Đăng ký sáng chế

a. Đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế¹⁵

- i. Chương trình máy tính: Theo quy định của pháp luật Việt Nam, các chương trình máy tính không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế tại Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tiễn thẩm định sáng chế, một số thẩm định viên Việt Nam có thể chấp nhận bảo hộ sáng chế đối tượng này khi các chương trình được chuyển đổi hình thức hay ngôn ngữ thể hiện, ví dụ như một phương pháp để vận hành một thiết bị thông thường, một thiết bị được cài đặt để thực hiện một phương pháp, một vật ghi chứa chương trình để thực hiện phương pháp. Đặc biệt, một chương trình máy tính có thể được bảo hộ dưới danh nghĩa sáng chế tại Việt Nam khi được mô tả lại bằng từ ngữ như một vật ghi đọc được trên máy tính chứa chương trình máy tính. Trong khi đó, các thẩm định viên khác có thể không có cùng quan điểm này và có thể từ chối bảo hộ các đối tượng được chuyển đổi hình thức hay ngôn ngữ thể hiện.
- ii. Quy trình sản xuất thực vật, động vật chủ yếu mang bản chất sinh học mà không phải là quy trình vi sinh: Khái niệm “quy trình vi sinh” và “bản chất sinh học” không được giải thích trong pháp luật Việt Nam. Hiện tại, các thẩm định viên Việt Nam, trên thực tế, kiểm tra liệu có bản chất sinh học hay không thông qua việc xác định liệu can thiệp kỹ thuật của con người có dẫn tới kết quả hay hiệu quả của toàn bộ quá trình hay không. Việc đánh giá và ghi nhận một quy trình sinh học sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc liệu các vi sinh vật như nấm, vi khuẩn, vi-rút có tham gia vào quy trình này hay không. Nếu câu trả lời là có, quy trình sản xuất động thực vật này có khả năng được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế tại Việt Nam.
- iii. Đối tượng «sử dụng»: Mặc dù không có quy định rõ ràng trong các văn bản pháp luật, các thẩm định viên Việt Nam hiện có xu hướng từ chối các đối tượng “sử dụng” trong đơn yêu cầu bảo hộ sáng chế. Cho đến nay, việc xử lý đối tượng “sử dụng” vẫn gây rất nhiều tranh cãi và chưa nhất quán. Ví dụ, việc chuyển đổi ngôn ngữ thể hiện thành “hợp chất để sử dụng” thay vì “sử dụng hợp chất” trong một số trường hợp có thể được coi là có khả năng được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế, nhưng lại có thể bị từ chối trong các trường hợp tương tự khác. Cần lưu ý rằng, nhìn chung, đối tượng sử dụng của một hợp chất đã biết chưa bao giờ được ghi nhận bất kể được chuyển đổi ngôn ngữ thể hiện theo nhiều cách khác nhau. Lý do từ chối chung là việc sử dụng được coi như một đặc tính chức năng của hợp chất đã biết và do đó không có vai trò mang lại tính mới cho hợp chất. Lý do này không thực sự thuyết phục và trong một chừng mực nào đó trái với quy định pháp luật.¹⁶

b. Đơn tách thể hệ thứ hai¹⁷

Các quy định pháp luật không thể hiện rõ ràng liệu chủ đơn có quyền nộp đơn tách thể hệ thứ hai trên cơ sở đơn tách thể hệ thứ nhất trong khi đơn ban đầu đã được cấp bằng hay bị từ chối hay không? Vấn đề này là một vấn đề thiết yếu, đặc biệt đối với các chủ đơn là người phải quyết định liệu sẽ nộp cùng một lúc nhiều đơn tách hay là sẽ nộp một đơn trước, sửa đổi đơn đầu tiên và sau đó tiếp tục với các đơn tách thể hệ thứ hai để có nhiều thời gian

¹⁴ Cơ quan SHTT Anh Quốc. Quyền SHTT tại Việt Nam. Tháng 04/2013. Tham khảo tại <https://www.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/456371/IP_rights_in_Vietnam.pdf>.

¹⁵ Luật SHTT số 50/2005/QH11, Điều 59.

¹⁶ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCHN, Điều 25.5.d(i) và (ii).

¹⁷ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCHN, Điều 17.2.

cân nhắc hơn. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, cả hai phương án này đều có thể thực hiện được.

c. Sửa đổi bằng độc quyền sáng chế¹⁸

Ngoài việc hiệu đính bản mô tả, trong một số trường hợp nhất định, chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế chỉ có thể yêu cầu giảm số lượng yêu cầu bảo hộ trong một bằng độc quyền sáng chế sau khi đã được cấp. Trong khi đó, trên thực tiễn, nhiều nước chấp nhận cho thu hẹp phạm vi bảo hộ của một yêu cầu bảo hộ.

d. Hủy bỏ hiệu lực bằng độc quyền sáng chế¹⁹

Bằng độc quyền sáng chế có thể bị hủy bỏ hiệu lực nếu sáng chế được bảo hộ không đáp ứng các điều kiện bảo hộ. Tuy nhiên, pháp luật chỉ quy định các điều kiện chung về bảo hộ bằng sáng chế, cụ thể là tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp²⁰ mà không có quy định chi tiết cho các điều kiện chung này, khiến vấn đề quan trọng này bị bỏ ngỏ một cách khó xác định và không rõ ràng.

3. Đăng ký nhãn hiệu

a. Nhãn hiệu nổi tiếng

Nhãn hiệu nổi tiếng trên thực tế được bảo hộ tại Việt Nam theo Điều 74.2(i) của Luật SHTT. Tiêu chí chung cho việc bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng được quy định tại Điều 75 của Luật SHTT. Trên thực tế, vẫn chưa rõ liệu một nhãn hiệu phải được sử dụng đến mức độ nào thì được coi là nhãn hiệu nổi tiếng, và ai là người quyết định liệu một nhãn hiệu có nổi tiếng hay không. Thực tiễn hiện nay cho thấy cơ quan đưa ra các quyết định này là cơ quan nhà nước hoặc tòa án xem xét vụ việc. Chúng tôi đề xuất Việt Nam đưa ra các hướng dẫn chi tiết cho việc đánh giá các nhãn hiệu nổi tiếng và công bố các trường hợp này.

Một vấn đề khác là Cục SHTT đã không đồng ý với các phản đối đăng ký nhãn hiệu của các chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng, với lý do một nhãn hiệu càng nổi tiếng thì người tiêu dùng càng ghi nhớ nhãn hiệu đó tốt hơn, do đó, người tiêu dùng sẽ dễ dàng phân biệt một nhãn hiệu tương tự có sau với một nhãn hiệu có trước nếu nhãn hiệu có trước là nhãn hiệu nổi tiếng. Cách giải thích kỳ lạ này đã thu hẹp phạm vi bảo hộ các nhãn hiệu nổi tiếng, do nó dẫn đến quan điểm nguy hiểm rằng một nhãn hiệu càng nổi tiếng thì phạm vi bảo hộ càng hẹp hơn. Chúng tôi rất mong muốn Cục SHTT và Bộ KH-CN xem xét lại quan điểm này.

b. Hành vi không trung thực/Ý đồ xấu

Mặc dù cụm từ “không trung thực” được đề cập một cách ngắn gọn trong Điều 96.3 của Luật SHTT, từ ngữ của Điều 96.3 có thể dẫn đến diễn giải khác nhau về việc liệu hành vi “không trung thực” có thể là cơ sở độc lập để quyết định hủy bỏ hiệu lực hay từ chối bảo hộ nhãn hiệu hay không. Mặc dù Cục SHTT đã xác nhận trong một cuộc họp với EuroCham năm vừa qua rằng “không trung thực” có thể là cơ sở độc lập để hủy bỏ hiệu lực đăng ký nhãn hiệu hay để từ chối đơn đăng ký nhãn hiệu, chúng tôi vẫn chưa rõ rằng liệu các cơ quan nhà nước khác và tòa án có cùng chung quan điểm với Cục SHTT về vấn đề này hay không. Bên cạnh đó, vẫn còn chưa có quy định rõ ràng về những gì có thể được coi là “không trung thực”. Khi không có một định nghĩa cụ thể nào, Liên Minh Châu Âu (EU) và Hoa Kỳ, thông qua các phán quyết tòa án, dường như có một cách tiếp cận mở và kết luận một loạt các hành động được coi là “không trung thực/có ý định xấu”. Chúng tôi đề xuất Việt Nam tham khảo cách tiếp cận của Châu Âu và Hoa Kỳ về vấn đề này và ban hành các quy định phù hợp trong lần sửa đổi tiếp theo của Luật SHTT. Để thuận tiện cho việc xem xét, các hành vi sau đây đã được các tòa án Châu Âu và Hoa Kỳ xem là các hành vi được thực hiện với ý đồ xấu:

Nộp đơn yêu cầu đăng ký nhãn hiệu khi đã biết về quyền có trước của bên thứ ba, bao gồm trường hợp có quan hệ kinh doanh với bên thứ ba; có ý đồ lợi dụng danh tiếng của bên thứ ba đối với quyền có trước; có ý định ngăn cản việc một bên thứ ba thâm nhập thị trường; tiến hành nộp nhiều đơn yêu cầu đăng ký các nhãn hiệu của bên khác, đăng ký đầu cơ nhãn hiệu và tên miền; có ý đồ lách quy định về nghĩa vụ sử dụng nhãn hiệu (bằng cách nộp đơn đăng ký lại nhiều lần đối với một nhãn hiệu); đăng ký chủ yếu để gây cản trở hoạt động kinh doanh của đối thủ cạnh tranh; không trả lời đúng hạn; đầu cơ nhằm mục đích bán lại nhãn hiệu/tên miền; ý đồ thu hút người

¹⁸ Thông tư số 01/2007/TT-BKH-CN, Điều 17.1.

¹⁹ Luật SHTT số 50/2005/QH11, Điều 96.

²⁰ Luật SHTT số 50/2005/QH11, Điều 58.

tiêu dùng từ địa chỉ trực tuyến của chủ sở hữu nhãn hiệu sang trang mạng của bên vi phạm; cung cấp thông tin liên hệ giải mạo khi nộp đơn đăng ký.

Đây là danh sách không đầy đủ và cần tiếp tục được bổ sung theo thời gian do tính chất phức tạp trong hành vi của các bên vi phạm.

c. Đăng ký nhãn hiệu dược phẩm

Chúng tôi nhận thấy một số lượng lớn nhãn hiệu dược phẩm rất tương tự hiện cùng tồn tại trong Đăng bạ nhãn hiệu quốc gia. Ấn tượng chung là mức độ tương tự áp dụng trong thẩm định nhãn hiệu dược dường như thấp hơn nhiều so với mức độ áp dụng cho các nhãn hiệu thông thường, cho dù thực tế là việc nhầm lẫn đối với sản phẩm dược có thể gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng. Chúng tôi tin rằng cần có một cách tiếp cận hợp lý hơn trong thẩm định nhãn hiệu dược nhằm tăng niềm tin cho các nhà sản xuất các sản phẩm dược tiên tiến và thúc đẩy một môi trường cạnh lành mạnh và công bằng tại Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc cải thiện cơ chế đăng ký bằng sáng chế và nhãn hiệu sẽ thúc đẩy việc bảo vệ các doanh nghiệp tại Việt Nam một cách hiệu quả. Do năng lực thực thi quyền SHTT hiện nay còn nhiều hạn chế, một cơ chế đăng ký nhãn hiệu và sáng chế hoàn thiện sẽ hỗ trợ rất lớn cho các cơ quan thực thi quyền SHTT. Với nhận thức ngày càng cao về quyền SHTT trong công chúng, đặc biệt là trong khối các doanh nghiệp, nhu cầu về một hệ thống đăng ký nhãn hiệu và sáng chế đầy đủ và hiệu quả càng trở nên cấp thiết hơn và một hệ thống như vậy sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh và đầu tư.

Kiến nghị

Chúng tôi xin kiến nghị các cơ quan nhà nước Việt Nam đảm bảo việc thực hiện các cải thiện sau đây đối với hệ thống đăng ký sáng chế và nhãn hiệu hiện tại của Việt Nam:

- Công bố văn bản các kết luận và quyết định về quyền SHTT của tòa án, Bộ KH-CN, Cục SHTT và các cơ quan nhà nước khác;
- Đảm bảo cơ sở dữ liệu sáng chế và nhãn hiệu trực tuyến được cập nhật thường xuyên và có thể truy cập dễ dàng;
- Ban hành hướng dẫn cụ thể về việc xác định các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế và các trường hợp ngoại lệ, nếu có;
- Quy định cụ thể về các vấn đề tách đơn sáng chế, sửa đổi và hủy bỏ hiệu lực bằng độc quyền sáng chế;
- Ban hành hướng dẫn cụ thể về đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng và duy trì danh sách các nhãn hiệu nổi tiếng;
- Thừa nhận khảo sát thị trường như một phương pháp chứng minh một nhãn hiệu là nhãn hiệu nổi tiếng và hướng dẫn chi tiết về việc thực thi quy định này;
- Ban hành quy định cụ thể về việc từ chối bảo hộ và hủy bỏ hiệu lực đăng ký nhãn hiệu đã được nộp đơn hay đăng ký một cách không trung thực;
- Bảo đảm việc áp dụng các cách tiếp cận hợp lý trong thẩm định nhãn hiệu dược.
- Ban hành quy chế thẩm định nhãn hiệu toàn diện, đóng vai trò chỉ dẫn cho việc thẩm định nhãn hiệu.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Nga Nguyễn, Chủ tịch, Luật sư Hogan Lovells International LLP và các thành viên Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ.

CHƯƠNG 6 THỦ TỤC TƯ PHÁP

TỔNG QUAN

Trong phiên bản Sách trắng năm ngoái, chúng tôi đã bổ sung một chương về thủ tục tư pháp tại Việt Nam bởi nhiều thành viên của chúng tôi đã thông báo về những vướng mắc nghiêm trọng mà họ gặp phải khi cố gắng thực thi quyền của mình tại Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường ưu tiên giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài thay vì đưa ra Tòa án Nhân dân. Việc sử dụng trọng tài trong nước cũng như trọng tài quốc tế đã làm nảy sinh một số vấn đề mà chúng tôi muốn nêu bật trong chương này. Bên cạnh các nội dung khác, chúng tôi sẽ đánh giá những thay đổi tích cực đạt được kể từ năm ngoái xét theo ba chủ đề sau: hệ thống Tòa án Việt Nam, công tác trọng tài tại Việt Nam, và việc công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

I. HỆ THỐNG TÒA ÁN VIỆT NAM

Bộ ngành liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế)

Mô tả vấn đề

Cảm nhận về sự thiếu độc lập của hệ thống tư pháp là một trong những nguyên nhân chính khiến nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng tránh sử dụng các Tòa án Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Theo Báo cáo Năng lực Cạnh tranh toàn cầu do Diễn đàn Kinh tế Thế giới phát hành hàng năm, Việt Nam liên tục xếp hạng thấp (với rất ít tiến bộ) ở cả hai tiêu chí: tính độc lập của hệ thống tư pháp, và hiệu quả của khuôn khổ pháp lý trong việc giải quyết tranh chấp. Nghiên cứu so sánh năm 2014-2015 xếp Việt Nam ở vị trí 92 trong tổng số 144 nước tham gia ở hạng mục "thiết chế", hạng mục này bao gồm một số nội dung như: quyền sở hữu (trí tuệ), tính độc lập của hệ thống tư pháp, sự thiên vị trong quyết định của quan chức Chính phủ, hiệu quả của khuôn khổ pháp lý trong giải quyết tranh chấp và chất vấn luật định, và tính minh bạch trong hoạt động hoạch định chính sách của Chính phủ.¹

Bảng 3: Năng lực cạnh tranh của Việt Nam theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới

Năm	Tính độc lập của hệ thống tư pháp	Hiệu quả của Khuôn khổ Pháp lý trong Giải quyết Tranh chấp	Thiết chế
2012-2013	# 87 trên 144	# 74 trên 144	# 89 trên 144
2013-2014	# 89 trên 148	# 93 trên 148	# 98 trên 148
2014-2015	# 88 trên 144	# 89 trên 144	# 92 trên 144

*Nguồn: K. Schwab, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, <http://www.weforum.org/>²

Hệ thống Tòa án Việt Nam hiện đang được điều chỉnh theo Luật 62/2014/QH13 quy định Tổ chức của Tòa án Nhân dân. Luật mới này nhằm một số mục đích, trong đó có việc làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ

¹ K. Schwab, "Diễn đàn Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu 2014-2015", 2014, trang 384-5. Tham khảo tại http://www3.weforum.org/docs/WEF_GlobalCompetitivenessReport_2014-15.pdf

² Như trên

chức của hệ thống tư pháp Việt Nam, và một trong những thay đổi then chốt của Luật này là việc áp dụng cấp độ thứ tư của hệ thống Tòa án: Tòa án Nhân dân Cấp cao. Tiếc là, mặc dù Chính phủ Việt Nam không ngừng nỗ lực cải cách hệ thống tư pháp phù hợp với Chiến lược Cải cách Tư pháp đến năm 2020 và Tầm nhìn đến năm 2030³, và mặc dù đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế ở lĩnh vực này⁴⁵, nhưng nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn e ngại khi giải quyết tố tụng tại các Tòa án Việt Nam.

Hơn thế nữa, phạm vi dịch vụ pháp lý mà các công ty luật nước ngoài được phép cung cấp vẫn chưa rõ ràng sau khi Nghị định 123/2013/NĐ-CP hướng dẫn việc triển khai Luật Luật sư 2012 được thông qua. Theo quy định của luật này, một luật sư Việt Nam đáp ứng đầy đủ các yêu cầu vẫn không được đại diện cho khách hàng trước Tòa án Việt Nam nếu luật sư đó đang làm việc cho một công ty luật nước ngoài. Hiện vẫn chưa rõ liệu một loạt hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đang đàm phán hoặc đã ký kết có thể giúp gỡ bỏ ít nhiều những giới hạn về phạm vi dịch vụ mà các luật sư Việt Nam làm việc cho các công ty luật nước ngoài được phép cung cấp hay không.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo lời của bà Věra Jourová, Cao ủy Liên minh châu Âu về Công lý, Người Tiêu dùng, và Bình đẳng Giới, thì: “Các hệ thống tư pháp hiệu quả đóng vai trò then chốt để tạo môi trường đầu tư thân thiện và khả năng tiên lượng tốt hơn về các quy định luật pháp, do đó góp phần tạo nên tăng trưởng bền vững”⁶. Khi lên kế hoạch đầu tư ở nước ngoài, một trong những yếu tố mà nhà đầu tư nước ngoài quan tâm là sự hiệu quả và minh bạch của hệ thống tư pháp. Do đó, chúng tôi tin rằng việc tiếp tục cải cách hệ thống tư pháp tại Việt Nam sẽ có tác dụng nâng cao niềm tin của nhà đầu tư, từ đó thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng.

Kiến nghị

- ▶ Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể để cải thiện khả năng tiếp cận hệ thống tư pháp hiệu quả tại Việt Nam, song chúng tôi tin rằng vẫn còn nhiều biện pháp có thể áp dụng để cải thiện hệ thống tư pháp của Việt Nam và nâng cao sự tin tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài đối với hệ thống Tòa án Việt Nam.
- ▶ Một trong những biện pháp có thể triển khai là tăng cường hoạt động đào tạo cho bộ máy tư pháp Việt Nam dựa trên những thực tiễn tốt từ nước ngoài với sự hỗ trợ của các chuyên gia quốc tế. Cải cách tư pháp đang tiếp tục được tiến hành trên toàn thế giới, và Việt Nam có thể học hỏi từ, đơn cử như, kinh nghiệm của Liên minh châu Âu (European Union - EU).
- ▶ Năm ngoái, chúng tôi kiến nghị cần đẩy mạnh các biện pháp để công khai các quyết định của Tòa án nhằm tăng tính minh bạch của các Tòa án Việt Nam. Trong một bước tiến tích cực theo hướng này, Tòa án Nhân dân Tối cao, với sự hỗ trợ của EU, Đan Mạch và Thụy Điển trong khuôn khổ “Chương trình Hợp tác Tư pháp” gần đây đã phát hành ấn phẩm tập hợp một loạt bản án. Ông Bùi Ngọc Hòa, Phó Chánh án TANDTC Việt Nam, cho rằng “ấn phẩm này tạo định hướng cho các thẩm phán trong việc phán quyết các vụ việc tương tự và giúp công chúng nắm được hướng xử lý các vụ việc”⁷. EuroCham đánh giá cao những bước tiến đã đạt được đến nay, và kính mong Chính phủ Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh nỗ lực trong cải cách tư pháp.

³ Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 338/QĐ-TTg ngày 19 tháng 1 năm 2013

⁴ “Slovakia, Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm tư pháp”, VietNamNet, 08/07/2015. Tham khảo tại <<http://english.vietnamnet.vn/fms/government/135351/slovakia--vietnam-share-judicial-experience.html>>

⁵ “Tòa án tối cao Việt Nam và Cộng hòa Triều Tiên thúc đẩy hợp tác”, 20/08/15. Tham khảo tại <<http://en.vietnamplus.vn/vietnam-rok-supreme-courts-promote-cooperation/80510.vnp>>

⁶ “Lời nói đầu trong báo cáo “Bảng điểm đánh giá Tư pháp 2015 của Liên minh châu Âu”, 2015. Tham khảo tại <http://ec.europa.eu/justice/effective-justice/files/justice_scoreboard_2015_en.pdf>

⁷ “Công khai các bản án nhằm nỗ lực cải thiện tính minh bạch”, 28/05/2015. Tham khảo tại <<http://vietnamnews.vn/society/270941/judgements-made-public-in-bid-to-improve-transparency.html>>

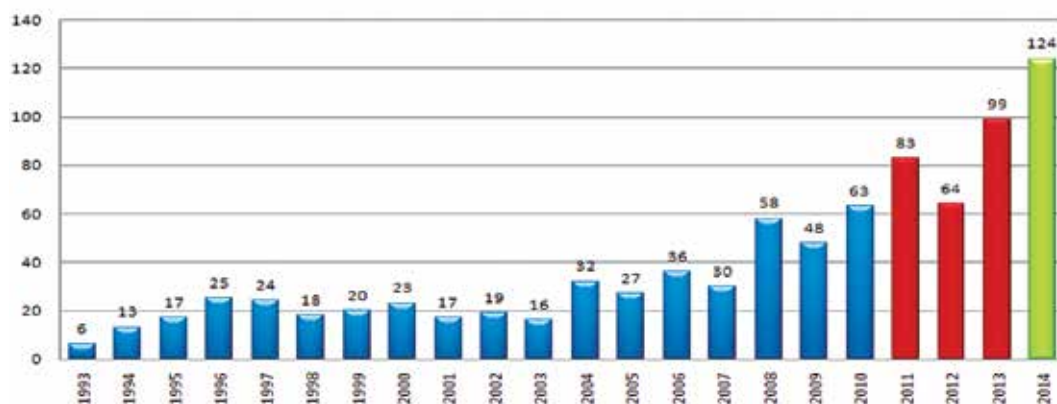
II. TRỌNG TÀI Ở VIỆT NAM

Bộ ngành liên quan: Bộ Tư pháp (BTP), Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế)

Mô tả vấn đề

Số liệu thống kê trong thời gian gần đây của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (Vietnam International Arbitration Centre - VIAC) cho thấy việc giải quyết tranh chấp qua trọng tài (hay hòa giải) tại Việt Nam đang ngày càng trở nên phổ biến hơn, với 124 vụ việc mới đăng ký trong năm 2014.⁸ Trong số các tranh chấp được giải quyết tại VIAC, tranh chấp liên quan đến hợp đồng kinh doanh chiếm tỷ lệ cao nhất.⁹ Chúng tôi cũng nhận thấy phương thức trọng tài đang được cân nhắc và/ hoặc khuyến khích ở một số ngành kinh tế của Việt Nam, như ngành ngân hàng.¹⁰ Những số liệu thống kê này có thể được so sánh với hai trong số các thiết chế trọng tài lớn nhất châu Á, năm 2014 Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (Singapore International Arbitration Centre - SIAC) xử lý tổng số 222 tranh chấp mới phát sinh¹¹, trong khi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông (Hong Kong International Arbitration Centre - HKIAC) xử lý tổng số 477 tranh chấp mới phát sinh trong cùng kỳ.¹²

Biểu đồ 8: Số vụ việc mới đăng ký tại VIAC trong giai đoạn 1993 - 2014



*Nguồn: Số tranh chấp tại VIAC trong 17 năm từ 1993-2014, VIAC¹³

Tiếp rằng, những lý do khiến VIAC trở nên được ưa chuộng hơn có lẽ phần nhiều lại là do những nhược điểm của các cơ chế giải quyết tranh chấp khác áp dụng cho nhà đầu tư tại Việt Nam, như các Tòa án Việt Nam (xem phần I trên đây) hay trọng tài quốc tế (xem phần III dưới đây), chứ không phải do hiệu quả của bản thân VIAC.

Nói chung, nhà đầu tư nước ngoài cho rằng công tác trọng tài tại VIAC linh hoạt hơn, hiệu quả hơn và nhanh hơn so với việc kiện tụng tại các Tòa án Việt Nam. Các lợi thế so sánh khác của VIAC bao gồm: thủ tục tố tụng thường

⁸ Số lượng tranh chấp tại VIAC trong 17 năm từ 1993 đến 2014", 29/10/14. Tham khảo tại <<http://eng.viac.vn/statistical/numbers-of-disputes-in-viac-over-17-year-period-from-1993-to-2014-a274.html>>

⁹ Các loại hình tranh chấp", 20/10/14. Tham khảo tại <<http://eng.viac.vn/statistical/types-of-disputes-a277.html>>

¹⁰ "Trọng tài có thể giúp giải quyết nhanh tranh chấp", 20/06/15. Tham khảo tại <<http://vietnamnews.vn/economy/271985/arbitration-could-solve-disputes-fast.html>>

¹¹ "Quản lý Vụ việc" trong Báo cáo Thường niên 2014, , trang 8. Tham khảo tại <http://www.siac.org.sg/images/stories/articles/annual_report/SIAC_Annual_Report_2014.pdf>

¹² Thống kê vụ việc-2014", . Tham khảo tại <<http://www.hkiac.org/en/hkiac/statistics/39-hkiac/statistics>>

¹³ "Số tranh chấp tại VIAC trong 17 năm từ 1993-2014", 29/10/14. Tham khảo tại <<http://eng.viac.vn/statistical/numbers-of-disputes-in-viac-over-17-year-period-from-1993-to-2014-a274.html>>

diễn ra một cách khép kín, và các bên có thể lựa chọn một hoặc nhiều trọng tài viên có kỹ năng cần thiết để giải quyết những tranh chấp mang tính kỹ thuật và phức tạp hơn. So với trọng tài quốc tế, thủ tục tố tụng tại VIAC có thể hiệu quả hơn về thời gian và chi phí, vốn là hai yếu tố đặc biệt cần cân nhắc khi giá trị tranh chấp tương đối thấp. Hơn nữa, thủ tục để thi hành phán quyết của VIAC thường đơn giản, trực diện hơn so với thủ tục công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (xem thêm Phần III dưới đây). Trong ấn phẩm Sách trắng năm ngoài, chúng tôi đã liệt kê một số vấn đề mà các thành viên của chúng tôi quan ngại liên quan đến thủ tục tố tụng tại VIAC. Tiếc rằng, hầu hết các vấn đề đó cho đến nay vẫn còn tồn tại.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

1. Sự can thiệp của Tòa án trong quá trình trọng tài ở Việt Nam

Một trong những quan ngại chính liên quan đến sự can thiệp của các Tòa án Việt Nam trong quá trình tiến hành tố tụng tại VIAC. Chẳng hạn, chúng tôi được biết có những vụ việc mà bị đơn tham gia tố tụng tại VIAC đưa ra những phản đối không có căn cứ về thẩm quyền của VIAC. Khi trọng tài ban hành một quyết định khẳng định thẩm quyền của họ đối với vụ việc, bị đơn liền đưa vấn đề ra Tòa án để có quyết định đảo ngược của Tòa. Vì quyết định của Tòa án Việt Nam trong trường hợp này là chung thẩm và có tính bắt buộc, và do không được quyền phúc thẩm quyết định của Tòa án trong trường hợp này, nên quyết định của Tòa án đã chấm dứt thủ tục tố tụng tại VIAC.

Hẳn nhiên, việc các Tòa án Việt Nam dễ dàng can thiệp để kết thúc các thủ tục tố tụng tại VIAC mà không có căn cứ hợp pháp và không cho cơ hội kháng nghị phúc thẩm tiếp tục là một trở ngại lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài đang tìm kiếm một cơ chế giải quyết tranh chấp công bằng và minh bạch tại Việt Nam.

Một quan ngại khác là các phán quyết của VIAC đôi khi bị hủy dựa trên những căn cứ không đầy đủ và thiếu chặt chẽ. Ví dụ mà chúng tôi đã sử dụng từ năm ngoài liên quan đến một vụ việc mà tất cả các bên trong một tranh chấp tại VIAC đã nhất trí tiến hành vụ kiện bằng tiếng Việt cho thuận tiện. Sau khi VIAC tuyên một phán quyết bất lợi cho bị đơn, bị đơn này đã khiếu kiện thành công tại Tòa án Việt Nam để hủy phán quyết của trọng tài với lý do thỏa thuận trọng tài giữa các bên quy định thủ tục trọng tài phải được thực hiện bằng tiếng Anh và do vậy việc tiến hành thủ tục trọng tài bằng tiếng Việt là trái với thỏa thuận giữa các bên. Tòa án đã chấp nhận yêu cầu của bị đơn cho dù các luật sư và người đại diện của bị đơn trước đó đã hoàn toàn đồng ý tiến hành tố tụng bằng tiếng Việt và bắt chấp thực tế là ngôn ngữ dùng trong tố tụng của vụ việc không hề ảnh hưởng đến lập luận của trọng tài và giá trị của phán quyết. Chúng tôi cũng biết có những trường hợp phán quyết của trọng tài bị Tòa án Việt Nam bác bỏ do bị cho là mâu thuẫn với cái gọi là "các nguyên tắc căn bản của luật pháp Việt Nam" – rõ ràng đây là một khái niệm không rõ ràng.

Những ví dụ nêu trên có thể dẫn đến việc chấm dứt quá trình trọng tài trước khi đưa ra được một phán quyết, hoặc bác bỏ phán quyết mà một hội đồng trọng tài của VIAC đã ban hành. Dù quá trình trọng tài diễn ra ở đâu chẳng nữa, thì các Tòa án Nhân dân vẫn luôn đóng một vai trò nhất định, ví dụ như vai trò xác nhận hoặc thi hành các phán quyết trọng tài, hoặc hỗ trợ quy trình trọng tài. Tuy nhiên, ranh giới giữa sự hỗ trợ hữu ích của các Tòa án với việc lạm dụng các biện pháp tư pháp trong quy trình trọng tài là rất mong manh.¹⁴ Tại Việt Nam, sẽ là công bằng khi nói rằng mức độ và sự dễ dàng của việc các Tòa án Việt Nam can thiệp vào các quá trình trọng tài trong nước không hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất. Ví dụ, ở Sing-ga-po, Tòa án có xu hướng áp dụng cách tiếp cận ủng hộ trọng tài với những can thiệp ở mức độ tối thiểu, mà dường như vẫn có thể đảm bảo tính hợp pháp và toàn vẹn của quy trình trọng tài.¹⁵

2. Các vấn đề thủ tục liên quan đến trọng tài ở Việt Nam

Vấn đề thứ hai mà chúng tôi cũng đã đề cập từ năm ngoài nhưng cho đến nay vẫn còn tồn tại liên quan đến việc các Tòa trọng tài trên thực tế thường áp dụng các quy định của Bộ Luật Tố tụng Dân sự để yêu cầu rằng chỉ các tài liệu gốc hoặc bản sao có công chứng mới được chấp nhận là chứng cứ hợp pháp trong thủ tục tố tụng. Những tài liệu liên quan do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ban hành phải trải qua một quy trình phức tạp

¹⁴ C. Muriel-Bedoya và P. Bustamante & Ponce, "Đánh giá tính Hợp hiến của các Phán quyết của trọng tài: Ranh giới giữa Chủ nghĩa Bảo vệ và Chủ nghĩa Can thiệp", 04/03/15. Tham khảo tại <<http://kluwerarbitrationblog.com/blog/2015/03/05/constitutional-review-of-arbitral-awards-between-protectionism-and-interventionism/>>

¹⁵ P. Pillao và U. Chaudhry, "Cách tiếp cận của Singapore đối với việc Giám sát chặt chẽ Phán quyết của trọng tài", 24/12/14. Tham khảo tại <<http://kluwerarbitrationblog.com/blog/2014/12/24/the-singapore-approach-to-scrutiny-of-arbitral-awards/>>

để được công chứng và hợp pháp hóa bởi Đại sứ quán Việt Nam tại nước đã ban hành những tài liệu đó. Hệ quả là bên nước ngoài mất nhiều thời gian và chi phí trong quá trình chuẩn bị chứng cứ trong các thủ tục trọng tài tại Việt Nam.

Mặc dù Tòa trọng tài có quyền triệu tập nhân chứng tham dự một phiên xét xử trên cơ sở yêu cầu của một bên, hoặc có quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ, nhưng trên thực tế, các Tòa án không chủ động hoặc không thực sự hỗ trợ trọng tài một cách hiệu quả. Tương tự, hiếm khi các bên tham gia quá trình trọng tài có thể tận dụng các chuyên gia làm nhân chứng vì rất khó tìm được những chuyên gia có đủ năng lực và kinh nghiệm để cung cấp chứng cứ ở Việt Nam. Thêm vào đó, sự thiếu vắng các án lệ thực tiễn, báo cáo xử án và các nghiên cứu lý luận cũng là những bất lợi cho các bên khi giải quyết tranh chấp tại VIAC.

Kiến nghị

Tiếc rằng, hầu hết các vấn đề mà các thành viên của chúng tôi đề cập từ năm ngoái cho đến nay vẫn còn tồn tại.

- Chúng tôi tin rằng trọng tài tại VIAC có tiềm năng để trở thành một lựa chọn tốt cho việc giải quyết các tranh chấp thương mại tại Việt Nam. Tuy nhiên, có vẻ như tiềm năng này ít nhiều còn bị che khuất bởi các vấn đề về thủ tục cũng như mức độ can thiệp của Tòa án đối với quy trình trọng tài. Năm ngoái, Hội đồng thẩm phán của TANDTC ban hành Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, quy định nhiều nội dung, trong đó có việc khi nhận được yêu cầu hủy phán quyết của trọng tài, Tòa án không được xét xử lại vụ việc mà chỉ có thể kiểm tra xem có căn cứ hợp pháp để hủy phán quyết của trọng tài như được quy định trong Luật Trọng tài Thương mại hay không. Cho dù đây là một bước đi đúng hướng, chúng tôi tin rằng vẫn có thể tiếp tục cải thiện vấn đề này hơn nữa.
- Đơn cử, TANDTC và Chánh án TANDTC có thể chỉ đạo nhiều hơn và hiệu quả hơn cho các Tòa án cấp dưới hạn chế can thiệp tới quá trình trọng tài. Việc áp dụng quyền yêu cầu phúc thẩm đối với quyết định của cấp xét xử sơ thẩm về thẩm quyền hay hiệu lực của phán quyết trọng tài, cũng như việc học tập thông lệ tốt nhất trong khu vực (như SIAC và HKIAC) có thể tiếp tục góp phần làm cho việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài ở Việt Nam trở nên phổ biến hơn nhờ vào những đặc điểm tích cực của bản thân quy trình này.

III. CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

Bộ ngành liên quan: Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (VKSNDTC), Quốc hội (Ủy ban Kinh tế)

Mô tả vấn đề

Các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường chọn giải quyết tranh chấp bằng cơ chế trọng tài quốc tế với các hợp đồng có giá trị lớn. Tuy thủ tục trọng tài quốc tế thường tốn kém về cả thời gian và tiền bạc, nhưng phán quyết của trọng tài quốc tế thường được thi hành ở hầu hết các nước trên thế giới theo cơ chế của Công ước Niu-Oóc năm 1958 về Công nhận và Thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài (New York Convention - NYC) mà Việt Nam là thành viên của Công ước này.

Đại đa số các nước thành viên đều áp dụng một cách đúng đắn các quy định của NYC trong thực tiễn và nghiêm chỉnh công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài trong phạm vi lãnh thổ của mình. Tuy nhiên, các thành viên của chúng tôi nhận thấy rằng, trên thực tế, để được các Tòa án Việt Nam công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là rất khó khăn. Những khó khăn chủ yếu gặp phải là sự đảo ngược trong nghĩa vụ chứng minh khi có yêu cầu bác bỏ việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài, cũng như việc Tòa án Việt Nam từ chối áp dụng phán quyết của trọng tài với những lý do không phù hợp với NYC. Các nội dung này sẽ được thảo luận sâu hơn dưới đây.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

1. Đảo ngược nghĩa vụ chứng minh

Theo quy định của NYC, nếu bên phải thi hành phán quyết có bất kỳ một phản đối nào với việc thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, bên đó phải cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, trên thực tiễn, các Tòa án Việt Nam lại đảo ngược nghĩa vụ chứng minh này và yêu cầu bên được thi hành phán quyết phải chứng minh rằng mọi sự phản đối của bên phải thi hành là không có căn cứ hoặc không thể áp dụng. Thông lệ này khuyến khích những bên phải thi hành phán quyết đưa ra nhiều phản đối nhất có thể, mặc dù đôi khi vô căn cứ, và buộc bên được thi hành phán quyết phải bác bỏ các phản đối đó, và như vậy khoắc cho họ gánh nặng về thời gian và chi phí tài chính.

2. Từ chối các phán quyết của trọng tài vì các lý do không phù hợp với NYC

NYC quy định một số rất ít các trường hợp ngoại lệ mà có thể từ chối yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài. Các ngoại lệ này gồm có trường hợp khi một bên tham gia thỏa thuận trọng tài, căn cứ vào luật áp dụng cho thỏa thuận trọng tài, bị coi là không có năng lực hay không đủ thẩm quyền để ký kết thỏa thuận đó; hoặc trường hợp mà một bên đã không được thông báo một cách hợp lệ về các thủ tục trọng tài được xác định theo quy định của thiết chế trọng tài có liên quan và theo luật điều chỉnh thỏa thuận trọng tài.

Tuy nhiên, dường như các Tòa án Việt Nam thường ban hành quyết định từ chối yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài một cách không chính xác. Chẳng hạn, trong nhiều vụ việc các Tòa án Việt Nam đã cho rằng phía bên nước ngoài trong thỏa thuận trọng tài thiếu năng lực ký kết hợp đồng do Tòa đã dẫn chiếu đến pháp luật Việt Nam thay vì phải dẫn chiếu đến luật điều chỉnh tư cách pháp lý của bên nước ngoài, mặc dù trong những vụ việc này chứng cứ đã được cung cấp cho Tòa án để chứng minh rằng phía bên nước ngoài có đầy đủ năng lực giao kết hợp đồng theo pháp luật của nước họ. Trong những vụ việc khác, các Tòa án Việt Nam kết luận rằng thông báo đã không được gửi đến cho bị đơn một cách hợp lệ, do Tòa đã dẫn chiếu tới pháp luật Việt Nam thay vì phải dẫn chiếu đến các quy tắc trọng tài áp dụng cho vụ việc và đến pháp luật điều chỉnh thỏa thuận trọng tài.

Những bước tiến trong thời gian gần đây

Tháng 7 năm 2014, TANDTC đã ban hành Công văn 246/TANDTC-KT về giải quyết các yêu cầu công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại tại Việt Nam. Văn bản hướng dẫn này nhằm mục đích đảm bảo Tòa án Việt Nam áp dụng đúng các điều khoản của NYC và không cho phép thẩm phán áp dụng luật Việt Nam để quyết định những vấn đề cần tham chiếu đến luật pháp nước ngoài và/hoặc các quy tắc của tổ chức trọng tài liên quan. Hiện Việt Nam đang trong quá trình soạn thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự mới. Hi vọng rằng bộ luật mới này sẽ trực tiếp giải quyết những quan ngại nêu trên.

Kiến nghị

- Để cải thiện hơn việc công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại, chúng tôi kính đề xuất Việt Nam nên áp dụng những kinh nghiệm tốt của quốc tế về vấn đề này. Bộ luật Tố tụng Dân sự cần quy định áp dụng nghiêm các điều khoản của NYC bao gồm quy định rõ ràng rằng bên phải thi hành phán quyết có nghĩa vụ chứng minh nếu cho rằng có căn cứ để phản đối việc thi hành, trong khi bên được thi hành phán quyết chỉ cần cung cấp cho Tòa án phán quyết có hiệu lực hoặc thỏa thuận trọng tài có hiệu lực để hỗ trợ cho việc thi hành; và rằng Tòa án Việt Nam tuyệt đối không được xem xét lại căn cứ pháp lý của vụ việc.
- Một gợi ý khác nhằm thúc đẩy việc công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là cho phép kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm mọi quyết định từ chối công nhận và thi hành của Tòa cấp sơ thẩm. Ngoài ra, TANDTC nên tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo dành cho thẩm phán ở cấp tỉnh và cấp phúc thẩm để đảm bảo rằng các thẩm phán được bồi dưỡng đầy đủ về nghiệp vụ giải quyết các yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài phù hợp với pháp luật Việt Nam và NYC.

KẾT LUẬN

Các thành viên của chúng tôi mong đợi Việt Nam có được một hệ thống tư pháp hiệu quả và minh bạch khi họ kinh doanh với các đối tác Việt Nam và khi tiến hành đầu tư vào Việt Nam. Họ muốn đảm bảo rằng các cam kết kinh doanh sẽ được thực hiện như đã thỏa thuận và có một cơ chế đảm bảo thực thi khi có bất kỳ vi phạm hay tranh chấp nào.

Nếu hệ thống tư pháp hiện tại của Việt Nam không được cải thiện, các nhà đầu tư nước ngoài có thể sẽ mất đi niềm tin khi tiến hành kinh doanh tại Việt Nam và cảm thấy bất an về khả năng bảo vệ khoản đầu tư của mình. Căn cứ vào các cam kết quốc tế, Việt Nam cần thực sự đảm bảo cho các nhà đầu tư nước ngoài được tiếp cận công lý và đối xử bình đẳng. Chúng tôi đánh giá cao những thay đổi tích cực kể từ phiên bản Sách trắng năm ngoái, song chúng tôi tin rằng Việt Nam vẫn có thể cải thiện vấn đề này nhiều hơn nữa.

Chúng tôi hy vọng Chính phủ Việt Nam sẽ dành sự quan tâm tới các điều quan ngại và kiến nghị của chúng tôi ở chương này. Đồng thời, EuroCham và các thành viên EuroCham sẵn sàng tiếp tục cung cấp chuyên gia hỗ trợ và hợp tác nhằm tìm ra giải pháp cho các vấn đề còn tồn đọng và nhằm cải thiện hệ thống tư pháp của Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Bernadette Fahy, Luật sư thành viên, Công ty Luật TNHH Audier & Cộng Sự

Marijn Sprokkereef, Luật sư, Công ty Luật TNHH Audier & Cộng Sự

CHƯƠNG 7 MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

TỔNG QUAN

Luật Đầu tư 2014 (LĐT) và Luật Doanh nghiệp 2014 (LDN), có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015, là cơ sở pháp lý chính để quản lý hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) tại Việt Nam, thay thế các văn bản luật được ban hành trước đây có hiệu lực vào năm 2005. Những văn bản luật này được kỳ vọng sẽ là một bước tiến mới trong khung pháp lý về hoạt động M&A tại Việt Nam. Dự kiến Việt Nam sẽ đón nhận một làn sóng M&A mới vì đây vẫn được coi là một thị trường đầu tư hấp dẫn. Năm 2014 đã chứng kiến một năm phát triển mạnh mẽ của thị trường M&A với quy mô 4,2 tỷ đô-la Mỹ, tăng 15% so với năm 2013.¹ Giá trị của thị trường M&A tại Việt Nam giai đoạn 2015-2018 theo dự báo sẽ đạt 20 tỷ đô-la Mỹ với sự tham gia của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.²

Tuy nhiên, khung pháp lý mới dành cho các hoạt động M&A hiện nay vẫn còn đang trong giai đoạn đầu triển khai nên vẫn cần có sự hướng dẫn hoặc giải thích cụ thể hơn từ phía Chính phủ Việt Nam. Nhiều cuộc đối thoại giữa các cơ quan nhà nước hữu quan của Việt Nam như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Nhân dân các tỉnh thành và cộng đồng doanh nghiệp đã và đang được tổ chức đều đặn với mục đích thu thập ý kiến của công chúng cho các dự thảo văn bản hướng dẫn thực thi LĐT và LDN nhằm giải quyết các vấn đề còn tồn đọng liên quan tới hoạt động M&A như quy trình cấp phép, điều kiện và yêu cầu đầu tư.

Chúng tôi đánh giá cao những điểm mới trong các luật doanh nghiệp và đầu tư của Việt Nam. Các văn bản này đã phản ánh rõ nỗ lực của Chính phủ trong việc đơn giản hóa các thủ tục tiến hành các hoạt động M&A tại Việt Nam. Một số kiến nghị trong ấn phẩm Sách Trắng năm trước của chúng tôi đã được ghi nhận và tiếp thu trong các văn bản LĐT và LDN. Mặc dù vậy, vẫn còn đó những rào cản và chúng tôi hy vọng rằng Chính phủ sẽ cam kết mạnh mẽ hơn trong việc cải thiện khung pháp lý về M&A để có thể tạo ra cú huých mới cho hoạt động M&A tại Việt Nam.

Sau đây, chúng tôi xin trình bày những rào cản pháp lý đối với hoạt động M&A tại Việt Nam và những kiến nghị của chúng tôi với Chính phủ về cách khắc phục những thiếu sót này. Chúng tôi hoan nghênh các cơ hội làm việc cùng với các cơ quan pháp luật để tạo điều kiện cho thị trường M&A phát triển và hoạt động hiệu quả hơn.

Dưới đây là các kiến nghị quan trọng nhất của chúng tôi về thị trường M&A Việt Nam:

- Làm rõ các quy định liên quan tới điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài;
- Làm rõ ảnh hưởng của những sửa đổi trong LĐT đối với các luật chuyên ngành, đặc biệt là những sửa đổi về điều kiện đối xử giữa doanh nghiệp “trong nước” và doanh nghiệp “có vốn đầu tư nước ngoài”;
- Làm rõ các quy định liên quan đến cơ chế giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng;
- Làm rõ cơ sở tính toán thị phần của công ty bán cổ phần tiềm năng khi xác định vấn đề tập trung kinh tế;
- Thống nhất định nghĩa về giá chuyển nhượng;
- Làm rõ và cải thiện khuôn khổ pháp lý về nghĩa vụ thuế phát sinh trong các giao dịch M&A; và
- Đảm bảo quá trình đưa ra kết luận của Cục Quản lý Cạnh tranh (Cục QLCT) nhanh chóng và hiệu quả hơn.

¹ “Thị trường M&A Việt Nam sẽ đạt 20 tỷ đô-la Mỹ trong giai đoạn 2015-2018”, *DealStreetAsia*, ngày 18 tháng 07 năm 2015. Xem tại <www.dealstreetasia.com/stories/vietnam-ma-deal-market-to-touch-20b-between-2015-2018-9231/>

² “Tổng quan”, *Diễn đàn M&A Việt Nam*, 2015. Xem tại <<http://mavietnamforum.com/en/>>

I. TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VÀ QUY TRÌNH CẤP PHÉP

Các bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT)

Mô tả vấn đề

Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các thương vụ M&A tại các công ty trong nước có thể phải đối mặt với các rào cản về tiếp cận thị trường trong một số ngành. Đặc biệt, các thương vụ nhà đầu tư nước ngoài mua lại các công ty trong nước có phạm vi ngành nghề rộng thường không diễn ra một cách suôn sẻ. Điều này thậm chí vẫn xảy ra với những ngành nghề kinh doanh đã được mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài theo các cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của Việt Nam như lĩnh vực phân phối hoặc ngành nghề không bị luật pháp Việt Nam hạn chế như giáo dục. Một vấn đề khác là đôi khi luật pháp không có quy định cụ thể về hoạt động đầu tư nước ngoài ở một số lĩnh vực, chẳng hạn như in ấn hay xuất bản, điều này dành quyền cho các cơ quan cấp phép tùy nghi xem xét giải quyết. Mới đây, Phụ lục 4 của LĐT đã quy định 267 “ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện” và cộng đồng doanh nghiệp đang kỳ vọng sẽ có những hướng dẫn cụ thể và rõ ràng về những điều kiện áp dụng đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực này.

Theo LĐT, tỷ lệ vốn chủ sở hữu sẽ quyết định các thủ tục cấp phép cho các dự án đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài. Nói một cách đơn giản, một “tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài” có tỷ lệ vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài dưới 51% sẽ được áp dụng các điều kiện và thủ tục đầu tư tương tự với nhà đầu tư trong nước. Chúng tôi chưa rõ liệu quy định mới này của LĐT có ảnh hưởng tới cách các văn bản luật chuyên ngành áp dụng đối với các doanh nghiệp “có vốn đầu tư nước ngoài” (thuật ngữ vẫn được sử dụng trong Luật Đầu tư cũ và vẫn được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực pháp luật khác tại Việt Nam) hay không (ví dụ: đối với việc quyết định quyền phân phối được phẩm hoặc quyết định quy mô của quyền sử dụng đất).

Chúng tôi hoan nghênh những sửa đổi tích cực liên quan đến mức trần sở hữu vốn trong các công ty đại chúng gồm các công ty niêm yết hoặc công ty có 100 cổ đông trở lên có vốn chủ sở hữu bằng hoặc lớn hơn 10 tỷ đồng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2015. Theo đó, cộng đồng doanh nghiệp có thể hiểu rằng, các công ty đại chúng hoạt động trong những ngành nghề kinh doanh không điều kiện và không bị giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài bởi pháp luật Việt Nam hoặc các thỏa thuận quốc tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các công ty này sẽ không bị giới hạn (tức là nhà đầu tư nước ngoài có thể mua tới 100% vốn cổ phần của doanh nghiệp mục tiêu). Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (BTC) (Thông tư số 123/2015/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2015), các công ty đại chúng có nghĩa vụ xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty. Bên cạnh đó, công ty đại chúng phải báo cáo và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận trước khi công bố giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa rồi mới có quyền thực hiện mua bán cổ phần tại công ty đại chúng đó ở mức cho phép. Việc thiếu rõ ràng khi đưa ra danh mục giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các điều kiện đối với đầu tư nước ngoài (như chúng tôi trình bày ở phần trên) có thể gây khó khăn cho việc thực thi quy trình này trong thực tiễn. Chúng tôi cũng chưa thể khẳng định được những quy định này sẽ có tác động như thế nào đến các công ty niêm yết hiện nay đang bị ràng buộc bởi quy định cũ về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa 49%.

Bên cạnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo pháp luật (nếu có), hiện nay công ty đại chúng được phép giảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa bằng cách quy định ngay trong điều lệ của công ty. Các cổ đông lớn trong nước có thể lợi dụng việc này để quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong điều lệ của công ty nhằm kim hãm các cổ đông thiểu số nước ngoài. Pháp luật Việt Nam dường như chưa có biện pháp bảo vệ cụ thể nào đối với các cổ đông thiểu số nước ngoài trong trường hợp này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quốc gia khác trong khu vực có những lợi thế tương tự Việt Nam như lực lượng lao động trẻ và nhân công giá rẻ đang cạnh tranh thu hút đầu tư. Do vậy điều quan trọng là Việt Nam phải duy trì được sức hấp dẫn của mình bằng cách đưa ra một quy trình cấp phép minh bạch, đơn giản và hiệu quả. Việc này sẽ giúp thúc đẩy thị trường M&A phát triển, từ đó thu hút vốn đầu tư, thúc đẩy sự đồng vận và tạo lợi thế kinh tế từ quy mô. Hơn nữa, cả doanh nghiệp và cơ quan cấp phép đều giảm bớt được gánh nặng thủ tục hành chính.

Ngoài ra, Bộ KHĐT tư nhấn mạnh rằng “giấy chứng nhận đăng ký đầu tư” (tương đương với “chứng nhận đầu tư” trong Luật đầu tư trước đây) cần nhất quán với thực tiễn quốc tế đối với một số ngành được lựa chọn. Tuy nhiên, các quy định tại các nền kinh tế phát triển như Singapore, Australia và Vương Quốc Anh nhìn chung lại không bắt buộc những quy định này.

Kiến nghị

- Theo ý kiến của chúng tôi, việc áp dụng các quy định hướng dẫn chi tiết về hoạt động M&A là cần thiết ở giai đoạn này. Những quy định này tất nhiên phải tuân thủ chặt chẽ với các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ và phản ánh được tinh thần tích cực của LĐT. Điều này đồng nghĩa với việc tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.
- Khuôn khổ pháp lý hiện nay cần phải quy định rõ ràng về quy trình cấp phép và phải quy định các trường hợp cụ thể đối với hoạt động mua lại của nhà đầu tư nước ngoài. Chúng tôi hiểu rằng Chính phủ hiện đang trong quá trình dự thảo nghị định hướng dẫn thi hành LĐT và dự kiến nghị định này sẽ sớm được Chính phủ ban hành.³ Chúng tôi tin tưởng rằng, khi được chính thức ban hành và thực thi, nghị định này sẽ tạo ra những tác động to lớn đối với môi trường đầu tư tại Việt Nam cũng như tạo ra một cú huých mới cho hoạt động M&A tại Việt Nam.

Chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Quy định rõ luật liên quan tới điều kiện đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài;
- Làm rõ ảnh hưởng từ những sửa đổi trong LĐT đối với các luật chuyên ngành, đặc biệt cần chú ý tới các điều kiện đối xử giữa doanh nghiệp “trong nước” và doanh nghiệp “có vốn đầu tư nước ngoài”
- Quy định rõ các luật liên quan đến cơ chế giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng.

II. THUẾ VÀ CHUYỂN GIÁ

Bộ ngành liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT)

Mô tả vấn đề

Khi một thương vụ mua bán diễn ra, giá chuyển nhượng, trên nguyên tắc, là giá có thể thương lượng. Tuy nhiên, nếu giá thỏa thuận thấp hơn giá danh nghĩa của phần vốn góp của bên bán vào vốn điều lệ (vốn chủ sở hữu)⁴ của công ty mục tiêu, thì cơ quan cấp phép có thể không chấp nhận thương vụ mua lại và từ chối phê duyệt thương vụ mua lại. Sau đó, thương vụ mua lại này sẽ bị cơ quan thuế kiểm tra. Cơ quan thuế có thể xem xét lại giá chuyển nhượng để đảm bảo giá đó thể hiện “giá thị trường” hoặc “giá trị sổ sách” nêu trên của khoản vốn chủ sở hữu. Nếu Cơ quan Thuế kết luận rằng giá thị trường hoặc giá trị sổ sách không được phản ánh một cách hợp lý, cơ quan này có thể tham chiếu một mức giá chuyển nhượng khác mà họ cho là phù hợp vì mục đích quản lý thuế. Trường hợp ngoại lệ có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp trong nước đang chịu thua lỗ nặng nề. Chúng tôi cho rằng, luật pháp cần quy định rõ cơ quan cấp phép không có thẩm quyền “xem xét lại” giá chuyển nhượng, vì bản chất đây thuần túy là vấn đề thương mại; và các cơ quan thuế chỉ được quyền thực hiện những công việc này vì mục đích thuế. Luật pháp cũng cần phải quy định rõ rằng việc xác định giá chuyển nhượng không phản ánh giá thị trường hay giá trị sổ sách sẽ không thể là cơ sở để các cơ quan cấp phép đình chỉ thương vụ mua bán bằng cách từ chối cấp phép cho những giao dịch này.

Ngoài ra, các nghĩa vụ thuế phát sinh từ giao dịch M&A cũng khiến các nhà đầu tư quan ngại. Nhìn chung, bất kỳ giao dịch chuyển nhượng vốn nào phải chịu mức thuế lợi nhuận tiêu chuẩn (ví dụ: 22% thuế thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận thu được từ chuyển nhượng) trong khi đối với hầu hết các trường hợp, doanh thu từ việc bán các tài sản phải nộp thuế VAT (mức cố định 10%). Nếu bên bán là cá nhân thì phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo các mức thuế suất khác nhau trong khoảng từ 5% và 20% đối với khoản thu nhập từ đầu tư vốn và chuyển nhượng vốn, tùy thuộc vào các loại thu nhập chịu thuế và người nộp thuế. Giá trị thu được từ chuyển nhượng cổ phiếu trong công ty đại chúng cũng có thể cũng phải chịu thuế 0,1% giá trị chuyển nhượng gộp.

³ Ghi chú thêm: chương này được hoàn thiện vào ngày 5 tháng 10 năm 2015.

⁴ Vốn điều lệ là vốn do các cổ đông hoặc thành viên của công ty đóng góp theo quy định tại điều lệ của công ty.

Các quy định về thuế của Việt Nam không quy định rõ về thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn (nếu có) áp dụng cho giao dịch mua bán ngoài lãnh thổ Việt Nam (tức giao dịch chuyển nhượng giữa bên bán và bên mua nước ngoài đối với cổ phần vốn trong một doanh nghiệp mục tiêu nước ngoài có tham gia góp vốn vào một doanh nghiệp Việt Nam). Tổng cục Thuế Việt Nam (TCT) từng có quan điểm rằng các bên sẽ không phải đóng thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn nếu tất cả các điều kiện sau đây được thỏa mãn: (i) giao dịch chuyển nhượng diễn ra hoàn toàn ngoài lãnh thổ Việt Nam, (ii) tỷ lệ vốn của công ty mục tiêu nước ngoài trong công ty con tại Việt Nam không đổi, (iii) doanh nghiệp mục tiêu ở nước ngoài và công ty con trong nước không phát sinh thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng và (iv) giấy chứng nhận đầu tư của công ty con trong nước không thay đổi. Ví dụ: tham khảo Công văn số 2268/TCT-CS ngày 28 tháng 6 năm 2012 của TCT. Tuy nhiên, trước những thay đổi gần đây của pháp luật về thuế của Việt Nam (cụ thể là Nghị định 12/2015/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015), TCT đã ban hành một số nội dung hướng dẫn (ví dụ trong Công văn số 1595/TCT-DNL ngày 24 tháng 4 năm 2015 của TCT) theo đó hoạt động chuyển nhượng diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể phải chịu thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn trong thực tế.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thuế lợi nhuận đóng vai trò rất quan trọng trong việc lên kế hoạch cơ cấu giao dịch M&A. Việc thiếu quy định rõ ràng về việc liệu mức thuế có được áp dụng không, sẽ áp dụng các mức thuế này như thế nào và/hoặc thiếu quy định rõ ràng về mức thuế suất khiến nghĩa vụ tài chính của các nhà đầu tư không rõ ràng. Trên thực tế, do các nội dung quy định chưa rõ ràng nên giá chuyển nhượng thường bị đóng băng trong thời gian dài.⁵ Điều này ảnh hưởng tới khung thời gian đã được định sẵn cho các thương vụ và có thể khiến các giao dịch bị bỏ ngỏ.

Ngoài ra, sự không rõ ràng trong khung pháp lý về thuế cũng như việc cơ quan thuế có toàn quyền quyết định về nghĩa vụ thuế đã dẫn đến các bên tham gia M&A gặp khó khăn trong việc xác định mức độ rủi ro liên quan hoặc thậm chí phải đối mặt với nguy cơ nợ thuế hoặc bị cáo buộc trốn thuế sau khi hoàn tất một thương vụ M&A.⁶

Kiến nghị

Chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Thống nhất cách hiểu về giá chuyển nhượng;
- Làm rõ và cải thiện khung pháp lý về nghĩa vụ thuế phát sinh từ các giao dịch M&A.

III. HẠN CHẾ ĐỘC QUYỀN

Bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Công Thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Theo Luật Cạnh tranh, một giao dịch bị cấm nếu giao dịch đó cấu thành hành vi "tập trung kinh tế". Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp tham gia vào giao dịch sẽ có thị phần kết hợp chiếm trên 50% trên thị trường liên quan. Nếu các bên tham gia một thương vụ M&A có thị phần kết hợp từ 30% đến 50% thị trường liên quan thì phải thông báo cho Cục QLCT 30 ngày trước khi tiến hành tập trung kinh tế. Việc tiến hành tập trung kinh tế chỉ được thực hiện khi có văn bản xác nhận từ phía Cục QLCT xác nhận tính hợp pháp của giao dịch.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Mặc dù các khái niệm như "thị trường liên quan" và "thị phần" đã được pháp luật định nghĩa, cơ sở tính toán "thị phần" vẫn mơ hồ và còn gây nhiều tranh cãi. Do tính chất không rõ ràng này mà Cục QLCT sẽ phải mất một vài

⁵ "Nguyên nhân các thương vụ M&A tại Nhật Bản bị đình chỉ?", *Vietnam Investment Review*, ngày 12 tháng 8 năm 2013. Xem tại <www.vir.com.vn/whats-stopping-japanese-mas.html>

⁶ "Tình trạng trốn thuế trong các giao dịch chuyển nhượng vốn vẫn là vấn đề gây tranh cãi cho Bộ Tài chính", *Vietnamnet*, ngày 15 tháng 01 năm 2014. Xem tại <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/93788/tax-evasion-in-capital-transfer-deals-remains-a-hot-potato-for-mof.html>>

tháng để điều tra và xác nhận từng trường hợp cụ thể, khiến tiến độ giao dịch bị đình trệ nghiêm trọng. Việc đưa ra các định nghĩa chặt chẽ hơn trong lĩnh vực này sẽ góp phần bảo vệ thị trường khỏi tình trạng “tập trung kinh tế” có thể xảy ra.

Kiến nghị

Điều quan trọng là Luật Cạnh tranh và các quy định hướng dẫn thi hành cần làm sáng tỏ các điểm trọng yếu, trong đó có các nhân tố/hệ số để tính “thị phần” và “thị trường liên quan”. Hơn nữa, quy trình xem xét thực tế của Cục QLCT phải được rút gọn để đảm bảo tiến độ của hoạt động mua bán sáp nhập nói chung.

Chúng tôi xin đưa ra một vài kiến nghị sau đây:

- Làm rõ cơ sở tính thị phần của bên bán tiềm năng liên quan tới “tập trung kinh tế”; và
- Đảm bảo rằng Cục QLCT có thể đi đến kết luận và ra quyết định hiệu quả và kịp thời hơn.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Phong Nguyễn, Luật sư, Công ty Luật Gide Loyrette Nouel

CHƯƠNG 8 ĐỐI TÁC CÔNG-TU

TỔNG QUAN

Hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại và hiệu quả đóng vai trò then chốt để tiếp tục tăng trưởng kinh tế và giảm thiểu chi phí kinh doanh cho toàn bộ các nhà đầu tư tại Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cùng quá trình đô thị hóa nhanh chóng đã khiến nhu cầu sử dụng đường sá, năng lượng, sân bay, cảng biển, hệ thống xử lý rác và nước thải, bệnh viện và các cơ sở hạ tầng công cộng khác phục vụ mục đích sản xuất và cung ứng hàng hóa, dịch vụ tăng cao. Tuy nhiên, ước tính ngân sách nhà nước chỉ có thể đáp ứng được 50% nhu cầu về cơ sở hạ tầng của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2011- 2020 (tương đương 170 tỷ đô-la Mỹ).¹ Số còn lại phải huy động từ các nguồn khác, bao gồm cả đầu tư tư nhân dưới hình thức đối tác công-tư (PPP).

Trong 5 năm qua, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành một quá trình cải cách pháp lý chặt chẽ nhằm tăng cường đầu tư tư nhân và nước ngoài vào Việt Nam. Vào ngày 14 tháng 2 năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định 15 về Đối tác Công-Tư.² Nghị định này đã được mong đợi từ lâu và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Nghị định mới về Đối tác Công-Tư này, cùng với Nghị định 30³ mới về lựa chọn nhà đầu tư cho các dự án PPP, có hiệu lực từ ngày 5 tháng 5 năm 2015, đã thay thế khung pháp lý trước đây về các dự án BOT và các dự án PPP thí điểm.

Trong 20 năm qua, những thành công của Việt Nam trong việc triển khai một số dự án năng lượng theo cơ chế BOT trước đây còn khá hạn chế. Hợp đồng dự án cho một số dự án năng lượng hiện tại vẫn đang được Bộ Công Thương và một số nhóm nhà tài trợ thảo luận, trong đó có cân nhắc đến cơ chế PPP mới.⁴ Tuy nhiên, trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng công cộng ít mang tính kinh tế hơn thì hầu như không có nguồn đầu tư tư nhân nào thành công, đặc biệt là dưới hình thức PPP. Do gặp khó khăn với quy chế PPP, trong nhiều trường hợp, các nhà đầu tư đã (i) chuyển sang thành lập dự án đầu tư theo Luật Đầu tư hoặc (ii) tiến hành các dự án BT (xây dựng - chuyển giao) mà theo đó, việc xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng, chủ yếu là đường cao tốc, sẽ được Nhà nước chuyển giao quyền thực hiện dự án cho các nhà đầu tư tư nhân, nhất là đối với các dự án phát triển đô thị, phát triển bất động sản.⁵ Mặc dù Nghị định mới về Đối tác Công-Tư góp phần quan trọng vào sự phát triển thể chế pháp lý, nhưng bản thân Nghị định này không thể tự động tạo ra sự thành công cho các dự án cơ sở hạ tầng đầu tư tư nhân. Trong chương này, chúng tôi sẽ đưa ra một số kiến nghị để thúc đẩy chương trình PPP tại Việt Nam:

- Xây dựng danh mục các dự án khả thi;
- Nâng cao năng lực và sự phối hợp giữa các bộ ngành chính phủ liên quan; và
- Ban hành các quy định triển khai chi tiết hơn, bao gồm việc phân bổ và các quy trình để sử dụng Quỹ Bù đắp Tài chính (VGF).

¹ "Tăng cường đối tác công tư", *VCCI News*, 16/04/14. Xem tại <http://vccinews.com/news_detail.asp?news_id=30318>

² Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015

³ Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015

⁴ "Khắc phục chậm trễ các dự án điện BOT và IPP", *Vietnam Energy*, 21/4/15. Xem tại <<http://nangluongvietnam.vn/news/en/electricity/overcoming-the-delay-situation-of-implementing-the-bot-and-ipp-power-projects.html>>

⁵ Ví dụ, dự án xây dựng đường Phạm Văn Đồng tại thành phố Hồ Chí Minh để kết nối sân bay Tân Sơn Nhất với các khu công nghiệp ở Bình Dương và Đồng Nai. Chính phủ đã ký một thỏa thuận với chủ đầu tư (GS Engineering & Construction) trong đó nhà đầu tư sẽ cấp vốn và phát triển cơ sở hạ tầng để đổi lấy quyền phát triển dự án và quyền sử dụng đất của một số lô đất tại quận 2, 9 và 10 cho sự phát triển bất động sản.

I. XÂY DỰNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHẢ THI

Bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan liên quan khác

Mô tả vấn đề

Sự thành công của Nghị định về Đối tác Công-Tư và quá trình cải cách pháp lý mạnh mẽ của Việt Nam trong 5 năm trở lại đây phần lớn phụ thuộc vào khả năng thu hút và thúc đẩy các dự án khả thi của Chính phủ. Để nâng cao uy tín của Việt Nam như một điểm đến đầu tư PPP tiềm năng, đặc biệt trong bối cảnh không có dự án PPP nào được triển khai theo quy chế thí điểm đầu tư PPP theo Quyết định 71⁶ trước đây, chúng tôi cho rằng điều quan trọng là cần nhanh chóng xác định và ưu tiên một số dự án PPP để đưa ra đấu thầu trên thị trường.

Năm ngoái, Chính phủ đã ban hành Quyết định 631,⁷ ban hành danh mục 127 dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài, trong đó khoảng 35 dự án được xác định triển khai theo quy chế PPP. Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới đây đã cho biết Chính phủ sẽ công bố danh mục cập nhật các dự án PPP trong các lĩnh vực cầu đường, cơ sở hạ tầng đô thị, năng lượng, cấp nước và xử lý rác thải. Mặc dù các danh sách theo lĩnh vực như vậy phần nào cho thấy các ưu tiên của Chính phủ, tuy nhiên, để có thể triển khai chương trình PPP của Chính phủ thành công, tính khả thi về tài chính và kỹ thuật của từng dự án riêng lẻ cần được nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi được công bố trên thị trường. Những dự án này không nhất thiết phải có quy mô lớn nhất hay dự án quan trọng nhất mà nên là những dự án khả thi về mặt kỹ thuật và tài chính, cho phép nhà đầu tư bù đắp chi phí và thu về một khoản lợi nhuận đủ hấp dẫn sau khi đã tính đến các chi phí tài chính.

Một công cụ hữu ích giúp phát triển danh mục dự án là Quỹ Phát triển Dự án (PDF) do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Cơ quan Phát triển Pháp tài trợ nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuẩn bị và đánh giá các dự án PPP tiềm năng. Quỹ PDF do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) quản lý. Bộ KHĐT và Bộ Tài chính (BTC) đang soạn thảo một Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý Quỹ Phát triển Dự án (PDF). Dự thảo Thông tư mới nhất quy định Quỹ PDF sẽ là một quỹ quay vòng được các nhà đầu tư trúng thầu hoàn trả trước khi ký hợp đồng dự án (nghĩa là bên thắng thầu được kỳ vọng sẽ chi trả các chi phí chuẩn bị dự án).⁸

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Xác định và công bố các dự án cụ thể, khả thi trên thị trường là ưu tiên cao nhất nhằm duy trì động lực cho chương trình PPP của Việt Nam. Mặc dù Nghị định mới về PPP là một khởi đầu tốt để Chính phủ xây dựng một danh mục dự án khả thi, tuy nhiên vẫn cần có một quy trình triển khai nhanh chóng và hiệu quả cùng với sự hỗ trợ và phối hợp giữa các bộ ngành liên quan để chương trình được thành công.

Kiến nghị

- Ưu tiên các dự án PPP xếp trong các danh sách chính thức được cơ quan chính phủ ban hành, chẳng hạn như Quyết định 631;
- Sử dụng hiệu quả Quỹ Phát triển Dự án (PDF) và đánh giá chặt chẽ các dự án tiềm năng (với sự hỗ trợ từ các cố vấn tài chính và kỹ thuật quốc tế) thông qua quy trình thẩm định với tiêu chuẩn quốc tế; và
- Đưa các dự án được chọn ra đấu thầu minh bạch, cạnh tranh theo Luật Đấu thầu mới và Nghị định hướng dẫn 30.

⁶ Quyết định 71/2010/NĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình thí điểm đầu tư theo hình thức PPP

⁷ Quyết định số 631/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2014.

⁸ Dự thảo Thông tư Quản lý PDF (chưa rõ ngày ban hành chính thức). Xem tại <<http://ppp.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=31>>

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ

Bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan liên quan khác

Mô tả vấn đề

Năng lực hạn chế, thiếu sự phối hợp và cách tiếp cận nhất quán giữa các cơ quan Chính phủ là các yếu tố thường bị các nhà đầu tư và tài trợ quốc tế tiềm năng cho là khó khăn lớn nhất khi triển khai các dự án PPP tại Việt Nam.

Vấn đề này diễn ra một phần là do thực tế dù cho các quy chế BOT, BT và BTO đã tồn tại gần 20 năm, nhưng khuôn khổ pháp lý để thực hiện các dự án PPP vẫn chưa được phát triển hoàn thiện. Cụ thể là, Nghị định mới về PPP không giải quyết được việc phân bổ rủi ro chủ chốt và một số vấn đề thương mại (bao gồm các vấn đề như tài sản thế chấp bất động sản và rủi ro chuyển đổi) và cũng không cung cấp các quy trình chi tiết cho quyền chuyển nhượng dự án/hợp đồng (bao gồm việc bên cho vay can thiệp) dẫn đến sự không chắc chắn của các cơ quan chức năng, từ đó dẫn đến sự chậm trễ trong việc ký kết hợp đồng và triển khai dự án trên thực tế. Ngoài ra, có rất ít các tiền lệ về các dự án đầu tư tư nhân đã hoàn thành. Do đó, các cơ quan Chính phủ thường không có đủ hướng dẫn pháp lý và thực tiễn để quản lý việc triển khai dự án một cách trơn tru, hiệu quả.

Dường như các cơ quan chính quyền thường lẫn lộn một số nội dung khi thảo luận dự án với nhà đầu tư nước ngoài về hình thức đầu tư công truyền thống và quy chế PPP. Hình thức đầu tư công tập trung nhiều hơn vào các yếu tố đầu vào thay vì kết quả đầu ra và không cần tới một quá trình đánh giá dự án phức tạp cũng như một cơ chế phân bổ và quản lý rủi ro chặt chẽ. Các cơ quan nhà nước vì thế thường không có kinh nghiệm hoặc am hiểu về các động lực thương mại liên quan đến các nhà đầu tư tư nhân, chẳng hạn như các yếu tố liên quan đến tính khả thi về mặt tài chính của một dự án và các cơ chế chia sẻ rủi ro giữa khu vực công và tư. Ngoài ra, việc tiếp xúc hạn chế với các thông lệ quốc tế cũng dẫn đến một khác biệt đáng kể trong cách tiếp cận giữa các cơ quan Chính phủ và các đối tác nước ngoài trong các dự án PPP. Các cơ quan Chính phủ thường quan tâm nhiều hơn đến quy định hành chính nội bộ, còn với phía nước ngoài là tính thương mại và thực dụng.

Cuối cùng, việc thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan cũng khiến các nhà đầu tư lúng túng. Mặc dù Nghị định mới về PPP đã đưa ra một chương trình giám sát tập trung để quản lý các dự án PPP, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm để thống nhất thực hiện của các cơ quan chính quyền trung ương và địa phương. Các ngành nghề khác nhau dưới sự quản lý của các cơ quan riêng biệt đang bắt đầu phát triển cách thức hoạt động đầu tư PPP khác nhau. Chính quyền địa phương, đặc biệt ở những tỉnh vùng sâu vùng xa, vẫn bị đặt ngoài lề trong quá trình cải cách.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Theo chúng tôi, bên cạnh tính kinh tế và thương mại của từng dự án PPP, năng lực thể chế và thực tiễn cũng như vấn đề về phối hợp giữa các bộ ngành sẽ là nhân tố quan trọng duy nhất làm giảm tính cạnh tranh của chương trình PPP Việt Nam. Điều này sẽ tiếp tục khiến các dự án thực hiện tại Việt Nam có tiến độ chậm hơn và chi phí cao hơn so với khi triển khai dự án ở các quốc gia khác, bao gồm các nước ASEAN, và có thể làm nhà đầu tư mất kiên nhẫn, không còn hứng thú với chương trình PPP của Việt Nam. Trong bối cảnh chương trình PPP được triển khai hiệu quả ở các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á (như Thái Lan, Indonesia và Philippines), nếu Việt Nam không giải quyết vấn đề này thì việc xây dựng một danh mục dự án cạnh tranh và khả thi sẽ càng khó khăn hơn. Tuy nhiên, chúng tôi cũng hiểu rằng các cơ quan, tổ chức phát triển tại Việt Nam đang nỗ lực đưa ra giải pháp cho một số vấn đề trên và điều này là rất đáng hoan nghênh.

Kiến nghị

- Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo và chương trình xây dựng năng lực cho các cơ quan chính phủ liên quan, đặc biệt là cán bộ cấp tỉnh;
- Tiếp tục thiết lập các quy định thực hiện cũng như cẩm nang hướng dẫn dự án để hỗ trợ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền triển khai dự án;
- Xây dựng bộ hồ sơ mời thầu được phê duyệt (với sự hỗ trợ của các nhà tư vấn quốc tế có kinh nghiệm tại các thị trường khác), bao gồm các hợp đồng dự án có các mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế công nhận làm cơ

sở đầu thầu để giảm khả năng trì hoãn dự án;

- Xây dựng những dự án khả thi phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất để cung cấp kinh nghiệm thực tiễn cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và
- Yêu cầu tất cả các bộ ngành và cơ quan chủ chốt tham gia một quá trình thực hiện tích cực để xây dựng các dự án một cách nhất quán.

III. BAN HÀNH CÁC QUY ĐỊNH THỰC HIỆN CHI TIẾT

Bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan liên quan khác

Mô tả vấn đề

Cần có những quy định thực hiện bổ sung nhằm cung cấp hướng dẫn chi tiết cho việc diễn giải và áp dụng Nghị định về PPP. Đến nay, một Nghị định mới của Chính phủ thể hiện quan điểm pháp lý của Bộ Tư pháp⁹ và một Thông tư của Bộ Công thương về dự án năng lượng theo hình thức BOT¹⁰ đã được thông qua để hỗ trợ chương trình PPP. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT) cũng đã lấy ý kiến tham vấn công khai về một số dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định về PPP liên quan đến quy trình sàng lọc dự án, hợp đồng mẫu và quy định quản lý Quỹ Phát triển Dự án (PDF).

Tuy nhiên, Chính phủ cần chính thức làm rõ một số vấn đề nổi cộm hiện nay. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường cần xác nhận khả năng của bên cho vay nước ngoài sẽ được đảm bảo bằng các tài sản bất động sản của công ty quản lý dự án. Nhà đầu tư cũng mong muốn được Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn chính thức về giải pháp cho vấn đề chuyển đổi ngoại tệ. Hơn nữa, việc các hợp đồng dự án có thể áp dụng các luật quốc tế, và có thể được đem ra trọng tài quốc tế, cần được xác nhận để giúp nhà đầu tư và bên cho vay có thể vượt qua một số điểm lo ngại trong hệ thống pháp luật Việt Nam vốn đang cản trở tiến trình phát triển về mặt tư pháp và pháp lý.

1. Quỹ Bù đắp Tài chính (VGF)

Việc áp dụng Quỹ Bù đắp Tài chính (VGF) cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP theo Nghị định 15 là một bước tiến tích cực đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong thị trường PPP. Đối với những dự án đầu tư theo hình thức PPP trong tương lai, Chính phủ (mặc dù chưa có xác nhận chính thức) đã lập quỹ VGF có trị giá lên đến 1 tỉ đô-la Mỹ nhằm hỗ trợ những dự án chưa khả thi về mặt tài chính.¹¹ Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về việc quản lý và điều kiện được sử dụng quỹ VGF này. Do đó, cần có quy trình rõ ràng, minh bạch để các nhà tài trợ và bên cho vay của dự án có thể chắc chắn rằng sẽ có nguồn vốn tài trợ phù hợp với nhu cầu của dự án khi một dự án theo hình thức PPP được đưa ra thị trường.

2. Các dự án hiện tại

Ngoài ra, Chính phủ nhận thức được rằng sự tham gia của khu vực tư nhân trong việc vận hành và đầu tư các dự án đã hoàn thiện hiện có sẽ giúp huy động các nguồn vốn cho Nhà nước để phát triển các dự án trong tương lai. Các nhà đầu tư tư nhân và nước ngoài đã bày tỏ sự quan tâm đối với các kế hoạch của Chính phủ trong việc chuyển giao quyền vận hành của Nhà nước trong một số dự án cơ sở hạ tầng đã hoàn thành sang các nhà đầu tư tư nhân, đặc biệt là trong lĩnh vực giao thông bao gồm đường bộ, cảng biển và sân bay. Việt Nam cần ban hành các quy định chi tiết để thiết lập nên một khuôn khổ pháp lý minh bạch cho các dự án này, trong đó có thể có sự tham gia của các nhà thầu ngoại có kiến thức và kinh nghiệm đáng kể trong lĩnh vực liên quan. Các quy định về cách thức “chuyển” dự án hạ tầng được Nhà nước cấp vốn thành các dự án đầu tư theo hình thức PPP cũng đang chờ được ban hành.

⁹ Nghị định 51/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2015

¹⁰ Thông tư 23/2015/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2015

¹¹ “Việt Nam thúc đẩy mô hình đối tác công tư trong đầu tư phát triển hạ tầng”, *Usaid*, 06/09/2015. Xem tại <<https://www.usaid.gov/results-data/success-stories/vietnam-promotes-public-private-partnerships-infrastructure>>

3. Phát triển quy trình chi tiết

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng cần có cảm nang hướng dẫn của dự án, trong đó đưa ra hướng dẫn chi tiết theo từng bước cho việc chuẩn bị và phát triển các dự án nhằm hỗ trợ các cơ quan thông thạo một hoạt động và khái niệm pháp lý mới. Bộ KHĐT đã thành lập một cổng thông tin đối tác công tư chuyên ngành dành riêng cho chương trình PPP.¹² Cổng thông tin được thiết kế nhằm cung cấp hướng dẫn pháp lý và kinh nghiệm thực tế về cách thực hiện các dự án PPP cũng như công bố thông tin về dự án. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn còn nhiều việc cần thực hiện để cơ sở dữ liệu của cổng thông tin phong phú hơn và cung cấp thông tin hữu ích hơn đến các bên liên quan.

4. Quy định chuyển đổi

Một yếu tố cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, đó là nhà đầu tư các dự án đang triển khai hiện nay quan ngại về sự thiếu vắng một cơ chế chuyển đổi hiệu quả giữa quy chế BOT trước đây và Nghị định mới về PPP. Tiến trình đàm phán đã bị chậm trễ do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền do dự khi hành động trước khi các quy định toàn diện về việc triển khai có hiệu lực. Hơn nữa, việc thiếu quy định triển khai Luật Đầu tư¹³ và Luật Doanh nghiệp mới¹⁴ gần như đã làm đóng băng quá trình đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và cấp giấy phép thành lập công ty. Do đó, yêu cầu ban hành hướng dẫn chi tiết từ phía Chính phủ trong giai đoạn chuyển đổi đang trở nên bức thiết.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nhu cầu cấp thiết về cải cách pháp lý trên diện rộng trong giai đoạn chuyển đổi ở thời điểm hiện tại là cơ hội đặc biệt để Chính phủ xây dựng một giải pháp pháp lý toàn diện nhằm thúc đẩy đầu tư theo hình thức PPP. Quá trình này sẽ cho phép Chính phủ lắng nghe ý kiến từ tất cả các bên liên quan để từ đó thay đổi hầu hết các luật chính điều chỉnh hoặc tác động đến chương trình PPP. Mặt khác, sự chậm trễ trong việc đưa ra những quy định thực hiện hiệu quả có thể làm suy yếu động lực hiện có của toàn bộ chương trình và khiến nhà đầu tư khó có thể chấp nhận rủi ro khi quyết định đầu tư vào các dự án PPP ở Việt Nam trong bối cảnh nhiều chương trình PPP rất mạnh khác cũng đang được thúc đẩy tại các quốc gia láng giềng.

Kiến nghị

- ▶ Tiếp tục xây dựng các chính sách và hướng dẫn chi tiết liên quan đến các dự án PPP nhằm hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài đang xem xét đầu tư vào cơ sở hạ tầng ở Việt Nam, cùng sự phối hợp với toàn bộ Chính phủ Việt Nam, tập trung vào một số yếu tố chính như sự khả dụng và giải ngân của Quỹ Bù đắp Tài chính;
- ▶ Xây dựng chi tiết khung pháp lý chuyển giao quyền vận hành các dự án đã hoàn thành hoặc triển khai vận hành và bảo dưỡng các dự án PPP;
- ▶ Thử nghiệm các quy định này trong các dự án thật để nhà đầu tư có thể yên tâm với cách áp dụng những quy định này trong bối cảnh phát triển một dự án PPP;
- ▶ Biên soạn sổ tay hướng dẫn cho dự án (ngoài các văn bản quy phạm pháp luật), sổ tay này có thể được kiểm tra và điều chỉnh dựa trên những vấn đề thật gặp phải trong thực tế;
- ▶ Xây dựng bộ hồ sơ mời thầu được phê duyệt, bao gồm các hợp đồng dự án có mô hình phân bổ rủi ro được quốc tế công nhận trong những lĩnh vực nằm ngoài phạm vi quy định.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và cụ thể đối với chương này:

Samantha Campbell, Luật sư Điều hành, Hogan Lovells, Văn phòng Việt Nam

Lâm Quỳnh Anh, Luật sư, Hogan Lovells, Hà Nội

¹² "Đối tác công tư", *Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, 2015. Xem tại <<http://ppp.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx>>

¹³ Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014

¹⁴ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014

CHƯƠNG 9 THUẾ

TỔNG QUAN

Tiểu ban Thuế và Chuyên gia thuộc EuroCham tiếp tục đánh giá cao nhiều bước tiến tích cực trong các văn bản pháp luật và quy định về thuế của Việt Nam. Năm 2015, một số thay đổi quan trọng bắt đầu có hiệu lực, trong đó có một số thay đổi đã được nêu trong các ấn phẩm Sách trắng trước đây. Những thay đổi này bao gồm việc gỡ bỏ quy định khống chế mức trần cho việc khấu trừ Chi phí Quảng cáo và Khuyến mại (QC&KM), tái áp dụng ưu đãi thuế cho việc mở rộng kinh doanh và cho các doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, cũng như một số thay đổi tích cực về thuế Thu nhập Cá nhân (TNCN) và thuế Giá trị Gia tăng (GTGT). Bên cạnh đó, một số biện pháp đã được triển khai nhằm giảm bớt yêu cầu khai nộp đối với tất cả các loại thuế.

Mặc dù đã có nhiều bước tiến tích cực về luật pháp liên quan đến thuế cũng như trong việc giảm bớt thời gian làm thủ tục khi người nộp thuế thực hiện các nghĩa vụ thuế của mình, chúng tôi nhận thấy nhìn chung việc thực thi luật pháp trên thực tế dường như ngày càng khó khăn. Ví dụ, mặc dù Việt Nam đang tham gia một hệ thống đồ sộ các hiệp định về thuế với hơn 60 hiệp định có hiệu lực và các hiệp định mới đang tiếp tục được ký kết, bao gồm hiệp định với Hoa Kỳ trong năm 2015, việc hưởng lợi trên thực tế theo các hiệp định này trong thời gian gần đây lại đang trở nên khó khăn hơn trước.

Ngoài ra, các lỗi trong tuân thủ quy định và luật định không liên quan đến thuế, ngay cả khi những lỗi này có thể không rõ ràng, dường như vẫn thường được cơ quan thuế sử dụng làm cơ sở để tăng thu nhập chịu thuế, áp thuế nhà thầu, từ chối khấu trừ thuế, từ chối khấu trừ thuế GTGT đầu vào hoặc hoàn thuế GTGT. Theo quan điểm của chúng tôi, chế tài phù hợp nhất với những lỗi này chỉ nên là phạt hành chính.

Tính hình thức thay vì chú trọng đến nội dung thực chất còn có thể thấy trong các yêu cầu về hồ sơ chứng từ, mà những yêu cầu đó lại thường không được thông báo trước. Các đơn vị kiểm toán thuế khác nhau có thể yêu cầu những loại chứng từ khác nhau, và những yêu cầu này có thể phức tạp đến mức rất khó tuân thủ trên thực tế.

Nhìn chung, người nộp thuế đều mong muốn tuân thủ các nghĩa vụ thuế của mình. Một khi các doanh nghiệp bắt đầu đánh giá việc áp thuế tại Việt Nam là không rõ ràng và không nhất quán, có thể các doanh nghiệp sẽ cân nhắc việc tiếp tục hoạt động tại Việt Nam, nhất là nếu họ mới đang ở những giai đoạn đầu của quá trình phát triển.

Chúng tôi hiểu rằng các cơ quan thuế đã và đang tái phân bổ nguồn lực cho hoạt động kiểm toán thuế và điều tra, nhưng chúng tôi cũng kính đề nghị phân bổ thêm nguồn lực để hỗ trợ việc nâng cao nhận thức và giải đáp thắc mắc thuế cho người nộp thuế để họ có thể thực hiện đúng nghĩa vụ thuế của mình.

Một số vấn đề chúng tôi nêu ra trong năm nay có liên quan đến việc triển khai luật pháp trên thực tế, cũng như cách hiểu và diễn giải luật, chứ không liên quan trực tiếp đến bản thân các điều khoản quy định của pháp luật. Do thuế là một phạm trù rộng nên nhìn chung, chúng tôi không nhắc lại những gì đã được nêu trong cuốn Sách trắng 2015, trừ trường hợp đã có những bước tiến mới kể từ đó đến nay.

I. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Bộ ngành có liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Tổng Cục Thuế, Kiểm toán Nhà nước

1. Cơ chế ưu đãi thuế

a. *Khôi phục cơ chế ưu đãi thuế cho các Khu Công nghiệp*

Mô tả vấn đề

Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (Thuế TNDN) 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC sửa đổi hướng dẫn triển khai

luật đã khôi phục lại cơ chế ưu đãi thuế cho các dự án mới đặt tại các khu công nghiệp. Trên thực tế, trước đây cơ chế ưu đãi thuế đã từng được áp dụng cho các dự án đầu tư mới tại các khu công nghiệp, nhưng bị xóa bỏ kể từ năm 2009. Với Thông tư 78, doanh nghiệp triển khai các dự án đầu tư mới trong khu công nghiệp (ngoại trừ các khu công nghiệp đặt tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội ưu tiên) sẽ được hưởng cơ chế ưu đãi miễn thuế trong 2 năm và giảm 50% thuế trong 4 năm tiếp theo.

Những cải cách về chính sách thuế như trên thể hiện nỗ lực quý báu của Chính phủ trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, hỗ trợ tăng trưởng và kích thích nền kinh tế.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Mặc dù thay đổi này đem lại những lợi ích rõ ràng cho các doanh nghiệp có dự án mới thành lập tại các khu công nghiệp kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, song cơ chế ưu đãi thuế mới này vẫn ít ưu ái hơn so với cơ chế mà doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp được hưởng theo các quy định ở giai đoạn trước năm 2009, đặc biệt từ 2007-2009 (cụ thể: miễn thuế trong 3 năm, giảm 50% thuế trong 7 năm tiếp theo, và hưởng thuế suất thuế TNDN ở mức ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu).

Kiến nghị

- Chúng tôi kiến nghị dành một cơ chế ưu đãi thuế ưu ái và thực chất hơn cho các doanh nghiệp đặt tại các khu công nghiệp, cụ thể: tối thiểu ngang bằng với cơ chế trước đây và áp dụng cho tất cả các khu công nghiệp bao gồm cả các khu đặt tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội ưu tiên. Điều này sẽ giúp tăng cường sự hỗ trợ liên tục của Chính phủ đối với các doanh nghiệp sản xuất - nhóm ngành có mức độ Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài đáng kể tại Việt Nam.

b. Đánh giá lại các cơ chế ưu đãi thuế áp dụng trong giai đoạn 2009-2013

Mô tả vấn đề

Các cơ chế ưu đãi thuế cho việc mở rộng kinh doanh đã bị tạm dừng trong giai đoạn 2009-2013. Mặc dù định nghĩa “mở rộng” kinh doanh vẫn là một phạm trù không rõ ràng, trên thực tế các cơ quan quản lý nhà nước vẫn cho rằng bất cứ sự gia tăng giá trị tài sản cố định nào cũng đều là “mở rộng” kinh doanh, và dựa vào tỷ lệ gia tăng tài sản cố định để xác định mức thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế tạo ra từ các hoạt động mở rộng kinh doanh trong trường hợp người nộp thuế không hạch toán riêng biệt thu nhập từ đầu tư ban đầu với thu nhập từ hoạt động mở rộng kinh doanh.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Gần đây, đã có trường hợp các doanh nghiệp thành viên EuroCham bị coi là “mở rộng” kinh doanh khi mua mới hoặc thay thế tài sản cố định trong giai đoạn 2009-2013 mặc dù họ không hề tăng vốn đầu tư hay thêm nguồn đầu tư so với vốn đầu tư nguyên gốc. Kết quả là, việc cơ quan thuế yêu cầu họ thực hiện bổ sung nghĩa vụ thuế từ những hoạt động “mở rộng” này đã khiến nhà đầu tư quan ngại về tính ổn định của những quy định pháp lý áp dụng cho hoạt động đầu tư của họ cũng như cách các cơ quan có thẩm quyền áp dụng luật định và xu hướng của Chính phủ đối với việc khuyến khích đầu tư vào Việt Nam.

Kiến nghị

- Việc tăng vốn đầu tư hoặc tăng tài sản cố định qua các năm không nên được sử dụng làm yếu tố cân nhắc duy nhất để xác định việc “mở rộng” kinh doanh. Thay vào đó, các cơ quan có thẩm quyền cần cân nhắc các yếu tố khác, như: mục đích tăng vốn, nguồn vốn dùng để mua tài sản cố định mới, mục đích mua tài sản cố định mới, tài sản cố định mua nhằm mục đích thay thế.

2. Khấu trừ Chi phí Quảng cáo & Khuyến mại

Mô tả vấn đề

Luật số 71/2014/QH13 đã gỡ bỏ quy định mức trần 15% áp dụng cho tổng chi phí QC&KM mà doanh nghiệp được phép khấu trừ thuế. Điều đó có nghĩa là chi phí QC&KM được khấu trừ toàn phần khi tính thuế TNDN bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Sự thay đổi này đánh dấu một cột mốc trong cải cách chính sách thuế mà Chính phủ

đã và đang liên tục tiến hành với nỗ lực hỗ trợ doanh nghiệp, tăng cường hơn nữa vị thế của Việt Nam như một điểm đến hấp dẫn đối với nhà đầu tư.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Mặc dù quy định về mức trần đã được gỡ bỏ, nhưng việc khấu trừ chi phí QC&KM, ví dụ chi phí cho các chiến dịch khuyến mại vốn thuộc phạm vi điều chỉnh của các quy định pháp luật về thương mại, vẫn có thể bị cơ quan thuế từ chối nếu doanh nghiệp không tuân thủ thủ tục hành chính (đăng ký/ thông báo về các hoạt động khuyến mại với các cơ quan chức năng có thẩm quyền).

Ngoài ra, các quy định pháp luật thương mại hiện hành (như Nghị định 37/2006/NĐ-CP) đôi khi vẫn yêu cầu doanh nghiệp tiến hành các thủ tục đăng ký/ thông báo toàn diện ở mức độ không khả thi, ví dụ: một chiến dịch khuyến mại tặng miễn phí sản phẩm cho khách hàng trên toàn quốc cần được thông báo với Sở Công Thương tại tất cả 64 tỉnh thành trong cả nước, gây gánh nặng hành chính quá mức đối với các doanh nghiệp thực sự muốn tuân thủ.

Kiến nghị

- EuroCham kiến nghị chỉ áp dụng chế tài phạt hành chính đối với các lỗi tuân thủ về đăng ký/ thông báo khi triển khai các hoạt động QC&KM; và chi phí QC&KM cần được khấu trừ toàn phần khi doanh nghiệp cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo yêu cầu của các quy định về thuế.
- Hơn nữa, EuroCham kính đề nghị BTC làm việc với BCT để xem xét đơn giản hóa các yêu cầu về thủ tục đối với việc đăng ký/ thông báo các hoạt động QC&KM nhằm giải phóng gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp.

II. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Bộ ngành có liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng Cục Thuế, Kiểm toán Nhà nước

Chứng minh tình trạng không cư trú

Mô tả vấn đề

Theo Thông tư 111/2013/TT-BTC sửa đổi ngày 15 tháng 8 năm 2013, trong kỳ tính thuế, nếu một cá nhân có mặt tại Việt Nam ít hơn 183 ngày và có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên nhưng có thể chứng minh là đối tượng cư trú của một nước khác, cá nhân đó sẽ được coi là cá nhân không cư trú tại Việt Nam trong năm đó. Việc chứng minh là đối tượng cư trú của nước khác có thể căn cứ vào (i) Giấy chứng nhận cư trú chính thức hoặc (ii) bản chụp Hộ chiếu để chứng minh thời gian cư trú trong trường hợp nước đó đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Double Taxation Avoidance Agreement – DTA) với Việt Nam nhưng không có quy định cấp Giấy chứng nhận cư trú.

Tuy nhiên, các văn bản pháp luật liên quan không đưa ra hướng dẫn chi tiết về việc giấy tờ chứng minh cần được nộp chính thức cho cơ quan thuế hay lưu tại đơn vị trả thuế tại Việt Nam hay người nộp thuế giữ và xuất trình theo yêu cầu trong trường hợp kiểm toán thuế.

Do không có hướng dẫn cụ thể, một số chi cục thuế địa phương đã và đang yêu cầu cá nhân nộp một bộ hồ sơ đầy đủ tương tự như hồ sơ đăng ký áp dụng DTA (bao gồm Giấy chứng nhận cư trú và các giấy tờ chứng minh khác) trong trường hợp cá nhân không cư trú tại Việt Nam như đã nêu trên và do đó khai Thuế TNCN ở mức thuế suất cố định 20%. Mặc dù thay đổi trong quy định pháp luật được đánh giá cao như một bước tiến tích cực nhằm làm rõ và đơn giản hóa yêu cầu về tình trạng cư trú, việc triển khai trên thực tế tại một số chi cục thuế địa phương lại gây ra tác động trái chiều và khiến cho quy trình trở nên phức tạp, nặng nề hơn rất nhiều so với trước đây.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi hiểu rằng việc áp dụng DTA tại Việt Nam đối với cá nhân chỉ áp dụng trong trường hợp cá nhân đó muốn hoàn thuế hoặc miễn thuế theo một hiệp định thuế có liên quan và còn hiệu lực.

Việc yêu cầu nộp cả một bộ hồ sơ đăng ký áp dụng DTA chỉ để chứng minh rằng một cá nhân không cư trú tại Việt Nam đã làm tăng thêm gánh nặng hành chính và thủ tục cho bản thân cá nhân cũng như đơn vị sử dụng lao động tại Việt Nam. Mặc dù các yêu cầu theo hiệp định thuế chỉ áp dụng đối với trường hợp đăng ký áp dụng hiệp định, cơ quan chức năng thường kết hợp một cách không cần thiết những yêu cầu này, chống lên trên những quy định của chính Việt Nam về chế độ cư trú tính thuế theo Thông tư 111.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, khi ngày càng nhiều người lao động được cử ra nước ngoài công tác (theo cả chiều đi và chiều đến Việt Nam), số lượng cá nhân bị ảnh hưởng bởi vấn đề này đang ngày càng nhiều. Không phải đơn vị sử dụng lao động hay cá nhân nào cũng nắm được các yêu cầu của một số cơ quan thuế địa phương vì những yêu cầu này không được thông báo chính thức bằng văn bản, do đó việc áp dụng không có sự nhất quán.

Kiến nghị

- Theo xu hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế tại Việt Nam, chúng tôi kiến nghị nên cân nhắc lại việc yêu cầu cá nhân nộp đủ bộ hồ sơ DTA để chứng minh tình trạng không cư trú tại Việt Nam, và nên thay thế quy định này bằng một thủ tục đơn giản, ví dụ: công văn gửi cơ quan thuế hữu quan về tình trạng cư trú của người nộp thuế; hoặc cho phép lưu Giấy chứng nhận cư trú chính thức tại cơ sở của người nộp thuế và chỉ cần xuất trình khi có yêu cầu/ khi có kiểm toán thuế. Ngoài ra, Tổng Cục Thuế cần có hướng dẫn chính thức để áp dụng nhất quán tại tất cả các cơ quan thuế trong cả nước.

III. CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bộ ngành có liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng Cục Thuế, Kiểm toán Nhà nước

1. Không truy thu Thuế Giá trị Gia tăng đối với các dự án thăm dò dầu khí không thành công

Mô tả vấn đề

Ban đầu, cơ quan thuế lý giải rằng trong trường hợp Hợp đồng Chia sản phẩm Dầu Khí (Petroleum Sharing Contract - PSC) hết hiệu lực mà chưa có khai thác thương mại, thì hợp đồng đó sẽ không được khấu trừ thuế GTGT và sẽ thực hiện truy thu các khoản thuế GTGT đầu vào đã được hoàn theo một công văn được ban hành năm 2012¹. Sau đó, một công văn khác lại được ban hành vào cuối năm 2014², trong đó thể hiện quan điểm không yêu cầu truy thu thuế GTGT đối với các dự án dầu khí trong trường hợp không phát hiện được trữ lượng có khả năng khai thác thương mại. Mặc dù chính sách này có vẻ sẽ vẫn được áp dụng đối với các dự án dầu khí, tuy nhiên, một Thông tư được ban hành trong thời gian gần đây và có hiệu lực trong năm 2015³ khi đề cập đến các dự án dầu khí nói chung không đi vào vận hành lại không nêu rõ liệu các dự án dầu khí có được miễn truy thu thuế GTGT khi không phát hiện được trữ lượng có khả năng khai thác thương mại hay không.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chính sách không truy thu thuế GTGT đối với các dự án dầu khí cần gắn liền với thực tế rằng bản chất đặc thù của các dự án thăm dò dầu khí là không phải lúc nào cũng dẫn đến phát hiện thương mại. Như chúng ta đều biết, các dự án trong lĩnh vực thăm dò dầu khí có mức độ rủi ro cao nên các doanh nghiệp nước ngoài tham gia các hợp đồng PSC tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực nếu áp dụng việc truy thu thuế này, bởi nó làm phát sinh thêm chi phí và làm nản lòng các nhà đầu tư tiềm năng trong lĩnh vực dầu khí – lĩnh vực chiến lược của Việt Nam.

Kiến nghị

- Chúng tôi kính đề nghị làm rõ hơn về việc các nhà thầu thăm dò dầu khí chấm dứt hợp đồng PSC mà không đạt được khai thác thương mại sẽ không bị truy thu thuế GTGT như các doanh nghiệp (ngoài ngành dầu khí) nói chung khi dừng hoạt động. Chúng tôi tin rằng đối với nhà đầu tư thăm dò dầu khí đã hoàn thành cam kết

¹ Công văn 4606/TCT-KK của Tổng Cục Thuế ban hành ngày 21/12/2012

² Công văn 15495/BTC-TCT của Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2014

³ Thông tư 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 27/2/2005

tài chính theo hợp đồng PSC nhưng không may không có phát hiện thương mại thì không nên yêu cầu họ phải hoàn và/hoặc bị phạt liên quan đến bất cứ khoản hoàn thuế GTGT nào mà họ đã được nhận trước đó. Chúng tôi hi vọng nhận được xác nhận cụ thể rằng cơ chế đối xử này sẽ tiếp tục được áp dụng theo luật pháp hiện hành nhằm xóa bỏ mọi thông tin không chắc chắn.

2. Quy định miễn thuế Giá trị Gia tăng đối với quyền sử dụng nhãn hiệu

Mô tả vấn đề

Một số cơ quan thuế có quan điểm rằng các khoản thanh toán cho quyền sử dụng nhãn hiệu không được coi là tiền bản quyền để được hưởng ưu đãi thuế GTGT (được miễn thuế GTGT), mà cho rằng nên coi đây là việc cung cấp một dịch vụ (chịu thuế VAT 5%). Quan điểm này ban đầu đã được thể hiện thông qua một công văn ban hành năm 2014, tuy nhiên sau đó cơ quan thuế địa phương lại diễn giải trong một công văn khác rằng trong trường hợp thanh toán quyền sử dụng nhãn hiệu thương mại ở nước ngoài, thuế suất thuế nhà thầu sẽ là thuế GTGT 5% (như cung cấp dịch vụ) và thuế TNDN 10% (giả định là tiền bản quyền).

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Định nghĩa tiền bản quyền trong quy định về thuế nhà thầu rất rộng, bao gồm “khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ [...]”⁴ Theo đó, quyền sử dụng nhãn hiệu về cơ bản sẽ rơi vào định nghĩa nêu trên, do đó sẽ chịu thuế nhà thầu ở mức thuế TNDN 10% và được miễn thuế GTGT. Cơ chế/ cách diễn giải mới này không nhất quán với tập quán thuế đã được áp dụng kể từ khi áp dụng các quy định về thuế nhà thầu và thuế GTGT từ năm 1998/1999, theo đó tiền bản quyền đối với thương hiệu/ nhãn hiệu được miễn thuế GTGT. Mặc dù thuế GTGT 5% về cơ bản là mức thuế chấp nhận được và do đó chỉ là vấn đề về dòng tiền, nhưng cách đối xử không rõ ràng này gây quan ngại cho các doanh nghiệp đang tiến vào thị trường Việt Nam cũng như những doanh nghiệp đã và đang hoạt động tại Việt Nam từ nhiều năm nay và từ lâu nay đã quen thuộc với cơ chế miễn thuế GTGT cho tiền bản quyền.

Kiến nghị

- Về quyền sử dụng nhãn hiệu, cần làm rõ về thuế suất thuế GTGT và thuế nhà thầu để đảm bảo tính nhất quán trong việc coi đây là tiền bản quyền hay là cung cấp dịch vụ. Do tập quán đã có trước đây, chúng tôi cho rằng nên tiếp tục áp dụng miễn thuế GTGT trong trường hợp này.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Thomas McClelland, Chủ tịch Tiểu ban Thuế và Chuyển giá, Ban Tư vấn Thuế & Doanh nghiệp, Deloitte Việt Nam

⁴ Thông tư 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6/8/2014

CHƯƠNG 10 VẬN TẢI VÀ HẬU CẦN

TỔNG QUAN

Lời đầu tiên, Tiểu ban Vận tải và Hậu cần xin được gửi lời cảm ơn đến Chính phủ vì những hỗ trợ không ngừng trong quá trình xây dựng trung tâm trung chuyển khu vực tại Cái Mép. Bên cạnh đó, Tiểu ban cũng hoan nghênh những tiến bộ và cải thiện đáng kể trong việc cải cách và hiện đại hóa hải quan, trong đó bao gồm việc ban hành Luật Hải quan mới và thực hiện tin học hoá hải quan thông qua việc áp dụng Hệ thống thông quan hàng hoá tự động/ Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ (VNACCS/VCIS).¹

Tiểu ban cũng bày tỏ mong muốn được tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực sau trong năm tới.

1. Trung tâm trung chuyển khu vực. Việc xây dựng một trung tâm trung chuyển nội địa và quốc tế tại Cái Mép vẫn là một ưu tiên bởi trung tâm trung chuyển này sẽ hỗ trợ giải quyết vấn đề mất cân bằng lớn giữa cung và cầu tại cảng công-ten-nơ khu vực miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, trung tâm trung chuyển này cũng trực tiếp tạo ra một quy mô cần có để vận hành cụm cảng nước sâu thiết yếu cho Việt Nam cũng như cho tất cả các bên xuất/nhập khẩu liên quan.

Động lực theo đuổi mục tiêu này đã được Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Kế hoạch và Đầu tư nắm rõ. Tuy nhiên, trong chương này chúng tôi vẫn xin tổng hợp ý kiến từ các báo cáo trước đây cùng những kiến nghị và thông tin ở thời điểm hiện tại được dẫn từ nguồn thông tin của các Bộ ngành Chính phủ cũng như các ngành công nghiệp cảng và vận chuyển đường thủy.

2. Khu vực Mậu dịch Tự do và Hải quan: thông qua đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), việc thành lập Khu vực Mậu dịch Tự do gần Cái Mép và địa điểm xây dựng sân bay Long Thành sẽ chắc chắn nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam so với các quốc gia ASEAN khác. Để phù hợp với những thay đổi trong các quy trình và quy định hải quan đang được áp dụng, ngành vận tải và hậu cần cần tập trung vào các lĩnh vực chính của hoạt động hải quan cần cải cách. Việc tập trung và triển khai này đóng vai trò quan trọng nhằm duy trì khả năng cạnh tranh của Việt Nam với các quốc gia ASEAN khác, đặc biệt trong bối cảnh Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) sắp được thành lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Hải quan: Phần cuối cùng của báo cáo này tập trung chủ yếu vào các vấn đề quan trọng liên quan đến cải cách hải quan. Mục tiêu của chương này là tổng hợp kiến nghị của các bộ ngành Chính phủ, các tổ chức và cộng đồng doanh nghiệp nhằm khẳng định một thực tế đó là các thể chế này đều có những mục tiêu chung. Điều đó có nghĩa là với việc hỗ trợ thống nhất này, Chính phủ Việt Nam có cơ hội lớn để tạo ra những tác động đáng kể và tích cực tới các nhà xuất/nhập khẩu tại Việt Nam thông qua một vài quyết định, từ đó giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của quốc gia. Để tạo ra được quy mô nói trên, điều quan trọng đầu tiên cần thực hiện đó là xây dựng một môi trường cạnh tranh trong việc vận hành cảng công-ten-nơ.

I. TRUNG TÂM TRUNG CHUYỂN KHU VỰC

Các bộ ngành liên quan: Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài Chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Các tổ chức, bài trình bày và báo cáo sau đây đã được tiến hành tham vấn và trong vòng 2 năm qua đã cùng thống nhất ủng hộ việc xây dựng một trung tâm trung chuyển khu vực có quy mô phù hợp tại miền Nam Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu này, cần giải quyết hai hạng mục được đề cập ở trên.

¹ "Vietnam Steps Up Reform for Integration", *Vietnam Breaking News*, 03/10/15. Xem tại <<http://www.vietnambreakingnews.com/2015/10/vietnam-customs-steps-up-reform-for-integration/>>

Các tài liệu bao gồm: Báo cáo đệ trình Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải về giá trị của trung tâm trung chuyển ngày 6 tháng 8 năm 2013, chương mô tả vấn đề của Tiểu ban Vận tải và Hậu cần thuộc EuroCham trong Sách Trắng ấn bản năm 2013, 2014 và 2015, Báo cáo “Kho vận Hiệu quả” của Ngân hàng Thế giới công bố năm 2014 (Kho vận Hiệu quả, Chia khoá nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam), cuộc họp hàng quý các Đối tác trong ngành vận tải và hậu cần - nhóm công tác này được thành lập vào tháng 2 năm 2014 bao gồm các lãnh đạo trong ngành và đại diện của Bộ Giao thông Vận tải và cuối cùng là Tiểu nhóm Cảng và Vận tải biển (Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Tháng 3 năm 2015) tập trung vào các công ty vận tải đường biển như Maersk Line, Societe Generale Maritime (CMA CGM), Mediterranean Shipping Co (MSC), American President Lines (APL) và các cảng công-ten-nơ như Cảng Quốc tế Cái Mép, cảng công-ten-nơ quốc tế Stevedoring Services of America.

1. Giá trị của trung tâm trung chuyển

Báo cáo đệ trình Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải – báo cáo này được đệ trình lên Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải vào ngày 6 tháng 8 năm 2013, trong đó tóm tắt giá trị của việc xây dựng một trung tâm trung chuyển tại Cái Mép. Sau đó, Công ty Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT) và Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đã cùng ký kết hợp đồng hợp tác điều hành. Mặc dù mấu chốt vẫn là công tác triển khai thực tế, nhưng việc phát triển khái niệm một trung tâm trung chuyển vẫn được xem là một bước tiến tích cực. Tuy một vài số liệu trong báo cáo đã không còn cập nhật, nhưng rõ ràng việc giảm cảng phí và nới lỏng các quy định vận tải nội địa là hai nội dung then chốt trong việc hiện thực hoá một trung tâm trung chuyển.

2. Sách Trắng (EuroCham) – 2014 và 2015

Bên cạnh các báo cáo độc lập khác của EuroCham, các ấn bản năm 2014 và 2015 của Sách Trắng đã đề cập rõ ràng rằng việc giảm cảng phí và nới lỏng các quy định trong Luật Vận tải nội địa (Mục 2.8.2 Sách Trắng 2014) cùng các kiến nghị tương tự trong Sách Trắng năm 2015 (Mục 2.9.2) là những bước đi cần thiết trong kế hoạch xây dựng Trung tâm trung chuyển.²

3. Kho vận Hiệu quả: Ngân hàng Thế giới – 2014

Năm 2014, Ngân hàng Thế giới công bố báo cáo toàn diện có tựa đề “Kho vận hiệu quả - Chia khoá nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam”. Chương 3, trang 71 và 79 của Báo cáo trình bày kiến nghị về việc Việt Nam cần phải nới lỏng các quy định vận tải nội địa. Ngoài ra, cũng trong chương 3, từ trang 80 tới 82 cũng có một số kiến nghị liên quan tới việc cần cải thiện các quy định hải quan (tham khảo vấn đề số 2). Cả hai vấn đề này đều có ảnh hưởng trực tiếp tới việc xây dựng trung tâm trung chuyển tại Cái Mép.³

4. Hợp hàng quý các Đối tác hoạt động trong lĩnh vực vận tải và hậu cần

Bộ GTVT phối hợp cùng Ngân hàng Thế giới đã tổ chức các buổi họp hàng quý với các đối tác hoạt động trong lĩnh vực vận tải và hậu cần với mục đích chính là hỗ trợ tương tác hiệu quả giữa Bộ GTVT và các bên liên quan hoạt động trong lĩnh vực vận tải và hậu cần. Hoạt động này sẽ giúp tất cả các thành viên tham gia hiểu rõ hơn về các vấn đề chung có liên quan tới các chính sách của Chính phủ, từ đó có thể đưa ra các giải pháp linh hoạt và khả thi cho bất kỳ vấn đề nào tồn tại trong ngành hậu cần tại Việt Nam. Một trong những tiêu trọng tâm được đưa ra trong các buổi họp đó là xây dựng một trung tâm trung chuyển tại khu vực miền Nam Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, cần đảm bảo tính hiệu quả của các quy trình hải quan, nới lỏng các quy định vận tải nội địa và giảm cảng phí (tham khảo thêm các ý kiến đóng góp cho các chính sách và quy định hải quan trong phần sau).

5. Ý kiến đóng góp từ Tiểu nhóm Cảng và Vận tải biển của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

Các ý kiến nhận xét có liên quan tới các lợi ích tiềm tàng dưới đây đã nhận được sự quan tâm của Tiểu ban Vận tải và Hậu cần. Tất cả các ý kiến nhận xét này đều được các hãng vận tải đường biển và công ty vận hành cảng đưa ra.

² 2015, EuroCham, 2015. Xem tại <http://www.eurocham.vn.org/sites/default/files/uploads/Documents/whitebook/Whitebook2015_EN_EUC%20WEBSITE.pdf#overlay-context=node/12569>

³ Blancas, L.C, Isbell, J và M, Joo Tan, H và Tao, W, “Kho vận hiệu quả - Chia khoá nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam”, *Ngân hàng Thế giới*, 2014. Xem tại <http://www-wds.worldbank.org/external/default/WDSContentServer/WDSP/IB/2013/11/27/000461832_20131127115422/Rendered/PDF/830310PUB0978100B0x379862B00PUBLIC0.pdf>

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Với việc ký kết EVFTA, nhu cầu xây dựng một cảng trung chuyển như đã đề cập ở thời điểm hiện tại trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Mức gia tăng thương mại từ sự phát triển này (kèm theo đó là lượng giao thông công-ten-nơ ra vào Việt Nam) được kỳ vọng sẽ vượt xa so với mức tăng trưởng dự đoán trước đây.⁴ Giao thương giữa EU và Việt Nam đã tăng bình quân 23,1% trong khoảng thời gian từ năm 2010 tới 2014⁵ và để tăng cường tối đa khối lượng giao dịch thương mại mà EVFTA sẽ chắc chắn mang lại cho Việt Nam, cần phải xây dựng một cảng công-ten-nơ nước sâu hoạt động hiệu quả để đáp ứng nhu cầu này. Sự phụ thuộc vào các cảng tại thành phố Hồ Chí Minh ở thời điểm hiện tại không mang tính bền vững khi xét về cả khía cạnh vận hành lẫn thương mại.

Lợi ích đầu tiên đó là Việt Nam sẽ tiết kiệm được một khoản chi phí lớn từ việc giảm thiểu các dịch vụ vận tải nội địa từ/tới các trung tâm trung chuyển tại Singapore và Hồng Kông. Chi phí hàng tuần dành cho việc vận hành một tàu thủy có kích thước 1100 TEU là khoảng 136.000 đô-la Mỹ, đồng nghĩa với chi phí hàng năm là 7 triệu đô-la Mỹ. Chi phí vận hành hàng tuần đối với một tàu thủy có kích thước 1700 TEU là khoảng 208.000 đô-la Mỹ, tương đương mức phí hàng năm khoảng 10 triệu đô-la Mỹ. Một lợi ích khác đó là Việt Nam sẽ có thêm nguồn thu nếu Cái Mép thu hút được thêm những đợt cập cảng lớn. Nếu cảng phí được ấn định ở mức 20.000 đô-la Mỹ một lần cập cảng thì nguồn thu bổ sung dành cho Việt Nam trong một năm thu được từ một đợt cập cảng lớn sẽ là 1 triệu đô-la Mỹ. Rất có thể với việc xây dựng một trung tâm trung chuyển, dự tính có thể thu hút được ít nhất 10 đợt cập cảng lớn, tạo ra thêm một khoản doanh thu là 10 triệu đô-la Mỹ trong một năm.

Hơn nữa, tình hình ô nhiễm tại thành phố Hồ Chí Minh sẽ được cải thiện nhờ luồng xe tải được chuyển hướng từ nội thành vào khu vực Cái Mép. Cùng với đó là lượng giao thông và tắc nghẽn tại cảng giảm đi do công suất cảng tại khu vực Cái Mép tăng lên đáng kể. Lượng giao thông khu vực nội thành giảm sẽ nâng cao mức độ an toàn đồng thời giảm bớt rủi ro chậm hàng. Từ đó, các nhà nhập khẩu nước ngoài sẽ hài lòng hơn khi độ chính xác về thời gian giao hàng xuất khẩu từ Việt Nam cao hơn, việc này cũng giúp nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam. Các dòng sông cũng có thể được dùng cho mục đích du lịch bằng cách tổ chức các chuyến tham quan và hoạt động khác trên sông nhằm tăng nguồn thu cho Việt Nam. Cách thức tiếp cận tương tự cũng đã được áp dụng thành công tại Băng Cốc.

Kiến nghị

- Trước mắt, cần xây dựng trung tâm trung chuyển khu vực đáp ứng đủ hiệu suất để đáp ứng sự phát triển của EVFTA
- Tiến hành giảm cảng phí cho các tàu có kích thước nhất định. Đặc biệt, khi giảm cảng phí sẽ có nhiều tàu bè cập cảng tại Việt Nam và nhờ đó giúp tăng tổng doanh thu cho quốc gia.
- Nói lỏng Quy định Vận tải Nội địa. Có thể thấy rằng việc thực hiện nói lỏng các quy định còn mang tính miễn cưỡng, các dịch vụ đang được cung cấp trong nước hiện nay lại chưa đạt tiêu chuẩn yêu cầu và đang được để ở mức giá quá cao. Chính hai nguyên nhân này đã gây cản trở cho sự phát triển. Việc nói lỏng quy định trong và ngoài Cái Mép là một yêu cầu nhằm tạo ra một môi trường cạnh tranh hơn, nhất là khi Việt Nam đang hướng đến việc chiếm thị phần của các trung tâm trung chuyển khác như Hồng Kông và Singapore; và
- Tu sửa các cụm cảng nước sâu để tiếp nhận các tàu bè có kích thước lớn hơn, từ đó giảm chi phí và nâng cao hiệu quả cho dịch vụ cập cảng trực tiếp. Nếu Việt Nam tiếp tục phụ thuộc vào các cảng sông, hàng hoá sẽ thay vào đó tìm đường kết nối đến các trung tâm trung chuyển khác trong khu vực như Singapore và Hồng Kông. Điều này sẽ làm tăng chi phí, giảm hiệu quả và năng lực cạnh tranh trong việc vận chuyển hàng hóa của Việt Nam. Nếu như việc giao thương trong khu vực châu Á còn phụ thuộc vào các cảng sông, các hãng vận tải sẽ gặp khó khăn trong việc cung cấp dịch vụ tối ưu cho các tàu có “kích thước panama” (dịch vụ cho các tàu bè kích thước lớn) vào Cái Mép bởi mối quan ngại về sự chấp thuận từ phía đơn vị gửi/nhận hàng.

⁴ EU-Vietnam free trade accord, *HSBC Global Research*, 07/08/15, pp.3-7. Xem tại <http://static1.vietstock.vn/eodocs/4777/20150810_ENG_Hiep_dinh_FTA_Vietnam_Nam_EU_PUBLIC.pdf>

⁵ Eurostat COMEXT, 10/4/2014

II. CÁC KHU VỰC THƯƠNG MẠI TỰ DO

Các bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công thương (BCT)

Mô tả vấn đề

Hiện nay, khái niệm về “Khu vực Thương mại Tự do” (FTZ) mà Việt Nam đang áp dụng không tương đồng với khái niệm của các quốc gia láng giềng khác. Việt Nam đã có các khu chế xuất (EPZ), tuy nhiên, mô hình về một khu vực thương mại tự do toàn diện dành cho các bên liên quan trong khu vực được chỉ định vẫn chưa được triển khai. Một Khu vực Thương mại Tự do thường cho phép nhập, vận dụng, thay đổi, xử lý, lưu trữ, sản xuất, thiết lập lại cấu hình kỹ thuật và xuất khẩu hàng hóa mà không chịu sự can thiệp của các cơ quan hải quan nếu những mặt hàng này không ra khỏi khu vực đã được chỉ định để nhập khẩu vào quốc gia. Do đó mà hàng hóa nhập khẩu vào Khu vực Thương mại Tự do và xuất khẩu từ Khu vực Thương mại Tự do ra nước ngoài được miễn thuế nhưng hàng nhập khẩu vào thị trường nội địa (bán cho khách hàng tại Việt Nam) phải chịu thuế và phí theo pháp luật Việt Nam. Các khu vực thương mại tự do được thiết lập cho các ngành sử dụng nhiều lao động. Như vậy thì Việt Nam có thể phát huy lợi thế trong khu vực này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiết lập Khu vực Thương mại Tự do sẽ giúp Việt Nam phát triển trở thành một trung tâm vận chuyển, kho bãi và gia công trong khu vực. Việc này sẽ biến Việt Nam trở thành một trung tâm hậu cần trong khu vực, chiếm thị phần từ Thượng Hải, Hồng Kông, Singapore và Malaysia.

Kiến nghị

- Cần nhanh chóng thành lập thí điểm một Khu vực Thương mại Tự do gần cụm cảng Cái Mép và ngay tại địa điểm xây dựng sân bay Long Thành trong tương lai.

III. HẢI QUAN

Các bộ ngành liên quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Công thương (BCT)

Mô tả vấn đề:

Về lĩnh vực hải quan, cộng đồng doanh nghiệp châu Âu ủng hộ những sửa đổi trong Luật Hải quan cũng như việc tiến hành tin học hóa hải quan trong thời gian gần đây. Đồng thời, cộng đồng doanh nghiệp châu Âu cũng hoan nghênh Tổng cục Hải quan Việt Nam đã tổ chức các buổi tham vấn các bên liên quan một cách toàn diện về Luật Hải quan mới cũng như các thủ tục và quy định thực hiện của Hải quan. Chúng tôi khuyến khích những cải cách sâu hơn phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất cũng như các quy định được trình bày trong Luật Hải quan số 54/2014/QH13 hành ngày 23 tháng 6 năm 2014. Nhờ việc áp dụng hệ thống thông quan tự động (VNACCS), cơ quan Hải quan có thể tiến hành triển khai một hệ thống quản lý rủi ro phù hợp. Hệ thống này giúp tập trung hoạt động kiểm soát hải quan vào các lô hàng có mức độ rủi ro cao nhất, từ đó tăng khả năng nhận diện hoạt động buôn lậu và các hình thức buôn bán trái phép khác. Đồng thời, hệ thống cho phép các lô hàng rủi ro thấp của các thương nhân luôn tuân thủ pháp luật được hoàn tất các thủ tục thông quan một cách nhanh chóng. Cơ quan hải quan cũng sẽ nắm quyền kiểm soát nhờ vào quyền kiểm tra ngẫu nhiên bất kỳ lô hàng nào. Điều này có nghĩa các biện pháp kiểm soát hải quan tại khu vực cửa khẩu sẽ được giảm bớt, tuy nhiên các hoạt động kiểm soát này vẫn phải được áp dụng giai đoạn trước hoặc sau khi nhập khẩu hàng. Điều này cũng đảm bảo hàng hóa sẽ dễ lưu thông hơn tại khu vực biên giới, từ đó giúp giảm chi phí cho cộng đồng doanh nghiệp. Hệ thống sẽ đặc biệt hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp với Điều 7.4 trong Hiệp định Thuận lợi hóa thương mại của WTO.

Về lĩnh vực hợp tác biên giới, hiện nay vẫn còn khá nhiều các yêu cầu và hạn chế về cấp phép do một số cơ quan đặt ra, ví dụ như: Giấy chứng nhận hiệu suất năng lượng tối thiểu (Quyết định 11039/QĐ-BTC), Giấy chứng nhận hàm lượng formaldehyt (Thông tư 32/2009/TT-BCT), Giấy phép kiểm duyệt (Thông tư 16/2015/TT-BTTTT, Thông tư 07/2012/TT-BBVHTTDL). Điều này cản trở hoạt động hỗ trợ hợp tác quản trị thương mại. Một vấn đề khác đó là các hãng nhập khẩu thường phải đối mặt với việc giá trị hải quan bị đẩy lên cao một cách tùy tiện và các nhà nhập

khẩu thường xuyên bị áp giá hàng hóa theo giá đưa ra trên mạng internet. Các công ty châu Âu cho rằng điều này bất đồng với Hiệp định về Thực hiện Điều VII của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT 1994). Tuy nhiên, thất bại trong việc thành lập Khu vực Thương mại Tự do và không tuân thủ kịp thời những sửa đổi của Hải quan sẽ chặn chận mang lại nhiều bất lợi cho Việt Nam so với các đối thủ khác.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Một môi trường hải quan thông thoáng và minh bạch sẽ cho phép Việt Nam cạnh tranh hiệu quả hơn với các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á. Việc phê duyệt và duy trì các thủ tục "hải quan chuyển phát nhanh" riêng biệt sẽ giúp xác định các nhu cầu đặc thù của dịch vụ chuyển phát nhanh cũng như của khách hàng. Rất nhiều khách hàng dựa vào dịch vụ chuyển phát đúng thời gian để nâng cao khả năng cạnh tranh và giảm chi phí kinh doanh của mình, chẳng hạn như chi phí lưu kho. Điều này đồng nghĩa với việc cơ quan hải quan sẽ chấp nhận 4 loại hình thông quan đó là: chứng từ, miễn thuế với hàng hóa giá trị thấp (ngưỡng miễn thuế hải quan – de minimis), tính thuế hàng hóa giá trị thấp và hàng giá trị cao. Quy trình thông quan áp dụng cho nhóm hàng hoá giá trị thấp sẽ phải được đơn giản hoá. Chúng tôi tin rằng Việt Nam sẽ được hưởng lợi rất lớn từ việc nâng ngưỡng miễn thuế hải quan lên mức ít nhất 100 đô-la Mỹ. Hiện tại, ngưỡng miễn thuế hải quan của Việt Nam là 50 đô-la Mỹ (Quyết định 78/2010/QĐ-TTG). Điều này sẽ giảm chi phí kinh doanh cho nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam và qua đó hỗ trợ ngành thương mại điện tử Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mạnh. Mức tăng này cũng đồng thời giải phóng nguồn lực cho cơ quan hải quan, từ đó cơ quan này có thể tập trung nhiều nguồn lực hơn vào kiểm tra các lô hàng có mức độ rủi ro cao. Một nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc nâng ngưỡng miễn thuế hải quan lên 100 đô-la Mỹ sẽ giúp tăng lợi ích kinh tế ròng lên ít nhất là 6,9 triệu đô-la Mỹ một năm cho Việt Nam.⁶ Quyết định 31/2015/QĐ-TTG ngày 4 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ cho phép quà tặng cho các cá nhân lên đến 2 triệu đồng hoặc hơn 2 triệu đồng nhưng tổng số tiền thuế phải nộp thấp hơn 200.000 đồng được miễn thuế xuất, nhập khẩu cũng như thuế giá trị gia tăng. Ngưỡng này nên được áp dụng thống nhất cho tất cả các lô hàng.

Ngoài ra, các thương nhân cũng sẽ được hưởng lợi từ việc chống áp đặt tùy tiện các loại phí và tiền phạt cũng như có cơ hội khắc phục các tiêu chuẩn đo lường không cân xứng. Đồng thời đảm bảo rằng các thương nhân sẽ chủ động công khai những sai sót không chủ ý trong việc khai hải quan gây ra bởi những sai phạm trong công tác văn thư, hành chính. Những nguyên tắc này được đưa vào Luật Hải quan năm 2014 và chúng tôi khuyến khích cơ quan hải quan triển khai các nguyên tắc này một cách rộng rãi nhằm điều chỉnh các quy trình và thủ tục cho phù hợp với các thông lệ quốc tế hiệu quả. Bên cạnh đó, cùng với mối quan tâm về tính minh bạch và khách quan, việc chấp nhận bản sao, đặc biệt là bản sao điện tử các tài liệu hỗ trợ, sẽ giảm bớt các yêu cầu nộp giấy tờ trùng lặp, đồng thời giúp đẩy nhanh tốc độ thông quan và nâng cao hiệu quả hoạt động. Cơ quan hải quan vẫn sẽ nắm quyền kiểm soát, vì họ luôn có quyền yêu cầu xác minh bản gốc trong quá trình kiểm tra sau thông quan.

Kiến nghị

- Các hình phạt chỉ áp dụng cho những cá nhân chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm quy định pháp luật cũng như biện pháp bảo vệ đối với các mâu thuẫn lợi ích trong quá trình đánh giá và thu thuế, tiền phạt.
- Cơ quan hải quan cần đảm bảo sự quan tâm thích đáng, quy trình và kiểm soát tuân thủ nội bộ là những yếu tố giúp giảm thiểu các vi phạm không tuân thủ tiềm tàng.
- Đề xuất mở rộng chế độ phí hiện tại để bao gồm khung phí ngoài giờ chính thức (ngoài giờ hành chính và cuối tuần) và thanh toán theo vận đơn hàng không (để tăng năng suất lao động) nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của tất cả các phí dịch vụ do phía cơ quan hải quan ghi nhận. Đề xuất này phù hợp với Điều 6 trong Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại của WTO.
- Kiến nghị đơn giản hóa các thủ tục thông quan cho hàng hóa xuất khẩu có giá trị thấp. Kiến nghị này phù hợp với Điều 7.8 của Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại của WTO và các Hướng dẫn thông quan hàng hoá nhanh chóng của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO).
- Cơ quan hải quan có thể tiến hành công tác thông quan 100% không cần giấy tờ với việc áp dụng tin học hóa (VNACCS). Điều này đồng nghĩa với việc chỉ trong trường hợp hàng hoá có mức độ rủi ro cao mới cần giấy tờ. Hiện nay, các hồ sơ hải quan cần nộp cho cơ quan hải quan (hàng hóa phân luồng 2 và 3) vẫn phải có chữ ký

⁶ "Ngưỡng miễn thuế hải quan trong APEC", Báo cáo chuẩn bị cho Hội nghị Chuyển phát nhanh Châu Á Thái Bình Dng, *ITS Global Asia Pacific* 09/2012

tay và dấu công ty. Trong trường hợp các tài liệu cần chuyển từ thành phố này sang thành phố khác thì quy định này sẽ làm tốn nhiều thời gian.

- › Đơn giản hóa và tránh rườm rà trong việc yêu cầu cấp phép để thuận lợi hóa thương mại. Tất cả các giấy phép nhập khẩu khác có thể được thực hiện tự động, tức là với những nhà nhập khẩu cụ thể trong khoảng thời gian một năm trở lên thì áp dụng thủ tục đăng ký trực tuyến đơn giản.
- › Trao quyền cơ quan Hải quan tiến hành thanh tra thay vì yêu cầu cán bộ từ các cơ quan chủ quản có mặt tại biên giới để thực hiện hoạt động thông quan. Trong trường hợp không thể thực hiện thì cơ quan hải quan và các cơ quan khác của Chính phủ sẽ tiến hành hợp tác thanh tra để giảm thời gian thông quan;
- › Tiến hành triệt để cơ chế một cửa để kêu gọi các cơ quan Chính phủ tham gia sẽ đem lại lợi ích trong tương lai gần. Cơ chế này cần bao gồm các quy trình phê duyệt tự động và nhanh chóng ở khâu cuối cùng. Điều này sẽ cho phép Việt Nam hội nhập toàn diện vào cơ chế một cửa ASEAN, đồng thời phù hợp với Điều 8 Hiệp định Thuận lợi hóa Thương mại của WTO.
- › Cơ quan Hải quan cần đảm bảo rằng tất cả các vấn đề định giá được quản lý tập trung, và ban hành các hướng dẫn rõ ràng trong đó quy định quyền hạn của hải quan trong xác định trị giá hải quan, cũng như quyền của nhà nhập khẩu trong tranh chấp hoặc khiếu nại đối với việc tùy tiện tăng trị giá hải quan. Điều này cũng phù hợp với Luật Hải quan.
- › Tăng ngưỡng miễn thuế hải quan; và
- › Xây dựng các quy định có tính ràng buộc đối với cảnh sát giao thông: khi nào chỉ lấy biển số xe, khi nào dừng một phương tiện hay tịch thu bằng lái xe để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và áp dụng một cách nhất quán.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Vận tải và Hậu cần của EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Robert Hambleton, Tổng Giám Đốc, Cảng Quốc Tế Cái Mép

CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH

PHẦN 2

CHƯƠNG 11 NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

TỔNG QUAN

Việt Nam đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu nông sản cho năm 2015 là 32 tỷ đô-la Mỹ, theo ước tính tăng gần 2 tỷ đô-la Mỹ so với năm 2014, trong khi kim ngạch năm 2014 đã cao hơn 12% so với kim ngạch năm 2013.¹ Mặc dù kim ngạch xuất khẩu nông sản trong mười tháng đầu năm 2015 có giảm nhưng chúng tôi tin tưởng rằng Việt Nam vẫn có thể hoàn thành mục tiêu này.² Việt Nam vẫn nằm trong nhóm năm nước xuất khẩu hàng đầu trên thế giới đối với nhiều mặt hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, chất lượng và giá trị sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam vẫn bị coi là thấp hơn so với các sản phẩm của các quốc gia xuất khẩu khác. Nhận định này cần được thay đổi vì điều này không công bằng với các sản phẩm của Việt Nam và theo chúng tôi đây là nguyên nhân hạn chế cơ hội xuất khẩu.³ Để làm được điều này, xúc tiến xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cũng đóng vai trò quan trọng không kém các chứng nhận tự nguyện như thương mại công bằng hay hữu cơ.⁴ Điều này sẽ khiến các sản phẩm của Việt Nam trở nên khác biệt với sản phẩm của các quốc gia cạnh tranh khác.⁵

Những biến chuyển lớn trong năm nay liên quan đến các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN đã tạo thêm cơ hội để Việt Nam xuất khẩu nông sản. Hiện tại, lượng nông sản mà Việt Nam xuất sang các quốc gia láng giềng như Thái Lan, Indonesia... còn tương đối hạn chế, trong khi đó lại nhập khẩu rất nhiều sản phẩm từ các quốc gia này. Do đó, Việt Nam cần tiếp cận được các thị trường bao gồm cả thị trường mới và thị trường hiện hữu (Liên minh châu Âu và các quốc gia láng giềng). Đặc biệt khi lưu ý rằng trọng tâm của Hiệp định tự do Thương mại EU-Việt Nam (EVFTA) là ngành thực phẩm-nông nghiệp và các yêu cầu thay đổi về cơ cấu khác, có một số vấn đề cần phải được giải quyết. Chúng tôi cho rằng cần đặc biệt lưu tâm đến những vấn đề chúng tôi đã kiến nghị trong Sách Trắng của năm trước: an toàn thực phẩm,⁶ xuất khẩu sản phẩm chế tạo cao cấp (chứ không chỉ là hàng hóa đơn thuần), đa dạng hóa sản phẩm, thương mại hóa phụ phẩm và sử dụng đúng các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh và phân bón hóa học.⁷ Bên cạnh đó, Việt Nam nên quan tâm hơn nữa đến các quy định về nhãn mác⁸ và công tác cơ giới hóa, hiện đại hóa cũng như tái cơ cấu ngành nông nghiệp.⁹

¹ Xuất khẩu nông sản có thể giảm mạnh', *Bộ NN&PTNT*, ngày 9 tháng 10 năm 2015. Tham khảo tại <www.mard.gov.vn/en/Pages/news_detail.aspx?NewsId=1137>. và 'Xuất khẩu nông sản chạm mức kỷ lục mới 30,8 tỷ USD', *Báo Nhân Dân*, ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại địa chỉ <en.nhandan.org.vn/business/economy/item/3044802-agricultural-export-revenue-sets-new-record-of-us\$30-8-billion.html> và 'Nông sản của Việt Nam đang mất dần vị thế', *Viet Nam News*, ngày 10 tháng 6 năm 2015. Tại địa chỉ <vietnamnews.vn/economy/271524/vn-produce-losing-their-edge.html>

² Phát triển nông nghiệp thấp nhất trong vòng 5 năm' *Vietnam Economic Times*, ngày 7 tháng 11 năm 2015. Tại địa chỉ <vneconomicstimes.com/article/business/agriculture-growth-lowest-in-5-years>; 'Xuất khẩu nông sản có thể lỡ thời cơ', ngày 9 tháng 10 năm 2015, *MARD*. Tại địa chỉ <www.mard.gov.vn/en/Pages/news_detail.aspx?NewsId=1137>; 'Sản xuất Việt Nam mất ưu thế', *Viet Nam News*, ngày 10 tháng 06 năm 2015. Tại địa chỉ <vietnamnews.vn/economy/271524/vn-produce-losing-their-edge.html>

³ Xem chú thích 1 và 'Mở rộng thị trường xuất khẩu cho nông sản Việt Nam', *Vowworld*, ngày 27 tháng 08 năm 2014. Tại địa chỉ <vowworld.vn/en-US/Economy/Expanding-exports-markets-for-Vietnamese-farm-produce/266152.vov> và 'Đẩy mạnh xuất khẩu nhằm tối ưu hóa các cơ hội thị trường', *Vietnam Business Forum*, 27 tháng 4 năm 2015. Tham khảo tại <vccinews.com/news_detail.asp?news_id=32038> và Triển vọng ngành nông nghiệp, *Vietnam Investment Review*, ngày 19 tháng 11 năm 2014. Tham khảo tại <www.vir.com.vn/bright-prospects-for-agriculture.html>

⁴ Các doanh nghiệp Việt Nam cần nỗ lực hơn trong việc xây dựng thương hiệu'. Báo điện tử Vietnam News. Tham khảo tại vietnamnews.vn/economy/278020/vn-companies-advised-to-work-more-on-branding.html> và 'Trà Việt Nam cần có nhiều chứng nhận quốc tế hơn', *Voice of Vietnam*, ngày 29 tháng 6 năm 2015. Tham khảo tại <english.vov.vn/Economy/Market/Vietnamese-tea-needs-to-have-world-certification/295588.vov>

⁵ Hội nhập AEC không phải là chiếc đũa thần cho nông nghiệp Việt Nam', *Voice of Vietnam*, ngày 24 tháng 6 năm 2015. Tham khảo tại <english.vov.vn/Economy/Market/AEC-integration-no-magic-bullet-for-Vietnam-agriculture/295245.vov>

⁶ An toàn thực phẩm đóng vai trò then chốt để chiếm lĩnh thị trường châu Âu'. *Vietnam Plus*, ngày 10 tháng 06 năm 2015. Tham khảo tại <http://en.vietnamplus.vn/food-safety-vital-to-win-eu-market/78465.vnp> và 'Người sản xuất và buôn bán phải chịu trách nhiệm về tình trạng an toàn thực phẩm không đạt chuẩn', *Viet Nam News*, ngày 25 tháng 11 năm 2014. Tại địa chỉ <vietnamnews.vn/society/263169/producers-traders-blamed-for-substandard-food-safety.html> và 'Châu Á áp dụng tiêu chuẩn EU cho hải sản nhập từ Việt Nam', *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 8 tháng 7 năm 2015. Tại địa chỉ <english.theaigontimes.vn/41839/Asian-importers-apply-EU-standards-to-seafood-imports-from-Vietnam.html>

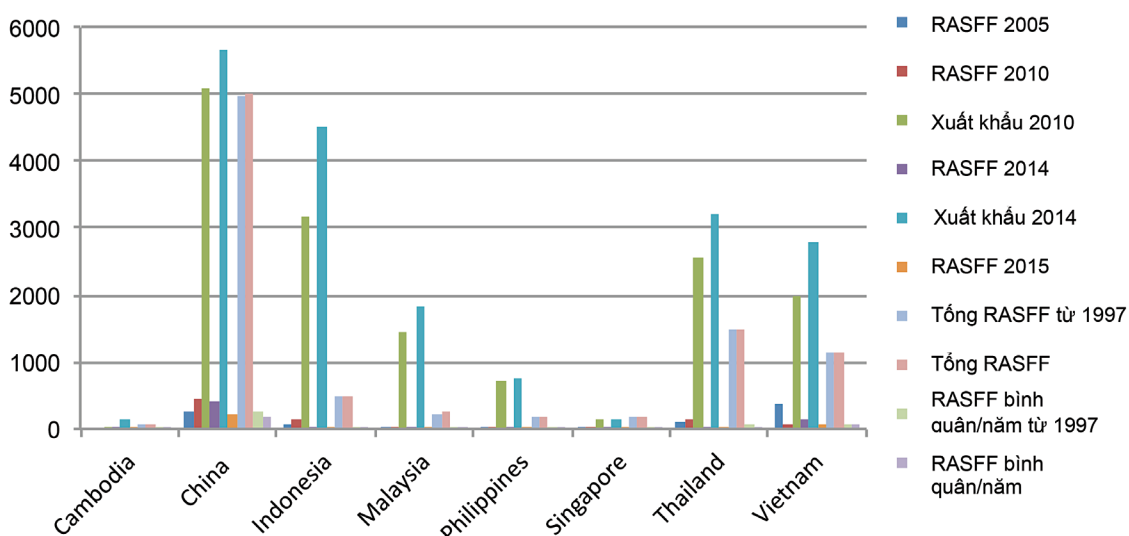
⁷ Xem chương 3.1 Kinh doanh Nông nghiệp và An toàn Thực phẩm trong ấn phẩm *Sách Trắng 2015 của EuroCham*. Tại địa chỉ <http://www.eurocham-vn.org/Whitebook> và 'Báo cáo thường niên nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp trong nông nghiệp', *Vietnam Plus*, ngày 15 tháng 4 năm 2015. Tại địa chỉ <en.vietnamplus.vn/Home/Annual-report-spotlights-enterprise-role-in-agriculture/20154/64259.vnplus>

⁸ Xem chương 3.4 Nhóm hàng tiêu dùng nhanh trong ấn phẩm Sách Trắng 2015 của Eurocham. Tại địa chỉ <http://www.eurocham.vn.org/Whitebook>

⁹ 'Công nghiệp hóa nông nghiệp: Giải pháp duy nhất cho Việt Nam', *VietnamNet*, ngày 5 tháng 5 năm 2015. Tại địa chỉ <english.vietnamnet.vn/fms/special-reports/129352/industrializing-agriculture--the-only-solution-for-vietnam.html>

Các thông báo của Hệ thống Cảnh báo nhanh về Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi (RASFF) của Liên minh châu Âu (EU) cho thấy trong giai đoạn từ tháng 01 năm 2015 đến ngày 01 tháng 9 năm 2015, đã có tới hơn 25 sản phẩm của Việt Nam bị từ chối nhập khẩu; việc cấp phép nhập khẩu cho khoảng 40 sản phẩm khác đang phải chờ xem xét.¹⁰ Trong năm 2014, có tới 126 sản phẩm không được cấp phép nhập khẩu ngay vào Liên minh châu Âu (EU).¹¹ Hiện nay nông sản của Việt Nam thường bị các quốc gia nhập khẩu từ chối vì dư lượng các chất như thuốc kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng, hóc môn, vi khuẩn, vi-rút, nấm mốc hoặc các chất bị cấm khác vượt quá mức cho phép.¹² Đây là lý do mà trong năm 2014 và 2015, Liên minh châu Âu (EU), Australia, Hàn Quốc, Nhật Bản và Hoa Kỳ đã cảnh báo Việt Nam về các sản phẩm có mức dư lượng vượt ngưỡng cho phép.¹³ Biểu đồ dưới đây thể hiện số lần cảnh báo¹⁴ của hệ thống RASFF và lượng hàng nhập khẩu vào Liên minh châu Âu (EU) từ Việt Nam và các quốc gia láng giềng (đơn vị tính: triệu euro).¹⁵ Do không có số liệu về số lượng sản phẩm trong một số cảnh báo nên chúng tôi không thể thể hiện tỷ lệ phần trăm số cảnh báo so với số liệu xuất khẩu. Số liệu của Việt Nam không quá chênh lệch so với số liệu của các quốc gia láng giềng, nhưng đây vẫn là những số liệu đáng lo ngại và làm phương hại tới hình ảnh các sản phẩm của Việt Nam.¹⁶

Biểu đồ 9: Xuất khẩu sang EU và số lần cảnh báo RASFF



Nguồn: Tổng vụ Thương mại và RASFF của EU

Mặc dù Chính phủ và các nhà sản xuất đã có nhiều nỗ lực nhưng những vấn đề nêu trên vẫn chưa được giải quyết triệt để.¹⁷ Chúng tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của những vấn đề này và đồng thời khẳng định lại cam kết hỗ trợ Chính phủ giải quyết những vấn đề nêu trên. Chúng tôi cũng sẵn sàng hỗ trợ và giúp đỡ các doanh nghiệp và các cơ quan bộ ngành của Chính phủ đáp ứng các yêu cầu cần thiết để tăng cường hoạt động xuất khẩu thông qua các hội thảo hoặc các hình thức hỗ trợ khác. Chúng tôi tin tưởng rằng, nếu giải quyết được những vấn đề này, Việt Nam có thể đạt được và thậm chí vượt chỉ tiêu về kim ngạch xuất khẩu.

¹⁰ <https://webgate.ec.europa.eu/rasff-window/portal/?event=SearchForm&cleanSearch=1>, tìm kiếm nội dung về Việt Nam 27/8.

¹¹ Như trên.

¹² Xem chú thích 4.

¹³ "EU cảnh báo các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam", Bizhub, ngày 19 tháng 12 năm 2015. Tại địa chỉ <bizhub.vn/news/9125/eu-warns-vietnamese-seafood-exporters-about-antibiotics-residue.html> và "Cảnh báo về dư lượng chất bị cấm trong cá tra", Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 20 tháng 11 năm 2014. Tại địa chỉ <<http://english.thesaigontimes.vn/37976/Warnings-against-residue-of-banned-substance-on-tra-fish.html>>

¹⁴ Cảnh báo không ghi rõ lượng sản phẩm bị từ chối.

¹⁵ Các số liệu nhập khẩu nhân với 1 triệu euro.

¹⁶ 1997 được đánh dấu là năm đăng ký cảnh báo đầu tiên trên hệ thống RASFF đối với Việt Nam; thời điểm bắt đầu cảnh báo RASFF của các quốc gia khác: Cambodia 2006, Trung Quốc 1984, Indonesia 1981, Malaysia 1980, Philippines 1999, Singapore 1999, và Thái Lan 1980.

¹⁷ Xem chú thích 7 và "EU, Việt Nam đạt được thỏa thuận mậu dịch tự do sau ba năm đàm phán", Bizhub, ngày 5 tháng 08 năm 2015. Tại địa chỉ <vn/news/12423/eu-vn-agree-on-free-trade-after-three-year-talks.html> và "Bộ Công thương: Hàng xuất khẩu của Việt Nam cần đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm của thị trường nước ngoài", Báo Tuổi trẻ, ngày 15 tháng 5 năm 2015. Tại địa chỉ <tuoitrenews.vn/business/28078/vietnam-produce-exports-should-meet-food-hygiene-safety-requirements-in-overseas-markets-ministry>

I. AN TOÀN THỰC PHẨM – TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

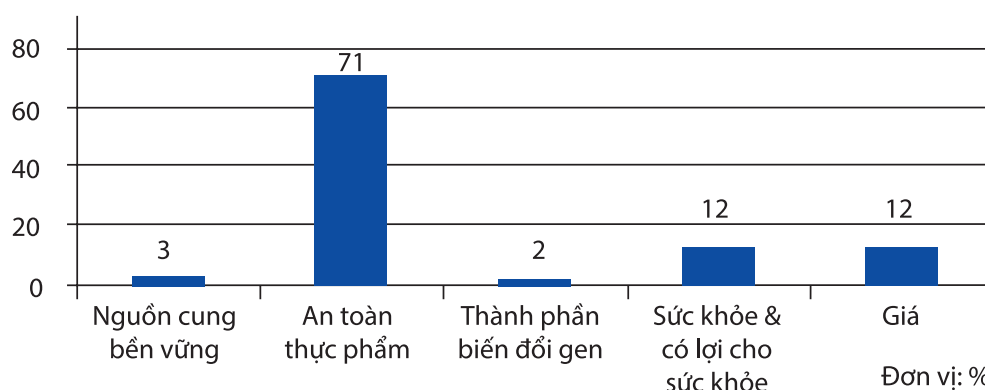
Bộ ngành liên quan: Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Như chúng tôi đã trình bày trong phần giới thiệu, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam bị từ chối nhập khẩu khá thường xuyên do các vấn đề về an toàn thực phẩm nhưng chúng tôi cho rằng một số vấn đề trong số này có thể dễ dàng được khắc phục.

Trong một cuộc khảo sát ý kiến do Hiệp hội Thực phẩm châu Á (FIA) tiến hành ngày 16 tháng 4 năm 2015, an toàn thực phẩm được xếp vào yếu tố hàng đầu trong các yếu tố có tác động lớn nhất đối với thị hiếu người tiêu dùng ở châu Á giai đoạn 2015/2016.¹⁸

Hình 10: Vấn đề nào có tác động lớn nhất tới thị hiếu tiêu dùng giai đoạn 2015-2016?



Nguồn: FIA châu Á 2015

Qua những sự kiện do các bộ ngành của Chính phủ Việt Nam tổ chức, có thể thấy rằng Chính phủ coi an toàn thực phẩm là một vấn đề quan trọng, tuy nhiên vấn đề này cần được quan tâm hơn nữa vì đây có thể là giải pháp giúp ngành nông nghiệp tăng trưởng.¹⁹ Như đã đề cập trong phần Tổng quan của chương này, Việt Nam cần khuyến khích nhà sản xuất sử dụng các chứng nhận tự nguyện như chứng nhận hữu cơ và thương mại công bằng cũng như các chỉ dẫn địa lý. Ngoài ra, việc thực hiện một chiến dịch tiếp thị quảng bá các sản phẩm nông lâm sản và thực phẩm cũng có thể hữu ích.

Một phương pháp giúp giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm là áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, tức là hệ thống theo dõi và truy xuất giúp các doanh nghiệp và cơ quan chức năng định vị được vị trí của sản phẩm trong tất cả các giai đoạn của chuỗi cung ứng. Hệ thống này không chỉ phát huy hiệu quả trong trường hợp thu hồi sản phẩm mà còn giảm tình trạng gian lận thực phẩm, cố ý hoặc không cố ý pha trộn thực phẩm, giúp quản lý bệnh dịch và hữu dụng trong các trường hợp khẩn cấp về môi trường.²⁰ Việc truy xuất nguồn gốc cũng có vai trò quan trọng vì trong một số trường hợp, các sản phẩm làm giả hoặc bất hợp pháp vẫn được trà trộn vào sản phẩm mà người sử dụng không hề hay biết, tuy nhiên truy xuất nguồn gốc cũng có thể vấp phải sự từ chối của các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm trong chuỗi cung ứng hoặc bởi quốc gia nhập khẩu khi phát hiện dư lượng một số chất vượt ngưỡng cho phép. Điều này sẽ làm giảm uy tín của sản phẩm Việt Nam và có nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe của người nông dân và người tiêu dùng.

¹⁸ "An toàn thực phẩm – Vấn đề then chốt đối với thị hiếu người tiêu dùng châu Á", *Food Industry Asia*, 2015. Tại địa chỉ <foodindustry.asia/food-safety-key-to-consumer-preference-in-asia>

¹⁹ "An toàn thực phẩm – giải pháp tối ưu giúp tăng trưởng nông nghiệp", *VOV*, ngày 13 tháng 11 năm 2014. Tại địa chỉ <english.vov.vn/Economy/Food-safety-optimal-solution-to-agricultural-growth/283734.vov>

²⁰ "Tầm quan trọng của khả năng truy xuất nguồn gốc thực phẩm", *Food Safety Magazine*, ngày 17 tháng 3 năm 2015. Tại địa chỉ <www.foodsafetymagazine.com/enewsletter/the-importance-of-food-traceability/>

Việc thực thi pháp luật chưa hiệu quả hoặc thiếu các quy định rõ ràng cũng dẫn đến việc một số sản phẩm (ví dụ như chất potassium bromate) dù bị cấm sử dụng tại các quốc gia khác vẫn được sử dụng ở Việt Nam.²¹ Dù chỉ một doanh nghiệp sản xuất hoặc xuất khẩu không tuân thủ các quy định này hoặc không nhận thức được rằng sản phẩm của mình không đáp ứng yêu cầu thì hình ảnh của tất cả các sản phẩm khác của Việt Nam đều sẽ bị ảnh hưởng và sẽ bị kiểm tra gắt gao. Ngược lại, một số sản phẩm mặc dù có thể được sử dụng hợp pháp tại các quốc gia khác lại không thể nhập khẩu vào Việt Nam.²² Ví dụ, để mẫu mã đẹp hơn, trái cây trồng nội địa có thể được phủ một loại sáp từ châu Âu trước khi xuất khẩu. Loại sáp này được sử dụng hợp pháp trong Liên minh châu Âu. Tuy nhiên, các giấy tờ cần thiết để Bộ Y tế phê duyệt nhập khẩu loại sáp này theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam lại không thể có được do các quốc gia thành viên EU không ban hành các giấy tờ trên. Điều này đồng nghĩa với việc Bộ Y tế sẽ không phê duyệt việc nhập khẩu loại sáp này và các loại hoa quả trồng trong nước để xuất khẩu sẽ kém hấp dẫn hơn so với các loại trái cây trồng tại các khu vực khác có sử dụng loại sáp trên.²³

Mặc dù Chính phủ đang nỗ lực để cải thiện tình hình, nhưng do thiếu chế tài xử lý với những đối tượng vi phạm nên vấn đề này vẫn tiếp tục xảy ra, gây những ảnh hưởng đối với nền kinh tế và sức khỏe của người dân Việt Nam. Việc thực thi thiếu hiệu quả những quy định hiện hành cũng làm gia tăng nhiều vấn đề về an toàn thực phẩm một cách không cần thiết. Tháng 5 năm 2015, Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản (FAASC) đã tổ chức một cuộc đối thoại về tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc và thực thi pháp luật đối với vấn đề an toàn thực phẩm. Rất nhiều quan chức Chính phủ, đại diện doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế cũng như Việt Nam đã tham dự.²⁴ Chúng tôi mong muốn sẽ tiếp tục duy trì cơ chế đối thoại này.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi cho rằng có thể phần nào giải quyết được các vấn đề về an toàn thực phẩm khi có một khung pháp lý rõ ràng hơn và áp dụng chặt chẽ hơn nữa những quy định hiện hành về truy xuất nguồn gốc để kiểm soát các nguyên liệu và sản phẩm. Việc truy xuất nguồn gốc và thực thi pháp luật sẽ giúp cải thiện vấn đề an toàn thực phẩm và loại bỏ hoặc giảm thiểu tác động đối với sức khỏe và nền kinh tế. Đây cũng là yếu tố giúp xây dựng lại lòng tin của người tiêu dùng khi nguồn gốc của sản phẩm trong chuỗi cung ứng được công khai chi tiết.²⁵ Chúng tôi cho rằng Cơ quan An toàn Thực phẩm (FSA) trung ương được mô tả tại Chương 3 của Sách trắng 2015 sẽ đóng vai trò quan trọng để giải quyết vấn đề này. Với việc áp dụng tất cả các biện pháp này, Việt Nam có thể tăng cường lượng hàng hóa xuất khẩu, đồng thời giảm thiểu nguy cơ hàng hóa bị từ chối nhập khẩu, qua đó nâng cao uy tín của các sản phẩm của Việt Nam.

Kiến nghị

- Thành lập nhóm công tác có sự tham gia của đại diện các bộ/cơ quan liên quan, Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản (FAASC) và các tổ chức khác đang hoạt động tích cực trong lĩnh vực này nhằm tiếp tục triển khai đối thoại về ngành thực phẩm, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản (trong đó có an toàn thực phẩm, cải thiện chất lượng và hình ảnh của các sản phẩm nông nghiệp-thực phẩm).
- Thực thi pháp luật và các chuẩn mực của Việt Nam cũng như của quốc tế về các chất và phụ gia bị cấm sử dụng hoặc làm giả;
- Cho phép nhập khẩu vào Việt Nam những sản phẩm được sử dụng hợp pháp tại các thị trường khác như Liên minh châu Âu (EU) mà không đòi hỏi bổ sung hồ sơ chứng từ (ví dụ như sáp dùng để phủ lên trái cây);
- Thúc đẩy việc sử dụng các chứng nhận tự nguyện (hữu cơ, thương mại công bằng) và chỉ dẫn địa lý.
- Lên chiến dịch tiếp thị để nâng cao hình ảnh và uy tín của nông nghiệp, thủy sản và thực phẩm Việt.
- Sửa đổi Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 và thành lập Cơ quan An toàn Thực phẩm (FSA) trung ương trực thuộc một bộ nhất định.

²¹ Phần 3.1.5 về khung pháp lý, hoạt động điều phối và thực thi pháp luật trong ấn phẩm *Sách trắng năm 2015 của EuroCham*. Tại địa chỉ <<http://www.eurochamvn.org/Whitebook>> và “Chất cấm sử dụng đe dọa ngành chăn nuôi”, *Vietnamnet* ngày 24 tháng 9 năm 2015. Tại địa chỉ <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/142092/banned-substances-threaten-the-livestock-industry.html>>

²² Như trên.

²³ Xem chú thích 19 “Phần 3.1.5 về khung pháp lý, hoạt động điều phối và thực thi pháp luật trong ấn phẩm *Sách trắng năm 2015 của EuroCham*, trang 91. Tham khảo tại <<http://www.eurochamvn.org/Whitebook>>

²⁴ “Đối thoại về An toàn Thực phẩm: tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc và thực thi pháp luật” – ngày 27 tháng 5 năm 2015, sự kiện do EuroCham tổ chức. Tại địa chỉ <www.eurochamvn.org/node/14649>

²⁵ Xem chú thích 18 và “Tầm quan trọng của khả năng truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng”, *Foodmag.com*, ngày 7 tháng 12 năm 2012. Tại địa chỉ <<http://www.foodmag.com.au/features/the-importance-of-traceability-in-your-supply-chain>>

II. AN TOÀN THỰC PHẨM: VAI TRÒ CỦA CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM

Bộ ngành liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Y tế (BYT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Với việc nhiều Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) được ký kết, vấn đề đặc biệt quan trọng hiện nay là việc tìm ra các mức dư lượng tối đa cho phép (MRLs) vì mức độ cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn và sản phẩm cần đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn nếu Việt Nam muốn gia tăng xuất khẩu²⁶. Chúng tôi cho rằng chất lượng các mặt hàng thủy hải sản xuất khẩu của Việt Nam khá tốt, nhưng những sản phẩm khác như hồ tiêu, chè và cà phê cần phải có chất lượng cao hơn nữa.

Ngay cả khi đã xây dựng và triển khai hiệu quả hệ thống truy xuất nguồn gốc và thực thi pháp luật một cách nghiêm túc, các phòng thí nghiệm và công tác thí nghiệm của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng các tiêu chuẩn để đảm bảo thực phẩm an toàn, do đó chưa tạo dựng được lòng tin.²⁷ Việc phân tích phổ rộng các hoạt chất có thể giúp phát hiện để nâng các mức dư lượng tối đa cho phép (MRLs) nhưng đáng tiếc phương pháp này chưa thể thực hiện ở Việt Nam. Ngoài ra, cần thay đổi biện pháp xét nghiệm kim loại nặng hiện nay và chỉ nên tập trung vào những loại kim loại nặng thực sự ảnh hưởng tới sức khỏe con người và động thực vật. Bên cạnh đó, vấn đề còn nằm ở chỗ kết quả thí nghiệm có thể sai khác giữa các lần thí nghiệm và phòng thí nghiệm khác nhau, khiến lòng tin của người dân vào các phòng thí nghiệm Việt Nam bị giảm sút.

Một vấn đề nữa là kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm nước ngoài (ở trong và ngoài Việt Nam) vẫn không được thừa nhận tương tự như kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm trong nước ngay cả khi các phòng thí nghiệm ở Việt Nam được chứng nhận theo tiêu chuẩn VILAS.²⁸ Chúng tôi cho rằng, chứng nhận VILAS là cơ sở đầy đủ để các Bộ và cơ quan chấp nhận kết quả thí nghiệm. Không nên yêu cầu bổ sung chứng nhận nếu tất cả các yêu cầu của VILAS đều được kiểm tra định kỳ. Trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) vừa được ký kết, các phòng thí nghiệm phải đáp ứng được các chuẩn mực quốc tế để các kết quả thí nghiệm tạo sự tin tưởng và được chấp nhận khi xuất khẩu. Cũng có thể khi một sản phẩm đã được chứng nhận bởi một phòng thí nghiệm thuộc Liên minh châu Âu (EU) thì sẽ không cần phải tiến hành kiểm tra bổ sung tại Việt Nam để nhập khẩu.

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản (FAASC) đã tổ chức một cuộc đối thoại vào ngày 4 tháng 11 năm 2015 về tầm quan trọng của các phòng thí nghiệm và việc kiểm tra phục vụ xuất nhập khẩu.²⁹ Tại cuộc đối thoại này, các quan chức Chính phủ và đại diện các doanh nghiệp tư nhân³⁰ đã trao đổi ý kiến và quan điểm về cách thức nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm cũng như chất lượng công tác thí nghiệm. Bên cạnh đó, các đại biểu tham dự đã trao đổi về các quy định khác nhau do các Bộ ngành ban hành và các phương pháp làm việc khác nhau. Chúng tôi rất mong muốn sẽ được tiếp tục tổ chức đối thoại về chủ đề này và về các quy định về Vệ sinh và Kiểm dịch thực vật (SPS) nói chung. Chúng tôi cho rằng việc các cơ quan liên quan ở cả cấp trung ương và địa phương đều hiểu về các quy định về SPS trong khuôn khổ EVFTA đóng vai trò rất quan trọng. Việt Nam nên thành lập một nhóm công tác đặc biệt có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước, các chuyên gia và đại diện các phòng thí nghiệm (quốc tế) để giải quyết vấn đề liên quan đến các phòng thí nghiệm và công tác thí nghiệm cũng như xem xét các quy định về SPS. Chẳng hạn nhóm công tác này có thể tham gia xây dựng một lộ trình và bản đánh giá nhu cầu để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm phục vụ xuất khẩu.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống hiện tại theo kiến nghị của chúng tôi sẽ giúp tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, từ đó giúp giảm giá bán cho người tiêu dùng và nâng cao mức độ an toàn thực phẩm. Điều này

²⁶ "Ngành nông nghiệp đối mặt với thời kỳ khó khăn phía trước" *Vietnamnet* ngày 24 tháng 9 năm 2015. Tham khảo tại <<http://english.vietnamnet.vn/fms/business/141921/agriculture-sector-faces-tough-times-ahead.html>>

²⁷ Xem phần 3.1.4 về chất lượng các phòng thí nghiệm và công tác thí nghiệm trong *Sách trắng năm 2015 của EuroCham*. Tại địa chỉ <<http://www.eurochamvn.org/Whitebook>>

²⁸ VILAS tuân thủ chuẩn mực ISO 17025.

²⁹ Lưu ý rằng chương này được hoàn thiện vào ngày 25 tháng 9 năm 2015.

³⁰ Tham khảo thêm tại <www.eurochamvn.org>

đồng nghĩa với việc sức cạnh tranh và hình ảnh các sản phẩm của Việt Nam sẽ được nâng cao và giúp tăng cường hoạt động xuất khẩu. Chúng tôi cho rằng nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng các phòng thí nghiệm và hiện đại hóa các phương pháp thí nghiệm phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Theo quan điểm của chúng tôi, Chính phủ cần quy định bắt buộc thực hiện một số loại hình thí nghiệm nhất định, ví dụ như phân tích phổ rộng nhằm nâng cao mức độ an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm.

Kiến nghị

- ▶ Sửa đổi các quy định sao cho việc dò tìm các kim loại nặng gây hại cho sức khỏe thông qua phương pháp “phân tích nguyên dạng” được thực hiện;
- ▶ Khuyến khích nâng cấp phương pháp và trang thiết bị thí nghiệm để đáp ứng chuẩn mực hiện đại quốc tế (ví dụ ISO hoặc các tổ chức tiêu chuẩn quốc gia) nhằm đảm bảo tính chính xác, kịp thời, độc lập và công bằng của kết quả thí nghiệm;
- ▶ Tiếp tục các cuộc đối thoại về phòng thí nghiệm và công tác thí nghiệm với các cơ quan chức năng đặc biệt là liên quan đến việc thực hiện các cam kết SPS trong EVFTA;
- ▶ Tạo một nhóm công tác bao gồm các cơ quan chức năng, các chuyên gia và đại diện của các phòng thí nghiệm để xây dựng một lộ trình và phân tích nhu cầu để nâng cao tiềm năng của Việt Nam với các sản phẩm xuất khẩu;
- ▶ Khuyến khích tăng cường hợp tác giữa các Bộ liên quan đến vấn đề an toàn thực phẩm để đảm bảo sự phối hợp và thống nhất;
- ▶ Nâng cao uy tín của VILAS và chấp nhận kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm của các phòng thí nghiệm nước ngoài mà VILAS đã chứng nhận.

III. HIỆN ĐẠI HÓA, CƠ GIỚI HÓA VÀ TÁI CƠ CẤU

Bộ ngành liên quan: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Một vấn đề khác cản trở Việt Nam trở thành quốc gia hàng đầu trên thị trường xuất khẩu nông sản là việc thiếu tính bền vững mà một phần nguyên nhân là do ngành nông nghiệp Việt Nam có quá nhiều nông hộ nhỏ lẻ.³¹ Vì điều này, việc áp dụng máy móc vào hoạt động sản xuất nông nghiệp – yếu tố có thể giúp nâng cao chất lượng và sản lượng nông nghiệp – không được thực hiện do người nông dân không đủ vốn đầu tư ban đầu và do diện tích canh tác quá hẹp cho việc sử dụng máy móc. Chính phủ đã nhận thức được yêu cầu phải giải quyết triệt để vấn đề này và đã và đang áp dụng các biện pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào hoạt động hiện đại hóa và cơ giới hóa nông nghiệp. Chính phủ hiện đang xây dựng vùng nông nghiệp công nghệ cao và áp dụng các chương trình tạo điều kiện vay vốn để hiện đại hóa và cơ giới hóa hoạt động nông nghiệp.³² Chúng tôi nhận thức được rằng việc cơ giới hóa nông nghiệp sẽ làm gia tăng tình trạng thất nghiệp ở nhiều vùng nông thôn vì thu nhập hàng ngày của nhiều lao động phụ thuộc vào hoạt động nông nghiệp, và chúng tôi ủng hộ ý tưởng xây dựng nhà máy tại các vùng nông thôn để có thể tạo việc làm tại các địa phương để bị ảnh hưởng. Chúng tôi cho rằng Chính phủ nên có những biện pháp ưu đãi khuyến khích nông dân hợp tác, chẳng hạn như thông qua một hệ thống tổ chức bắt buộc. Doanh nghiệp cũng có thể đóng vai trò nhất định bằng cách đưa ra các biện pháp

³¹ Xem chú thích 3 và “Trọng tâm của tái cơ cấu nông nghiệp là ứng dụng và sản xuất có khoa học”, *VOV*, ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại địa chỉ <english.vov.vn/Economy/Agricultural-restructuring-focuses-on-scientific-application-production/286519.vov> và “Nông dân được hưởng lợi từ hoạt động đổi mới”, *Viet Nam News*, ngày 25 tháng 10 năm 2014. Tại địa chỉ <vietnamnews.vn/society/261897/farmers-reap-benefits-from-innovations.html>, “Lý do nền nông nghiệp Việt Nam thiếu bền vững”, *VOV*, ngày 23 tháng 2 năm 2015. Tại địa chỉ <english.vov.vn/Economy/Why-Vietnams-agriculture-industry-is-unustainable/287883.vov> và “Gạo Việt Nam thất thế trước gạo Thái Lan và Cambodia”, *VietnamNet*, ngày 21 tháng 9 năm 2015. Tại địa chỉ <http://english.vietnamnet.vn/fms/special-reports/141623/vietnam-rice-loses-to-thailand-and-cambodia.html>

³² “Nông dân gặt hái lợi ích của nền nông nghiệp hiện đại”, *Viet Nam News*, ngày 6 tháng 12 năm 2014. Tại địa chỉ <vietnamnews.vn/society/263713/farmers-reap-modern-farming-gains.html>

ưu đãi nhằm khuyến khích nông dân tăng cường hợp tác hơn nữa, chẳng hạn như bắt đầu xây dựng một loại thương hiệu mới cho các sản phẩm của họ, qua đó gia tăng giá trị cho các sản phẩm này bằng cách sử dụng các chứng nhận tự nguyện và các loại chứng nhận khác như các chỉ dẫn địa lý.³³ Ngoài những hoạt động đã triển khai, chúng tôi tin rằng Chính phủ có thể nên thu hút nhiều hơn vốn đầu tư từ Châu Âu vào công nghệ và trang thiết bị.

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Một nền nông nghiệp hiện đại hóa và cơ giới hóa sẽ giúp nâng cao chất lượng và sản lượng nông sản.³⁴ Điều này sẽ giúp nông sản Việt Nam có được vị thế bình đẳng với nông sản của các quốc gia xuất khẩu khác.³⁵ Chúng tôi hy vọng rằng người nông dân sẽ được hưởng lợi từ những thay đổi này để có thể cải thiện điều kiện sống và nền nông nghiệp của Việt Nam sẽ bền vững hơn.

Kiến nghị

- Tiếp tục tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn cho nông dân và áp dụng các biện pháp ưu đãi để khuyến khích nông dân tham gia vào nỗ lực hiện đại hóa và công nghiệp hóa; và tạo điều kiện cho họ liên kết với các nhà đầu tư châu Âu;
- Hỗ trợ nông dân ly nông và tìm việc làm mới bằng các biện pháp khuyến khích xây dựng nhà máy tại vùng nông thôn.

³³ Chúng tôi sẽ hợp tác chặt chẽ với Phái đoàn Liên minh Châu Âu để sử dụng đóng góp về kiến thức và chuyên môn liên quan đến, chẳng hạn như, thu hút vốn đầu tư từ Châu Âu vào công nghệ và trang thiết bị.

³⁴ "Làm thế nào để hàng nghìn người nông dân nghèo tăng cường sử dụng công nghệ trong nông nghiệp", *Feed the future*, ngày 27 tháng 4 năm 2014. Tham khảo tại <www.feedthefuture.gov/article/how-reach-millions-poor-farmers-scaling-agricultural-technology> và "OECD đánh giá về nông nghiệp và thực phẩm – Các chính sách nông nghiệp Việt Nam 2015", *OECD*, 2015, trang 79. Tham khảo tại <<https://books.google.nl/books?id=YCe-kCgAAQBAJ&printsec=frontcover>>, và "Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đem lại nhiều cơ hội cho nền nông nghiệp", *Voice of Vietnam*, ngày 31 tháng 1 năm 2015, Tham khảo tại <english.vov.vn/Economy/FTAs-provide-plentiful-opportunities-for-agriculture/287500.vov> và "Bộ hỗ trợ hiện đại hóa thực phẩm nông nghiệp" *Viet Nam News*, ngày 14 tháng 12 năm 2013. Tham khảo tại <vietnamnews.vn/society/248960/ministry-helps-modernise-farm-production.html>

³⁵ "Nông nghiệp Việt Nam: Thách thức trong quá trình tái cơ cấu", *VCCI*, ngày 15 tháng 10 năm 2015. Tham khảo tại <vccinews.com/news_detail.asp?news_id=32379>

CHƯƠNG 12 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TỔNG QUAN

Công nghệ thông tin (CNTT) đóng vai trò quan trọng trong cả đời sống cá nhân và kinh doanh. Số người dùng internet của Việt Nam đã tăng lên trong những năm gần đây với hơn 40 triệu người dùng.¹ Mặc dù số người sử dụng internet ở thành thị và nông thôn vẫn còn chênh lệch nhưng một nghiên cứu của Nielsen năm 2014 chỉ ra rằng hơn một nửa dân số nông thôn đã sử dụng internet thường xuyên hơn so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, tỷ lệ thâm nhập của internet vào các vùng nông thôn là 30% trong nhóm dân số từ 18 đến 24 tuổi.² Theo dự báo của công ty nghiên cứu thị trường quốc tế BMI, ngành CNTT của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ (giảm nhẹ) 11,6% trong giai đoạn 2015 đến 2019.³

Chúng tôi hoan nghênh thái độ sẵn sàng lắng nghe những quan ngại của các công ty toàn cầu trong ngành CNTT và sự hỗ trợ cho cộng đồng các công ty khởi nghiệp trong nước từ phía các bộ ngành của Việt Nam. Cuộc họp diễn ra trong thời gian gần đây với sự tham dự của một số Bộ và sự hiện diện của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam và các nhân vật chủ chốt từ cộng đồng khởi nghiệp trong nước rõ ràng đã thể hiện một thực tế rằng Việt Nam đã hiểu được tầm quan trọng của hoạt động đổi mới sáng tạo đối với thị trường Việt Nam cũng như thể hiện cam kết đưa Việt Nam phát triển từ một điểm đến gia công chi phí thấp thành một quốc gia có các hoạt động phát triển tạo giá trị gia tăng và sản phẩm riêng của mình.⁴

Ngành công nghệ thông tin và truyền thông của Việt Nam đang ngày càng nhận được sự quan tâm trên toàn thế giới nhờ vào tiềm năng gia công và việc giao các công việc có giá trị gia tăng cao hơn cho các tổ chức tiếp thị số quốc tế. Những động thái này phản ánh thực tế Việt Nam có tiềm năng lớn trở thành một cường quốc về CNTT trong khu vực nhờ vào đặc điểm dân số và vị trí của Việt Nam ở Đông Nam Á.⁵

Tuy nhiên, sự tăng trưởng này cũng kéo theo thách thức phải thiết lập được môi trường công nghệ số an toàn và an ninh cho tất cả người dùng internet. Trong các ấn bản Sách Trắng trước đây, chúng tôi đã chỉ rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ và bảo mật dữ liệu và chúng tôi ghi nhận những nỗ lực mà Việt Nam đã thực hiện thông qua việc nhấn mạnh các vấn đề về an ninh mạng, bảo vệ và bảo mật dữ liệu trong các văn bản luật được ban hành trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, mặc dù các văn bản luật này đã được bắt đầu áp dụng từ năm 2013 nhưng cho tới nay vẫn còn nhiều vấn đề mà ngành CNTT phải quan ngại do thiếu các thông tư thực hiện mang tính ràng buộc và thiếu các tổ chức và cơ quan quản lý triển khai áp dụng những quy trình này. Hơn nữa, trong bối cảnh ngành CNTT của Việt Nam đang đẩy mạnh chuỗi giá trị và tạo ra thêm nhiều công việc có giá trị gia tăng, hoạt động giáo dục và đào tạo nhân sự CNTT hiện nay vẫn là một rào cản cần phải vượt qua. Trong các ấn bản Sách Trắng trước đây, chúng tôi đã nhấn mạnh tình trạng thiếu ứng dụng thực tế và các kỹ năng mềm mà Việt Nam cần phải giải quyết để có thể trở thành cường quốc về CNTT trong khu vực như kỳ vọng (tham khảo nội dung kiến nghị này trong Sách Trắng năm trước).

¹ "Người dùng internet Việt Nam", *Internetlivestats*, 2015. Xem tại <<http://www.internetlivestats.com/internet-users/vietnam/>>

² "Vấn bức màn về nông thôn Việt Nam: Bạn đã biết gì về người tiêu dùng ở nông thôn Việt Nam?", *Nielsen*, 07/05/2014. Xem tại <<http://www.nielsen.com/apac/en/insights/reports/2014/demystifying-rural-vietnam.html>>

³ "Báo cáo Quý 3 năm 2015 về Công Nghệ Thông Tin Việt Nam", *MarketResearch*, 2015. Xem tại <<http://www.marketresearch.com/Business-Monitor-International-v304/Vietnam-Information-Technology-Q3-9163143/>>

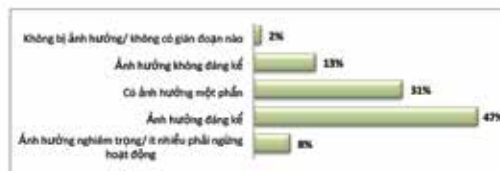
⁴ A-H. Do, "Phó Thủ tướng Việt Nam đã quan tâm hơn đến các công ty khởi nghiệp", *Technasia*, 13/08/2015. Xem tại <<https://www.technasia.com/vietnams-deputy-prime-minister-startups/>>

⁵ "CNTT Việt Nam vươn lên trong chuỗi giá trị", *Forbes*, 09/12/2014. Xem tại <<http://www.forbes.com/sites/teconomy/2014/12/09/vietnam-it-services-climb-the-value-chain/>> and "Outsourcing to Vietnam" và "Gia công Việt Nam", *Forbes*, 15/03/2010. Xem tại <<http://www.forbes.com/2010/03/12/vietnam-china-labor-business-manufacturing-outsourcing-oxford.html>> và "Lao động ngành CNTT của Việt Nam coi trọng đam mê hơn tiền lương", *Forbes*, 03/03/2015. Xem tại <<http://www.forbes.com/sites/teconomy/2015/03/05/vietnams-it-workers-value-passion-over-pay/>>

Biểu đồ 11: Chỉ số môi trường Kinh doanh EuroCham (quý 2 năm 2015)

1. Chất lượng Internet ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động kinh doanh của bạn?

Ảnh hưởng nghiêm trọng/ ít nhiều phải ngừng hoạt động	8%
Ảnh hưởng đáng kể	47%
Có ảnh hưởng một phần	31%
Ảnh hưởng không đáng kể	13%
Không bị ảnh hưởng/ không có gián đoạn nào	2%



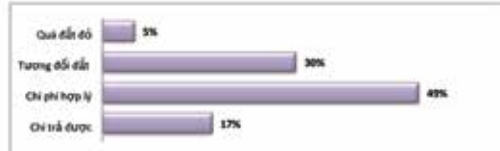
2. Chất lượng Internet ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động ở nhà của bạn?

Nhiều lần bị mất kết nối	33%
Tốc độ đường truyền chậm	42%
Có ảnh hưởng một phần	17%
Ảnh hưởng không đáng kể	8%
Không bị ảnh hưởng/ không có gián đoạn nào	1%



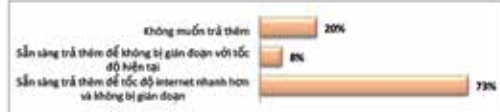
3. So sánh với các thị trường khác, chi phí Internet ở Việt Nam đắt đỏ như thế nào?

Chi trả được	17%
Chi phí hợp lý	49%
Tương đối đắt	30%
Quá đắt đỏ	5%



4. Bạn có sẵn sàng chi trả nhiều hơn để có chất lượng Internet tốt hơn?

Sẵn sàng trả thêm để tốc độ internet nhanh hơn và không bị gián đoạn	73%
Sẵn sàng trả thêm để không bị gián đoạn với tốc độ hiện tại	8%
Không muốn trả thêm	20%



Nguồn: Chỉ số Môi trường Kinh doanh EuroCham (quý 2 - 2015, trọng tâm: kết nối Internet)

Các thành viên của EuroCham khi được hỏi tính ổn định của Internet đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của họ như thế nào, 47% cho biết hoạt động kinh doanh của họ đã “bị ảnh hưởng rõ rệt” và 31% cho biết “có bị ảnh hưởng phần nào”. Chỉ 2% cho rằng hoạt động kinh doanh của mình “không bị gián đoạn”, 13% cho biết “ảnh hưởng hầu như không đáng kể” và 8% cho rằng hoạt động kinh doanh của mình “bị ảnh hưởng nghiêm trọng”. Ngành CNTT và việc sử dụng internet càng phát triển ở Việt Nam, tính ổn định và liên tục của dịch vụ internet càng đóng vai trò quan trọng. Kết nối internet ổn định không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với khu vực doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Chúng tôi cho rằng kết nối internet không ổn định sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài không chỉ trong lĩnh vực CNTT nói riêng mà còn cả thị trường Việt Nam nói chung bởi kết nối internet ổn định và liên tục chính là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các khu vực doanh nghiệp hiện nay. Cùng với sự gia tăng toàn cầu hóa, các doanh nghiệp lớn có nhu cầu kết nối với trụ sở chính và doanh nghiệp vừa và nhỏ cần được kết nối với khách hàng trên toàn cầu. Việc gián đoạn trực tuyến internet chính của Việt Nam sẽ làm suy giảm lòng tin của doanh nghiệp nước ngoài về khả năng kinh doanh bền vững tại Việt Nam - đặc biệt trong bối cảnh các hiệp định tự do mậu dịch quốc tế như EVFTA và TPP chuẩn bị đi vào cuộc sống.

Mặc dù theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới, Chỉ số Sẵn sàng Kết nối của Việt Nam có chiều hướng tích cực nhưng Việt Nam vẫn tụt một bậc so với vị trí năm ngoái và xếp sau các quốc gia khác trong khu vực như Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Philippines.⁶ Hiện trạng này cần được đảo chiều, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam phải chuẩn bị sẵn sàng cho sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn trong khu vực khi lao động sẽ được tự do di chuyển trong nội bộ Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).

Trong vài năm qua, các cơ quan quản lý của Việt Nam đã ban hành một số quy định và dự thảo bao gồm:

- Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử
- Nghị định 72/2013/NĐ-CP về nội dung / trò chơi / phương tiện truyền thông xã hội
- Dự thảo thông tư về các dịch vụ thương mại điện tử trên di động
- Dự thảo thông tư về việc cung cấp thông tin công cộng xuyên biên giới
- Dự thảo thông tư về dịch vụ OTT

⁶ “Chỉ số sẵn sàng kết nối”, *Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, 2015. Xem tại <<http://reports.weforum.org/global-information-technology-report-2015/network-readiness-index/>>

- Dự thảo nghị định về dịch vụ CNTT và Dự thảo thông tư về danh sách các dịch vụ CNTT
- Dự thảo luật về bảo mật thông tin
- Dự thảo thông tư về các hoạt động y tế trong môi trường mạng

Những quy định hiện hành và dự thảo này phản ánh sự phát triển nhanh chóng của khung pháp lý về CNTT tại Việt Nam và cho thấy nhu cầu phải quan sát những xu hướng pháp lý này.

Trong khuôn khổ của Chương này, chúng tôi trình bày nội dung chi tiết những quan ngại liên quan mà Chính phủ cần phải ưu tiên để có thể hoàn thành những mục tiêu đặt ra trong Chiến lược Quốc gia về CNTT & Truyền thông được phê duyệt tại Quyết định 1755/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010, bao gồm vấn đề kết nối internet ổn định cũng như khuôn khổ pháp lý hiện hành. Chúng tôi cũng đưa ra quan điểm và kiến nghị về những thay đổi cần thiết và những cải thiện có thể triển khai thực hiện. Đây là những quan điểm và kiến nghị được các thành viên của chúng tôi chọn lọc kỹ lưỡng thông qua quá trình thảo luận và cân nhắc nghiêm túc.

I. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT LẠC HẬU CẢN TRỞ VIỆC ĐƯA CÁC DOANH NGHIỆP TRỰC TUYẾN/INTERNET VỀ NƯỚC

Bộ ngành liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT)

Mô tả vấn đề

Nhìn chung, nội dung sửa đổi đã có hiệu lực hoặc dự thảo sửa đổi pháp luật cho thấy Chính phủ Việt Nam đang quan tâm đến việc đưa các doanh nghiệp trực tuyến về nước. Thông qua các cuộc thảo luận diễn ra trong thời gian gần đây xoay quanh hoạt động xây dựng pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT) đã thể hiện mong muốn đưa các doanh nghiệp internet về nước để tăng cường khả năng theo dõi, kiểm soát và đánh thuế thu nhập tại Việt Nam. Các cơ quan cấp cao nhất trong chính phủ Việt Nam cũng đã nhận thức rõ hơn về giá trị của hệ sinh thái khởi nghiệp năng động đối với việc khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo và tạo việc làm trong ngành CNTT của Việt Nam. Cải cách pháp lý là một trong những nội dung đề xuất được thảo luận nhằm khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp khởi nghiệp của Việt Nam để giúp những doanh nghiệp còn non trẻ này tiếp cận được nguồn vốn, công nghệ và bí quyết thiết yếu của nhà đầu tư nước ngoài.

Trong khi những biện pháp khuyến khích đầu tư nước ngoài tiếp tục được triển khai thì khung pháp lý hiện tại trong đó có các quy định về tiếp cận thị trường, thương mại và quảng cáo lại không theo kịp với sự phát triển nhanh chóng trong lĩnh vực thương mại điện tử và các hoạt động của các doanh nghiệp internet và đang tạo ra rào cản đối với việc đưa các doanh nghiệp internet về nước.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam sẽ được hưởng lợi rõ rệt từ việc đưa các doanh nghiệp trực tuyến về nước xét trên góc độ gia tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài, tạo công ăn việc làm, tăng nguồn thu thuế, tạo thêm cơ hội đào tạo cho người lao động và tăng cường chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, việc tăng thêm quy định đối với các doanh nghiệp trực tuyến (ví dụ, yêu cầu đặt máy chủ ở trong nước, có sự hiện diện hoặc đại lý tại Việt Nam) có thể sẽ khiến các doanh nghiệp trực tuyến không mặn mà với việc chuyển vào Việt Nam. Bên cạnh đó, các quy định mới không thể giải quyết các vấn đề mà các doanh nghiệp trực tuyến gặp phải trong việc phân loại các hoạt động kinh doanh để được thừa nhận là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp trực tuyến mà các cơ quan chức năng của Việt Nam muốn đưa vào trong nước hiện đang ở trạng thái “quan sát tình hình” trước khi đưa hoạt động kinh doanh trực tuyến mang tính đổi mới sáng tạo của mình vào Việt Nam.

Nhiều quy định các doanh nghiệp trực tuyến phải thỏa mãn khi chuyển vào trong nước còn phiền hà và làm giảm sức cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các doanh nghiệp này. Chúng tôi không ngạc nhiên về sự thận trọng của Bộ TT&TT khi đưa các doanh nghiệp internet vào Việt Nam. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hiện nay là phải khuyến khích các cơ quan quản lý đưa những doanh nghiệp này vào trong nước để tạo cơ hội đối thoại với các cơ quan này nhằm thăm dò các phương án tiếp cận thị trường cho hoạt động kinh doanh internet.

Những quy định hạn chế tiếp cận thị trường vẫn là rào cản nghiêm trọng đối với các doanh nghiệp trực tuyến khi muốn chuyển vào trong nước. Ví dụ, do nhiều doanh nghiệp trực tuyến hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo nên các doanh nghiệp này phải tuân thủ những cam kết gia nhập WTO của Việt Nam với Tổ chức Thương mại Thế giới, theo đó “dịch vụ quảng cáo” phải được thực hiện thông qua một Liên danh. Mặc dù luật pháp Việt Nam chưa luật hóa quy định này và các cơ quan chức năng của Việt Nam có quyền không quy định bắt buộc việc thành lập liên danh nhưng trên thực tế các cơ quan này khó có thể hành động trái với các cam kết gia nhập WTO. Nhìn chung, một doanh nghiệp trực tuyến khi muốn thiết lập sự hiện diện thương mại tại Việt Nam phải tìm ra được cách thức sáng tạo để đồng bộ các hoạt động kinh doanh đã đăng ký của mình với Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm (CPC) áp dụng cho hoạt động đầu tư nước ngoài. Việc đồng bộ sẽ rất phức tạp vì hệ thống CPC hiện tại không đồng bộ với những chức năng khác nhau của các doanh nghiệp trực tuyến đổi mới sáng tạo và phát triển liên tục.

Hơn hai năm qua, trên thực tế đã xuất hiện xu hướng gia tăng sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực kinh doanh trực tuyến ở Việt Nam, thường thông qua việc tăng vốn đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp liên danh. Những lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký thể hiện những sản phẩm và dịch vụ thực tế do các doanh nghiệp trực tuyến cung cấp rất đa dạng, phản ánh mức độ linh hoạt của cơ quan cấp phép. Tuy nhiên, sự xuất hiện của các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài hiện nay chưa phổ biến và khả năng tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trực tuyến còn gặp nhiều khó khăn.

Kiến nghị

- Các cơ quan chức năng của Việt Nam nên áp dụng cách giải thích rộng hơn về CPC đối với các hoạt động kinh doanh trực tuyến trong đó phản ánh hệ thống CPC mới cập nhật như CPC 2.2 với cách phân loại các doanh nghiệp trực tuyến phù hợp hơn và bổ sung lưu ý rằng CPC được sử dụng trong WTO là CPC Tạm thời; và
- Sửa đổi Luật Quảng cáo theo hướng quy định rõ hơn về phạm vi của “hoạt động quảng cáo”, ví dụ quy định cụ thể hoạt động trực tuyến nào được xem là “hoạt động quảng cáo” và hoạt động nào không được xem là hoạt động quảng cáo và chỉ là một phần của giao dịch mua bán.

II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ THANH TOÁN ĐÃ ĐƯỢC LUẬT HÓA

Các bộ liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT)

Mô tả vấn đề

Để nền kinh tế Việt Nam vận hành trơn tru và duy trì tăng trưởng, hoạt động thanh toán hàng hóa và dịch vụ không sử dụng tiền mặt phải được triển khai thuận lợi, hiệu quả và an toàn. Nhiều doanh nghiệp trực tuyến trong nước và nước ngoài gặp khó khăn trong việc tiến hành các hoạt động xử lý thanh toán có vai trò quan trọng đối với mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp này và thường được phép thực hiện tại các khu vực tài phán khác mà các doanh nghiệp đó đang hoạt động. Việc cấp phép cung cấp dịch vụ thanh toán đối với các tổ chức phi tín dụng chỉ được thực hiện theo từng trường hợp cụ thể. Tuy nhiên, chúng tôi đã thấy một số dấu hiệu tích cực cho thấy các quy định về xử lý thanh toán của Việt Nam có thể đang được thay đổi và cải thiện.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc ban hành Nghị định 64/2001/NĐ-CP đã dẫn đến việc thành lập một chương trình thí điểm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xin cấp phép đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tham gia vào hoạt động xử lý thanh toán. Năm 2012, chương trình thí điểm này được thay thế bằng Nghị định số 101/2012/NĐ-CP (Nghị định 101) luật hóa các quy định chung về việc NHNN cấp phép tham gia thanh toán phi tiền mặt của các tổ chức phi tài chính theo từng trường hợp (Điều 14.4). Mặc dù Nghị định 101 không quy định cụ thể yêu cầu hoặc thủ tục cấp phép đối với từng trường hợp (thay vào đó, NHNN được giao thực hiện chức năng này) nhưng việc áp dụng một khuôn khổ chính thức cho phép các tổ chức phi tài chính tham gia vào các dịch vụ thanh toán là một bước tiến tích cực.

Trong thực tế, nhiều tổ chức phi tín dụng đã được NHNN cấp phép thực hiện dịch vụ nhờ thu/chuyển tiền. Một tín hiệu đáng mừng là ít nhất đã có một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được NHNN cấp phép cung cấp Dịch vụ Thanh toán – VietUnion thông qua dịch vụ “Payoo” và doanh nghiệp nước ngoài tham gia góp vốn vào

doanh nghiệp này là công ty NEC của Nhật Bản. Những chuyển biến này cho thấy các doanh nghiệp trực tuyến quốc tế khác nên cân nhắc xin NHNN cấp phép và đăng ký các dịch vụ thanh toán theo hoạt động của các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.

Việc xây dựng cơ chế pháp lý hiện đại cho hoạt động xử lý thanh toán sẽ hỗ trợ tăng trưởng thương mại điện tử của Việt Nam, góp phần gia tăng hiệu quả kinh tế trong khu vực bán lẻ đồng thời tăng việc làm, ngân sách từ thuế và đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Kiến nghị

- NHNN cần ban hành hướng dẫn cụ thể về quy trình cấp phép theo từng trường hợp cho phép các tổ chức phi tài chính tham gia vào các dịch vụ xử lý thanh toán theo quy định của Nghị định 101; và
- NHNN cần quy định rõ ràng rằng việc cấp phép theo từng trường hợp này cho phép các tổ chức phi tài chính tham gia vào các dịch vụ xử lý thanh toán tiền mặt và phi tiền mặt cho khách hàng.

III. QUẢN LÝ CÁC DOANH NGHIỆP TRỰC TUYẾN NHƯ CÁC DOANH NGHIỆP TRUYỀN THỐNG

Các bộ liên quan: Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT)

Mô tả vấn đề

Dự thảo Thông tư về Dịch vụ OTT cho thấy các cơ quan quản lý của Việt Nam đang cân nhắc quản lý các doanh nghiệp trực tuyến theo khung pháp lý hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp truyền thống.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nếu được thông qua với những nội dung quy định như dự thảo này, Thông tư này sẽ thắt chặt quản lý đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ thoại và nhắn tin OTT, làm suy yếu đáng kể lợi thế công nghệ của những doanh nghiệp này. Ví dụ, với nội dung quy định như hiện nay, Dự thảo này sẽ áp dụng cơ chế giá cho các dịch vụ nhắn tin và thoại giống như giá các dịch vụ áp dụng cho các công ty viễn thông của Việt Nam, qua đó xóa bỏ những lợi ích chính mà dịch vụ OTT mang lại và làm suy yếu hoạt động thương mại điện tử và tăng chi phí giao dịch trên môi trường trực tuyến. Hoạt động hợp tác và đối thoại giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ OTT và các doanh nghiệp viễn thông tại Việt Nam chưa tìm ra được bất kỳ giải pháp nào mà các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam phải tự xây dựng các dịch vụ OTT của mình. Nếu Thông tư này được ban hành mà không có bất kỳ sửa đổi nào, các đơn vị cung cấp dịch vụ OTT sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ và dẫn đến các nhà cung cấp dịch vụ OTT nước ngoài thay đổi một cách tiêu cực chiến lược thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Khi chúng tôi đang soạn thảo nội dung này, Viber Việt Nam đã đóng cửa văn phòng của mình tại Việt Nam.

Kiến nghị

Các cơ quan quản lý nên cân nhắc cách tiếp cận của mình trong quản lý dịch vụ nhắn tin và thoại OTT tương tự như các dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đây là phương pháp tiếp cận không phù hợp cả trên thực tế và trên khía cạnh công nghệ. Thông tư về dịch vụ OTT cần được sửa đổi trước khi được thông qua. Hoạt động hợp tác, phối hợp và đối thoại giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ OTT và các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam cần được khuyến khích. Dự thảo Thông tư cần được sửa đổi theo hướng tạo dựng sân chơi bình đẳng cho tất cả các đơn vị cung cấp dịch vụ OTT.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Công nghệ Thông tin thuộc EuroCham và Ban Công nghệ Thông tin Truyền thông thuộc Hiệp Hội Doanh nghiệp Mỹ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt đối với chương này:

Yee Chung Seck, Luật sư, Baker & McKenzie

Andrew Fitanides, Luật sư, Baker & McKenzie

CHƯƠNG 13 BẢO HIỂM NHÂN THỌ

TỔNG QUAN

Ngành bảo hiểm nhân thọ Việt Nam được thành lập vào cuối những năm 1990 với 5 doanh nghiệp. Đến giữa năm 2015 đã có 17 doanh nghiệp tham gia thị trường với khoảng 300 sản phẩm và 300.000 đại lý bảo hiểm. Thị phần (tính theo doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới) tăng trưởng trung bình trên 25% mỗi năm trong những năm gần đây. Đặc biệt mức tăng trưởng trong nửa đầu năm 2015 là hơn 50% so với cùng kỳ năm ngoái. Dù đang trên đà tăng trưởng tốt, nhưng so với các quốc gia khác trong khu vực châu Á như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Đài Loan... thì ngành bảo hiểm nhân thọ Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn sơ khai. Cụ thể, tỷ lệ thâm nhập thị trường còn rất thấp, chưa tới 7% dân số Việt Nam tham gia bảo hiểm nhân thọ. Ngày nay, tổng doanh thu phí của ngành bảo hiểm nhân thọ chỉ chiếm khoảng 0,7% GDP (con số này là 3,3% ở Malaysia, 4,1 % ở Thái Lan và 5,3% ở Singapore vào năm 2014).¹ Trên cơ sở này, có thể khẳng định rằng ngành bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam có tiềm năng để tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Trong bối cảnh thị trường phát triển nhanh và nhu cầu được hỗ trợ của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ không ngừng tăng trong thời gian qua, cơ quan quản lý của ngành bảo hiểm nhân thọ là Cục Quản lý và giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính đã có đóng góp to lớn cho ngành trong việc tạo mọi điều kiện thuận lợi và cung cấp các nguồn lực cần thiết để hỗ trợ ngành phát triển, từ đó, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thể hoạt động hiệu quả hơn. Tuy nhiên, phía trước vẫn còn những thách thức đối với thị trường mà các bên liên quan cần phối hợp với Bộ Tài chính để cùng giải quyết, nhằm giúp thị trường tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ ở mức tối đa.

Là đại diện của các doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, EuroCham vinh dự được phối hợp với Bộ Tài chính nhằm đề xuất và triển khai các sáng kiến giúp tháo gỡ một số khó khăn mà thị trường đang gặp phải. Trong dự thảo Sách Trắng năm 2016 của EuroCham, chúng tôi xin được đề xuất một số sáng kiến và kiến nghị để các cơ quan có thẩm quyền xem xét.

I. ẢNH HƯỞNG CỦA QUYẾT ĐỊNH 35/2015/QĐ-TTG ĐỐI VỚI QUY TRÌNH VÀ THỜI GIAN PHÊ DUYỆT SẢN PHẨM BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Bộ ngành liên quan: Văn phòng Thủ tướng Chính phủ (VPTTCTP), Bộ Công thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Ngày 20 tháng 8 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 35/2015/QĐ-TTg, theo đó, sản phẩm bảo hiểm nhân thọ được xếp vào “danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung”. Kể từ khi Quyết định này có hiệu lực vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, tất cả các mẫu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và bản quy tắc, điều khoản phải được đăng ký với Bộ Công thương (BCT).

Hiện tại, Bộ Tài chính (BTC) là cơ quan chịu trách nhiệm phê duyệt toàn bộ sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bao gồm các mẫu hợp đồng và bản quy tắc, điều khoản. Với Quyết định này, các tài liệu liên quan đến sản phẩm cũng sẽ cần phải được phê duyệt bởi BCT. Điều này dẫn đến sự trùng lặp trong quá trình phê duyệt và làm tăng đáng kể thời gian phê duyệt sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Về thực tiễn, các mẫu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và các tài liệu sản phẩm liên quan chứa khá nhiều thông tin kỹ thuật, có đặc thù chuyên ngành cao so với các loại hàng hóa và dịch vụ khác, nên sẽ làm cho quy trình xem xét và phê duyệt của BCT mất nhiều thời gian hơn.

¹ “Những tác động tiềm năng của Cộng đồng kinh tế ASEAN đối với ngành Bảo hiểm nhân thọ”, Báo cáo nghiên cứu của Milliman, tháng 7 năm 2015, trang số 5. Xem tại <http://www.milliman.com/uploadedFiles/insight/2015/20150724_Potential%20implications%20of%20the%20ASEAN%20Economic%20Community.pdf>

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Những lợi ích có thể thấy nếu không áp dụng quy định bổ sung này, bao gồm: giảm đáng kể thời gian và nguồn lực cho quá trình phê duyệt sản phẩm, từ đó giúp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ triển khai các dự án phát triển sản phẩm hiệu quả hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của thị trường.

Kiến nghị

- Loại bỏ sản phẩm bảo hiểm nhân thọ ra khỏi “danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung”; hoặc
- BTC và BCT sẽ ban hành quy định/hướng dẫn chung về quy trình phê duyệt sản phẩm bảo hiểm nhân thọ (từ phía BTC) cùng với quy trình đăng ký biểu mẫu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ (từ phía BCT) nhằm đơn giản hóa thủ tục phê duyệt và không làm gia tăng chi phí, thủ tục hành chính cũng như nhằm tránh việc gián đoạn trong quá trình phân phối sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

II. BẢO HIỂM HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN

Bộ ngành liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Tổng cục Thuế (TCT), Bộ Công thương (BCT), Văn phòng Thủ tướng Chính phủ (VPTTCP), Quốc hội (QH).

Mô tả vấn đề

Quỹ hưu trí tự nguyện được giới thiệu nhằm mục đích mang đến giải pháp bổ sung cho việc tích lũy hưu trí. Tuy nhiên, các ưu đãi thuế theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích sự tham gia của cả người lao động lẫn người sử dụng lao động.

Đối với người lao động, mức khấu trừ thuế hiện nay là 1 triệu đồng mỗi tháng. Đây là một lợi thế của bảo hiểm hưu trí so với các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác, nhưng vẫn chưa đủ hấp dẫn để bù đắp những hạn chế của sản phẩm bảo hiểm hưu trí so với các sản phẩm khác. Đối với người sử dụng lao động, khoản đóng góp cho quỹ hưu trí cho người lao động đến 1 triệu đồng mỗi tháng cho mỗi nhân viên sẽ được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp như các chi phí doanh nghiệp khác. Khoản đóng góp vượt quá mức 1 triệu đồng sẽ không được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, là một bất lợi so với các khoản chi phí doanh nghiệp khác. Đây là một trở ngại và cần được thay đổi để đảm bảo tất cả các khoản đóng góp cho quỹ hưu trí của người lao động đều được khấu trừ thuế tương tự như các chi phí doanh nghiệp khác. Với tốc độ già hóa dân số nhanh chóng của Việt Nam, cần sớm có những biện pháp để giảm bớt gánh nặng cho xã hội về lâu dài.

Lợi ích/quan ngại đối với Việt Nam

Đối với Chính phủ, các ưu đãi thuế là một khoản đầu tư vào nền kinh tế và mang lại lợi ích về lâu dài. Khoản tiết kiệm vào bảo hiểm hưu trí sẽ được tái đầu tư vào nền kinh tế, tạo thêm việc làm và tăng nguồn thu từ thuế cho Chính phủ một cách bền vững. Ngoài ra, ưu đãi này sẽ góp phần hạn chế và giảm bớt gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội trong tương lai do sự già hóa nhanh về dân số.

Đối với các doanh nghiệp, các ưu đãi thuế sẽ giúp các sản phẩm hưu trí hấp dẫn hơn với người lao động, từ đó giúp các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch dài hạn hấp dẫn hơn để giữ nhân tài. Nhất là khi nỗi lo về chảy máu chất xám ngày càng rõ hơn khi Việt Nam đang ở giai đoạn cuối cùng trong quá trình hội nhập vào Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và cơ hội trên thị trường quốc tế như Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Kiến nghị

- Đối với người lao động: Ưu đãi thuế thu nhập hấp dẫn hơn như áp dụng mức thuế suất thấp hơn với khoản đóng góp cho bảo hiểm hưu trí sẽ là động lực khuyến khích người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí nhiều hơn.

- › Đối với doanh nghiệp: Gia tăng các ưu đãi về thuế đối với các khoản đóng góp vào bảo hiểm hưu trí của người lao động so với các loại chi phí nhân sự khác (ví dụ: toàn bộ khoản đóng góp cho hợp đồng hưu trí cho nhân viên đều được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp). Cụ thể hơn, dưới đây là một số đề xuất để các cơ quan liên quan cân nhắc:

Lựa chọn 1: Tăng khoản khấu trừ từ 1 triệu đồng như hiện tại lên 3 triệu đồng/tháng/người cho cả thuế TNCN và thuế TNDN.

Lựa chọn 2: Khoản đóng góp được khấu trừ dựa trên lương cơ bản để tính bảo hiểm xã hội bắt buộc:

- Thuế TNDN: Khoản đóng góp của doanh nghiệp được khấu trừ tối đa 4.140.000 đồng/tháng/người (23 triệu x 18%)
- Thuế TNCN: Khoản đóng góp của nhân viên được khấu trừ tối đa 1.840.000 đồng/tháng/người (23 triệu x 8%).

Lựa chọn 3: Không giới hạn khoản đóng góp.

LỜI CẢM ƠN

Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam

CHƯƠNG 14 TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN

TỔNG QUAN

Với dân số trên 90 triệu người, tầng lớp trung lưu đang ngày một gia tăng nhanh chóng và tốc độ tăng trưởng kinh tế đầy triển vọng trong những năm tới, thị trường thiết bị y tế tại Việt Nam sẽ tiếp tục còn mở rộng. Bên cạnh đó, cùng với tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường quốc tế với việc ký kết một số hiệp định thương mại như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), chi tiêu y tế tại Việt Nam sẽ tiếp tục gia tăng. Năm 2013, ước tính khoảng 30.000 người Việt đã điều trị bệnh ở nước ngoài, với khoản chi tiêu tương đương 1 tỷ Đô-la Mỹ mỗi năm, đây là một thực tế cần được thay đổi.¹

Các cơ quan chức năng của Việt Nam nhận thức rõ cần phải nâng cấp và hiện đại hóa mạnh mẽ hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng và đã bổ sung ngân sách cho lĩnh vực này. Tuy nhiên, hiện vẫn còn vấn đề tồn đọng như nhiều bệnh viện không có đủ đội ngũ nhân viên có chuyên môn để đáp ứng tình trạng quá tải bệnh nhân và không thể chăm sóc chu đáo cho tất cả các bệnh nhân. Bên cạnh đó, các thiết bị y tế hiện nay đã cũ và cần được thay thế, đặc biệt là các trang thiết bị phẫu thuật và chăm sóc tích cực.²

Giá trị thị trường thiết bị y tế đã đạt 465,4 triệu Đô-la Mỹ và được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng đạt mức 1,4 tỷ Đô-la Mỹ vào năm 2018.³ Đây là thị trường quan trọng của các doanh nghiệp châu Âu vì Việt Nam hiện đang nhập khẩu tới hơn 90% các thiết bị y tế từ các doanh nghiệp này. Ngoài ra, Việt Nam cũng khuyến khích thị trường thiết bị y tế phát triển vì sản xuất trong nước không thể đáp ứng nhu cầu của hệ thống chăm sóc sức khỏe quốc gia.⁴ Hiện nay, Việt Nam có khoảng 50 doanh nghiệp sản xuất 600 sản phẩm được Bộ Y tế cấp phép chính thức.⁵ Năm 2013, các thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Xin-ga-po chiếm trên 50% các sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành địa điểm sản xuất các sản phẩm với chi phí thấp. Bởi vậy, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam đang ngày một gia tăng, trong đó thị trường Hoa Kỳ chiếm 24,3% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2013.⁶

Để tiếp tục nâng cao sức khỏe người dân và tăng cường khả năng tiếp cận tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, Việt Nam cần giải quyết một số vấn đề sau đây. Các thành viên của EuroCham trong ngành Trang thiết bị y tế Và Sinh phẩm Chẩn đoán luôn sẵn sàng đối thoại và tăng cường hợp tác với Bộ Y tế và các cơ quan hữu quan.

1 "Thị trường thiết bị y tế tại Việt Nam", *Cơ quan Xúc tiến thương mại Hoa Kỳ*, tháng 6/2014, tr.1. Tại địa chỉ <http://www.export.gov/vietnam/build/groups/public/@eg_vn/documents/webcontent/eg_vn_076824.pdf>

2 "Như trên."

3 "Thị trường Thiết bị Y tế của Việt Nam", *Espicom Business Intelligence*, 11/06/14. Tại địa chỉ <<http://www.espicom.com/vietnam-medical-device-market.html>>

4 "Thị trường thiết bị y tế tại Việt Nam", *Cơ quan Xúc tiến thương mại Hoa Kỳ*, tháng 6/2014, tr.2. Tại địa chỉ <http://www.export.gov/vietnam/build/groups/public/@eg_vn/documents/webcontent/eg_vn_076824.pdf>

5 *ibid*

6 "Thị trường Thiết bị Y tế của Việt Nam", *Espicom Business Intelligence*, 11/06/14. Tại địa chỉ <<http://www.espicom.com/vietnam-medical-device-market.html>>

I. QUẢNG BÁ VÀ HOÀN TRẢ CHI PHÍ CÁC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHỨNG MINH ĐƯỢC LỢI ÍCH KINH TẾ - Y TẾ

Bộ ngành liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Chăm sóc vết thương sau phẫu thuật, sau khi bị thương hoặc nhiễm bệnh là công tác thiết yếu trong quá trình hồi phục. Chăm sóc vết thương đúng cách không chỉ phòng ngừa lây nhiễm và các biến chứng mà còn giúp vết thương hồi phục nhanh hơn mà vẫn đảm bảo tính thẩm mỹ. Chăm sóc vết thương hiện đại hay còn gọi là Chăm sóc Vết thương Nâng cao (Advanced Wound Care - AwC) đòi hỏi các chuyên gia y tế phải được đào tạo và có tâm huyết, phải duy trì chăm sóc cho đến khi vết thương hoàn toàn lành lặn kết hợp với việc sử dụng các trang thiết bị y tế phù hợp với những lợi thế đã được chứng minh so với hoạt động chăm sóc vết thương truyền thống.

Hiện nay, chi phí điều trị chăm sóc vết thương hầu như do bệnh nhân chi trả hoàn toàn. Trên thực tế, những hướng dẫn về cắt giảm chi phí khiến hầu hết các bệnh viện phải loại bỏ các sản phẩm Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) ra khỏi danh mục đầu thầu và/hoặc hạn chế nhất khe việc sử dụng các thiết bị này. Ngay cả khi bệnh viện có các sản phẩm Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC), các gói hoàn trả chi phí điều trị vết thương chỉ thanh toán một phần nhỏ chi phí sử dụng các thiết bị này dù đã bao gồm toàn bộ chi phí vật tư cho một ca điều trị cụ thể. Chi phí là vấn đề có ảnh hưởng không nhỏ và thường hạn chế các lựa chọn về phương pháp điều trị có thể áp dụng. Thông thường các chuyên gia y tế sẽ sử dụng các sản phẩm chăm sóc vết thương truyền thống cơ bản và có hiệu quả thấp hơn (ví dụ như gạc ướt v.v.), thuộc diện được hoàn trả chi phí hoặc có giá phù hợp túi tiền bệnh nhân hơn.

Do đó, nhiều bệnh nhân đã bị mất quyền được hưởng các phác đồ và sản phẩm điều trị giúp nâng cao chất lượng cuộc sống và giúp hồi phục vết thương nhanh và hiệu quả hơn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các sản phẩm Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) giúp bệnh nhân nâng cao chất lượng sống và cảm thấy thoải mái hơn trong quá trình điều trị (giảm thời gian điều trị, giảm mức độ đau đớn, tác động tâm lý tích cực...) và giúp bệnh nhân nhanh chóng trở lại với cuộc sống thường ngày.

Các sản phẩm Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) cũng làm giảm tần suất thay băng và giúp công việc chăm sóc sức khỏe trở nên nhanh và dễ dàng hơn, do đó làm giảm khối lượng công việc cho các cán bộ chăm sóc y tế.

Quan trọng hơn, việc sử dụng các phác đồ và sản phẩm Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) đã được chứng minh giúp làm giảm tổng chi phí điều trị so với phương pháp chăm sóc vết thương truyền thống. Tính ưu việt của phương pháp này đã được các chuyên gia chăm sóc thương tích tại Việt Nam công nhận.

Các sản phẩm Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) có thể giảm tần suất thay băng, do đó chi phí cho nhân viên và vật tư thiết bị mỗi lần thay băng cũng giảm theo.

Phác đồ Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) có thể giảm thời gian điều trị, cho phép bệnh nhân ra viện sớm hơn, do đó giải quyết được tình trạng quá tải giường bệnh và tiết kiệm chi phí viện phí.

Phác đồ Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) giảm nguy cơ nhiễm trùng, biến chứng và tái phát nên giảm tình trạng quá tải giường bệnh và tiết kiệm chi phí phát sinh viện phí, thuốc và trang thiết bị y tế.

Kiến nghị

Chúng tôi đề xuất Bộ Y tế hỗ trợ sử dụng các phác đồ Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) thông qua:

- Tuyên truyền và giới thiệu tới các nhà hoạch định chính sách về lợi ích của các sản phẩm Chăm sóc Vết thương Nâng cao (AwC) so với các biện pháp chăm sóc vết thương truyền thống.
- Xây dựng các biện pháp khuyến khích để bệnh viện và các cán bộ y tế lựa chọn và sử dụng giải pháp chăm sóc chất lượng/chi phí hiệu quả nhất thay vì sử dụng các sản phẩm rẻ nhất nhưng hiệu quả thấp hơn.

- Áp dụng các gói hoàn trả chi phí đặc biệt cho những sản phẩm (AwC) đã chứng minh được lợi ích kinh tế - y học trong điều trị vết thương, bắt đầu bằng việc phòng ngừa và điều trị loét do tỳ đè, điều trị bỏng và loét chân do đái tháo đường (Diabetic Foot Ulcer - DFU).

II. CHĂM SÓC TẠI NHÀ

Bộ ngành liên quan: Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Trong bối cảnh số giường bệnh tại các bệnh viện ở Việt Nam hạn chế như hiện nay, những bệnh nhân không còn tình trạng nguy kịch sẽ phải xuất viện chỉ sau vài ngày. Do thiếu các dịch vụ chăm sóc tại nhà chuyên nghiệp và có tổ chức do các chuyên gia y tế có tay nghề đảm nhận, bệnh nhân thường sẽ tự chăm sóc hoặc được các thành viên trong gia đình chăm sóc, hoặc có thể chấm dứt điều trị nên khó có thể theo dõi được việc tuân thủ phác đồ điều trị và chất lượng điều trị sau xuất viện. Theo ước tính của chúng tôi, phần lớn bệnh nhân khi xuất viện không được chăm sóc tối ưu, sẽ tự chăm sóc ở nhà và dẫn đến tình trạng tái phát và biến chứng và phải nhập viện trở lại. Những biến chứng này thường sẽ khiến các bệnh viện ngày một quá tải và làm phát sinh thêm chi phí cho hệ thống chăm sóc sức khỏe. Một số biến chứng có thể gây ra hậu quả phải cắt chi hoặc tử vong.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi cho rằng Việt Nam nên bắt đầu đưa vào hoạt động và hỗ trợ các dịch vụ chăm sóc tại nhà chuyên nghiệp do các chuyên gia chăm sóc sức khỏe có chuyên môn và được đào tạo bài bản để có thể đảm bảo tính liên tục và chất lượng chăm sóc sau khi bệnh nhân xuất viện.

Các dịch vụ chăm sóc tại nhà chuyên nghiệp sẽ góp phần to lớn vào nâng cao chất lượng sống của bệnh nhân sau xuất viện và của người thân của bệnh nhân.

Dịch vụ chăm sóc tại nhà chuyên nghiệp cũng giúp giảm khả năng tái phát và biến chứng, do đó sẽ giảm tình trạng quá tải giường bệnh và giúp tiết kiệm chi phí điều trị phát sinh và chi phí cho xã hội.

Quan trọng hơn cả, dịch vụ chăm sóc tại nhà góp phần giúp một số bệnh nhân xuất viện sớm vì giai đoạn điều trị ban đầu có thể được các chuyên gia y tế thực hiện tại nhà của bệnh nhân.

Kiến nghị

Chúng tôi xin đề xuất Bộ Y tế hỗ trợ phát triển dịch vụ tiếp tục điều trị tại nhà của bệnh nhân thông qua:

- Các chương trình tập huấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về điều trị liên tục và các phác đồ chăm sóc phù hợp.
- Đào tạo các chuyên gia (hộ lý, dược sỹ...) tham gia chăm sóc bên ngoài bệnh viện.
- Hỗ trợ thành lập hệ thống chăm sóc tại nhà chính thức và có tổ chức do các chuyên gia được đào tạo phụ trách bao gồm công tác đào tạo, tài liệu và phác đồ đã được điều chỉnh phù hợp.
- Hỗ trợ tài chính cho bệnh nhân và gia đình có bệnh nhân chăm sóc tại nhà.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

Bộ ngành liên quan: Bộ Y Tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Trang thiết bị y tế là loại hàng hóa đặc biệt có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, đồng thời cũng là nhân tố quan trọng quyết định tính hiệu quả và chất lượng của công tác y tế, hỗ trợ thầy thuốc trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân một cách chính xác, nhanh chóng, an toàn và hiệu quả. Tuy nhiên, trang thiết bị y tế lại có đặc thù đa dạng về chủng loại, luôn cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ mới và các công nghệ không ngừng biến đổi. Do vậy, loại thiết bị này cần được quản lý chặt chẽ theo chu trình vòng đời của sản phẩm, từ giai đoạn sản xuất, thử nghiệm, lưu thông trên thị trường đến quá trình sử dụng và bảo hành đối với sản phẩm.

Hiện chưa có đủ các văn bản pháp lý nhất quán để quản lý các vấn đề liên quan đến trang thiết bị y tế. Bên cạnh đó, vẫn chưa có quy định về quản lý trong một số khía cạnh như thử nghiệm lâm sàng, lưu hành trang thiết bị y tế, truy xuất nguồn gốc và kiểm định trang thiết bị y tế. Mặc dù chỉ có 50 loại các trang thiết bị y tế được cấp phép nhập khẩu, nhưng trên thực tế số lượng và các loại trang thiết bị y tế nhập khẩu lớn hơn rất nhiều. Các quy định về quản lý trang thiết bị y tế trong vấn đề nhập khẩu cũng chưa tuân thủ các tiêu chuẩn của khu vực và thế giới.⁷

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Ở Việt Nam, đa số trang thiết bị y tế được nhập khẩu từ nước ngoài. Số lượng các nhà sản xuất trang thiết bị y tế trong nước còn hạn chế, chủng loại sản phẩm chưa đa dạng và chất lượng chưa cao. Hệ thống kinh doanh, xuất nhập khẩu chưa hoàn chỉnh do thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn sâu về kỹ thuật trang thiết bị y tế. Ngoài ra, phần lớn trang thiết bị đang sử dụng tại các cơ sở y tế chưa được kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa do không đủ nguồn vốn để đầu tư và nhiều địa phương không có đủ kinh phí để mua vật tư tiêu hao.

Việt Nam hiện cũng chưa có đủ các quy định về điều kiện cụ thể cho các tổ chức độc lập chuyên đánh giá trang thiết bị y tế. Vì thế việc định nghĩa và phân loại trang thiết bị y tế theo mức độ rủi ro, cũng như mẫu hồ sơ chung về kỹ thuật cho các sản phẩm trang thiết bị y tế, quy trình đăng ký lưu hành và quy định về giám sát sau khi đưa ra thị trường (alert marketing surveillance) nhằm cảnh báo về trang thiết bị y tế bị lỗi hoặc không an toàn cũng chưa được hoàn thiện và triển khai theo yêu cầu và thông lệ quốc tế.

Kiến nghị

- Với những lý do trên, cần thiết phải ban hành một văn bản quy định về quản lý trang thiết bị y tế nhằm xây dựng một hành lang pháp lý cho Việt Nam trong việc nhập khẩu, sản xuất và lưu hành trang thiết bị y tế.
- Chúng tôi rất phấn khởi với những nỗ lực của Bộ Y Tế và Ban soạn thảo về vấn đề này và rất mong Ban soạn thảo nhanh chóng hoàn thiện các nội dung của dự thảo Nghị định theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để Nghị định sớm được ban hành và thực thi trong năm 2016. Chúng tôi được biết Bộ Y Tế đã và đang xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý trang thiết bị y tế và đã xin ý kiến của các bộ ngành và các doanh nghiệp trong và ngoài nước đang kinh doanh trang thiết bị y tế tại Việt Nam. Chính phủ đã thông qua nội dung của dự thảo Nghị định theo đúng các quy định của pháp luật. Và gần đây nhất, tại phiên họp thứ 41 ngày 17 tháng 9 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nhất trí cần ban hành Nghị định để điều chỉnh về lĩnh vực quản lý trang thiết bị y tế. Và trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban soạn thảo và cơ quan thẩm tra là Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội hoàn thiện các nội dung trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét tại phiên họp sau⁸.

LỜI CẢM ƠN

Vincent Arreckx, Urgo International, Trưởng đại diện, HCP Healthcare Asia
Hỗ Linh Lan, Trưởng phòng Pháp lý và Đối ngoại, Roche Việt Nam

⁷ Tuyên bố chính thức của Bộ trưởng Bộ Y tế với Chính phủ ngày 8 tháng 5 năm 2015

⁸ TTXVN ngày 17 tháng 9 năm 2015

CHƯƠNG 15 Ô TÔ – XE MÁY

Ngành công nghiệp ô tô, xe máy châu Âu tại Việt Nam được phân chia thành hai nhóm doanh nghiệp bao gồm các doanh nghiệp lắp ráp tại Việt Nam và các doanh nghiệp nhập khẩu từ châu Âu. Xét về tỷ lệ đại diện thì các doanh nghiệp lắp ráp của châu Âu ở Việt Nam chiếm thiểu số.

Có một số hiệp hội tại Việt Nam đại diện cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy như Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA) hoặc Hiệp hội Các nhà sản xuất xe máy Việt Nam (VMM). Tuy nhiên, không có cơ cấu rõ ràng đại diện ngành ô tô – xe máy như vậy trong số các doanh nghiệp châu Âu. Tuy nhiên, với việc Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA) được triển khai trong thời gian tới, chắc chắn sẽ có sự chuyển dịch cơ cấu đại diện này theo hướng gia tăng tỷ trọng, số lượng các sản phẩm và doanh nghiệp nhập khẩu ô tô – xe máy châu Âu vào Việt Nam. Vì vậy, việc thành lập Tiểu ban Ô tô – Xe máy trực thuộc EuroCham là hết sức cần thiết. Với vai trò là một ngành công nghiệp chiến lược của liên minh châu Âu, ngành ô tô – xe máy sẽ hỗ trợ thực thi EVFTA và đưa kinh nghiệm của châu Âu tới Việt Nam nhằm thúc đẩy hợp tác giữa hai bên, đồng thời vẫn tôn trọng các doanh nghiệp châu Âu đã thực hiện đầu tư tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, Tiểu ban Ô tô – Xe máy còn có một mục tiêu lớn hơn. Với sự xuất hiện của các doanh nghiệp châu Âu, các loại xe thương mại và hành khách, xe máy, các nhà sản xuất cũng như cung cấp phụ tùng, Tiểu ban sẽ đóng vai trò như một diễn đàn đối thoại về các chủ đề như các quy định và cơ chế đối với hàng hoá nhập khẩu, an toàn giao thông đường bộ và cải thiện chung về vận tải tại Việt Nam.

Với ấn bản Sách Trắng 2016, Tiểu ban mong muốn được trình bày các vấn đề sau đây tới Chính phủ Việt Nam thông qua hai phần riêng biệt, trong đó một phần tập trung vào ngành công nghiệp xe máy và phần còn lại vào ngành công nghiệp ô tô.

CHƯƠNG 15A NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

TỔNG QUAN

Thị trường ô tô Việt Nam có thể phân chia thành nhóm các đơn vị lắp ráp ô tô trong nước từ linh kiện nhập khẩu (Completely Knocked Down - CKD) thuộc Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA) và nhóm các đơn vị nhập nhẩu ô tô nguyên chiếc (Completely Built-Up - CBU). Một số công ty ở Việt Nam tham gia vào cả mảng lắp ráp và nhập khẩu. Theo VAMA, hiện tại có 13 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 42 doanh nghiệp trong nước tham gia vào hoạt động lắp ráp và sản xuất ô tô với công suất khoảng 460.000 chiếc mỗi năm. Các nhãn hiệu xe ô tô con của Châu Âu có mặt tại Việt Nam là từ Đức (Audi, BMW, Mercedes-Benz, Porsche và Volkswagen), Pháp (Peugeot, Renault), Anh (Bentley, Jaguar, Land Rover, Mini và Rolls-Royce,) và Ý (Fiat và Lamborghini).

Trong khi Bộ Công Thương (BCT) đang nỗ lực để phát triển ngành công nghiệp ô tô trong nước, Bộ Giao thông và Vận tải (Bộ GTVT) và Bộ Tài chính (BTC) lại có những quan ngại về tình trạng tắc nghẽn giao thông nên đã áp dụng mức thuế và lệ phí cao với ô tô. Mặc dù giá ô tô còn cao, thị trường ô tô vẫn có mức tăng trưởng đáng kể từ năm 2007 đến năm 2012, trước khi giảm 50% do tác động của việc tăng 10 – 20% lệ phí trước bạ.¹ Năm 2014, thị trường ô tô mới của Việt Nam đạt tổng số 157.810 chiếc bao gồm cả ô tô con lắp ráp trong nước (CKD), nhập khẩu nguyên chiếc (CBU) và xe tải nhập khẩu. Trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2015, thị trường ô tô con tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, lượng xe lắp ráp trong nước tăng 54% và xe nhập khẩu nguyên chiếc tăng 67%.² Lượng xe lắp ráp trong nước chiếm 74%, trong khi xe nhập khẩu nguyên chiếc mới chiếm 26% của thị trường xe tải và xe ô tô con mới.³

Linh kiện ô tô đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế của Việt Nam. Việt Nam đã và đang hoà nhập với các chuỗi cung ứng trong ngành ô tô Châu Á – Thái Bình Dương.⁴ VAMA ước tính, với sản lượng chiếm hai phần ba sản lượng trên thị trường ô tô, góp phần tạo công ăn việc làm và mang lại lợi ích kinh tế, xã hội cho Việt Nam, các doanh nghiệp lắp ráp thuộc hiệp hội đóng góp khoảng 1 tỷ đô-la cho ngân sách nhà nước năm 2013. Theo tính toán của đại diện các doanh nghiệp nhập khẩu, số lượng ô tô nhập khẩu nguyên chiếc mới, chiếm một phần ba sản lượng, ước tính sẽ đóng góp trên 1 tỷ đô-la tiền thuế trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2015.⁵

Theo đánh giá của VAMA, sản xuất và kinh doanh ô tô nội địa sẽ tiếp tục đà tăng trưởng từ giờ cho đến hết năm 2016 do các nhà sản xuất ô tô trong nước đẩy mạnh sản xuất để đáp ứng nhu cầu gia tăng. Việc tiếp tục cải cách khu vực ngân hàng, triển vọng kinh tế vĩ mô tích cực và hạ tầng được cải thiện sẽ tiếp tục mang lại doanh thu cho ngành công nghiệp ô tô Việt Nam. ASEAN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) sẽ hỗ trợ giảm thuế áp dụng với xe nhập khẩu cho Việt Nam. Từ năm 2014, mức thuế áp dụng trên ô tô nhập khẩu nguyên chiếc từ khu vực ASEAN đã giảm xuống còn 50% và dự tính sẽ tiếp tục giảm mức thuế xuống còn 0% vào năm 2018, tạo đà phát triển nhập khẩu ô tô nguyên chiếc từ khu vực này.

Từ năm 2007, Việt Nam cam kết giảm thuế nhập khẩu theo khuôn khổ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Năm 2015, Việt Nam ký hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu (EVFTA), theo đó, thuế nhập khẩu đối với ô tô từ các nước thành viên EU sẽ giảm. Bên cạnh đó, Việt Nam đã đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), cam kết giảm thuế nhập khẩu từ năm 2016 và xoá bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu từ năm 2026. Thành công của việc thực hiện hiệp định thuế FTA phụ thuộc vào mức độ phức tạp trong cấp chứng nhận nước

¹ Từ ngày 15 tháng 10 năm 2011, lệ phí trước bạ tăng 10%-20%. Thông tư 124/2011-BTC-TT ngày 31/08/2011

² "Báo cáo bán hàng, tháng 12/2014", VAMA, 10/01/1, tr.1. Tham khảo tại < <http://vama.org.vn/Data/upload/files/Document/Thang12-2014/Cover%20Letter%20Sales%20report%20-%20Dec%202014.pdf>>

³ "Báo cáo bán hàng, tháng 8/2015", VAMA, 08/08/15, p.3. Tham khảo tại < <http://vama.org.vn/Data/upload/files/Document/Thang8-2015/Cover%20Letter%20Sales%20report%20-%20August%202015.pdf>>

⁴ "Diễn đàn Khách hàng ASEAN tại Việt Nam", Baker & McKenzie, 13/03/2015, TPHCM, Việt Nam

⁵ Tính toán dựa trên giá CIF trung bình ở mức 16.950 đô la cho 35.921 chiếc xe nhập khẩu nguyên chiếc – số liệu của VAMA tháng 1-9/2015 – áp dụng thuế nhập khẩu 70%, thuế tiêu thụ đặc biệt 50% và thuế VAT 10% VAT, không bao gồm biên lợi nhuận gộp và thuế thu nhập doanh nghiệp

xuất xứ đối với ô tô, vì có thể có các yêu cầu tương hỗ giữa các nước, quy trình thủ tục hải quan và các rào cản phi thuế quan khác.

Sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của khu vực hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển cho ngành công nghiệp này vì hiện tỷ lệ dân số Việt Nam sở hữu ô tô mới đạt chưa tới 3%. Theo BCT, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đã đáp ứng hầu hết nhu cầu trong nước, 80% nhu cầu xe con và 60% nhu cầu xe tải. Tuy nhiên, Chính phủ kỳ vọng rằng đến năm 2030, số lượng xe con sẽ là 452,000 trong tổng số 863,000 phương tiện; xu hướng người tham gia giao thông chuyển từ sử dụng xe máy sang xe ô tô con vẫn đang diễn ra.⁶ Các phương tiện thân thiện với môi trường sẽ được hưởng chế độ thuế ưu đãi hơn, tuy nhiên khái niệm thế nào là "thân thiện với môi trường" cần phải được định nghĩa rõ ràng và hợp lý đối với các dòng xe con lẫn xe tải.

Nhằm định hướng rõ ràng hơn cho ngành công nghiệp ô tô Việt Nam, tháng 7 năm 2014, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã phê duyệt Quy hoạch Tổng thể mới về phát triển ngành công nghiệp ô tô đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, trong đó đề ra mục tiêu đạt 227.500 xe vào năm 2020, tăng lên 466.400 xe vào năm 2025 và 1.531.400 xe vào năm 2035.⁷ Chính phủ cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của xe tải đối với phát triển công nghiệp nước nhà, tập trung đáp ứng nhu cầu trong nước về xe tải, xe buýt và các phương tiện chuyên dụng. Xe tải được xem là phương tiện giao thông hỗ trợ sản xuất trong nước, do đó không bị hạn chế sử dụng; dòng xe này cũng không bị áp thuế tiêu thụ đặc biệt. Hiện tại thuế nhập khẩu xe lắp ráp trong nước (CKD) là 10%-12% (PxP). Thuế áp dụng với xe tải nhập khẩu nguyên chiếc ≥ 10 tấn lên đến 30%, và < 10 tấn là 50%-70%. Phí trước bạ tương đối thấp, ở mức 2% (thuế trước bạ với xe ô tô con ở mức cao: từ 10% đến 12%), do đó, xe tải ở Việt Nam có giá phải chăng.

Đối với hoạt động sản xuất xe buýt và giao thông công cộng, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng mới đây đã phê duyệt Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg tháng 5 năm 2015 về phát triển xe buýt đô thị.⁸ Đây có thể được xem như là giải pháp phát triển giao thông công cộng tại Việt Nam. Theo Quyết định, ngoài trợ giá áp dụng cho các đơn vị vận hành xe buýt, hoạt động sản xuất xe buýt đô thị cho các dự án giao thông công cộng sẽ được miễn thuế nhập khẩu linh kiện. Nhìn chung, xe buýt > 24 chỗ được miễn thuế tiêu thụ đặc biệt, xe buýt 16-23 chỗ chịu mức thuế lên đến 15%. Thuế nhập khẩu xe nguyên chiếc là 70%. Phí trước bạ là 2%.

Chính phủ nhấn mạnh nhu cầu hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp ô tô. Chính phủ Việt Nam cũng ghi nhận sự cần thiết phải quy hoạch và phát triển hạ tầng đô thị để đáp ứng nhu cầu sử dụng ô tô của người dân và sự cần thiết phải phát triển hạ tầng giao thông cũng như yêu cầu về bảo vệ môi trường.

EuroCham đánh giá cao việc Việt Nam đã thực hiện theo một số khuyến nghị được nêu trong chương về ô tô lần đầu xuất hiện trong ấn bản Sách Trắng năm 2011. Sách Trắng năm 2016 sẽ tập trung phân tích những vấn đề trọng điểm mới.

I. YÊU CẦU HÀNH CHÍNH

Bộ ngành liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT)

1. Thời gian chờ giải phóng hàng tạm thời

Mô tả vấn đề

Hải quan Việt Nam quy định thời gian giải phóng hàng tạm thời tới kho của đơn vị nhập khẩu tối đa là 30 ngày. Đây là khoảng thời gian rất ngắn để doanh nghiệp phía Nam hoàn tất thủ tục cấp chứng nhận cho xe nhập khẩu nguyên chiếc (mẫu mới). Thông thường, nếu không có vấn đề gì đặc biệt phát sinh, đơn vị nhập khẩu cần 32 ngày (24 ngày làm việc) để có được báo cáo kiểm định chất lượng quốc gia/chứng nhận hợp chuẩn để hoàn thành thủ tục cấp chứng nhận cho xe nhập khẩu nguyên chiếc mẫu mới.

⁶ Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quyết định số 1121/QĐ-TTg 24/07/2014

⁷ Quyết định số 1168/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 16/7/2014, phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

⁸ Thủ tướng duyệt Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg tháng 5 năm 2015 về phát triển xe buýt đô thị

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi hiểu rằng Việt Nam đang xây dựng chương trình Hải quan một cửa quốc gia và Hải quan điện tử là một phần thuộc chương trình này. Chúng tôi đánh giá cao và ủng hộ nỗ lực cải cách hành chính mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Tuy nhiên vì dự án vẫn chưa được thực hiện đầy đủ nên doanh nghiệp vẫn gặp rủi ro chịu phạt quá hạn của Hải quan.

Kiến nghị

- Chúng tôi kiến nghị Hải quan Việt Nam kéo dài thời gian chờ thêm 30 ngày để hoàn tất thủ tục cấp chứng nhận trong giai đoạn quá độ chuyển đổi sang chương trình Hải quan một cửa quốc gia.

2. Mã Hệ thống hài hoà áp dụng cho sản phẩm trong quá trình khai báo hải quan

Mô tả vấn đề

Có những trường hợp diễn giải sai mã Hệ thống hài hoà (HS) giữa đơn vị nhập khẩu và cán bộ hải quan.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong quá trình khai báo hải quan, mã HS được quyết định kể cả trong trường hợp không có tiền lệ/cơ sở dữ liệu tham khảo cho đơn vị xuất khẩu. Trên thực tế, trong trường hợp có diễn giải sai, Hải quan sẽ chỉ định bên thứ ba kiểm tra và quyết định mã HS. Đây là một quá trình không chỉ tốn kém về tiền bạc mà cả về thời gian.

Kiến nghị

- Hỗ trợ đơn vị nhập khẩu xác định mã HS và thuế nhập khẩu chính xác. Chúng tôi kiến nghị Hải quan Việt Nam mở cơ sở dữ liệu để chúng tôi tham khảo cho những trường hợp tương tự. Đồng thời, chúng tôi rất mong cán bộ hải quan cung cấp bằng chứng và giải thích của đơn vị kiểm tra khi xác định mã HS.

3. Xe tải và xe buýt hết hạn

Mô tả vấn đề

Theo Cục Đăng kiểm Việt Nam, đến tháng 1 năm 2016, sẽ có khoảng 21.000 xe tải và xe buýt hết hạn. Theo số liệu lũy kế cho giai đoạn từ cuối năm 2014 đến tháng 1 năm 2016, tổng số phương tiện hết hạn là 118.550 chiếc. Để tuân thủ với quy định của Chính phủ, chủ sở hữu phương tiện sẽ phải nộp lại sổ đăng ký xe và biển số cho cơ quan chức năng. Kể từ ngày hết hạn, phương tiện không được phép lưu thông trên đường.⁹

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Một số xe không được chứng nhận có thể gây rủi ro đáng kể cho người dân vì khả năng gây tai nạn và ô nhiễm môi trường quá mức cho phép.

Kiến nghị

- Chúng tôi rất mong thủ tục kiểm tra xe hết hạn ở Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ được đơn giản hoá. Chúng tôi đánh giá cao sự hỗ trợ kiểm tra phương tiện hết hạn trên trang web của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Về vấn đề này, chúng tôi kiến nghị Chính phủ tiếp tục nỗ lực thúc đẩy và tăng cường giám sát thực thi về mặt pháp lý.

⁹ "Làm thế nào để tránh tình trạng xe hết hạn lưu thông trên đường", *Tạp chí Giao thông*, 6/10/15. Tham khảo tại <http://www.vr.org.vn/tintuc/chitiettin.aspx?id_news=4314&id=DBO>

II. VẤN ĐỀ THUẾ

Bộ ngành liên quan: Bộ Tài Chính (BTC), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT)

1. Thuế tiêu thụ đặc biệt – Cơ sở tính toán mới

Mô tả vấn đề

Đầu năm 2015, các nhà lắp ráp trong nước kiến nghị lên Cơ quan thuế Việt Nam về sự công bằng trong việc áp dụng mức thuế tiêu thụ đặc biệt cho xe nhập khẩu nguyên chiếc (CBU) so với xe lắp ráp trong nước (CKD). Giữa năm 2015, Cơ quan thuế Việt Nam quyết định thay đổi cách tính bằng cách không chỉ áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt với đơn vị nhập khẩu mà cả với đại lý bán xe trên giá bán lẻ nếu đại lý bán xe là một thực thể độc lập của đơn vị nhập khẩu. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2015, các nhà nhập khẩu vẫn chưa nắm rõ cách tính mới chính xác mặc dù cách tính mới dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc thiếu hướng dẫn về cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt mới gây khó khăn cho các đơn vị nhập khẩu trong việc tính toán giá bán lẻ đáng tin cậy vào cuối năm 2015 cho khách hàng đặt xe giao trước Tết năm 2016. Thời gian kể từ khi đặt hàng đến khi giao hàng cho mẫu xe nhập khẩu nguyên chiếc mới nhanh nhất là 4 tháng, vì vậy, thiếu cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt rõ ràng để xác định giá bán lẻ tin cậy được triển khai ngay từ tháng 1 năm 2016 sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong giai đoạn hàng đang bán chạy.

Kiến nghị

- Đại diện cho các đơn vị nhập khẩu tại VIMS 2015 đề xuất Cơ quan thuế Việt Nam trì hoãn thời gian áp dụng cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt mới sang tháng 7 năm 2016 khi thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt mới đến hạn thay đổi. Điều này sẽ dễ dàng hơn cho tất cả các bên trong việc thực hiện và cho phép Cơ quan thuế Việt Nam có đủ thời gian để trao đổi thông tin với đơn vị nhập khẩu và đơn vị lắp ráp trong nước, điều chỉnh và áp dụng phương thức tính thuế tiêu thụ đặc biệt. Ví dụ, năm 2012, thuế trước bạ ở miền Bắc Việt Nam tăng từ 15% lên 20% giá trị xe. Mức tăng phí trước bạ 5% khiến thị trường sụt giảm 50%. Doanh thu thuế trong năm này đạt mức tối thiểu.

2. Thuế tiêu thụ đặc biệt - Thuế suất đề xuất

Mô tả vấn đề

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt được đề xuất trong kỳ họp Quốc hội Việt Nam tháng 10 năm 2015.

Bảng 4: Thuế Tiêu thụ Đặc biệt

	Phân khúc	Luật thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành	Đề xuất của Chính phủ lên Quốc hội		
			Từ 1/7/2016	Từ 1/1/2018	Từ 1/1/2019
Xe dưới 24 chỗ (Diesel & xăng)	Dưới 9 chỗ				
	≤ 1,5l (*)				
	≤ 1,0L	45%	40%	30%	20%
	≤ 1,5L		40%	35%	25%
	> 1,5L to ≤ 2,0L		45%	40%	30%
	> 2,0L to ≤ 2,5L	50%	50%		
	> 2,5L to ≤ 3,0L	50%	50%	55%	60%
	Trên 3,0L				
	≤ 4,0L	60%	90%		
	≤ 5,0L		110%		
	≤ 6,0L		130%		
	> 7,0L		150%		
	Từ 10 chỗ đến 15 chỗ	30%	15%		
	Từ 16 chỗ đến 23 chỗ	15%	10%		
	Phương tiện chuyên chở hàng hoá và hành khách				
≤ 2,5L	15%	15%			
≤ 3,0L		20%			
> 3,0L		25%			
Xe dưới 24 chỗ Nhiên liệu hỗn hợp/xe điện	Xe dùng xăng với điện, nhiên liệu sinh học	Thuế suất 70% áp dụng cùng loại	Thuế suất 70% áp dụng cùng loại		
	Xe dùng nhiên liệu sinh học	Thuế suất 50% áp dụng cùng loại	Thuế suất 50% áp dụng cùng loại		
	Xe điện				
	Xe con ≤ 9 chỗ	25%	15%		
	Xe buýt 10-15 chỗ	15%	10%		
	Xe buýt 16-23 chỗ	10%	5%		
	Phương tiện chuyên chở hàng hoá và hành khách	10%	10%		
	Xe - nhà di động	Theo dung tích động cơ, số chỗ	70%	75%	

Nguồn: Trang web của Quốc hội Việt Nam¹⁰

Theo kiến nghị, rõ ràng là cơ quan chức năng Việt Nam ủng hộ nới lỏng hơn với xe có động cơ dưới 2,0 lít, tiêu thụ nhiên liệu hiệu quả và thân thiện với môi trường hơn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trước tình hình thuế nhập khẩu giảm khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do, dự kiến, để có kinh phí cho phát triển hạ tầng, cơ quan chức năng của Việt Nam sẽ cần tăng các loại thuế khác như Thuế tiêu thụ đặc biệt để bù đắp cho phần doanh thu thuế bị giảm đi. Mặc dù đề xuất vẫn chưa được quyết định trong phiên họp này nhưng các nhà đầu tư vẫn quan ngại về tính ổn định và khả năng dự báo về chính sách thuế của Việt Nam. Các đơn vị nhập khẩu thương hiệu cao cấp chủ yếu là ô tô có dung tích động cơ trên 3 lít sẽ phải đối mặt với cạnh tranh bất bình đẳng từ phía các đơn vị nhập khẩu xe đã qua sử dụng. Những đơn vị nhập khẩu xe đã qua sử dụng có thể thông quan các mẫu xe tương tự ở mức giá thấp hơn nhiều để giảm thiểu mức thuế phải đóng. Điều này không phù hợp với mục tiêu tăng doanh thu thuế ban đầu của cơ quan chức năng. Trong trường hợp xấu nhất, những đơn vị nhập khẩu đầu tư vào các thương hiệu cao cấp có thể bị phá sản.

Kiến nghị

- Với số phương tiện lưu thông tại Việt Nam gia tăng trong tương lai, đại diện các đơn vị nhập khẩu tại VIMS 2015 kiến nghị Cơ quan chức năng của Việt Nam áp dụng mức thuế tiêu thụ đặc biệt ưu đãi nhất cho xe ô tô con chạy điện như mức áp dụng cho xe có dung tích động cơ dưới 1 lít nhằm khuyến khích áp dụng công nghệ mới giúp tăng cường bảo vệ môi trường;

¹⁰ Trình dự án lên kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIII, tháng 10 năm 2015, *National Assembly Vietnam*, 2015. Tham khảo tại <http://duthaoonline.quochoi.vn/DuThao/Lists/DT_DUTHAO_LUAT/View_Detail.aspx?ItemID=1150&LanID=1175&TabIndex=1>

- Nhằm tạo môi trường kinh doanh khả thi cho đơn vị đóng thuế của ngành công nghiệp ô tô tăng trưởng, mức tăng thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ nên áp dụng cho phương tiện có dung tích trên 3 lít đồng thời thuế nhập khẩu xe đã qua sử dụng cho loại phương tiện này cũng cần tăng mạnh;
- Vì xe buýt 16-23 chỗ được đánh giá là phương tiện hiệu quả phù hợp với điều kiện đường xá Việt Nam, chúng tôi kiến nghị giảm thuế tiêu thụ đặc biệt xuống còn 5% như đề xuất ban đầu của BTC; và
- Về khung thời gian của kế hoạch kinh doanh, chúng tôi đề xuất gia hạn thời gian hiệu lực thêm 1 năm kể từ ngày phê duyệt luật sửa đổi.

III. TÁC ĐỘNG CỦA TĂNG TRƯỞNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ KHU VỰC ASEAN ĐỐI VỚI NGÀNH LẮP RÁP Ô TÔ VÀ SẢN XUẤT PHỤ TÙNG TẠI VIỆT NAM

Các bộ ngành liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN), Bộ Giao thông Vận tải (Bộ GTVT)

1. Ô tô lắp ráp trong nước và nội địa hoá

Mô tả vấn đề

Theo đánh giá của Tập đoàn Tư vấn Boston (BCG)¹¹, lộ trình mở rộng sản xuất kinh doanh trong chuỗi giá trị của các nhà sản xuất ô tô tuân theo năm bước: từ “đơn vị kinh doanh ở thị trường trong nước” (không tìm kiếm nhà cung cấp, không tiến hành hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D), không sản xuất) đến “đơn vị xuất khẩu” (không tiến hành hoạt động R&D, bắt đầu tìm kiếm nhà cung cấp linh kiện đơn giản, lắp ráp quy mô nhỏ), “đơn vị thăm dò” (không tiến hành hoạt động R&D, có một nhà máy quy trình tổng hợp, tìm kiếm nhà cung cấp các mô-đun nhỏ của ô tô), “kinh doanh ổn định” (tiến hành hoạt động R&D trên quy mô nhỏ, xây dựng một số nhà máy sản xuất ô tô, tìm kiếm nhà cung cấp cho nhiều loại linh kiện, có văn phòng khu vực và kinh doanh tại nhiều thị trường) và “toàn cầu” (tiến hành hoạt động R&D trên quy mô lớn, thiết lập mạng lưới đa quốc gia, có một số nhà máy lớn phục vụ cả các khu vực khác).

Tùy thuộc vào yêu cầu về nội địa hóa, ngành công nghiệp ô tô ở châu Á bao gồm chủ yếu các đơn vị “xuất khẩu” và “thăm dò”. Trường hợp này cũng áp dụng cho Việt Nam với tỷ lệ nội địa hóa ở mức thấp.

Các quy tắc của ASEAN có tác động tới ngành lắp ráp linh kiện và phụ tùng ô tô. Để có thể xuất khẩu sang các nước trong khu vực ASEAN, tỷ lệ nội địa hóa khu vực tối thiểu phải đạt 40% mới đủ điều kiện tham gia Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung của các quốc gia ASEAN (ASEAN Trade In Goods Agreement – ATIGA).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các cơ quan chức năng Việt Nam sẽ tiếp tục rơi vào tình mâu thuẫn nội tại nếu chỉ ban hành những chính sách ưu đãi riêng lẻ với kỳ vọng những chính sách này phù hợp với chiến lược về hội nhập khu vực của từng đơn vị lắp ráp ô tô nước ngoài.

Kiến nghị

- Để tăng tính hấp dẫn cho các đơn vị lắp ráp ô tô trong nước, chúng tôi kiến nghị các cơ quan chức năng xây dựng các cơ chế ưu đãi như hoàn thuế, quyền xuất khẩu, khu dành cho hàng hóa quá cảnh đối với bộ phận, phương tiện và linh kiện – để sản xuất ô tô, đầu tư xây dựng nhà máy và trang thiết bị, và đào tạo tập huấn cho nhân viên.

¹¹ “Beyond BRICs: Winning the rising auto markets”, *Boston Consulting Group*, 22/10/13. Thông tin tại <https://www.bcgperspectives.com/content/articles/automotive_globalization_beyond_bric_winning_rising_auto_markets/>

- Bức tranh toàn cảnh của ngành công nghiệp không chỉ có sự tham gia của các đơn vị trong nước mà còn có các nước ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Cơ quan chức năng Việt Nam nên khuyến khích các đơn vị lắp ráp ô tô trong nước công bố chiến lược vùng của mình để phục vụ cho quá trình thương thảo đôi bên cùng có lợi với cơ quan chức năng. Các nhà sản xuất cần tích cực tìm kiếm nguồn cung cấp linh kiện từ các nước trong khu vực ASEAN để đảm bảo tỷ lệ nội địa hóa khu vực đạt mức 40% để được hưởng lợi từ chính sách này và Việt Nam nhìn chung cũng sẽ được hưởng lợi tương xứng với nền tảng chi phí thấp. BCG nêu trường hợp một nhà sản xuất linh kiện gốc phát triển một mạng lưới cung cấp thông minh trong khu vực ASEAN, bao gồm sản xuất động cơ diesel và trụ lái ở Thái Lan, hộp số và cầu trục trước ở Philippines, động cơ chạy xăng ở Indonesia, bánh lái và bộ điều khiển ở Malaysia. Trong trường hợp điều này chưa thực hiện được, EuroCham khuyến nghị cần thực thi các cam kết trong đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EU-VN FTA) nhằm xoá bỏ các loại thuế thông quan đối với linh kiện bằng việc cắt giảm một loạt các loại thuế nhập khẩu ngay lập tức, theo xu hướng giảm dần với một lộ trình rõ ràng; và
- Tổ chức một cuộc thảo luận mở giữa Chính phủ Việt Nam và khu vực tư nhân, các nhà lắp ráp chủ động tìm kiếm nguồn cấp linh kiện từ các nước trong khu vực ASEAN để đảm bảo tỷ lệ nội địa hoá khu vực đạt mức 40%, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam có thể hưởng lợi từ những cơ hội trong lĩnh vực thương mại khối ASEAN+3. Về lâu dài, Việt Nam cũng sẽ thu hút đầu tư và hoạt động thương mại trong lĩnh vực lắp ráp ô tô.

2. Nhập khẩu các phụ tùng đã tái sản xuất

Mô tả vấn đề

Hiện nay, vẫn chưa có bất kỳ quy định nào định nghĩa về phụ tùng "đã tái sản xuất". Theo Nghị định 187/2013/NĐ-CP¹² (Nghị định 187) quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, phụ tùng ô tô đã qua sử dụng hiện nằm trong danh sách cấm nhập khẩu vào Việt Nam. Tuân thủ theo Thông tư 128/2013/TT-BTC¹³ quy định về thủ tục hải quan với hàng hoá thương mại, Tổng Cục Hải quan cũng xem bất kỳ phụ tùng không còn "mới nguyên" là "đã qua sử dụng" và do đó không cho phép nhập khẩu phụ tùng đã tái sản xuất.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc tái sản xuất giúp tiết kiệm năng lượng, cắt giảm lượng phát thải khí CO², bảo vệ tài nguyên và lợi ích khách hàng cũng như người tiêu dùng tại Việt Nam. Hơn nữa, tái sản xuất tiết kiệm hàng ngàn tấn vật liệu quý và hàng chục ngàn giờ megawatt điện. Nói tóm lại, tái sản xuất giảm gánh nặng về môi trường. Hiện tất cả các nước châu Âu và hầu hết các nước châu Á đã hiểu được tầm quan trọng và ý nghĩa về môi trường của phụ tùng tái sản xuất, và do đó cho phép nhập khẩu và kinh doanh loại mặt hàng này. Điều này cũng đã được chứng minh bởi các nghiên cứu đánh giá vòng đời khác nhau do các tổ chức kiểm định độc lập như "TÜV SÜD" phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

Kiến nghị

- Cho phép nhập khẩu phụ tùng đã tái sản xuất với những định nghĩa rõ ràng; và
- Các phụ tùng đã tái sản xuất chính hãng vẫn có thể đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng như phụ tùng mới. Chúng được sản xuất theo yêu cầu chất lượng nghiêm ngặt và trải qua kiểm tra chất lượng cuối cùng với những tiêu chuẩn tương tự như phụ tùng mới. Hơn nữa, phụ tùng tái sản xuất chính hãng được cung cấp bởi các nhà sản xuất xe có bảo hành như phụ tùng mới, mang lại chi phí thấp hơn cho khách hàng và phù hợp với xu hướng bảo vệ môi trường.

LỜI CẢM ƠN

Các công ty thành viên EuroCham thuộc ngành công nghiệp Ô tô

¹² Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013

¹³ Thông tư số 38/2015/TT-BTC tháng 3/2015

CHƯƠNG 15B NGÀNH CÔNG NGHIỆP XE MÁY

TỔNG QUAN

Ngành công nghiệp xe máy trong những năm qua liên tục đáp ứng trung bình hơn 60% nhu cầu đi lại ở Việt Nam. Theo thống kê, hiện nay Việt Nam có hơn 39 triệu xe máy.¹ Việt Nam cũng đang là thị trường xe máy lớn thứ 4 trên thế giới (sau Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia) và vẫn đang phát triển mạnh mẽ, vững chắc cả về quy mô và chất lượng.² Trong khi ở nhiều quốc gia láng giềng khác, nhu cầu về xe máy đang bão hòa thì ở Việt Nam, nhu cầu về xe máy dự kiến sẽ vẫn cao trong tương lai. Theo thống kê, đã có hơn 2,7 triệu xe máy đã được bán tại Việt Nam trong năm 2014, giảm gần 5% so với 2,8 triệu xe trong năm 2013, nhưng tăng 20% so với 2,26 triệu xe bán ra trong năm 2009.³ Sự sụt giảm này là do những khó khăn về kinh tế dẫn đến nhu cầu tiêu thụ giảm và những động thái mạnh mẽ của Chính phủ nhằm giải quyết tình hình tắc nghẽn giao thông ở các thành phố lớn. Việc tăng thuế và phí áp dụng với xe máy cũng ảnh hưởng đến nhu cầu mua mới.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), hiện có hơn 60 doanh nghiệp tham gia vào ngành công nghiệp xe máy, trong đó có khoảng 50 doanh nghiệp trực tiếp tham gia sản xuất xe máy, còn lại là lắp ráp.⁴ Tuy nhiên, chỉ có khoảng 10 doanh nghiệp trong số đó là đủ mạnh để cạnh tranh trên thị trường, bao gồm cả những doanh nghiệp lớn từ Nhật Bản (Honda, Yamaha và Suzuki), Ý (Piaggio) và Đài Loan (SYM). Khi thu nhập của người dân tăng, nhu cầu về xe máy cũng tăng lên vì gần đây có sự chuyển hướng sang các sản phẩm hiện đại và thời trang hơn, chẳng hạn như xe tay ga. Các dòng xe với các tính năng và thiết kế hiện đại đang được giới thiệu thường xuyên hơn, các nhà sản xuất cũng đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) nhiều hơn.⁵

Nhà máy sản xuất động cơ của Piaggio được công bố đầu tư năm 2012 với công suất tối đa 300.000 xe/năm đã đi vào hoạt động từ đầu năm 2013.⁶ Hơn nữa, vào tháng 11 năm 2014, Tập đoàn Honda Việt Nam đã đầu tư 120 triệu Đô-la Mỹ để đưa vào vận hành nhà máy sản xuất xe máy thứ ba với công suất 500,000 xe/năm.⁷ Những khoản đầu tư và cam kết đó đã đóng góp lớn cho sự phát triển của nền kinh tế trong nước thông qua việc tạo ra việc làm cho người dân, chuyển giao công nghệ, kiến thức và tăng doanh thu. Thị trường xe máy Việt Nam sẽ tiếp tục là ngành công nghiệp đầy hứa hẹn cho các nhà sản xuất với tốc độ tăng trưởng cao cả về doanh thu và doanh số, đặc biệt nếu được hỗ trợ bởi một chiến lược phát triển rõ ràng và minh bạch của Chính phủ Việt Nam.

Trên phương diện đóng góp xã hội, ngành công nghiệp xe máy đã cung cấp và tạo ra số lượng lớn công ăn việc làm cho lao động địa phương. Hơn nữa, ngành công nghiệp này đã và đang thực hiện các hoạt động khác nhau, góp phần phát triển xã hội, đặc biệt là những hoạt động nhằm cải thiện an toàn giao thông đường bộ ở Việt Nam.⁸

Tuy nhiên, chúng tôi mong muốn nêu bật những vấn đề sau đây để Chính phủ xem xét:

¹ Hansen, A, "Hanoi's Looming Traffic Nightmare", *The Diplomat*, 08/09/2014. Tham khảo tại <<http://thediplomat.com/2014/09/hanoi-looming-traffic-nightmare/>>

² "Các nhà sản xuất xe máy cố gắng khôi phục thị trường", *Viet Nam News*, 30/07/2014. Tham khảo tại <<http://vietnamnews.vn/economy/258141/motorcycle-makers-try-to-revive-market.html>>

³ "Các nhà sản xuất không ngại kế hoạch hạn chế xe máy", *Thanh Nien News*, 25/04/2013. Tham khảo tại <<http://www.thanhniennews.com/index/pages/20130425-vietnam-manufacturers-unworried-about-plans-to-limit-motorbikes.aspx>>

⁴ "Việt Nam sẽ trở thành quốc gia sản xuất xe máy lớn", *Uni-Bros*, 06/01/08/ Tham khảo tại <http://www.unibros.com/en/news.php/vietnam_to_become_a_major_motorcycle_exporter?id=4821&cid=4>

⁵ "Xe máy Vespa được Việt hoá như thế nào", *Forbes*, 08/11/2011. Tham khảo tại <<http://www.forbes.com/sites/stephenwunker/2011/11/08/how-the-vespa-became-vietnamese/>>

⁶ "Tập đoàn Piaggio khánh thành nhà máy sản xuất động cơ ở Việt Nam", *The Saigon Times*, 04/03/2012. Tham khảo tại <<http://english.thesaigontimes.vn/22145/Piaggio-launches-motorcycle-engine-plant-in-Vietnam.html>>

⁷ "Tập đoàn Honda Việt Nam khánh thành nhà máy sản xuất xe máy thứ 3 với chi phí 120 triệu Đô-la Mỹ", *TuoitreNews*, 11/11/2014. Tham khảo tại <<http://tuoitrenews.vn/business/23967/honda-vietnam-inaugurates-third-motorbike-plant-at-a-cost-of-120mn>>

⁸ "Số lượng xe máy đăng ký vượt mức dự kiến vào năm 2020", *The Saigon Times*, 06/02/2015. Tham khảo tại <<http://english.thesaigontimes.vn/39463/Number-of-registered-bikes-exceeds-2020-vision.html>> và Le Fevre, J, "Honda Việt Nam trao tặng 30.000 mũ bảo hiểm miễn phí cho trẻ em", *The Establishment Post*, 30/06/2015. Tham khảo tại <<http://www.establishmentpost.com/honda-vietnam-seeks-to-protect-kids-30000-free-helmets/>>

I. ĐẢM BẢO TÍNH ỔN ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ BẢO VỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Bộ ngành liên quan: Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (BTC), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT)

Mô tả vấn đề

Bộ Tài chính (BTC), với vai trò là cơ quan có thẩm quyền, đang tiến hành nhiều hoạt động thanh tra liên quan đến các biện pháp ưu đãi thuế ghi trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Sau khi hoạt động thanh tra kết thúc, cơ quan chức năng có thể ra quyết định rút lại các biện pháp ưu đãi thuế và yêu cầu doanh nghiệp nộp thuế của năm trước. Cơ sở lý giải cho việc này là các biện pháp ưu đãi thuế ghi trong Giấy Chứng nhận Đầu tư không phù hợp với pháp luật và quy định áp dụng hiện hành. Hoạt động này sẽ gây ra tình trạng mất lòng tin và môi trường bất ổn đối với các nhà đầu tư nước ngoài vì có thể khiến các nhà đầu tư cho rằng hoạt động đầu tư của họ tại Việt Nam không được Chính phủ bảo vệ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Khi đầu tư vào Việt Nam, các doanh nghiệp nhận Giấy Chứng nhận Đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký Đầu tư theo Luật Đầu tư mới) cùng các thông tin chi tiết về các biện pháp ưu đãi thuế được cơ quan cấp Giấy Chứng nhận đồng ý trên cơ sở luật pháp và quy định hiện hành. Đây là hồ sơ mang tính chất quyết định cho thấy hoạt động đầu tư đã thỏa mãn các điều kiện được hưởng các biện pháp ưu đãi. Đây không chỉ là kết quả của quy trình xét duyệt chi tiết đối với tất cả các hồ sơ đầu tư do cơ quan cấp phép thực hiện mà còn vì những lý do chính sách. Nếu không có các biện pháp này, nhà đầu tư sẽ không thể đặt lòng tin vào tờ giấy chứng nhận đầu tư, điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng không tốt tới việc đầu tư. Nếu luật pháp có thể hủy bỏ các biện pháp ưu đãi ghi trong giấy chứng nhận đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào thì những chứng nhận như vậy sẽ mất đi giá trị với các nhà đầu tư.

Kiến nghị

- Đảm bảo các quy định phải rõ ràng và minh bạch để bảo vệ các biện pháp ưu đãi đã được cấp trên Giấy Chứng nhận Đầu tư của các dự án đầu tư nước ngoài; và
- Đảm bảo môi trường đầu tư ổn định bằng cách không thay đổi các luật áp dụng cũng như các quy định, chính sách, ưu đãi đã áp dụng lâu dài đối với các nhà đầu tư.

II. THUẾ

Bộ ngành liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT)

1. Thuế Tiêu Thu Đặc biệt (Thuế TTĐB)

Mô tả vấn đề

Theo Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt (Thuế TTĐB) số 27/2008/QH12 được Quốc hội thông qua vào ngày 14 tháng 11 năm 2008 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2009, mức thuế TTĐB 20% được áp dụng cho xe gắn máy trên 125 phân khối.⁹ Bên cạnh đó, theo Luật mới số 70/2014/QH13 sửa đổi một số điều của Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt số 27 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, thuế TTĐB cho xe gắn máy có dung tích trên 125 phân khối vẫn ở mức 20%. Điều này đã gây bất lợi lớn đối với các nhà sản xuất các loại xe gắn máy trên 125 phân khối. Từ năm 2008 đến nay, điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam đã được cải thiện và trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay thì một chiếc xe máy, đặc biệt là loại xe 150 phân khối, không còn được xem là loại hàng hóa xa xỉ mà đơn giản chỉ là một phương tiện giao thông cá nhân phổ biến. Chúng tôi lưu ý rằng việc sử dụng dòng xe tay ga 150 phân khối không khác biệt lớn so với dòng xe tay ga 125 phân khối. Ngoài ra, quy định bằng lái cho xe tay ga 125 và 150 phân khối chưa có sự phân biệt rõ ràng.

⁹ Phân khối dùng để chỉ công suất động cơ

Xe máy có dung tích xi lanh 150 phân khối cũng được nhà sản xuất và khách hàng đánh giá là một phương tiện giao thông sử dụng công nghệ hiện đại, tiện sử dụng. Tuy nhiên, kể từ khi thuế TTĐB được áp dụng, khách hàng đã tỏ ra kém quan tâm hơn đối với dòng xe 150 phân khối vốn trên thực tế là loại phương tiện phù hợp với người châu Á.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi nhận thấy rằng việc áp dụng thuế TTĐB đang tạo áp lực cho các dòng xe sản xuất nội địa và các nhà sản xuất trong nước. Điều này ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và tiềm năng phát triển của ngành công nghiệp xe máy. Nhiều người tiêu dùng Việt Nam sẽ mất cơ hội sở hữu xe tay ga 150 phân khối. Hơn nữa, các nhà sản xuất Việt Nam cũng sẽ nản lòng khi đầu tư và phát triển phân khúc này với công nghệ cao và hiện đại.

Kiến nghị

- Sau khi nghiên cứu những biến chuyển trên, chúng tôi xin kiến nghị Quốc hội/Bộ Tài chính cân nhắc vấn đề này trong quá trình sửa đổi/ban hành mới hoặc sửa đổi Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt theo hướng không nên áp dụng thuế TTĐB cho xe máy từ 150 phân khối.

2. Thuế nhà thầu nước ngoài (FCT) đối với khoản thanh toán quyền sử dụng nhãn hiệu.

Mô tả vấn đề

Trước thời điểm ngày 3 tháng 3 năm 2014, hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu được miễn thuế giá trị gia tăng. Điều này đã được xác nhận trong Công văn số 26948/CT-HTr ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Cục Thuế Hà Nội; Công văn số 4153/TCT-CS ngày 2 tháng 12 năm 2013 của Tổng cục Thuế. Tuy nhiên, đi ngược lại nội dung hướng dẫn trong các văn bản này, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 631/TCT-CS ngày 3 tháng 3 năm 2014 xác nhận rằng hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu là hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng Sở hữu Trí tuệ chứ không phải chuyển nhượng quyền sở hữu các quyền Sở hữu Trí tuệ. Do đó, hoạt động này không được xem là hoạt động “được miễn thuế GTGT” và phải chịu mức thuế suất 5% cho các “hoạt động liên quan đến các quyền Sở hữu Trí tuệ” theo khoản 15, Điều 10 của Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 về thuế GTGT. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ phần trăm thuế giá trị gia tăng áp dụng cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu chưa được hướng dẫn cụ thể trong bất kỳ quy định hiện hành nào về thuế hay trong bất kỳ công văn nào của cơ quan thuế.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Những văn bản hướng dẫn mâu thuẫn và không rõ ràng nêu trên khiến doanh nghiệp khó thực hiện được nghĩa vụ thuế của mình. Bên cạnh đó, các cơ quan/cán bộ thuế khác nhau lại có những cách hiểu khác nhau về quy trình thu thuế dẫn đến các doanh nghiệp thiếu thống nhất trong triển khai áp dụng và khiến nhà đầu tư khó hiểu về chính sách thuế.

Theo Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2012 hướng dẫn về thuế và áp dụng cho các tổ chức và cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 5 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, chúng tôi cho rằng việc áp dụng tỷ lệ phần trăm thuế giá trị gia tăng ở mức 30% cho lĩnh vực kinh doanh “Vận tải, sản xuất, kinh doanh khác” là mức phù hợp nhất đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu căn cứ trên hợp đồng được ký kết trong giai đoạn hiệu lực của Thông tư 60/2012/TT-BTC. Việc phân loại hoạt động này vào nhóm “dịch vụ” sẽ gây mâu thuẫn với mức thuế suất thuế TNDN 5% cho lĩnh vực “dịch vụ” thay vì 10% theo quy định đối với khoản thanh toán quyền sử dụng nhãn hiệu. Ngoài ra, xét về bản chất, đây là hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu chứ không phải hoạt động cung cấp dịch vụ của nhà thầu nước ngoài và phải chịu thuế nhà thầu nước ngoài.

Tương tự, theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2014, thuế suất VAT 2% áp dụng cho “các hoạt động kinh doanh khác” là mức thuế suất hợp lý hơn. Việc thiếu hướng dẫn rõ ràng có thể dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất trong kê khai thuế và áp thuế của đối tượng nộp thuế và các cơ quan thuế địa phương.

Kiến nghị

- Chúng tôi đặc biệt kiến nghị Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chính thức cho đối tượng nộp thuế và các cục thuế về việc áp dụng thuế nhà thầu nước ngoài đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu. Bên cạnh đó, do trước đây đã có những quy định mâu thuẫn và không rõ ràng như chúng tôi đã trình bày ở trên nên chúng tôi đề xuất hướng dẫn này sẽ chỉ có hiệu lực từ ngày ký. Ngoài ra, đối tượng nộp thuế nào đã kê khai thuế VAT là thuế nhà thầu nước ngoài đối với khoản thanh toán chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu sẽ không bị truy thu thuế khi hướng dẫn này có hiệu lực hoặc bị tính lãi suất đối với khoản thuế nộp chậm hoặc bị phạt hành chính tính đến ngày hiệu lực của hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành.

III. KHẢ NĂNG TIẾP CẬN SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TỪ CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Bộ ngành liên quan: Quốc hội, Bộ Công an

Mô tả vấn đề

Việc nắm được các số liệu đăng ký từ Cục Cảnh sát giao thông sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho các nhà sản xuất xe gắn máy. Nếu có được số liệu này, mỗi doanh nghiệp có thể xây dựng một kế hoạch và chiến lược phù hợp với chính sách của Chính phủ về hạn chế lượng xe máy được lưu thông. Tuy nhiên, số liệu của hệ thống hồ sơ đăng ký của Cục Cảnh sát giao thông Việt Nam không được đồng bộ cho cả 63 tỉnh thành và do đó ngành công nghiệp xe máy khó có thể nắm được con số chính thức và đáng tin cậy.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Mặc dù ngành xe máy nhận thức rõ về Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25 tháng 2 năm 2013 (Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam) về hạn chế số lượng xe máy trong lưu thông đường bộ (gọi là "Số xe trong lưu thông" hoặc "UIO") ở mức 36 triệu xe đến năm 2020 nhưng các nhà sản xuất khó có thể điều chỉnh kế hoạch và chiến lược phát triển để phù hợp với chính sách của Chính phủ do số liệu đăng ký thiếu tin cậy. Do đó, việc đánh giá thông tin này đòi hỏi thời gian và các kế hoạch hành động còn hạn chế và chưa hoàn chỉnh. Quy định này đã tạo ra rào cản đối với hoạt động phát triển ổn định và định hướng tương lai chiến lược của ngành xe máy. Tại một số quốc gia (như Nhật Bản, Đài Loan, Ý, Tây Ban Nha, Pháp) thông tin này được công bố công khai hoặc do các cơ quan có thẩm quyền quản lý. Điều này cho phép doanh nghiệp có thể trả phí để tiếp cận nguồn thông tin này phục vụ hoạt động của doanh nghiệp.

Kiến nghị

- Số liệu đăng ký cần được đưa ra khỏi danh mục bảo mật quốc gia vì các doanh nghiệp sản xuất xe máy sẵn sàng trả phí dịch vụ để nắm được những số liệu này; và
- Xem xét việc thuê bên thứ ba thu thập số liệu từ các Phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh và cung cấp thông tin theo yêu cầu của khách hàng. Các doanh nghiệp sản xuất xe máy sau đó có thể nắm những thông tin đã được đồng bộ và tập trung.

LỜI CẢM ƠN

Công ty TNHH Piaggio Việt Nam

CHƯƠNG 16 SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỮA CÔNG THỨC

TỔNG QUAN

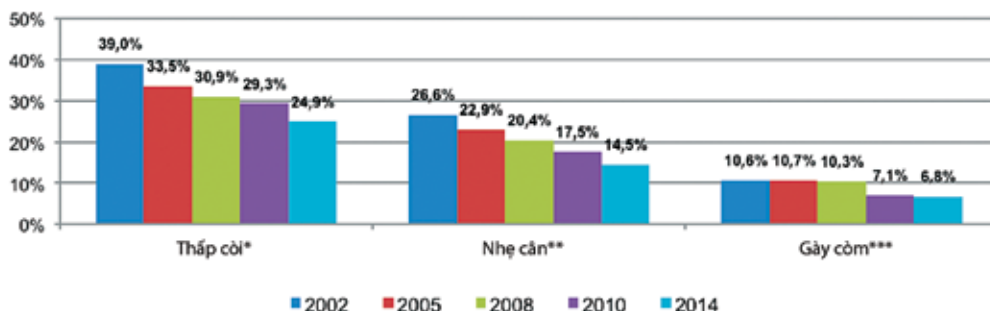
Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc Eurocham (Nutritional Foods Group - NFG) là tổ chức phi lợi nhuận, phi Chính phủ đại diện cho sáu công ty sữa đa quốc gia hàng đầu thế giới có mặt tại Việt Nam. Mục tiêu của NFG là cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người dân Việt Nam. Cùng với Chính phủ, các tổ chức phi Chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự, chúng tôi luôn nỗ lực mang đến những tác động tích cực đối với tình hình dinh dưỡng của người Việt Nam.

Các thành viên của NFG tiếp tục phối hợp cùng các bên cơ quan Chính phủ liên quan nhằm thúc đẩy việc thực hành dinh dưỡng dựa trên cơ sở khoa học cũng như để xây dựng các chính sách và thực hành hiệu quả, bảo đảm rằng người tiêu dùng Việt Nam có thể tiếp cận được với các sản phẩm dinh dưỡng và sữa công thức chất lượng. Các thành viên NFG cam kết tôn trọng các thực hành tốt nhất thế giới của ngành và tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam liên quan để tạo ra một thị trường các mặt hàng sữa và sản phẩm dinh dưỡng có trách nhiệm và bền vững tại Việt Nam. Chúng tôi luôn hướng tới các mục tiêu sau:

1. Phổ biến kiến thức khoa học về dinh dưỡng và xây dựng các chính sách và thực hành hiệu quả về dinh dưỡng an toàn cho người tiêu dùng Việt Nam;
2. Phổ biến tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm cao nhất;
3. Nâng cao đạo đức kinh doanh của ngành thông qua việc tuân thủ cơ chế kiểm soát nội bộ nghiêm ngặt và toàn diện;
4. Đóng góp vào quá trình xây dựng các quy định pháp luật có liên quan dựa trên bằng chứng khoa học; và
5. Tham gia vào các cuộc thảo luận cởi mở với Chính phủ và các bên liên quan nhằm thúc đẩy sự đóng góp của toàn ngành vào nỗ lực nâng cao dinh dưỡng cho người dân Việt Nam của toàn xã hội.

Sự hiện diện của NFG tại Việt Nam và các sản phẩm mà chúng tôi mang đến đã đóng góp đáng kể và trực tiếp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đồng thời, hỗ trợ Việt Nam đạt được và thậm chí là vượt hầu hết các chỉ tiêu đã đề ra trong Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia giai đoạn 2001-2010.

Biểu đồ 12: Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Việt Nam (%)



Nguồn: Báo cáo tóm tắt: Tổng Điều tra Dinh dưỡng năm 2009-2010, Viện Dinh dưỡng Quốc gia – Bộ Y tế phối hợp với Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF); Số liệu Thống kê Suy dinh dưỡng trẻ em năm 2014, Viện Dinh Dưỡng Quốc gia¹

¹ Báo cáo tóm tắt: Tổng Điều tra Dinh dưỡng năm 2009-2010, Viện Dinh dưỡng Quốc gia – Bộ Y tế phối hợp với Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF); Số liệu Thống kê Suy dinh dưỡng trẻ em năm 2014, Viện Dinh Dưỡng Quốc gia

*Suy dinh dưỡng thể thấp còi dùng để chỉ tình trạng không đủ chiều cao theo tuổi dựa trên tiêu chuẩn xác định của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)

**Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dùng để chỉ tình trạng không đủ cân nặng theo tuổi dựa trên tiêu chuẩn xác định của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)

***Suy dinh dưỡng thể gầy còm dùng để chỉ tình trạng thiếu dinh dưỡng cấp tính (trẻ em trong tình trạng này đối mặt với nguy cơ tử vong cao hơn hẳn) dựa trên tiêu chuẩn xác định của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO)

Tính riêng trong 3 năm vừa qua, chúng tôi đã triển khai hơn 20 chương trình trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và từ thiện với quy mô khác nhau trên khắp cả nước. Cụ thể, các thành viên NFG đã có những đóng góp sau:

- ▶ Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm – Các thành viên NFG đã và đang đầu tư hàng trăm triệu Đô-la Mỹ vào các hoạt động sản xuất và phân phối tại Việt Nam. Tính đến thời điểm hiện tại, chúng tôi đang trực tiếp tuyển dụng hơn 8.000 cán bộ nhân viên toàn thời gian trên khắp cả nước, đồng thời tạo ra việc làm cho hàng chục ngàn người lao động thông qua mạng lưới phân phối gồm hơn 50.000 nhà bán lẻ trên khắp Việt Nam.
- ▶ Thúc đẩy giáo dục dinh dưỡng – Tính riêng từ năm 2013 tới nay, các thành viên NFG đã phối hợp với Viện Dinh dưỡng Quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường tiểu học và các cơ quan nhà nước, tổ chức khác để nâng cao kiến thức dinh dưỡng cho hơn 15.000 em nhỏ và gia đình.
- ▶ Nâng cao năng lực ngành y tế – Các thành viên NFG đã đồng hành cùng Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức y tế khác của Việt Nam tiến hành tập huấn và nâng cao nghiệp vụ cho gần 3.000 nhân viên y tế và chuyên gia dinh dưỡng trong các lĩnh vực nuôi con bằng sữa mẹ, dinh dưỡng lâm sàng và các bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh. Ngoài ra, cùng với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, chúng tôi đã phân phát các tài liệu giáo dục về nuôi con bằng sữa mẹ và tiếp cận được hơn trên 150.000 người để phổ biến những kiến thức thiết yếu về nuôi con bằng sữa mẹ.
- ▶ Cải thiện thu nhập và nâng cao năng lực cho nông dân – Với mục tiêu hỗ trợ ngành nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững trong những năm tới, các thành viên của NFG đã tiếp sức và trợ giúp cho các hộ nông dân nghèo thông qua việc tài trợ bò giống cho dự án Ngân hàng bò của Trung ương Hội Chăn nuôi bò Việt Nam cũng như đã tiến hành tập huấn và hỗ trợ giá cây giống năng suất cao cho hơn 21.000 nông dân trồng cà phê ở Tây Nguyên.
- ▶ Chia sẻ với những trẻ em kém may mắn – Tính riêng từ năm 2013 đến nay, các công ty thuộc NFG đã trao tặng hơn 500.000 suất sữa cho hơn 100.000 em nhỏ kém may mắn. Chúng tôi cũng đã tài trợ phòng máy tính cho hơn 10 trường tiểu học trên 5 tỉnh, thành, cũng như đã quyên góp tiền học và phí bảo hiểm y tế thường niên cho các em. Thông qua các chương trình hỗ trợ y tế, NFG đã giúp cứu sống hơn 100 trẻ nhỏ mắc bệnh rối loạn chuyển hóa bẩm sinh.

Trong tương lai, chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục duy trì các cuộc thảo luận với Bộ Y tế và các bên liên quan khác nhằm phát huy các thành quả đã đạt được trong công cuộc phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em. NFG sẽ tiếp tục hợp tác với các cơ quan Chính phủ và các tổ chức phi Chính phủ chuyên trách để thực hiện các chương trình nghiên cứu và tập huấn cho các chuyên gia y tế, các cán bộ tuyên truyền ở địa phương, cũng như triển khai các chương trình nâng cao nhận thức cho các bà mẹ và người chăm sóc trẻ về dinh dưỡng tối ưu đối với trẻ nhỏ.

I. NÂNG CAO VIỆC THI HÀNH CÁC QUY ĐỊNH VỀ TIẾP THỊ SẢN PHẨM DINH DƯỠNG DÀNH CHO TRẺ NHỎ

Bộ ngành liên quan: Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Từ năm 2000 đến nay, Chính phủ Việt Nam đã liên tục ban hành và cập nhật các quy định pháp luật liên quan đến việc quảng cáo và tiếp thị các sản phẩm thực phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ. Cụ thể, Luật Quảng cáo năm 2012 và Nghị định 100/2014/NĐ-CP (Nghị định 100) ngày 06/11/2014 quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo đã mở rộng phạm vi cấm quảng cáo đối với "sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ" cho trẻ đến 24 tháng tuổi cũng như đưa ra nhiều hạn chế hơn đối với các hoạt động quảng cáo, tiếp thị sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ², qua đó hạn chế việc tiếp cận thông tin từ phía các bậc cha mẹ và người chăm sóc trẻ.

² Xem Điều 6 và khoản b Điều 11, Nghị định 100

Lợi ích/ quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các hành vi tiếp thị và phân phối có trách nhiệm cho phép người tiêu dùng, các nhân viên y tế và công chúng tiếp cận được với thông tin chính xác và có cơ sở khoa học. Các thông tin này cũng có vai trò hỗ trợ các bậc cha mẹ khi đưa ra quyết định lựa chọn thực phẩm dinh dưỡng và lành mạnh cho trẻ, đồng thời thúc đẩy việc sử dụng một cách phù hợp và an toàn các sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ nhỏ không được bú mẹ hoàn toàn.

Mặc dù Nghị định 100 nhằm mục đích củng cố việc quản lý ngành một cách hiệu quả, văn bản này đã đem lại một số tác động không mong muốn và có thể gây bất lợi cho người tiêu dùng. Ví dụ, đối với các sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ, thông tin cơ bản về sản phẩm (là thông tin mà người tiêu dùng có quyền được biết) đôi lúc lại bị xem là quảng cáo và không được cung cấp cho người tiêu dùng tham khảo trên trang mạng điện tử của các doanh nghiệp. Việc thiếu thông tin cơ bản về sản phẩm như vậy đồng nghĩa với việc người tiêu dùng Việt Nam có rất ít các kênh thông tin chính thống để làm cơ sở đánh giá về chất lượng sản phẩm và tìm hiểu về hướng dẫn sử dụng.

Các thành viên NFG cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Việt Nam và quốc tế về tiếp thị có trách nhiệm, bao gồm Bộ quy tắc quốc tế về Tiếp thị các sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ do Tổ chức Y tế Thế giới ban hành. Các nỗ lực của chúng tôi được thể hiện trong Bộ quy tắc ứng xử riêng của nhóm³ đã được ban hành vào năm 2012. NFG đã cập nhật Bộ quy tắc ứng xử này cùng các hoạt động tuân thủ pháp luật khi Nghị định 100 được ban hành vào ngày 06/11/2014 thay thế cho Nghị định 21/2006/NĐ-CP và có hiệu lực từ ngày 01/03/2015.

NFG đã đóng vai trò tích cực trong việc củng cố các hoạt động tuân thủ pháp luật của ngành. Thông qua Bộ quy tắc ứng xử của NFG, các công ty thành viên đã thực hiện giám sát chéo và đôn đốc nhau tuân thủ các quy định pháp luật bằng cơ chế tự quản nội bộ. Kinh nghiệm 3 năm vừa qua cho thấy Bộ quy tắc ứng xử đã đóng vai trò đáng kể trong việc thúc đẩy các hành vi kinh doanh và tiếp thị có trách nhiệm của các công ty thành viên. Bộ quy tắc ứng xử đã mang lại các kết quả đáng khích lệ và giúp nâng cao nhận thức và hiểu biết của các công ty thành viên về các quy định và chính sách pháp luật liên quan tới ngành.

Kiến nghị

Các thành viên của NFG xin đưa ra những đề xuất sau:

- Chúng tôi khuyến khích việc áp dụng một bộ quy tắc gồm các thông lệ tốt nhất cho toàn ngành, giống như Bộ quy tắc ứng xử và các tiêu chuẩn tuân thủ pháp luật của NFG.
- Các cơ quan Chính phủ có thẩm quyền cần phải theo dõi sát sao diễn biến tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ để đảm bảo rằng việc thực thi Nghị định 100 có hiệu quả và không tạo ra tác động tiêu cực gây nên bởi việc giới hạn các thông tin cơ bản về sản phẩm.
- Các cơ quan Chính phủ liên quan nên xây dựng và củng cố một kênh thông tin chính thức, đảm bảo rằng các thông tin chính thức và chính đáng về sản phẩm, bao gồm thông tin về chất lượng và hướng dẫn sử dụng, luôn sẵn có cho người tiêu dùng tiếp cận và đồng thời không vi phạm các quy định về quảng cáo.

II. BÌNH ỔN GIÁ SẢN PHẨM SỮA DÀNH CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI

Bộ ngành liên quan: Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Từ năm 2010 đến nay, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm kiểm soát giá thị trường. Gần đây nhất, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 1079/QĐ-BTC ngày 20/05/2014 quy định chi tiết việc áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (Quyết định 1079) và Quyết định 857/QĐ-BTC ngày 12/05/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 1079, theo đó, thực hiện giá bán tối đa đối với sản phẩm sữa cho trẻ em dưới 06 tuổi từ ngày 01/06/2014 tới hết ngày 31/12/2016.

³ "Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham", *EuroCham*, 2015. Xem tại <http://www.eurochamvn.org/Sector_Committees/Nutritional_Foods_Group>

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Chúng tôi quan ngại rằng việc nhà nước can thiệp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thông qua các biện pháp hành chính như áp đặt giá bán tối đa không chỉ tác động tới kết quả hoạt động ngắn và trung hạn của doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến thương mại và triển vọng đầu tư trong dài hạn nói chung. Việc Chính phủ đưa ra các quy định can thiệp vào quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp sẽ là một lời cảnh báo đáng lo ngại về một môi trường đầu tư chưa thực sự ổn định, thân thiện và hội nhập của Việt Nam, đồng thời đi ngược lại với chủ trương hoàn thiện nền kinh tế thị trường của Chính phủ.

Các chính sách này cũng ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của ngành. Sau khi Quyết định 1079 được ban hành, thị trường sữa công thức cho trẻ em dưới 06 tuổi đã sụt giảm 11% về số lượng so với năm trước.⁴ Nguyên nhân của sự sụt giảm này có thể là do biện pháp giá tối đa đã có ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi mua sắm của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, có đến 60% người dân cho rằng họ không hưởng lợi hoặc hưởng lợi rất ít từ các biện pháp can thiệp vào giá sữa của Nhà nước.⁵ Thực trạng này cùng với xu hướng tăng giá nhẹ của các sản phẩm sữa thuộc phân khúc bình dân kể từ khi biện pháp bình ổn giá được áp dụng cho thấy chính sách này đã không mang lại tác động nhân đạo dự kiến là giảm giá sản phẩm sữa để hỗ trợ người tiêu dùng có thu nhập thấp. Bên cạnh đó, trong khi Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia thừa nhận tầm quan trọng của các sản phẩm sữa và khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm này để cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em Việt Nam, việc doanh thu sữa bột sụt giảm tới 11% có thể là dấu hiệu cho thấy trẻ em Việt Nam đã tiêu thụ ít sữa và bổ sung được ít dưỡng chất hơn. Điều này sẽ tác động tiêu cực và trực tiếp tới việc hoàn thành các mục tiêu về cải thiện thể trạng của trẻ em Việt Nam trong Chiến lược Dinh dưỡng Quốc gia.

Hiện trên thị trường có hơn 700 sản phẩm khác nhau, chia thành 3 phân khúc khác nhau (cao cấp, trung bình và bình dân). Việc phân nhóm như vậy giúp đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Theo số liệu thống kê của công ty nghiên cứu thị trường AC Nielsen được công bố vào tháng 7 năm 2015, giá sữa trung bình ở phân khúc cao cấp tại Việt Nam tương đồng với giá sữa cao cấp tại các quốc gia trong khu vực có điều kiện kinh tế và đặc tính thị trường tương đương như Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Phi-líp-pin với mức độ khác biệt chỉ là 1%.

Kiến nghị

Các thành viên của NFG xin đưa ra những đề xuất sau:

- Cho phép quay trở lại với cơ chế giá do thị trường quyết định và không kéo dài thời hạn áp dụng các biện pháp áp đặt giá bán tối đa hiện hành hoặc không ban hành các biện pháp quản lý giá khác;
- Xác định rõ ràng mục đích và đối tượng thực sự cần hỗ trợ từ công tác bình ổn giá của Nhà nước;
- Sửa đổi và làm rõ các điều khoản chưa rõ ràng và thiếu nhất quán trong Luật Giá và văn bản hướng dẫn liên quan, bao gồm các trường hợp cần thực hiện bình ổn giá ("giá tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý so với mức tăng hoặc giảm giá do tác động của các yếu tố hình thành giá") để việc can thiệp của Nhà nước vào giá có cơ sở vững chắc hơn;
- Trong trường hợp cần thiết, chỉ áp dụng các biện pháp bình ổn giá trong một khoảng thời gian giới hạn nhất định và đối với các sản phẩm thiết yếu "đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người" như quy định trong Luật Giá. Đối với thị trường sữa công thức, Chính phủ không nên kiểm soát giá bán của các sản phẩm ở phân khúc cao cấp và trung bình, mà chỉ nên áp dụng biện pháp bình ổn giá lên phân khúc thị trường bình dân để đảm bảo khả năng tiếp cận sản phẩm của người tiêu dùng có thu nhập thấp;
- Xem xét việc giảm giá các yếu tố cấu thành giá như thuế nhập khẩu và thuế GTGT như là một phương thức hỗ trợ giảm giá sản phẩm sữa công thức cho trẻ dưới 6 tuổi; và
- Đảm bảo các cơ quan nhà nước thực hiện chính xác và nhất quán Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật, đặc

⁴ "Cơ hội cho ngành hàng sữa bột tăng trưởng tại nông thôn", Nielsen, 26/07/2015. Xem tại <<http://www.nielsen.com/vn/vi/insights/2015/milk-powder-decrease-july-15.html>> và "Powdered milk sales fall in major cities", The Saigon Times, 24/07/2015. Xem tại <<http://english.thesaigontimes.vn/42096/Powdered-milk-sales-fall-in-major-cities.html>>

⁵ Theo Báo cáo Việt Nam chuyển đổi: Thay đổi cảm nhận về nhà nước và thị trường của người Việt Nam năm 2014 do Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam và Ngân hàng Thế giới công bố tháng 7/2015, tr. 35, Hình 16.

biệt là các điều khoản quy định về các trường hợp thực hiện bình ổn giá⁶ và về phương pháp định giá hàng hóa thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá⁷.

III. DẤU ĐỊNH LƯỢNG

Bộ ngành liên quan: Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

Mô tả vấn đề

Luật Đo lường số 04/2011/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/07/2012, quy định các sản phẩm đóng gói sẵn Nhóm 2 phải có dấu định lượng trên nhãn mác.⁸ Đối với các sản phẩm từ sữa, bên cạnh dấu hợp quy được dán trên nhãn sản phẩm theo đúng quy định của Luật Chất lượng Hàng hóa và Sản phẩm⁹, hiện phải dán thêm một dấu nữa lên sản phẩm.

Mặc dù đã có kiến nghị từ phía các ngành hữu quan, ngày 17/12/2013, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 28/2013/TT-BKH&CN quy định kiểm tra nhà nước về đo lường (sau đây gọi tắt là Thông tư 28). Sau đó, ngày 15/7/2014, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 21/2014/TT-BKH&CN (sau đây gọi tắt là Thông tư 21) quy định việc đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc yêu cầu đóng thêm dấu mới lên sản phẩm là một bước thụt lùi từ cơ chế "hậu kiểm" xuống cơ chế "tiền kiểm" mà trong đó các doanh nghiệp phải tuân theo một quy trình phức tạp nhằm xác minh với cơ quan chức năng có liên quan rằng thiết bị đóng gói của họ đang hoạt động bình thường hoặc chỉ cần kiểm tra lại trọng lượng của hàng hóa nhập khẩu.

Việc đóng thêm dấu vào nhãn sản phẩm không chỉ gây tốn kém mà còn tạo ra gánh nặng hành chính chồng chéo cho các doanh nghiệp. Hơn nữa, đối với các sản phẩm hàng hóa nhập khẩu, sẽ phải mất thêm 10 ngày kiểm tra định lượng trước khi được thông quan, làm chậm lại quá trình giao thương xuyên biên giới.

Một ví dụ là các sản phẩm sữa, đối với các sản phẩm này, đơn vị nhập khẩu phải lấy mẫu thực hiện ba loại kiểm tra sau:

- Kiểm tra an toàn thực phẩm với cơ quan chức năng thuộc Bộ Y tế (BYT);
- Kiểm tra vệ sinh thú y với cơ quan chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NNPTNT); và
- Từ tháng 8 năm 2014, kiểm tra định lượng với cơ quan chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN).

Quy trình này sẽ mất rất nhiều thời gian (bảy ngày để kiểm tra an toàn thực phẩm¹⁰, năm ngày để kiểm tra vệ sinh thú y¹¹, và mười ngày để kiểm tra định lượng¹²), và tiền bạc (các công tác kiểm tra này khiến cho quá trình đưa sản phẩm vào thị trường bị chậm lại trong khi thời gian là yếu tố tối quan trọng để đảm bảo chất lượng của các sản phẩm sữa).

⁶ Điều 16, Luật Giá ngày 20/06/2012, và Điều 4, Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ

⁷ Thông tư 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính

⁸ Điểm d khoản 2 Điều 39 của Luật Đo lường ngày 11/11/2011.

⁹ Điểm b khoản 1 Điều 27 của Luật Chất lượng Hàng hóa và Sản phẩm ngày 21/11/2007.

¹⁰ Quyết định số 23/2007/QĐ-BYT ngày 29/03/2007 của Bộ Y tế.

¹¹ Quyết định 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

¹² Thông tư 28/2013/TT-BKH&CN ngày 17/12/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ

Kiến nghị

- › Để duy trì quy trình thủ tục hành chính đơn giản và môi trường kinh doanh bền vững cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, các cơ quan chức năng nên giới hạn tối đa các thủ tục nêu trên hoặc giới hạn danh mục các sản phẩm bắt buộc phải áp dụng dấu định lượng (còn gọi là các sản phẩm "Nhóm 2");
- › Chính phủ nên xem xét việc đơn giản hóa và đồng bộ các yêu cầu về định lượng trên cơ sở "hậu kiểm soát" với việc các doanh nghiệp vi phạm các quy định liên quan sẽ phải chịu chế tài phạt tương ứng;
- › Chính phủ cũng nên xem xét việc thừa nhận dấu định lượng đã có sẵn trên các hàng hóa nhập khẩu và đã được các quốc gia khác công nhận.
- › NFG rất vinh hạnh được có cơ hội chia sẻ kinh nghiệm/quan điểm/phương pháp thực hành tốt nhất của chúng tôi với các cơ quan chức năng nhằm đạt được các kết quả tối ưu cho Chính phủ và ngành.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham

CHƯƠNG 17 DƯỢC PHẨM

TỔNG QUAN

Pharma Group (PG) – Hội các nhà sản xuất dược phẩm dựa trên nền tảng nghiên cứu của nước ngoài hoạt động tại Việt Nam – đại diện cho tiếng nói của ngành dược phẩm phát minh tại Việt Nam và cam kết hợp tác với Chính phủ Việt Nam nhằm đảm bảo người dân Việt Nam được tiếp cận nhanh chóng và bền vững với các loại thuốc mới phát minh có chất lượng cao và an toàn.¹

“Ưu tiên của Pharma Group là nhằm đảm bảo người dân Việt Nam được tiếp cận nhanh chóng và bền vững với các loại thuốc mới phát minh có chất lượng cao và an toàn”

PG rất phấn khởi khi thấy rằng những phát kiến chính sách trong lĩnh vực y tế được ban hành trong thời gian gần đây đã vạch ra cho Việt Nam một hành trình đầy tham vọng. Tuy nhiên, hành trình này cũng có không ít khó khăn phải vượt qua, đơn cử như: khả năng tiếp cận hạn chế đến các dịch vụ y tế ở một số địa phương; tình trạng bệnh viện quá tải; ngành công nghiệp dược trong nước chưa phát triển; khung pháp lý còn nhiều chông chéo không khuyến khích được đầu tư nước ngoài trong bối cảnh Việt Nam đã vươn lên hàng các quốc gia có thu nhập trung bình. Luật Dược mới, cơ chế Đầu thầu minh bạch, các thảo luận Thương mại Tự do đang được xây dựng (Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam - EVFTA, Hiệp định Đối tác Thương mại Xuyên Thái Bình Dương- TPP, Hiệp định FTA giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do Châu Âu - EFTA,...) và sự ra đời của Cộng đồng Kinh tế ASEAN trong thời gian tới đây đều là những cơ hội mở ra một tương lai tươi sáng cho Việt Nam.

PG giữ vững cam kết tiếp tục đồng hành cùng Việt Nam trong hành trình này, và tin rằng kinh nghiệm của chúng tôi từ các quốc gia khác có thể được vận dụng như một sự định hướng hữu ích trong việc thiết lập các giải pháp toàn diện “đôi bên cùng có lợi”, với một mục tiêu rộng lớn là phát triển ngành y tế và ngành dược với tiêu chuẩn cao, lấy người bệnh làm trung tâm, nhất quán với tầm nhìn của Thủ tướng Chính phủ.² Các quan điểm và kiến nghị được trình bày trong chương này đều dựa trên những đối thoại và hợp tác trên tinh thần xây dựng giữa PG với Chính phủ Việt Nam, cụ thể là với Bộ Y tế (BYT) và Cục Quản lý Dược (Cục QLD).

PHARMA GROUP – NÂNG CAO NHẬN THỨC VÌ TƯƠNG LAI

Thành viên của PG là những đơn vị then chốt trong việc tổ chức đào tạo thường xuyên cho những người làm công tác y tế, với những chương trình tiếp cận 220.000 người tham gia và khoản đầu tư 340 tỷ VNĐ cho thông tin y khoa để phát triển một hệ thống y tế theo tiêu chuẩn cao.

Nguồn: Nghiên Cứu Giá Trị 2015 của Pharma Group

Tóm tắt các kiến nghị trong chương này:

- 1. Tiếp cận nhanh chóng của người bệnh với dược phẩm** – Người bệnh Việt Nam được tiếp cận nhanh chóng và bền vững với các loại thuốc mới phát minh phù hợp với khung thời gian tại các quốc gia ASEAN khác. Thiết lập một quy trình đăng ký thuốc với hiệu suất cao hơn, loại bỏ yêu cầu thủ tục trên lâm sàng trong nước, và một quy trình chi trả bảo hiểm thuốc kịp thời là chìa khóa để cải thiện khả năng tiếp cận thuốc của người bệnh.
- 2. Tiếp cận bền vững** – Cho phép các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (Foreign Invested Enterprises - FIEs) tham gia bình đẳng với các doanh nghiệp trong nước trong Mua sắm Công nhằm đáp ứng nhu cầu của một hệ thống y tế hiện đại, đổi mới và phổ biến.
- 3. Hiện diện pháp lý và phát triển ngành công nghiệp trong nước** – Có những hướng dẫn rõ ràng và thực tế cho việc thành lập các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đối với quyền kinh doanh và quyền phân phối đầy đủ cho các doanh nghiệp này. Khuyến khích cho ngành dược phát minh đầu tư vào ngành công nghiệp trong nước, bao gồm chuyển giao công nghệ.

¹ Pharma Group là một Tiểu ban ngành nghề thuộc EuroCham

² Chiến lược quốc gia của Thủ tướng chính phủ về Bảo vệ, Chăm sóc và Cải thiện Sức khỏe nhân dân, 2011 – 2020 với Tầm nhìn tới năm năm 2030 và Chiến lược quốc gia về Phát triển ngành Công nghiệp Dược tới năm 2020 với tầm nhìn 2030

I. TIẾP CẬN NHANH CHÓNG CỦA NGƯỜI BỆNH VỚI DƯỢC PHẨM

Bộ ngành liên quan: Bộ Y tế (BYT), Cục Quản lý Dược (Cục QLD), Bộ Công thương (BCT), và Quốc Hội (QH)

Mô tả vấn đề

Trước khi một doanh nghiệp dược được phép giới thiệu một loại thuốc hoặc vắc-xin mới tới người bệnh, doanh nghiệp phải trải qua quy trình kiểm định khắt khe, bao gồm thử nghiệm lâm sàng. Nhìn chung, thời gian kể từ khi tìm ra một loại hoạt chất mới cho đến khi lưu hành thương mại trên thị trường kéo dài khoảng 10-15 năm. Tuy nhiên, thời gian để người bệnh Việt Nam được tiếp cận với các loại thuốc phát minh mới lại phải kéo dài thêm 5-7 năm nữa, điều này được giải thích rõ hơn dưới đây. Để cải thiện khả năng tiếp cận của người bệnh đến các loại thuốc, cần gỡ bỏ một số rào cản luật định; loại bỏ yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước, rút ngắn quy trình đăng ký thuốc, và thiết lập một hệ thống chi trả bảo hiểm thuốc kịp thời hơn. Những kiến nghị này sẽ không chỉ góp phần cải thiện chất lượng sức khỏe của người dân Việt Nam mà còn giúp thu về một phần trong số 2 tỷ Đô-la Mỹ mà người dân chi cho hoạt động du lịch kết hợp chữa bệnh ở nước ngoài mỗi năm.

Các yếu tố khiến thời gian tiếp cận thuốc mới phát minh ở Việt Nam bị chậm thêm 5-7 năm:

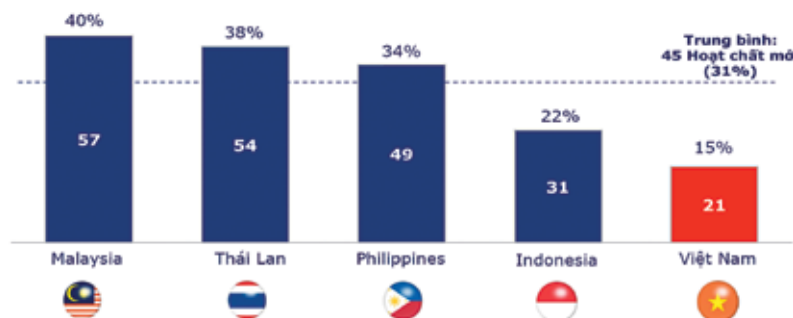
1. Yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước; và
2. Danh sách thuốc được bảo hiểm chi trả không được cập nhật thường xuyên.

Thử thuốc trên lâm sàng trong nước

Nhằm đảm bảo dược phẩm có hiệu lực ở cả 4 nhóm nguyên mẫu chủng tộc trong y khoa, các công ty dược đã phải tiến hành các thử nghiệm lâm sàng trên toàn cầu để đáp ứng các yêu cầu về yếu tố chủng tộc. Việt Nam hội đủ các đặc điểm thuộc nhóm chủng tộc châu Á, có nghĩa là khi đã thử nghiệm lâm sàng toàn cầu trong đó có thành phần châu Á thì thử nghiệm lâm sàng đó hoàn toàn thỏa mãn yêu cầu xét từ góc độ y khoa. Tuy nhiên, hiện Việt Nam vẫn bổ sung yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng hoặc phải chờ 5 năm sau khi đăng ký tại nước xuất xứ. Yêu cầu này khiến khả năng tiếp cận của người bệnh đến các loại thuốc mới phát minh bị kéo dài thêm ít nhất 2,5 - 5 năm.

Nói cách khác, người bệnh Việt Nam được tiếp cận thuốc mới phát minh muộn hơn rất nhiều so với người bệnh ở các nước khác – trên thực tế Việt Nam là quốc gia duy nhất trong khu vực ASEAN đòi hỏi nghiên cứu trong nước khi đăng ký thuốc.³ Sự an toàn của người bệnh là nền tảng cho sứ mệnh toàn cầu của các công ty dược phẩm phát minh. Những thử nghiệm lâm sàng trùng lặp không làm tăng khả năng bảo vệ sự an toàn của người bệnh mà còn cản trở - hay nói cách khác là gây chậm trễ - khả năng tiếp cận thuốc là điều không đem lại lợi ích tốt nhất cho người bệnh. Tình trạng thiếu thuốc mới tại Việt Nam chủ yếu xuất phát từ yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước và thời gian đăng ký lưu hành trên thị trường 2 năm trước khi thuốc được đưa vào danh mục được bảo hiểm chi trả.

Biểu đồ 13: Mức độ sẵn có của 143 thực thể hóa học mới (New Chemical Entities – NCEs) được cho ra thị trường trên toàn cầu trong giai đoạn 2007-11



Nguồn: Nghiên cứu IMS⁴

³ Nghiên cứu IMS: Nâng cao sự tiếp cận của bệnh nhân với thuốc phát minh và chất lượng cao tại Việt Nam, IMS Consulting Group, tháng 5 năm 2015, ủy quyền bởi Pharma Group Việt Nam

⁴ Nâng cao sự tiếp cận của bệnh nhân với thuốc phát minh và chất lượng cao tại Việt Nam, IMS Consulting Group, ủy quyền bởi Pharma Group Việt Nam, tháng 5 năm 2015, trang 13

Quy trình Đăng ký Thuốc (Cấp phép Lưu hành trên Thị trường)

Tất cả các loại dược phẩm, bao gồm thuốc sản xuất trong nước và thuốc nhập khẩu, đều phải có Giấy phép Lưu hành trên Thị trường và số đăng ký (còn được gọi là “số visa”) tương ứng trước khi được đưa vào lưu hành tại Việt Nam. Thời hạn quy định cho việc cấp số đăng ký lưu hành trên thị trường là 6 tháng kể từ khi nộp đúng và đủ hồ sơ đăng ký, nhưng trên thực tế quy trình này có thể kéo dài hơn rất nhiều. Quy định cấp mới đăng ký lưu hành (yêu cầu 5 năm một lần) cũng làm nảy sinh những khó khăn nghiêm trọng bởi hồ sơ đăng ký cấp mới chỉ được phép nộp 12 tháng trước khi giấy phép lưu hành hiện tại hết hiệu lực (đây là một bước tiến lớn trong luật định so với thời hạn 6 tháng trước đây). Tuy nhiên, thời gian gia hạn số đăng ký, trong thực tế, kéo dài từ 18 - 24 tháng, nên các doanh nghiệp buộc phải chấp nhận nhiều rủi ro về tài chính và pháp lý trong thời gian chuyển tiếp này để tiếp tục hoạt động.

Quy trình chi trả bảo hiểm

Sau khi đã được cấp số visa/dăng ký, dược phẩm vẫn chưa đủ điều kiện được bảo hiểm chi trả. Điều này là do Danh mục Thuốc được Bảo hiểm Y tế chi trả (National Reimbursement List - NRL) chỉ được rà soát và điều chỉnh 3 - 4 năm một lần, thời gian cho mỗi lần rà soát điều chỉnh là 2 năm, và trong khoảng thời gian 2 năm này các yếu tố thông tin mới hoặc sản phẩm cấp phép mới đều không được tính đến cho bảo hiểm chi trả. Nhìn chung, một sản phẩm có thể phải chờ 5 - 6 năm để được đưa vào danh mục NRL nếu như sản phẩm đó chưa được cấp số đăng ký vào thời điểm Danh mục được điều chỉnh hoặc sản phẩm sắp hết hạn visa ngay sau khi danh mục NRL mới được ban hành, do đó dẫn tới khoảng thời gian trì hoãn đáng kể trong việc đưa các phương thuốc mới cho người bệnh Việt Nam.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Gỡ bỏ yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước, cải thiện quy trình đăng ký số lưu hành trên thị trường và đẩy nhanh quy trình chi trả bảo hiểm thuốc sẽ giúp hệ thống y tế hiệu quả; giảm gánh nặng hành chính cho Cục Quản lý Dược thông qua việc kiểm nghiệm lâm sàng địa phương không cần thiết - công việc mà các cơ quan chức năng có thẩm quyền đã thực hiện tại các nước khác. Quan trọng hơn là, những chủ trương này sẽ nhất quán với tầm nhìn của Thủ tướng Chính phủ về việc cải thiện khả năng tiếp cận của người bệnh đến các loại thuốc mới có khả năng cứu sống tính mạng cho họ, bởi những bệnh nhân chịu thiệt thòi nhiều nhất do không được tiếp cận các loại thuốc này chính là những người không có điều kiện để đi ra nước ngoài nơi các loại thuốc mới được đưa đến tay người bệnh sớm hơn. Cuối cùng, những chủ trương này cũng phù hợp với các chuẩn mực hiện đang được áp dụng tại các nước ASEAN khác (Cộng đồng Kinh tế ASEAN) và sẽ dẫn tới khả năng thu về những khoản tiền đang được chi cho hoạt động du lịch kết hợp chữa bệnh ở nước ngoài.

Kiến nghị

Thử thuốc trên lâm sàng trong nước: Pharma Group ủng hộ dự thảo Luật Dược sửa đổi theo hướng gỡ bỏ yêu cầu thử thuốc trên lâm sàng trong nước đối với các loại thuốc, sinh phẩm và vắc-xin. Hơn nữa, thời gian tiếp cận với các loại dược phẩm mới sẽ được đẩy nhanh nếu dược phẩm có nguồn gốc từ các nước ICH có thể được cấp visa 5 năm, thay vì thời hạn visa 2 năm thử nghiệm hiện hành.

Quy trình Đăng ký Thuốc: Pharma Group đề xuất cải thiện quy trình đăng ký thuốc thông qua những điều chỉnh sau:

- Áp dụng quy trình đăng ký thuốc hiệu quả hơn;
- Quy trình cần được hợp lý hóa để rút ngắn thời gian chờ đăng ký (trên thực tế) từ 24 tháng xuống còn 6 tháng theo đúng quy định Luật Dược.
- Quy trình đăng ký rút gọn cần được áp dụng cho các loại thuốc chữa các căn bệnh hiếm gặp và các hoạt chất mới giải quyết nhu cầu y tế chưa được đáp ứng ở mức độ cao.
- Việt Nam nên cần nhắc áp dụng các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền về đăng ký thuốc của Hoa Kỳ và Châu Âu để cấp phép lưu hành trên thị trường đối với các loại thuốc mới dựa trên quyết định khả quan đã có trước đó cho các sản phẩm được lưu hành tại Hoa Kỳ, Châu Âu hoặc các thị trường tham chiếu (như Úc, Xinh-ga-po).

- Chấp thuận Giấy Chứng nhận Dược phẩm từ Nước Sản xuất (hoặc từ Nước Tham chiếu và không yêu cầu đưa dược phẩm ra lưu hành tại thị trường Nước Sản xuất). Điều này sẽ tạo điều kiện người bệnh Việt Nam có thể tiếp cận các hoạt chất mới nhanh hơn rất nhiều.

Quy trình chi trả bảo hiểm: Pharma Group đề xuất đưa quy trình ra quyết định chi trả bảo hiểm và quản lý Danh mục Thuốc Thiết yếu Việt Nam về chung một quy trình tập trung, thông suốt. Cụ thể, chúng tôi kiến nghị:

- Tăng tần suất rà soát và cập nhật Danh mục Thuốc được Bảo hiểm Y tế chi trả và Danh mục Thuốc Thiết yếu Việt Nam (tần suất hiện tại là 3 – 4 năm một lần), với các tiêu chí rõ ràng về việc lựa chọn hoạt chất và tỷ lệ chi trả. Nếu được, Danh mục Thuốc được Bảo hiểm Y tế chi trả và Danh mục Thuốc Thiết yếu Việt Nam nên được rà soát hàng năm để kịp thời tận dụng lợi ích từ những loại thuốc mới hoặc dữ liệu mới.
- Tạo điều kiện triển khai tự động danh mục được bảo hiểm chi trả với tốc độ nhanh hơn tại các bệnh viện công.

II. TIẾP CẬN BỀN VỮNG

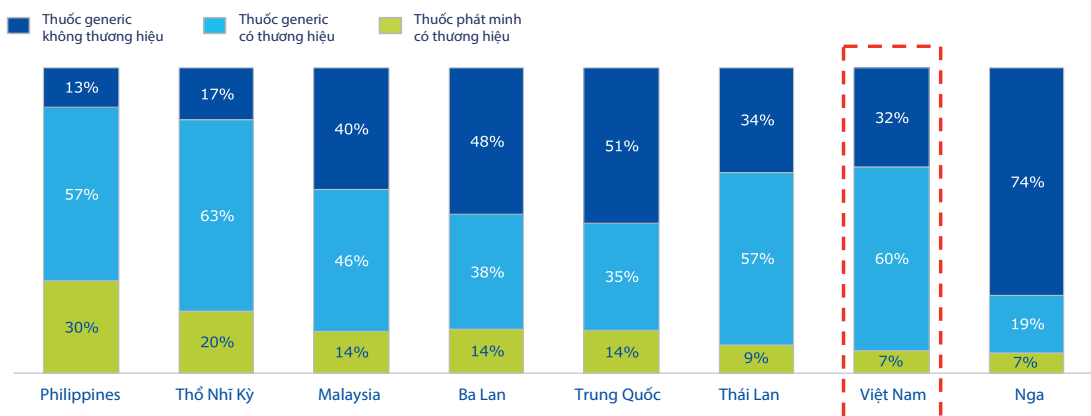
Bộ ngành liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Kế hoạch Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Công thương (BCT), Bộ Khoa học Công nghệ (Bộ KHHCN)

Mua sắm Chính phủ

Mô tả vấn đề

Tổng chi cho y tế tại Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất trong khu vực ASEAN, xét cả về con số tuyệt đối lẫn về mặt chi tiêu tuyệt đối.⁵ Con số này chiếm tỷ lệ cao so với GDP, một xu hướng thường thấy tại các quốc gia mới nổi. Việt Nam đã là một thị trường có mức độ phổ biến thuốc generics ở mức cao, khi 93% nhu cầu Mua sắm Chính phủ được đáp ứng bởi các loại thuốc generics sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

Biểu đồ 14: Thị phần về số lượng của thuốc generic trong kênh bệnh viện ở một số thị trường mới nổi (quý 3, 2014)



Nguồn: Nghiên cứu IMS⁶

Bộ Y tế đang trong quá trình rà soát cơ chế mua sắm Chính phủ - cụ thể là dự thảo Thông tư Liên tịch về Đấu thầu

⁵ Nghiên cứu IMS: Nâng cao sự tiếp cận của bệnh nhân với thuốc phát minh và chất lượng cao tại Việt Nam, IMS Consulting Group, tháng 5 năm 2015, ủy quyền bởi Pharma Group Việt Nam

⁶ Nghiên cứu IMS: Nâng cao sự tiếp cận của bệnh nhân với thuốc phát minh và chất lượng cao tại Việt Nam, IMS Consulting Group, tháng 5 năm 2015, ủy quyền bởi Pharma Group Việt Nam

Thuốc⁷ và Danh mục Thuốc Đầu thầu⁸ - phù hợp với các quy định của Luật Đầu thầu mới (có hiệu lực từ ngày 1/7/2014)⁹. Trong quá trình này, một số vấn đề cần được giải quyết hiệu quả để đảm bảo nguồn cung liên tục và khả năng tiếp cận nhanh chóng đến các loại dược phẩm mới phát minh.

Do doanh nghiệp có vốn đầu từ nước ngoài (FIEs – xem phần dưới đây) hiện không được phép trực tiếp tham gia đấu thầu thuốc tại Việt Nam, nên trên thực tế quy định này sẽ dẫn đến rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực tiễn một số phát kiến để xuất mới, ví dụ như đàm phán giá.

Ngoài ra, việc điều chỉnh cơ chế đấu thầu tạo cơ hội độc nhất vô nhị để khắc phục những hạn chế còn tồn đọng bằng cách đưa vào những định nghĩa cho các thuật ngữ quan trọng như sinh phẩm, tương tự sinh học, v.v. nhằm đảm bảo một khuôn khổ minh bạch và rõ ràng cho tất cả các bên liên quan.¹⁰ Nhất quán với đề xuất này, cần xây dựng những tiêu chí rõ ràng cho việc lựa chọn dược phẩm vào các danh mục đầu thầu cũng như việc xác nhận Thông tư Liên tịch về Lựa chọn nhà thầu trong các cơ sở y tế không đưa “các nhà thuốc dịch vụ tại các bệnh viện” vào phạm vi được coi là “các nguồn thu hợp pháp khác của các cơ sở y tế công lập” để tạo thuận lợi cho công tác triển khai.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Một sân chơi bình đẳng cho việc tham gia đấu thầu công sẽ mang lại cho các cơ quan phụ trách mua sắm nhiều lựa chọn hơn từ góc độ giá cả và chất lượng, góp phần cải thiện và nâng cao hiệu quả chi tiêu ngân sách nhà nước và quỹ bảo hiểm y tế. Hơn nữa, khi giới thiệu và triển khai các cơ chế đấu thầu tập trung và đàm phán giá để xuất, cần chú trọng đảm bảo sự nhất quán trong tiêu chuẩn/chuẩn mực chất lượng trước khi cân nhắc yếu tố giá thuốc để giảm thiểu rủi ro về chất lượng và nguồn cung khi có sự tham gia của khá nhiều nhà sản xuất thuốc generics quy mô nhỏ.

Kiến nghị

Với việc mua sắm chính phủ chú trọng đến mục tiêu đạt được mức giá thấp hơn cho các gói thầu trong thời gian gần đây, Pharma Group kiến nghị cần gia tăng đáng kể những yêu cầu về chất lượng. Cụ thể, chúng tôi kiến nghị Chính phủ áp dụng các chính sách sau:

- Khuôn khổ luật định minh bạch trong Thông tư Liên tịch về Lựa chọn nhà thầu trong các cơ sở y tế mới với các quyết định thỏa đáng dựa trên các tiêu chí có thể xác minh, bao gồm tính chất phát minh, chất lượng, và tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất và triển khai khuôn khổ này ở cấp độ trong nước. Nên cho phép doanh nghiệp tham gia đấu thầu mua sắm chính phủ dựa trên các tiêu chí khách quan, trong đó tiêu chí đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn/chất lượng quốc tế nên là mục tiêu hàng đầu. Khả năng chi trả là một tiêu chí quan trọng đối với các nước đang phát triển. Tuy nhiên, tiêu chuẩn chất lượng cao nên là mục tiêu hàng đầu nhằm đảm bảo sức khỏe và sự an toàn của người dân.
- Đảm bảo một sân chơi bình đẳng thông qua việc cho phép các doanh nghiệp nước ngoài tham gia trực tiếp thay vì lệ thuộc vào các đối tác trong nước – nói cách khác là học tập mô hình sân chơi bình đẳng tại các nước khác. Cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia đấu thầu bình đẳng với các doanh nghiệp Việt Nam, bằng cách gỡ bỏ toàn bộ những rào cản kỹ thuật phân biệt các nhà thầu dựa trên tiêu chí quốc tịch. Do các doanh nghiệp trong nước không đáp ứng được yêu cầu về điều trị quy định trong Luật Đầu thầu, “danh sách thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp” không nên được áp dụng đối với gói thầu thuốc theo tên biệt dược và gói thầu thuốc generics nhóm 1.

Quyền Sở hữu Trí tuệ - Bảo hộ dữ liệu nghiên cứu

Mô tả vấn đề

Nghiên cứu & Phát triển là một khoản đầu tư đáng kể của các công ty sinh học dược phẩm dựa trên nền tảng nghiên cứu. Nếu không có biện pháp phòng vệ thích hợp, các công ty khác sẽ có thể hưởng được lợi thế cạnh

⁷ Dự thảo Thông tư Đầu thầu tham chiếu đến dự thảo Thông tư liên tịch quy định việc lựa chọn nhà cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế

⁸ Dự thảo Danh mục Đầu thầu tham chiếu đến dự thảo Thông tin ban hành danh mục thuốc phải đấu thầu, đấu thầu tập trung và đàm phán giá.

⁹ Luật số 43/2013/QH13 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2013, truy cập tại <http://www.itpc.gov.vn/investors/how_to_invest/law/Law_No.43_2013/view>

¹⁰ Những thư gần đây từ phía Pharma Group: 2407/2015-MOH-MPI-MOF/EUC-PG; 2309/2015/MOH-MPI-MOF/EUC-PG và 0411/2015/MOH-MPI-MOF/EUC-PG

tranh đáng kể bằng cách dựa vào các dữ liệu theo yêu cầu luật định do các công ty phát minh thuốc tạo lập nên. Điều này giải thích sự cần thiết của các quy định vô cùng quan trọng về Bảo vệ Dữ liệu cung cấp theo yêu cầu Luật định (Regulatory Data Protection – RDP). Hiện nay Việt Nam đang quy định bảo vệ dữ liệu RDP trong thời hạn năm năm như một phần của việc thực hiện các nghĩa vụ của Việt Nam theo Hiệp định TRIPS. Tuy nhiên, ngay cả khi về mặt lý thuyết, các doanh nghiệp có khả năng đăng ký Bảo vệ Dữ liệu, thì trên thực tế điều này rất ít khi được thực hiện do những nguyên nhân sau:

1. Gánh nặng thời gian (do thủ tục khác và tách riêng với thông lệ đăng ký thông thường)
2. Để đủ điều kiện được bảo vệ dữ liệu tại Việt Nam, dữ liệu phải được bảo mật cho đến thời điểm đăng ký bảo vệ dữ liệu. Điều này không phải lúc nào cũng khả thi do việc cung cấp, tiết lộ dữ liệu là một thông lệ ngành phổ biến - và đôi khi được pháp luật yêu cầu (ví dụ như ở Liên Minh Châu Âu và Hoa Kỳ). Do đó, theo chúng tôi được biết thì hiện chưa có thành viên nào của Pharma Group nhận được thư chấp thuận Bảo vệ Dữ liệu.

Nhãn hiệu thương mại

Quyền sở hữu trí tuệ của các doanh nghiệp dược – đặc biệt là nhãn hiệu thương mại – đang bị vi phạm tại Việt Nam, và một số thuốc đang có mặt trên thị trường lại là thuốc giả.¹¹

1. Một lần nữa, gánh nặng giám sát thị trường và cảnh báo các cơ quan chức năng hữu quan về những vi phạm quyền sở hữu trí tuệ lại thuộc về chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, cần ghi nhận sự hợp tác đáng hoan nghênh từ các cơ quan thực thi pháp luật và từ Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương (NIDQC) với việc tăng cường kiểm nghiệm sản phẩm. Hơn nữa, các thành viên Pharma Group gần đây đã thắng trong nhiều trường hợp tranh chấp về IP. Đây có thể coi là bước tiến tích cực của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam.
2. Các mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hiện nay là không đủ cao và không phù hợp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nói về Quyền Sở hữu Trí tuệ, việc áp dụng một cơ chế bảo hộ bằng sáng chế, một hệ thống thực thi pháp luật mạnh mẽ, các quy định về Bảo vệ Dữ liệu cung cấp theo yêu cầu Luật định (RDP), và các biện pháp bảo hộ sở hữu trí tuệ khác phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế sẽ giúp tăng cường hệ thống y tế của Việt Nam, tạo ra một môi trường có tính tiên liệu tốt hơn cho hoạt động đầu tư, thúc đẩy phát minh, và giúp giải quyết các vấn đề trọng yếu về sức khỏe do thuốc giả gây ra. Đặc biệt, thuốc giả đặt ra một nguy cơ nghiêm trọng về sức khỏe cộng đồng đối với người bệnh khi họ có thể mua nhầm các loại thuốc không rõ chất lượng hoặc có chất lượng đáng ngờ.

Kiến nghị

- **Quyền Sở hữu Trí tuệ:** Việt Nam nên cam kết thực hiện một cơ chế quy định Bảo vệ Dữ liệu cung cấp theo yêu cầu Luật định (RDP) phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể là cần thiết lập một quy trình sao cho việc cấp quyền bảo vệ dữ liệu RDP này được diễn ra một cách tự động mỗi khi phê duyệt một loại thuốc mà không cần có thêm yêu cầu nào. Nếu việc tiết lộ dữ liệu được thực hiện nhằm tuân thủ một số yêu cầu pháp luật nhất định, hoặc nếu việc tiết lộ dữ liệu được thực hiện trong khuôn khổ quy định của RDP trong một hệ thống pháp chế, thì việc tiết lộ dữ liệu này sẽ không ngăn cản việc bảo hộ dữ liệu tại Việt Nam.

Việt Nam cũng nên nâng cao các tiêu chuẩn thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các thủ tục liên quan, bằng cách khuyến khích đào tạo cho cả thẩm phán và các cơ quan thực thi. Pharma Group mong muốn được làm việc với các cán bộ y tế nhằm nâng cao nhận thức về sự nguy hiểm của thuốc giả và tìm ra phương cách chống lại tình trạng thuốc giả hiện nay. Cuối cùng, các hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm sản xuất, cung cấp, hoặc bán thuốc giả cần được nâng lên mức cao hơn.

¹¹ Tổ chức Y tế Thế giới, FSP Mekong và Viện An Ninh Dược Phẩm

Bảng 5: Việt Nam và việc tuân thủ hiệp định TRIPS

Việt Nam tuân thủ hiệp định TRIPS, nhưng luật dược chưa ưu tiên cho đầu tư nước ngoài

	Malaysia	Thailand	Indonesia	Philippines	Vietnam
1) Tình trạng hiệp định TRIPS	Tuân thủ	Tuân thủ. Thậm chí tiến tới cao hơn TRIPS	Tuân thủ	Tuân thủ	Tuân thủ
2) Số lượng bằng sáng chế năm 2011	6940	6746	5838	2994	3805
3) Số lượng bằng sáng chế theo nước xuất xứ	294	75	17	38	00
4) Quan điểm/ xu hướng cho gia hạn bằng sáng chế	Không được gia hạn?	Chính phủ ủng hộ, mặc dù có ý kiến phổ biến chống lại	Không được gia hạn	Hiện thời không được gia hạn	Không được phép
5) Tình trạng về bảo vệ dữ liệu là gì?	Tài liệu hướng dẫn, 5 năm từ lúc được chấp thuận của nước xuất xứ, 3 năm cho hướng dẫn mới	Giới hạn đối với tiết lộ của quan chức chính phủ. Không được cấp cho chỉ định mới	Chưa kết hợp chặt chẽ		Bảo vệ dữ liệu phải được áp dụng riêng biệt và phải là bí mật thương mại. Tuy nhiên, dữ liệu như vậy vẫn phải được tiết lộ vì cần thiết để bảo vệ cộng đồng theo quyết định của cơ quan cấp phép có thẩm quyền
6) Sự tồn tại của điều khoản Bolar	Điều khoản Bolar tồn tại	Có, về thuốc	Điều khoản Bolar tồn tại	Có, về thuốc	Có, trên tất cả các sản phẩm
7) Liên kết bằng sáng chế	không	không	không	Đang tiến hành năm 2014	không

2. Li do cho thực tiễn:
A.
B.
C.
D.

Nguồn: Báo cáo dự báo thị trường của IMS

Nâng cao sự tiếp cận của bệnh nhân với thuốc phát minh và chất lượng cao tại Việt Nam
4 Tháng 4, 2015

Nguồn: Nghiên cứu IMS¹²

III. HIỆN DIỆN PHÁP LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRONG NƯỚC

Bộ ngành liên quan: Bộ Y tế (BYT), Bộ Công thương (BCT), Bộ Kế hoạch Đầu tư (Bộ KHĐT), Bộ Tư pháp (BTP), Bộ Tài chính (BTC)

Mô tả vấn đề

Thành lập doanh nghiệp đầu tư nước ngoài

Các quy định hiện hành không nêu rõ một Doanh nghiệp Đầu tư Nước ngoài (Foreign Invested Enterprises - FIE) trong lĩnh vực dược có thể thực hiện các chức năng cơ bản mà một doanh nghiệp dược cần phải có khả năng thực hiện để có thể vận hành được hay không. Những chức năng đó là: 1) nhập khẩu sản phẩm của mình; và 2) tiếp thị sản phẩm của mình ra thị trường.

Bộ Y Tế đã có những nỗ lực trong việc làm rõ và hướng dẫn cho ngành công nghiệp dược phẩm, từ năm 2009 đã có 13 dự thảo khác nhau cho một Thông tư hướng dẫn thi hành quyền nhập khẩu/xuất khẩu của các công ty dược phẩm FIEs. Tuy nhiên, các quy định chính thức chưa bao giờ được công bố hoặc ban hành, và ngành công nghiệp dược do đó vẫn chưa có được sự chắc chắn về vấn đề này.

Nghị định 79¹³, quy định chi tiết việc triển khai Luật Dược 2005¹⁴ chỉ bao gồm các quy định cho các công ty dược phẩm nội địa và “văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm tại Việt

¹² Nghiên cứu IMS: Nâng cao sự tiếp cận của bệnh nhân với thuốc phát minh và chất lượng cao tại Việt Nam, IMS Consulting Group, tháng 5 năm 2015, ủy quyền bởi Pharma Group Việt Nam

¹³ Nghị định 79/2006/ND-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 quy định chi tiết việc triển khai một số điều của Luật Dược, sửa đổi năm 2012 (Nghị định 79)

¹⁴ Luật Dược 34/2005/QH11, được thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, truy cập tại http://www.moj.gov.vn/vbqp/en/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6838

Nam¹⁵. Theo Luật, các văn phòng đại diện này không được phép nhập khẩu dược phẩm, buộc các doanh nghiệp nước ngoài phải dựa vào một loạt những dàn xếp phức tạp để các công ty mẹ ở nước ngoài nhập khẩu dược phẩm vào Việt Nam. Theo luật pháp Việt Nam quy định, vai trò của các văn phòng đại diện bị hạn chế rất nghiêm ngặt và bị cấm không được “trực tiếp hiện hiện các hoạt động tạo ra lợi nhuận tại Việt Nam” – ví dụ: không được phép xuất hóa đơn cho đối tác kinh doanh tại Việt Nam – và hệ quả là toàn bộ mọi giao dịch kinh doanh xét về bản chất đều là ở nước ngoài hoặc xuyên biên giới.

Quyền thương mại

Một trở ngại khác cho các công ty dược phẩm bắt nguồn từ việc định nghĩa quá rộng thuật ngữ “phân phối” trong ngành dược¹⁶, trong đó bao gồm các hoạt động tiếp thị và bán lại. Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013 (Thông tư 34), quy định thuốc và vắc-xin là các loại hàng hóa doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FIEs) bị cấm không được phép phân phối. Kết quả là, các doanh nghiệp nước ngoài không thể triển khai các hoạt động thương mại – ví dụ như tiếp thị và bán lại cho các nhà phân phối được cấp phép.

Bảng 6: Quyền nhập khẩu và phân phối – so sánh giữa các quốc gia trong khu vực

Quốc gia	Với tư cách một công ty được nước ngoài, bạn có được phép thành lập thực thể pháp lý tại quốc gia sở tại không?	Nếu có, thì thực thể pháp lý đó có được cho phép thực hiện các chức năng sau đây không?						
		Nhập khẩu/ kinh doanh?	Bán cho các đại lý phân phối được cấp phép	Bán cho các thương nhân	Bán cho các bệnh viện	Phân phối	Quảng bá sản phẩm	Tuyên truyền giáo dục
Việt Nam (hiện đang áp dụng mô hình Văn phòng Đại diện)								
Ma-lai-xi-a					Tới một ngưỡng nhất định			
Phi-líp-pin								
In-đô-nê-xi-a		Chỉ riêng đối với các hoạt chất mới hoặc các sản phẩm không sản xuất được trong nước.						
Hồng Kông								
Đài Loan		Chỉ những đơn vị được cấp giấy phép sản phẩm mới có thể nhập khẩu sản phẩm đó vào Đài Loan.			Với điều kiện các bệnh viện cũng là cơ sở có đăng ký kinh doanh được phẩm		Không được phép thực hiện các hoạt động trực tiếp tới người tiêu dùng	
Xinh-ga-po								
Úc								
Niu Di-lân								

Nguồn: Kết quả Khảo sát Giá trị Pharma Group

¹⁵ Nghị định 79

¹⁶ Theo định nghĩa tại Điều 3, Nghị định 23/2007/ND-CP (Chính phủ, ngày 12 tháng 2 năm 2007), “quyền phân phối” là quyền thực hiện các hoạt động trực tiếp bán buôn, bán lẻ, đại lý mua bán hàng hoá và nhượng quyền thương mại. Pharma Group đề nghị áp dụng toàn phần phạm vi quyền phân phối cho dược phẩm (bao gồm vắc-xin), được định nghĩa là bao gồm “chất hoặc hỗn hợp các chất dùng cho người nhằm mục đích phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh hoặc điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể”. Luật Dược số 34/2005/QH11 (Quốc Hội, ngày 14 tháng 6 năm 2005) (“Luật Dược”), Điều 2.2.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Việc triển khai các cam kết với cộng đồng quốc tế trong việc thành lập các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sẽ làm tăng lòng tin về chất lượng và năng lực vận hành của các doanh nghiệp dược phẩm phát minh đồng thời gia tăng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Nếu các doanh nghiệp có được sự chắc chắn hơn về các quy định pháp lý, thông qua việc triển khai quy định đơn giản và rõ ràng về doanh nghiệp đầu tư nước ngoài cùng với các cơ chế khuyến khích phù hợp, thì mức độ đầu tư nhiều khả năng sẽ tăng vọt, đưa Việt Nam thành một trung tâm tiềm năng cho sản xuất và xuất khẩu dược phẩm trong tương lai của ASEAN. Đầu tư gia tăng cũng sẽ dẫn đến việc tạo thêm nhiều việc làm cao cấp, tăng thu thuế, và tạo ra một ngành y tế lành mạnh với sức cạnh tranh và năng lực xuất khẩu cao.

Kiến nghị

Pharma Group kiến nghị triển khai toàn bộ và hoàn chỉnh các cam kết hiện có của Việt Nam với Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization – WTO) cho phép nhà đầu tư nước ngoài thành lập Doanh nghiệp Đầu tư Nước ngoài (FIEs). Dưới sự điều chỉnh của luật pháp Việt Nam, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài này cần được phép thực hiện các hoạt động được chia thành hai nhóm lớn như sau:

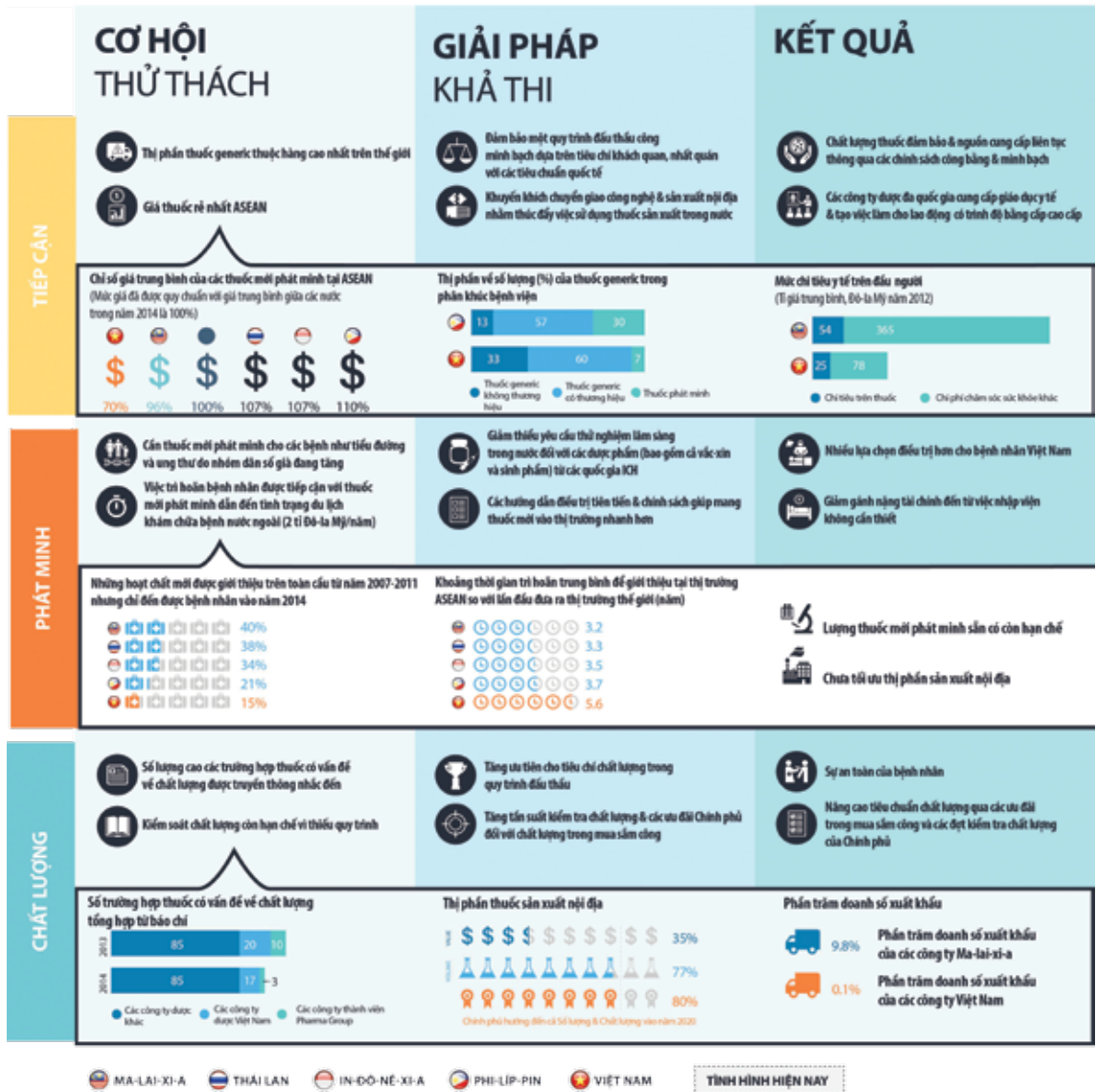
1. Hoạt động thương mại
 - a. Độc lập nhập khẩu thuốc hóa dược và vắc-xin vào Việt Nam;
 - b. Xây dựng nhà xưởng (hoặc sử dụng nhà xưởng của bên thứ ba) để đáp ứng các yêu cầu Thực hành tốt bảo quản thuốc (Good Storage Practice - GSP) tại Việt Nam về lưu trữ, giao hàng và tiến hành các hoạt động kho vận khác liên quan đến dược phẩm nhập khẩu;
 - c. Bán dược phẩm nhập khẩu cho:
 - i. (a) các đơn vị bán buôn dược phẩm; hoặc
 - ii. (b) các doanh nghiệp có quyền phân phối dược phẩm tại Việt Nam;
 - d. Tự do đàm phán hợp đồng với các đơn vị phân phối cho phép FIEs giám sát quy trình phân phối để kiểm soát và xử lý các vấn đề về chất lượng dược phẩm và an toàn thuốc;
 - e. Thực hiện nghiên cứu/ thử nghiệm lâm sàng;
 - f. Hợp tác hoặc đầu tư vào các đối tác trong nước để sản xuất nội địa; và
 - g. Thuê các doanh nghiệp trong nước gia công thuốc để bán sản phẩm thuốc tại thị trường Việt Nam.
2. Hoạt động giáo dục y tế (cho cả Văn phòng Đại diện và FIEs)
 - a. Tham gia toàn phần vào việc tổ chức trực tiếp các hoạt động tuyên truyền giáo dục y tế cho cộng đồng và cho những người làm công tác y tế (Health Care Professionals - HCPs), bao gồm các bác sỹ và dược sỹ. Đây là yêu cầu thiết yếu để tăng cường khả năng cho những người làm công tác y tế ở Việt Nam trong việc kê đơn dược phẩm đúng cách để đảm bảo an toàn người bệnh và hiệu lực dược phẩm trong việc điều trị bệnh;
 - b. Trực tiếp sử dụng các đại diện y khoa để triển khai giáo dục y tế.

Các hoạt động nói trên cần được Việt Nam cho phép thực hiện như một gói tổng thể, hoặc độc lập, trong đó không có hoạt động nào trong số này – hay bất cứ hoạt động nào khác – là điều kiện tiên quyết cho hoạt động nào. Hơn nữa, những quyền này cần được quy định rõ trong giấy phép kinh doanh có điều kiện được cấp trong một khoảng thời gian hợp lý; 0-6 tháng kể từ khi nộp hồ sơ hoàn chỉnh để xin cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư phù hợp.

Ngoài những cam kết nêu trên của Việt Nam với WTO, Pharma Group hy vọng các cam kết đầy đủ, dẫn đến việc tự do hóa hoàn toàn các dịch vụ phân phối, có thể được thực hiện trong EVFTA và TPP. Đề xuất này nhằm đến việc tạo dựng một sân chơi bình đẳng giữa các tác nhân kinh tế, đồng thời đảm bảo nâng cao khả năng tiếp cận các loại thuốc mới phát minh chất lượng cao và an toàn. Do vậy, bất kỳ hạn chế nào theo luật pháp quốc gia, tương tự như những hạn chế trong Thông tư 34, đều cần được loại bỏ, và, hơn nữa, cần ban hành các quy định mới nhằm thực hiện quyền phân phối đầy đủ cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong một hạn định thời gian nhất định.

Biểu đồ 15: Hợp tác với Việt Nam nhằm đạt được độ Bao phủ Y tế Toàn cầu đồng thời thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp dược

Cùng phối hợp nhằm đảm bảo bệnh nhân Việt Nam được tiếp cận một cách nhanh chóng, bền vững và công bằng với thuốc chất lượng cao, an toàn và mới phát minh



LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Dược phẩm thuộc EuroCham

CHƯƠNG 18 **BẤT ĐỘNG SẢN**

TỔNG QUAN

Với việc Quốc Hội Việt Nam thông qua Luật Kinh Doanh Bất Động Sản (LKDBĐS) và Luật Nhà Ở (LNO) trong năm 2014, các tổ chức, cá nhân liên quan rất mong đợi thị trường bất động sản Việt Nam sẽ chứng kiến nhiều hoạt động hơn trong thời gian tới. Những quy định mới của LKDBĐS và LNO sẽ tác động tích cực đến sự phục hồi và phát triển của thị trường bất động sản Việt Nam. Một thay đổi quan trọng của LNO đó là nới lỏng các quy định về quyền sở hữu bất động sản cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Động thái này sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường và thu hút các nguồn vốn đầu tư lớn từ nước ngoài vào thị trường Việt Nam. Hơn nữa, những quy định mới về vốn pháp định của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (tăng từ 6 tỷ đồng tương đương 266.000 đô-la Mỹ lên 20 tỷ đồng tương đương 889.000 đô-la Mỹ) sẽ là một phương thức để đào thải các doanh nghiệp yếu kém và củng cố thị trường bất động sản.

Thêm vào đó, LKDBĐS cũng bổ sung các điều khoản về bảo lãnh ngân hàng của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đối với các bất động sản hình thành trong tương lai trước khi đem ra giao dịch trên thị trường. Mục đích của nghĩa vụ bảo lãnh đối với bất động sản hình thành trong tương lai là nhằm bảo vệ quyền và các lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng và ngăn chặn tình trạng các nhà đầu tư lạm dụng nguồn vốn hoặc không thực hiện, trì hoãn việc thực hiện dự án gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

Bên cạnh những quy định mới nổi bật nêu trên, một vấn đề khác được các nhà đầu tư quan tâm là việc chuyển nhượng các dự án đầu tư bất động sản. Khi đầu tư vào các dự án bất động sản, các nhà đầu tư rất quan tâm đến khả năng thu hồi vốn từ các dự án này, và quyền chuyển nhượng các dự án đầu tư là một cách thức để nhà đầu tư rút được vốn. Một tác động tích cực nữa của LKDBĐS là quy định cho phép các nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư mà không giới hạn loại dự án được phép chuyển nhượng (ví dụ, theo các quy định trước đây, các dự án được phép chuyển nhượng toàn bộ chỉ giới hạn trong phạm vi các dự án khu đô thị mới, dự án khu dân cư hoặc các dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp). Vì vậy, quy định này giúp nhà đầu tư có thể nhanh chóng thu hồi vốn của mình. Khi quy định này có hiệu lực thi hành, các giao dịch mua bán và sáp nhập (M&A) sẽ diễn ra sôi động hơn bởi vì các doanh nghiệp có năng lực tài chính lớn sẽ mua lại các quỹ đất sạch để thực hiện các dự án mới và cung cấp cho thị trường.

Tính đến thời điểm này, Chính phủ Việt Nam vẫn chưa ban hành các văn bản dưới luật nào quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành LNO và hiện tại, Chính phủ chỉ mới ban hành Nghị định 76/2015/NĐ-CP để hướng dẫn thi hành LKDBĐS. Sự chậm trễ này có thể làm cho các nhà đầu tư tiềm năng trì hoãn các quyết định đầu tư bất động sản. Các quy định mới cần tạo ra một khung pháp lý rõ ràng và minh bạch để khuyến khích nhu cầu đầu tư vào bất động sản của các tổ chức, cá nhân.¹

Mặc dù cả hai luật nêu trên đã có nhiều quy định cải thiện hơn so với các văn bản trước đó, các văn bản luật này vẫn còn một số nội dung thiếu sót liên quan đến việc bảo lãnh ngân hàng đối với bất động sản hình thành trong tương lai, quyền sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài cũng như quy định về điều kiện chuyển nhượng dự án bất động sản của các nhà đầu tư. Vì vậy, chúng tôi mong muốn được đề cập đến những quy định pháp lý còn bất cập và nêu lên kiến nghị của chúng tôi đối với Chính phủ để khắc phục các vấn đề này. Chúng tôi rất sẵn lòng phối hợp làm việc cùng với những nhà làm luật nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển và hoạt động hiệu quả của thị trường bất động sản.

¹ Chương này được hoàn thiện vào tháng 11 năm 2015

I. KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI

Bộ ngành liên quan: Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN), Bộ Xây Dựng (BXD)

Mô tả vấn đề

Như đã đề cập trên đây, một trong những bổ sung quan trọng nhất của LKDBĐS là quy định về các bất động sản hình thành trong tương lai phải được bảo lãnh bởi một ngân hàng do Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) quy định trước khi tham gia vào các giao dịch mua bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê trên thị trường.² NHNN phải công bố danh sách các ngân hàng được phép cung cấp dịch vụ bảo lãnh này. Đây là những quy định hoàn toàn mới được quy định lần đầu tiên trong LKDBĐS. Mặc dù LKDBĐS bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 nhưng các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết các quy định này. Trên thực tế, Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2015 của NHNN quy định về bảo lãnh ngân hàng đã đưa một số quy định về bảo lãnh đối với bất động sản hình thành trong tương lai, tuy nhiên, các quy định này vẫn mang tính chung chung và rất khó để các bên liên quan triển khai thực hiện trên thực tế. Vì vậy, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản và các ngân hàng vẫn đang loay hoay trong việc áp dụng các quy định này.

Mặc dù mục đích của quy định về bảo lãnh là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, những quy định này vẫn chưa thực sự phù hợp với tình hình hiện tại của thị trường bất động sản Việt Nam.

Trước hết, quy định về bảo lãnh ngân hàng đối với các bất động sản hình thành trong tương lai không nhất thiết phải được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, đặc biệt là những doanh nghiệp có uy tín trên thị trường. Phần lớn khách hàng của những doanh nghiệp này không có nhu cầu về bảo lãnh ngân hàng khi tham gia giao dịch với doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc bắt buộc tất cả các doanh nghiệp phải thực hiện bảo lãnh ngân hàng sẽ làm phát sinh một cách không cần thiết phí bảo lãnh và phí này sẽ được đưa vào giá của bất động sản.

Đồng thời, vấn đề về phí bảo lãnh cũng thu hút nhiều sự quan tâm của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản khi đề nghị các ngân hàng cung cấp dịch vụ bảo lãnh. Bởi vì các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản cần phải có bảo lãnh của ngân hàng trước khi thực hiện các giao dịch nên các doanh nghiệp phải phụ thuộc vào ngân hàng. Vì vậy, nếu các cơ quan có thẩm quyền không quy định giới hạn cụ thể đối với phí bảo lãnh, các ngân hàng sẽ tự do quyết định mức phí này. Điều này có thể dẫn đến sự bất bình đẳng đối với các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản bởi ngân hàng được tự do áp các mức phí khác nhau cho các doanh nghiệp khác nhau. Cụ thể, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản là công ty con hoặc công ty liên kết với các ngân hàng có thể được hưởng mức phí ưu đãi hơn so với các doanh nghiệp khác.

Một nội dung khác cần quan tâm là sự phân biệt đối với các nhà đầu tư bất động sản nước ngoài trong quy định về thanh toán tại Điều 57 LKDBĐS 2014. Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trong nước được phép nhận thanh toán của khách hàng với mức tối đa 70% giá trị hợp đồng trước khi bàn giao bất động sản cho khách hàng. Trong khi đó, với cùng một trường hợp thì các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được nhận tiền thanh toán trước tối đa 50% giá trị hợp đồng. Như vậy, Điều 57 của LKDBĐS đã tạo ra một sự phân biệt giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khi nhận tiền thanh toán từ khách hàng.

Theo Điều 56 của LKDBĐS, tất cả các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đều phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ngân hàng đối với bất động sản hình thành trong tương lai. Vì vậy, quy định doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được quyền nhận thanh toán với mức tối đa thấp hơn doanh nghiệp trong nước là không hợp lý. Điều 57 đã đi ngược lại với nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc huy động vốn từ khách hàng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và vì vậy làm hạn chế năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp này trên thị trường.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Thị trường bất động sản Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn đầu của thời kỳ phục hồi. Vì vậy, các nghĩa vụ bổ sung làm phát sinh các chi phí không cần thiết sẽ làm tăng giá bất động sản và gây ảnh hưởng đến đà phục hồi của thị trường.

² Điều 56 Luật Kinh Doanh Bất Động Sản

Đồng thời, việc phân biệt giữa doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước sẽ ảnh hưởng đến sức hấp dẫn của thị trường bất động sản hình thành trong tương lai đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Kiến nghị

- Các quy định về nghĩa vụ bảo lãnh đối với bất động sản hình thành trong tương lai cần được sửa đổi để tuân theo nguyên tắc đối xử bình đẳng như Việt Nam đã cam kết khi gia nhập WTO. Ngoài ra, chúng tôi tin rằng những quy định này cần hướng đến mục tiêu bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng mà không nên gây ra các cản trở không đáng có đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp;
- Về quy định thanh toán, sự bất bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và đầu tư nước ngoài là không cần thiết và có thể là một sự vi phạm tiềm tàng đến các cam kết WTO của Việt Nam. Quan trọng nhất, quy định này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức hấp dẫn của thị trường đối với phía đầu tư nước ngoài;
- Các cơ quan chức năng nên ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về thủ tục bảo lãnh ngân hàng đối với bất động sản hình thành trong tương lai;
- Bảo lãnh ngân hàng không nên là nghĩa vụ bắt buộc áp dụng cho tất cả các bất động sản hình thành trong tương lai của mọi doanh nghiệp. Ví dụ như các doanh nghiệp không bắt buộc phải thực hiện nghĩa vụ này khi khách hàng của họ không yêu cầu doanh nghiệp thực hiện biện pháp bảo lãnh ngân hàng khi mua hoặc thuê các bất động sản hình thành trong tương lai;
- Cần quy định một giới hạn đối với phí bảo lãnh mà ngân hàng được phép áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh bất động sản; và
- Cho phép doanh nghiệp kinh doanh bất động sản có vốn đầu tư nước ngoài được quyền nhận thanh toán (trước) của khách hàng với mức tối đa tương đương doanh nghiệp trong nước.

II. CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

Bộ ngành liên quan: Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư (BKHDĐT), Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (BTNMT)

Mô tả vấn đề

Luật KDBDS quy định các nhà đầu tư phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ (hoặc một phần) dự án đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng một phần) trước khi chuyển nhượng dự án cho các nhà đầu tư khác.³ Thực tế, nhiều nhà đầu tư có thể gặp khó khăn về tài chính khi đang thực hiện dự án đầu tư bất động sản và muốn chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án cho các nhà đầu tư khác. Tuy nhiên, do bị giới hạn bởi quy định nêu trên, các nhà đầu tư không thể thực hiện các giao dịch chuyển nhượng bởi vì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) đối với dự án.

Theo Điều 8.1 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT, để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, nhà đầu tư phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến QSDĐ. Điều này có nghĩa là nhà đầu tư phải đóng đủ tiền sử dụng đất cho cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất, nếu nhà đầu tư gặp phải khó khăn về tài chính dẫn đến việc không đủ khả năng để thực hiện nghĩa vụ này. Vì vậy, các nhà đầu tư không đáp ứng điều kiện để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ trong những trường hợp này.

Với điều kiện đặt ra như vậy, một số nhà đầu tư lâm vào tình trạng “tiến thoái lưỡng nan” vì không thể chuyển nhượng dự án và cũng không có năng lực tài chính để tiếp tục thực hiện dự án.

Ngoài ra, trước khi chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư khác, dự án phải có quy hoạch chi tiết 1/500 được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Như đã đề cập phần trên, để được chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư khác, nhà đầu tư hiện tại phải thực hiện các thủ tục để xác định và nộp tiền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận

³ Điều 49 Luật Kinh doanh Bất Động Sản.

QSDĐ. Tuy nhiên, sau khi nhận chuyển nhượng dự án, nếu nhà đầu tư mới muốn điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án, và việc điều chỉnh này làm thay đổi tiến sử dụng đất phải nộp, căn cứ Điều 10 Thông tư 76/2014/TT-BTC, nhà đầu tư mới phải thực hiện lại thủ tục để tính lại và nộp tiền sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết được điều chỉnh. Như vậy, nhà đầu tư mới phải thực hiện một thủ tục tương tự để nộp tiền sử dụng đất đã được thực hiện bởi nhà đầu tư trước.

Tuy nhiên, nếu không có quy định về giấy chứng nhận QSDĐ đối với dự án chuyển nhượng, nhà đầu tư hiện tại không cần phải thực hiện thủ tục để xác định và nộp tiền sử dụng đất trước khi chuyển nhượng dự án, họ có thể chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư mới sau khi hoàn thành thủ tục giải phóng mặt bằng. Sau đó, nhà đầu tư mới có nhu cầu thay đổi quy hoạch chi tiết dự án có thể thực hiện việc này, tiếp theo nhà đầu tư sẽ xác định tiền sử dụng đất căn cứ trên quy hoạch chi tiết được điều chỉnh và nộp cho cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Như vậy, nếu không có yêu cầu về giấy chứng nhận QSDĐ, trong trường hợp nhà đầu tư mới muốn điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án sau khi nhận chuyển nhượng dẫn đến việc thay đổi tiền sử dụng đất, thủ tục xác định và nộp tiền sử dụng đất sẽ được thực hiện một lần thay vì hai lần, như phân tích nêu trên, trước khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Tóm lại, quy định về giấy chứng nhận QSDĐ đã gây ra lãng phí về thời gian và chi phí cho các nhà đầu tư để thực hiện các thủ tục không cần thiết và rõ ràng các thủ tục nêu trên có thể được xóa bỏ nếu không có yêu cầu về giấy chứng nhận QSDĐ.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các quy định nghiêm ngặt như trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng chuyển nhượng các dự án bất động sản của nhà đầu tư. Điều này sẽ dẫn đến tình trạng các dự án đầu tư bị treo và có thể hạn chế khả năng rút vốn của các nhà đầu tư khỏi các dự án.

Kiến nghị

Với những vướng mắc như đề cập ở trên, chúng tôi xin kiến nghị:

- Nới lỏng hơn nữa điều kiện chuyển nhượng dự án bất động sản nhằm tạo ra sự linh hoạt cho thị trường và tạo điều kiện cho nhà đầu tư được rút vốn khi không thể tiếp tục thực hiện dự án; và
- Cho phép nhà đầu tư được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án mà không cần phải có giấy chứng nhận QSDĐ đối với dự án. Theo đó, dự án đầu tư có thể được chuyển nhượng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện khác được quy định tại Điều 49 LKDBĐS.

III. QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở CỦA CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

Bộ ngành liên quan: Bộ Xây Dựng (BXD), Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (BTNMT)

Miêu tả vấn đề

Theo LNO, mọi cá nhân nước ngoài được phép nhập cảnh vào Việt Nam đều có quyền sở hữu nhà ở hoặc căn hộ riêng lẻ trong các dự án phát triển nhà ở tại Việt Nam. Quy định mới này đã mở rộng phạm vi quyền sở hữu nhà ở cho cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện vẫn còn một vấn đề chưa thống nhất giữa LNO và Luật Đất đai số 45/2013/QH13 (LĐĐ) 2013 liên quan đến quyền sở hữu nhà ở riêng lẻ của cá nhân nước ngoài. Cụ thể, theo Điều 161 LNO, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở riêng lẻ tại Việt Nam có các quyền và lợi ích tương tự như công dân Việt Nam. Vì vậy, cá nhân nước ngoài nên được công nhận là chủ sở hữu đối với nhà ở và quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở. Tuy nhiên, theo LĐĐ, cá nhân nước ngoài không được công nhận là người sử dụng đất.⁴ Vì vậy, sẽ không có đầy đủ cơ sở pháp lý cho cá nhân nước ngoài nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở khi họ nhận chuyển

⁴ Điều 5 và Điều 169 Luật Đất Đai 2013.

nhượng nhà ở riêng lẻ trong các dự án nhà ở. Ngược lại, khi cá nhân nước ngoài chuyển nhượng nhà ở riêng lẻ cho tổ chức, cá nhân khác, liệu họ có được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở?

Một vấn đề khác liên quan đến quy định này là giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở của cá nhân nước ngoài. Hiện vẫn chưa rõ là cá nhân nước ngoài sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất hay chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở như trường hợp sở hữu căn hộ chung cư.

Lợi ích/trở ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Nếu vấn đề này không được quy định rõ ràng sẽ gây ra trở ngại cho cá nhân nước ngoài khi tham gia vào các giao dịch liên quan đến nhà ở riêng lẻ trong các dự án nhà ở. Trước hết, điều này sẽ gây khó khăn trong việc xác định giá chuyển nhượng nhà ở bởi vì giá trị quyền sử dụng đất được bao gồm trong giá chuyển nhượng nhà. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bất động sản không thể quyết định liệu cá nhân nước ngoài có được phép nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở riêng lẻ hay không.

Thứ hai, sự không thống nhất trong các quy định pháp luật nêu trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các giao dịch nhà ở riêng lẻ của cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, đặc biệt khi họ chuyển nhượng nhà ở riêng lẻ cho tổ chức, cá nhân khác. Điều này sẽ hạn chế sự đầu tư của cá nhân nước ngoài vào thị trường bất động sản Việt Nam.

Kiến nghị

Chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Điều 5 và Điều 169 LĐĐ 2013 nên được xem xét để sửa đổi theo hướng công nhận cá nhân nước ngoài là người sử dụng đất; và
- Cá nhân nước ngoài sở hữu nhà ở riêng lẻ nên được cấp Giấy chứng nhận như Giấy chứng nhận cấp cho cá nhân Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

VCI Legal

CHƯƠNG 19 DU LỊCH VÀ NHÀ HÀNG - KHÁCH SẠN

TỔNG QUAN

Lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong năm 2014 đã tăng 4% so với năm 2013 với khoảng 7,9 triệu lượt khách; tuy nhiên, có một xu hướng đáng lo ngại đó là lượt khách đã sụt giảm trong 13 tháng liên tiếp, dù lượng khách trong các tháng 6, 7 và 8 đã tăng trở lại so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng lượt khách trong sáu tháng đầu năm 2015 giảm 11,3% và tại thời điểm kết thúc tháng 8 năm 2015 giảm 7,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Những yếu tố chính góp phần vào sự suy giảm lượt du khách từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 6 năm 2015 đó là căng thẳng chính trị với Trung Quốc và những vấn đề khó khăn mà nền kinh tế Nga đang gặp phải do căng thẳng chính trị với Hoa Kỳ và châu Âu. Mặc dù vậy, Trung Quốc đại lục vẫn là thị trường du lịch với lượng khách đến Việt Nam lớn nhất với 1,1 triệu lượt khách trong tám tháng đầu năm 2015.

Trong năm 2014, lượng khách từ các quốc gia có công dân thuộc diện miễn thị thực (Hàn Quốc, Nhật Bản, Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan và Đan Mạch), ngoại trừ Nga có tốc độ tăng bình quân 5% so với năm ngoái; trong sáu tháng đầu năm 2015, tốc độ tăng bình quân là 8% so với cùng kỳ năm 2014.¹ Thị trường Hàn Quốc đạt mức tăng trưởng cao nhất với tỷ lệ tăng trưởng 13% năm 2014 và 32,9% trong tám tháng đầu năm 2015.

Ngành du lịch và lữ hành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu việc làm và đóng góp vào Tổng sản phẩm quốc nội (GDP), nhưng đáng tiếc là ngành này thường bị xem nhẹ so với các ngành có tỷ trọng lớn khác. Trên toàn cầu, tổng giá trị đóng góp của ngành vào GDP (bao gồm tác động từ đầu tư, chuỗi cung ứng và tác động hiệu ứng của thu nhập) trong năm 2014 là 9,8% GDP. Năm 2014, ngành du lịch lữ hành đóng góp 9,4% tổng số việc làm trên thế giới, bao gồm những công việc mà ngành gián tiếp tạo ra. Ước tính con số này sẽ đạt 10,7% trong năm 2025.²

Những mục tiêu được xác định trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam (đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030) của Chính phủ gồm³: đến năm 2020, Việt Nam sẽ đón 10 - 10,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 48 triệu lượt khách du lịch nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt 18 - 19 tỷ đô-la Mỹ và đóng góp 6,5 - 7% GDP cả nước. Chúng tôi tin rằng có một số vấn đề chính cần được khắc phục để ngành du lịch và lữ hành có thể phát huy tối đa tiềm năng của mình và để Việt Nam hoàn thành được kế hoạch phát triển đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Trước khi đi vào thảo luận các vấn đề này, chúng tôi xin được chúc mừng tất cả các Bộ ngành về kết quả miễn thị thực cho năm nước châu Âu và Belarus và những cải thiện nhỏ đã đạt được trong công tác xử lý hồ sơ xin cấp thị thực điện tử tại sân bay Tân Sơn Nhất nói riêng. Chúng tôi hoan nghênh việc Chính phủ đã thực hiện một bước đi rất mạnh mẽ đó là cho phép người nước ngoài sở hữu nhà tại Việt Nam, chúng tôi tin rằng đây sẽ là động thái giúp tăng tỷ lệ khách du lịch quay trở lại Việt Nam.

Trong chương này, chúng tôi trình bày một số trở ngại tồn tại và hy vọng sẽ sớm được giải quyết bao gồm: Chính sách thị thực nhập cảnh; tiếp thị điểm đến và các vấn đề liên quan đến thuế và phí sử dụng đất.

¹ "Du khách quốc tế đến Việt Nam", Vietnam National Administration of Tourism (VNAT), 2015. Xem tại <<http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/cat/1501>>

² "Báo cáo kinh tế Du lịch và lữ hành thế giới 2015", World Travel and Tourism Council, 2015 trang 1. Xem tại <<https://www.wttc.org/-/media/files/reports/economic%20impact%20research/regional%202015/world2015.pdf>>

³ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 2473 / QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2011 phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

I. CHÍNH SÁCH THỊ THỰC NHẬP CẢNH

Bộ ngành liên quan: Bộ Ngoại giao (BNG), Bộ Công an (BCA), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch – Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Mô tả vấn đề

Chính sách thị thực nghiêm ngặt đòi hỏi du khách đến từ hầu hết các quốc gia phải xin thị thực trước khi du lịch hoặc xin cấp thị thực tại cửa khẩu với mức phí tương đối cao. Việc này đang cản trở những du khách nước ngoài đơn lẻ (FIT) có khả năng tiêu dùng cao hơn đến với Việt Nam.

Xu hướng trong chính sách thị thực nhập cảnh

Chính sách thị thực nhập cảnh là một trong những chính sách của Chính phủ có tác động lớn nhất đến lưu lượng khách du lịch quốc tế. Các khách du lịch quốc tế cho rằng thủ tục cấp thị thực là một rào cản về chi phí và thời gian. Nếu chi phí thăm một địa điểm vượt quá ngân sách của du khách, họ sẽ lựa chọn một địa điểm thay thế thuận lợi hơn. Để tăng sức cạnh tranh, thu hút vốn đầu tư trực tiếp và thu hút lượng khách du lịch quốc tế (nhằm tăng thu ngoại tệ và tạo việc làm), nhiều quốc gia đã và đang nghiên cứu phương án mở rộng phạm vi miễn thị thực nhằm nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Tác động của việc đơn giản hóa chính sách thị thực

Năm 2014, Thái Lan đã đón 24,8 triệu lượt khách quốc tế, miễn thị thực cũng như phí nhập cảnh cho công dân của 52 quốc gia; Malaysia đón 27,4 triệu lượt khách quốc tế và miễn phí thị thực cho công dân của 164 quốc gia. Tương tự, Singapore đón 15,1 triệu lượt khách quốc tế và miễn thị thực cho công dân của khoảng 150 quốc gia.⁴

Cấp thị thực tại cửa khẩu, miễn và tạm miễn thị thực

Hiện tại, Việt Nam đang miễn thị thực cho công dân của các quốc gia ASEAN và công dân của Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc và 10 quốc gia châu Âu và Bắc Âu. Các quốc gia cạnh tranh khác trong khu vực áp dụng cơ chế thông thoáng hơn rất nhiều, cụ thể như trong bảng dưới đây:

Bảng 7: So sánh chính sách thị thực của các quốc gia trong khu vực

Quốc gia	Miễn/bỏ thị thực	Cấp thị thực tại cửa khẩu/ thị thực điện tử
Brunei Darussalam ⁵	52	7
Cambodia ⁶	7	Tất cả các quốc gia trừ Afghanistan, Algeria, Arab Saudi, Bangladesh, Iran, Iraq, Pakistan, Sri Lanka, Sudan, Nigeria
Indonesia ⁷	45	32
Cộng hòa DCND Lào ⁸	15	Tất cả trừ 29 quốc gia
Malaysia ⁹	164	Không có thông tin
Myanmar ¹⁰	7	101
Philippines ¹¹	157	Hầu hết các quốc gia và có ngoại lệ

⁴ "Các Bộ đề xuất miễn thị thực cho du khách đến từ 9 quốc gia", *Báo Tuổi trẻ*, 29/08/2014. Xem tại <<http://tuoitrenews.vn/business/22008/vietnam-ministries-propose-visa-waiver-for-tourists-from-9-countries>>

⁵ "Thông tin về thị thực", *Bộ Ngoại giao và Thương mại Brunei Darussalam*, 2015. Xem tại <<http://www.mofat.gov.bn/Pages/Visa-Information.aspx>>

⁶ "Đơn xin cấp thị thực điện tử của Campuchia". Xem tại <<https://evisa-Campuchia.online/>>

⁷ "Thêm 30 quốc gia có công dân được miễn thị thực khi du lịch tới Indonesia", *Jakarta Globe*, 17/03/2015. Xem tại <<http://jakartaglobe.beritasatu.com/news/indonesia-offers-visa-free-travel-30-countries/>> và "Thị thực nhập cảnh", *Bali.com*, 2015. Xem tại <<http://www.bali.com/visa-indonesia-entry-requirements-bali.html>>

⁸ "Miễn thị thực vào Lào", *LaosVisas.com*, 2015. Xem tại <<http://www.laosvisas.com/laos-visa-news/lao-visa-exemption/>> và "Cấp thị thực tại cửa khẩu", *Laos-Guide999*, 2015. Xem tại <<http://www.laos-guide-999.com/visa-on-arrival.html>>

⁹ N. Natahadibrata "Miễn thị thực cho 30 quốc gia là vi phạm pháp luật, sẽ không được thông qua", *The Jakarta Post*, 23/03/2015. Xem tại <<http://www.thejakartapost.com/news/2015/03/23/free-visas-30-nations-violates-law-may-not-fly.html>>

¹⁰ "Thông báo tới du khách", *Bộ Xuất nhập cảnh và Dân số*, 2015. Xem tại <<http://evisa.moip.gov.mm/noticetotourists.aspx>>

¹¹ "Xuất nhập cảnh", *Cục Xuất nhập cảnh*, 2015. Xem tại <<http://www.immigration.gov.ph/index.php/faq/travel-req>>

Quốc gia	Miễn/bỏ thị thực	Cấp thị thực tại cửa khẩu/ thị thực điện tử
Singapore ¹²	Tất cả các quốc gia không thuộc nhóm xem xét I và II	Không có thông tin
Thailand ¹³	52	19
Viet Nam ¹⁴	21	Tất cả trừ 31 quốc gia ¹⁵

Báo cáo do Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) và Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC) công bố nhấn mạnh rằng lượng khách quốc tế tới Việt Nam tăng từ 5% đến 25% là do tác động trực tiếp của chính sách thị thực thuận lợi hơn.¹⁶ Do đó, chúng tôi cho rằng Việt Nam nên hướng vào những thị trường du lịch lớn với du khách có khả năng chi tiêu cao hơn cũng như thị trường thương mại và đầu tư và mở rộng danh mục các quốc gia có công dân được quyền xin cấp thị thực tại cửa khẩu hoặc được miễn thị thực.

Thời hạn miễn thị thực và “quy tắc ba mươi ngày”

Mặc dù chúng tôi ủng hộ việc mở rộng đối tượng được miễn thị thực nhưng chúng tôi cho rằng thời hạn 15 ngày là không đủ đối với nhiều du khách nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang phát triển các chuyến bay dài tới khu vực Australasia và châu Âu. Nhiều du khách khi tới Việt Nam thường muốn ở lại khoảng 21 hoặc 30 ngày, đặc biệt nếu họ có kế hoạch thăm các quốc gia láng giềng. Trong trường hợp này, du khách bị hạn chế bởi quy định không nhập cảnh lại trong thời hạn 30 ngày và nếu quay lại phải xin thị thực. Quy định không nhập cảnh lại trong thời hạn 30 ngày cũng gây bất tiện lớn cho những nhà đầu tư phải nhập cảnh thường xuyên.

Kiến nghị

- Nhanh chóng mở rộng danh mục các quốc gia được miễn thị thực để bao gồm tất cả các quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu; các quốc gia tham gia hiệp định TPP chưa được tạm miễn thị thực gồm Australia, Brunei, Canada, Chile, Mexico, New Zealand, Peru, Hoa Kỳ và Ấn Độ;
- Áp dụng hệ thống cấp thị thực tại cửa khẩu cho tất cả các quốc gia hiện được tạm miễn thị thực và các quốc gia nêu trên;
- Áp dụng thị thực điện tử để du khách có thể nhận thị thực trực tuyến và in ra để trình cơ quan xuất nhập cảnh;
- Giảm phí cấp thị thực hiện cao thứ hai ở châu Á và xem xét áp dụng phí cấp thị thực điện tử và hồ sơ cấp thị thực điện tử;
- Kéo dài thời hạn miễn thị thực từ 15 lên 30 ngày;
- Cho phép nhập cảnh trở lại trong thời hạn 30 ngày nếu du khách xuất trình thông tin chuyến bay rời Việt Nam trong thời hạn 30 ngày đó; và
- Thiết lập khu vực miễn thị thực (tương tự như Phú Quốc) đối với các sân bay quốc tế lớn, ban đầu áp dụng cho Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng nhằm xây dựng ngành du lịch quá cảnh.

II. TIẾP THỊ ĐIỂM ĐẾN

Bộ ngành liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH TT & DL)

Mô tả vấn đề

Việc thiếu ngân sách dành cho chương trình tiếp thị điểm đến của Tổng cục Du lịch đã làm giảm sức cạnh tranh của Việt Nam so với các quốc gia láng giềng có chi tiêu cao hơn. Thực tế này cho thấy yêu cầu phải tìm ra cách thức tăng cường hoạt động tiếp thị điểm đến ở cấp địa phương và trung ương đang ngày một cấp thiết.

¹² “Tư cách hợp lệ”, *Cơ quan Xuất nhập cảnh & Kiểm soát Singapore*, 2015. Xem tại <<http://www.ica.gov.sg/page.aspx?pageid=168>>

¹³ “Miễn thị thực (Thỏa thuận Song phương)” và “Cấp thị thực tại cửa khẩu”, *ThaiEmbassy.com*, 2015. Xem tại <<http://www.thaiembassy.com/thailand/changes-visa-exempt.php>>

¹⁴ “Miễn thị thực vào Việt Nam”, *Vietnam Visa Easy*, 2015. Xem tại <<http://www.vietnamvisa-easy.com/pages/vietnam-visa-exemption>>

¹⁵ “Cấp thị thực vào Việt Nam tại cửa khẩu”, *Vietnam-tourist-visa*, 2015. Xem tại <http://www.vietnam-tourist-visa.com/en-gb/FAQ/1012_651/Which-countries-cannot-be-supporting-Vietnam-visa-on-arrival-online.aspx>

¹⁶ “Tác động của hoạt động hỗ trợ cấp thị thực đối với việc tạo việc làm trong các nền kinh tế G20”, Hội đồng Du lịch & Lữ hành Thế giới, Báo cáo chuẩn bị cho cuộc họp Bộ trưởng T20 lần thứ 4 tại Mexico 16-16/05/12, tr.4. Xem tại <http://www.wttc.org/-/media/files/reports/policy%20research/visa_facilitation%20g20.pdf>

Quan hệ đối tác công-tư và sức cạnh tranh của điểm đến

Du lịch là lĩnh vực kinh doanh phức tạp và mang tính rời rạc. Việc đem lại giá trị hoàn hảo cho du khách từ thời điểm du khách đến cho tới khi rời đi phụ thuộc vào mức độ thống nhất hợp tác của nhiều tổ chức khác nhau. Đây thực sự là một thách thức to lớn ở những nơi mà hiện nay có rất ít sự hợp tác và phối hợp giữa khu vực tư nhân và khu vực công và giữa các doanh nghiệp tư nhân cạnh tranh với nhau.

Hầu hết các vấn đề quản lý điểm đến nổi lên trong vùng cần phải được giải quyết ở cấp tỉnh. Đây chính là lúc cấp chính quyền cần được kiện toàn về cơ cấu tổ chức. Do đó, nhiệm vụ quan trọng hiện nay là thiết lập được cơ cấu quản lý hiệu quả ở địa phương. Điểm đến ở địa phương chính là nơi cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho hoạt động du lịch và là nơi thể hiện rõ nhất những tác động kinh tế - xã hội và môi trường tích cực cũng như tiêu cực mà hoạt động du lịch mang lại và do đó đòi hỏi cần có hoạt động quy hoạch và quản lý chặt chẽ từ cấp địa phương.

Hoạt động quản lý điểm đến hiện nay chủ yếu thuộc trách nhiệm báo cáo của các sở văn hóa, thể thao và du lịch (Sở VH TT & DL) lên Ủy ban Nhân dân và một số trường hợp báo cáo lên Tổng cục Du lịch Việt Nam. Về tổng thể, hiện nay chưa có cơ chế chia sẻ trách nhiệm giữa các cơ quan Chính phủ có ảnh hưởng đến ngành du lịch hoặc giữa các Sở VH TT & DL và khu vực kinh doanh. Các sở VH TT & DL không có các hoạt động gặp gỡ chính thức với doanh nghiệp và các tổ chức đại diện ngành ở cấp tỉnh còn yếu kém. Nguồn lực tài chính dành cho hoạt động tiếp thị còn eo hẹp và không minh bạch.

Kiến nghị

Các thành viên của chúng tôi cho rằng Chính phủ và Bộ VH TT & DL cần tích cực tham gia vào hoạt động tạo điều kiện và hỗ trợ phát triển cơ cấu quản lý điểm đến ở những tỉnh thành chủ chốt. Ngoài ra, chúng tôi cho rằng khu vực tư nhân cũng cần được tham gia vào việc quản lý điểm đến với vai trò là thành phần liên quan.

Chúng tôi cũng kiến nghị các biện pháp cụ thể sau:

- Thiết lập cơ chế thông tin hiệu quả hơn giữa các doanh nghiệp, hiệp hội liên quan đến du lịch và khu vực công; thường xuyên phối hợp với các nhóm và hiệp hội ngành theo các nhóm công tác; điều phối cơ cấu tổ chức;
- Thiết lập cơ cấu điều phối toàn vùng nhằm chú trọng và tối đa hóa hoạt động giữa các tỉnh có quan hệ hợp tác và thúc đẩy hoạt động hợp tác;
- Tăng cường quan hệ hợp tác công – tư nhằm quảng bá và tiếp thị ở cấp điểm đến nhằm hỗ trợ các sản phẩm và dịch vụ du lịch
- Thông qua và áp dụng các nghị trình du lịch xanh
- Phát triển những sản phẩm địa phương hấp dẫn và thể hiện rõ đặc trưng của những điểm đến du lịch và danh lam thắng cảnh của Việt Nam;
- Xây dựng liên kết khu vực trong hoạt động phát triển sản phẩm du lịch; và
- Triển khai hoạt động tiếp thị chuyên nghiệp, tập trung vào các thị trường mục tiêu cụ thể và giải quyết các vấn đề như nâng cao nhận thức, phương tiện truyền thông điện tử và tính thời vụ nhằm nâng cao tính khả thi.

Sáng kiến tiếp thị chung giữa Hội đồng Tư vấn Du lịch & Tổng cục Du lịch Việt Nam

Tiếp sau việc thành lập Hội đồng Tư vấn Du lịch năm 2014, các bên liên quan trong ngành đã phối hợp với các cán bộ thuộc Tổng cục Du lịch Việt Nam nhằm khôi phục ngành du lịch và nâng cao chất lượng hoạt động tiếp thị quốc tế của Việt Nam bằng cách đề Chính phủ và các doanh nghiệp hàng đầu trong ngành cùng đóng góp tài lực, nhân lực và trí lực. Tổng cục Du lịch Việt Nam và Hội đồng Tư vấn Du lịch đang triển khai một sáng kiến tiếp thị chung tập trung vào các thị trường quốc tế chủ chốt nhằm tiếp thị hoạt động du lịch của Việt Nam ra toàn thế giới thông qua việc tái phát triển một số công cụ quan trọng (như cổng thông tin điện tử, phương tiện truyền thông xã hội, các chiến dịch xây dựng thương hiệu) và các chương trình (triển lãm thương mại, chương trình du lịch quảng bá...). Các dự án này sẽ được tài trợ từ nguồn lực của khu vực công và tư nhân.

Những hạn chế về ngân sách

Đây là sáng kiến tiếp thị chung chưa từng được triển khai ở Việt Nam và đòi hỏi sự phối hợp triển khai giữa các chủ thể của khu vực công và tư. Mục tiêu dài hạn là tập trung vào xây dựng năng lực cho Tổng cục Du lịch trong việc triển khai các chiến dịch tương tự với chất lượng cao nhất và chung tay vận động Chính phủ cấp thêm ngân sách cho hoạt động quảng bá du lịch. Để mỗi quan hệ hợp tác này phát huy hiệu quả, Hội đồng Tư vấn Du lịch đang đề nghị Bộ VH TT & DL/Tổng cục Du lịch đưa ra những cam kết chính thức về việc đóng góp nguồn vốn để Hội đồng Tư vấn Du lịch phối hợp với Tổng cục Du lịch triển khai sáng kiến tiếp thị chung. Mục tiêu đề ra là đạt tỷ lệ góp vốn 1:1 giữa khu vực công và khu vực tư nhân.

Hiện nay, nguồn vốn cấp cho hoạt động tiếp thị du lịch Việt Nam trên toàn thế giới là dưới 1,5 triệu đô-la Mỹ. Con số này là quá ít để đảm bảo hoạt động hiệu quả của Tổng cục Du lịch và chỉ tương đương với một phần nhỏ ngân sách mà các quốc gia láng giềng - đối thủ cạnh tranh của Việt Nam - đang đầu tư vào các cơ quan du lịch quốc gia (130 triệu đô-la Mỹ ở Malaysia, 86 triệu đô-la Mỹ ở Thái Lan, 3,5 triệu đô-la Mỹ ở Campuchia).¹⁷ Chúng tôi không thể nêu bật được hết vai trò quan trọng của ngành du lịch và lữ hành đối với nền kinh tế Việt Nam. Đây là ngành đóng góp gián tiếp gần 10% GDP của Việt Nam. Do đó, nhiệm vụ cấp thiết hiện nay là Chính phủ phải ghi nhận những đóng góp của ngành này cho phúc lợi kinh tế xã hội của đất nước để đầu tư ngân sách phù hợp vào hoạt động quảng bá du lịch quốc tế.

Kiến nghị

Các thành viên của chúng tôi đặc biệt đề xuất Chính phủ ghi nhận vai trò quan trọng của ngành du lịch và những tác động kinh tế xã hội mà ngành này tạo ra bằng việc cấp thêm ngân sách cho hoạt động quảng bá du lịch Việt Nam ra quốc tế. Bên cạnh nguồn ngân sách công, Chính phủ cần tạo điều kiện để xây dựng mối quan hệ đối tác công - tư nhằm xây dựng các liên minh thương mại và các sáng kiến tiếp thị.

Chúng tôi cũng đề xuất các biện pháp cụ thể sau:

- ▶ Tăng ngân sách quảng bá du lịch của Việt Nam để tương xứng với tác động kinh tế xã hội mà ngành du lịch tạo ra;
- ▶ Phát triển những sáng kiến rộng hơn với khu vực tư nhân nhằm thực hiện các hoạt động tiếp thị và quản lý điểm đến; và
- ▶ Xây dựng những sáng kiến tầm cỡ thế giới - Tổng cục Du lịch nên phối hợp chặt chẽ với khu vực tư nhân và có thể chỉ định các tổ chức danh tiếng trên thế giới (ví dụ các tổ chức quảng cáo và xây dựng thương hiệu).

III. ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ THUẾ LIÊN QUAN

Bộ ngành liên quan: Bộ Tài chính (BTC), Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT)

Mô tả vấn đề

Chính sách đất đai có tác động quan trọng đến các quyết định đầu tư liên quan đến cấp độ và quy mô của các dự án du lịch, nhà hàng - khách sạn.

Chính sách sử dụng đất

Hiến pháp Việt Nam và Luật Đất đai số 45/2013/QH-13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân và cá nhân, doanh nghiệp chỉ có quyền sử dụng đất thông qua hình thức giao hoặc thuê đất. Đối với đất cho thuê, hình thức sử dụng đất chủ yếu của hoạt động đầu tư du lịch, nhà hàng - khách sạn, thời hạn thuê đất kéo dài 50 năm và 70 năm trong một số trường hợp ngoại lệ. Quy định này đã ấn định một khoảng thời gian cố định cho việc đạt được giá trị đầu tư và đây là yếu tố quan trọng trong công tác tính toán lợi nhuận và tính khả thi tài chính. Trong khi đó, các quốc gia cạnh tranh khác trong khu vực cho phép một số hình thức toàn quyền sử dụng để tạo điều kiện phân bổ phần lớn chi phí đầu tư ở giai đoạn đầu dự án và nâng cao hiệu quả dòng tiền của dự án.

Các biện pháp khuyến khích đầu tư bị hạn chế do thiếu các quy định và định hướng chính sách liên quan đến việc đưa các công trình thuộc khu dân cư vào phê duyệt quy hoạch tổng thể (phân vùng) đối với những khu đất nằm trong diện tích đất ven biển. Phương pháp xử lý vấn đề này của chính quyền các tỉnh hiện nay chưa có sự thống nhất. Việc rất nhiều khu nghỉ dưỡng cao cấp chất lượng cao tại Đà Nẵng và Quảng Nam được phát triển thành công là nhờ vào quan điểm thoáng của địa phương đối với hoạt động xây dựng các khu biệt thự nghỉ dưỡng (bao gồm việc cấp sổ hồng và thậm chí sổ đỏ). Việc một biệt thự trong khu nghỉ dưỡng đã “có chủ”

¹⁷ “Việt Nam cho rằng ngân sách eo hẹp là nguyên nhân của chiến dịch quảng bá thiếu hiệu quả”, *Tuoi Tre News*, 04/06/2015. Xem tại <<http://tuoitre-news.vn/business/27271/vietnam-blames-shoestring-budget-for-ineffective-tourism-promotion-campaigns>>

nhưng được đưa vào cơ chế để cho thuê lại sẽ mang lại lợi ích: a) tạo ra nguồn vốn tài trợ rẻ hơn (do người mua tài trợ) để nhà đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao và b) tạo động lực để chủ sở hữu quay lại sử dụng công trình cũng như động lực quảng bá các công trình bất động sản du lịch nhờ vào lợi ích kinh tế mà cơ chế cho thuê mang lại. Trong bối cảnh pháp luật hiện nay đã cho phép người nước ngoài sở hữu bất động sản tại Việt Nam, đây là yếu tố tiềm năng có vai trò xúc tiến du lịch mạnh mẽ giúp nâng cao tỷ lệ du khách quay lại Việt Nam vì hiện nay tỷ lệ này chỉ ở mức 6%.¹⁸

Cho thuê đất

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 là những văn bản pháp lý chính hướng dẫn việc xác định mức phí thuê đất mà người thuê phải trả. Một điểm thay đổi lớn so với khung pháp lý trước đây là quy định giá đất sẽ được công bố năm năm một lần thay vì được công bố hàng năm và cơ chế điều chỉnh khung giá đất chỉ được áp dụng trong trường hợp giá đất thay đổi 20%.

Mặc dù thời điểm này còn quá sớm để đưa ra đánh giá hiệu quả thực tiễn của khung pháp lý mới nhưng cần lưu ý rằng “phương pháp hệ số” vẫn được áp dụng trong việc định giá đất theo Nghị định 44/2014/NĐ-CP. Trước đây việc áp dụng phương pháp này đã dẫn tới hệ quả giá thuê đất cho lĩnh vực dịch vụ (khách sạn và các dự án du lịch khác) cao hơn giá thuê đất phục vụ mục đích sử dụng khác. Mặc dù hiện nay đã có cơ chế ưu đãi đối với các khu công nghiệp và khu chế xuất nhưng cơ chế này lại không được áp dụng cho hoạt động phát triển ngành du lịch của Việt Nam. Vấn đề quan trọng hiện nay là phải xem ngành du lịch định hướng quốc tế là hoạt động xuất khẩu thu ngoại tệ. Các biện pháp khuyến khích, bao gồm ưu đãi trong định giá sử dụng đất, cần lưu tâm đến yếu tố này để có thể khuyến khích hơn nữa hoạt động đầu tư và phát triển.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Lợi ích và quan ngại tiềm tàng lớn nhất đối với Việt Nam là gia tăng sức cạnh tranh của Việt Nam trong hoạt động thu hút vốn đầu tư so với các quốc gia cạnh tranh trong khu vực. Bảng 8 cho thấy vị trí của Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam xét về khoảng cách và mức độ tương đồng về sản phẩm và thị trường mục tiêu của hoạt động du lịch trong nước (sau đây gọi là “Nhóm cạnh tranh”): Campuchia, Malaysia, Philippines và Thái Lan.

Do hệ thống pháp lý của mỗi quốc gia khác nhau và có các quy định khác nhau về đất đai nên rất khó để đưa ra một so sánh trực tiếp. Tuy nhiên, rõ ràng những quốc gia có ngành du lịch nội địa thành công hơn là những quốc gia có các biện pháp khuyến khích rõ ràng. Malaysia và Thái Lan đều có những biện pháp khuyến khích quan trọng để phát triển các hoạt động kinh doanh du lịch bao gồm hoạt động phát triển khách sạn. Malaysia áp dụng các chương trình như Chế độ Doanh nghiệp tiên phong và Trợ cấp thuế đầu tư mang lại lợi ích kinh tế to lớn cho các doanh nghiệp phát triển khách sạn.

Việc phát triển ngành du lịch cần được xem xét trong cùng một bối cảnh với những ngành khác, trong đó ghi nhận rằng không chỉ có cạnh tranh trong việc thu hút du khách mà còn cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư vào các công trình hạ tầng cho dịch vụ du lịch và nhà hàng – khách sạn, những công trình góp phần vào việc thu hút và phục vụ du khách.

Kiến nghị

- Ưu tiên lập quy hoạch tổng thể cho các khu vực quan trọng có tiềm năng phát triển du lịch ở cấp trung ương và cấp tỉnh; cần điều phối các quy hoạch đó bằng một chiến lược và kế hoạch phát triển du lịch thống nhất. Cần đặc biệt quan tâm tới công tác phát triển hạ tầng;
- Cần làm rõ và hỗ trợ chính thức cho việc cấp phép đối với một phần đất ven biển. Chúng tôi kiến nghị các dự án được cấp phép xây dựng các công trình năm sao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt các công trình có các yếu tố điểm đến đặc thù (như sân gôn, trung tâm giải trí, phục vụ du lịch y tế...) nên được ưu tiên sử dụng một phần diện tích dự án để xây dựng các công trình nhà ở đẳng bản.
- Xây dựng gói biện pháp khuyến khích về giá sử dụng đất ưu đãi dành cho các dự án du lịch (cụ thể các dự án thuộc một quy hoạch du lịch tổng thể) để ngành du lịch và nhà hàng – khách sạn được hưởng ưu đãi bình đẳng như các lĩnh vực khuyến khích đầu tư khác.

¹⁸ Chỉ có 6% khách du lịch quốc tế trở lại Việt Nam: Khảo sát, *Tuoi Tre News*, 11/02/2014. Xem tại <<http://tuoitrenews.vn/business/23748/only-6-of-intl-tourists-return-to-vietnam-survey>>

Bảng 8: So sánh các mục số liệu với Nhóm cạnh tranh

STT	Nhóm	Thuế và phí	Việt Nam	Cambodia
1	Luật điều chỉnh		Luật Kinh doanh bất động sản Luật Đất đai	Luật Đất đai
2	Thời hạn thuê đất		Quyền sử dụng dài hạn hoặc có thời hạn, tối đa 50 năm có thể gia hạn thêm 50 năm	Sở hữu vô thời hạn và Thuế tới 99 năm
3	Thời hạn sở hữu công trình đối với doanh nghiệp phát triển và chủ sở hữu		Sở hữu lâu dài hoặc có thời hạn. Từ 1/7/2015, người nước ngoài được phép sở hữu có điều kiện nhà ở gắn liền trên đất và căn hộ	Sở hữu lâu dài hoặc có thời hạn. Người nước ngoài được phép sở hữu bất động sản có điều kiện
4	Thuế đất đai và bất động sản			
	Thuế và phí một lần – Thu mua và/hoặc thay đổi mục đích	Mua trực tiếp từ chính phủ để thu hút đầu tư		Đang tìm kiếm dữ liệu
		Thuế chuyển nhượng	2% giá trị công trình/đất	4% đối với toàn bộ "đất có đầy đủ giấy tờ"
		Phí	phí đăng ký lại 0,5%	
4	Thuế đất đai và bất động sản (tiếp)			
	Đang áp dụng và áp dụng lại			
		Đất chưa phát triển	0,03% mỗi năm theo định giá của nhà nước	Thuế đất 2% mỗi năm đối với toàn bộ bất động sản không sử dụng theo giá thị trường theo đơn vị m ²
		Thuế bất động sản	Không có luật quy định thuế bất động sản	0,10%
		Thuế thuê	Thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho thu nhập trên hóa đơn đối với người nhận thu nhập. Quyết toán vào cuối năm cùng các khoản thu nhập khác	10% thuế khấu trừ đối với thu nhập từ tiền cho thuê

Nguồn: Hiến pháp và Luật Đất đai của Việt Nam số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013
Nghị định 44/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Malaysia	Philippines	Thái Lan
Luật Bất động sản	Thuế Bất động sản	Đạo luật Xây dựng và Đất đai
Sở hữu vô thời hạn và Thuế	Sở hữu vô thời hạn và Thuế (có điều kiện)	Sở hữu vô thời hạn và Thuế. Người nước ngoài được phép thuê tối đa 30 năm và được gia hạn thêm 30 năm
Sở hữu lâu dài hoặc có thời hạn. Người nước ngoài được phép sở hữu bất động sản. Chương trình đặc biệt của chính phủ: MM2H	Quyền sở hữu lâu dài hoặc có thời hạn chỉ dành cho công dân Philippines và hoặc doanh nghiệp có tỷ lệ vốn cổ phần nội địa trên 60%.	Sở hữu lâu dài hoặc có thời hạn
Theo thị trường. Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) 6%, Thuế trước bạ tối đa 3%	Theo thị trường. Áp thuế VAT 12% đối với giao dịch và thuế trước bạ 1,5% khi chuyển nhượng.	Theo thị trường. Thuế đất đai 3,3% và thuế trước bạ 0,5% khi chuyển nhượng.
	0,25-0,75% giá bán hoặc giá trị lô đất	
	Thuế trước bạ 1,5%	
		Thuế thấp tùy thuộc vị trí đất. < 0,5% nếu đất thương mại và < 0,1% đất ở
6% mỗi năm	Thuế bất động sản từ 1- <2% tùy thuộc vị trí, nộp vào quý 1 mỗi năm	Miễn cho chủ sở hữu thứ nhất nhưng không áp dụng đối với các chủ sở hữu khác. Người nước ngoài sở hữu thông qua một doanh nghiệp phải nộp thuế bất động sản ngay cả khi không thuê. Thuế bất động sản mới – tất cả - <0,5% đất thương mại và <0,1% nếu chủ sở hữu sử dụng cho mục đích riêng
22,4% sau khi khấu trừ toàn bộ các chi phí liên quan bao gồm khấu hao, thuế bất động sản hàng năm, chi phí vận hành (dịch vụ quản lý)	Người cư trú trong nước có mức khấu trừ cao hơn, người nước ngoài không cư trú trả 25% tiền thuế	12,5% giá trị cho thuê hàng năm hoặc giá trị cho thuê kê khai hàng năm căn cứ vào giá trị nào cao hơn

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng – Khách sạn thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

I. Chính sách thị thực nhập cảnh

Kenneth Atkinson, Chủ tịch Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng – Khách sạn
Chủ tịch điều hành, Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam

II. Tiếp thị điểm đến

Hawkins Pham
Giám đốc Điều hành Quỹ Indochina Capital tại thành phố Hồ Chí Minh

III. Đất đai và các vấn đề thuế liên quan

Colin M. Pine
Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Dự Án Hồ Tràm

CHƯƠNG 20 RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH

TỔNG QUAN

Ở Việt Nam, các sản phẩm bia, rượu và “rượu lên men từ trái cây” được sử dụng một cách phổ biến ở khắp các thành phố, thị trấn trong khi rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu lại có xu hướng được sử dụng trong các khách sạn, quán bar, nhà hàng và câu lạc bộ ở các thành phố lớn bởi một nhóm khách hàng có thu nhập ở mức cao. Bên cạnh các sản phẩm đồ uống có cồn nổi tiếng trên thế giới, các loại rượu sản xuất thủ công tại gia có thể gây hại cho sức khỏe của người tiêu dùng, cũng được sử dụng rộng rãi ở các hộ gia đình có thu nhập thấp hơn ở các vùng nông thôn và ngoại thành.

Thị trường đồ uống có cồn tại Việt Nam tiếp tục phát triển trong những năm gần đây. Bia (với tổng mức tiêu thụ riêng khoảng 3,1 tỷ lít trong năm 2014)¹ dẫn đầu sự tăng trưởng này, theo sau là vodka, sản phẩm phát triển nhanh thứ hai. Mức tiêu thụ rượu cognac giữ mức ổn định trong khi các loại rượu vang và whisky có sự gia tăng đều đặn. Nhiều nhãn rượu mạnh sản xuất trong nước đã xuất hiện trên thị trường và bắt đầu chiếm lĩnh dần thị phần.

Việt Nam là thị trường ưu tiên của châu Âu đối với ngành rượu vang và rượu mạnh. Là một quốc gia có thu nhập ở mức trung bình với lợi thế về dân số, thị trường Việt Nam vẫn còn rất nhiều tiềm năng phát triển cho các mặt hàng rượu nhập khẩu từ châu Âu. Với việc thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA), ngành hàng dự báo sự tăng trưởng tiêu dùng các mặt hàng rượu vang và rượu mạnh từ châu Âu. Theo ước tính, năm 2014, thị trường rượu mạnh chính thức của Việt Nam đạt hơn 4,4 triệu thùng 9 lít và thị trường rượu vang đạt 1,4 triệu thùng 9 lít. Lượng rượu mạnh nhập khẩu tăng hơn 50% so với thời điểm năm 2009, trong khi đó lượng rượu mạnh sản xuất trong nước tăng hơn 370% so với cùng kỳ². Tuy nhiên, những con số này không đáng kể so với lượng rượu thủ công sản xuất trong nước và rượu lậu, ước đạt 28 triệu thùng 9 lít (gần 250 triệu lít)³. Phần khúc này làm dấy lên mối quan ngại về nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng và làm giảm nguồn thu ngân sách từ thuế của Chính phủ Việt Nam. Chính sách quốc gia về phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn (NAP) cần tập trung vào việc loại bỏ rượu thủ công không đăng ký và rượu lậu⁴.

Chúng tôi kỳ vọng thị trường rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu sẽ gia tăng sự phát triển trong những năm tới do việc cắt giảm giảm thuế quan trong các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) như EVFTA, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và thu nhập người dân tăng sẽ khuyến khích người tiêu dùng Việt Nam giảm dần tiêu thụ rượu lậu và chuyển sang đồ uống nhập khẩu chính thức cao cấp. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn tiếp tục đối mặt với những thách thức về rào cản thương mại, rào cản thuế quan và quy định pháp lý.

Trong số các quan ngại mà chúng tôi đã đề cập tại Sách Trắng năm trước, vấn đề về truy xuất nguồn gốc vẫn cần được lưu tâm. Ngành hàng mong muốn Chính phủ Việt Nam cần có các quy định chặt chẽ hơn để bảo vệ mã số lô của sản phẩm rượu vang và rượu mạnh của các nhà sản xuất châu Âu bằng cách có các quy định nghiêm cấm các hành vi tẩy xóa, sửa đổi hay làm mờ các thông tin liên quan đến truy xuất nguồn gốc hàng hóa (tức là “mã số lô sản phẩm”) trong các văn bản pháp luật của Việt Nam mà không phải có thêm quy định mới về yêu cầu cụ thể về ghi mã số lô sản phẩm vì việc này có thể tạo ra sự trùng lặp với yêu cầu mà các nhà sản xuất đang thực hiện theo quy định của nước xuất khẩu. Ngoài ra, theo Biên bản ghi nhớ của EVFTA ngày 4 tháng 8 năm 2015⁵, Việt Nam sẽ công nhận và bảo hộ các Chỉ dẫn Địa lý chủ yếu của châu Âu, bao gồm các loại rượu vang và rượu mạnh của châu Âu như Champagne, Whiskey của Ai-len, vodka của Thụy Điển, Cognac và Whisky của Scot-len. Tiểu ban kính đề nghị Việt Nam có những biện pháp đảm bảo việc thi hành chặt chẽ các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ của Việt

¹ "Người Việt uống 3,1 tỷ lít bia trong năm 2014", *Vn Express*, 23/01/15. Tham khảo tại <<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doi-hang-nghiep/nguoi-viet-uong-3-1-ty-lit-bia-trong-nam-2014-3138223.html>>

² "WSR Báo cáo Quốc gia 2015", *Hồ sơ ngành Rượu vang và Rượu mạnh Quốc tế tại Việt Nam*. Tham khảo tại <<http://www.theiwsr.com/index.aspx?ReturnUrl=%2f>>

³ Ước tính dựa trên "Báo cáo Tình trạng Toàn cầu về rượu và sức khỏe năm 2014", *Tổ chức Y tế Thế giới*, trang 296. Tham khảo tại <http://apps.who.int/iris/bitstream/10665/112736/1/9789240692763_eng.pdf>

⁴ "Ủy ban giải quyết vấn đề về đồ uống có cồn", *Vietnam Plus*, 05/05/2014. Tham khảo tại <<http://en.vietnamplus.vn/Home/Committee-to-target-growing-alcohol-problem/20145/49791.vnplus>>

⁵ "Liên minh châu Âu và Việt Nam đạt được thỏa thuận về tự do thương mại", Thông cáo Báo chí từ Ủy ban Liên minh châu Âu, 04/08/15. Tham khảo tại <http://europa.eu/rapid/press-release_IP-15-5467_en.htm>

Nam, đặc biệt là các quy định liên quan tới Chỉ dẫn Địa lý; giảm những gánh nặng không cần thiết về các thủ tục trong việc thi hành các quy định và nâng cao sự hợp tác giữa các dịch vụ về thực thi bảo hộ với các bên liên quan tới nhãn hiệu Chỉ dẫn Địa lý đã được công nhận.

Liên quan đến vấn đề về Giấy phép kinh doanh rượu tại Nghị định 94/2012/ND-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh rượu (Nghị định 94) được đề cập trong Sách trắng của EuroCham năm 2015, chúng tôi đánh giá cao việc ban hành Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương (BCT) để thay thế Thông tư 39/2012/TT-BCT hướng dẫn thi hành các quy định của Nghị định 94, trong đó đã không còn quy định yêu cầu về giấy phép bán lẻ rượu đối với thương nhân cung cấp dịch vụ sử dụng tại chỗ như nhà hàng, quán bar và khách sạn. Chúng tôi cũng lưu ý tới việc ban hành Quyết định 2219/QĐ-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2015 của BCT phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới kinh doanh phân phối và bán buôn rượu trên phạm vi toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn hướng tới năm 2035 khi mà đến thời điểm này nhiều tỉnh, thành phố đã vượt mức số lượng giấy phép được cấp. Tuy nhiên, vấn đề quan tâm chính là việc hạn chế hoạt động phân phối của các nhà nhập khẩu. Những hạn chế này đã đi ngược lại với các cam kết với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các nghĩa vụ khác đối với WTO của Việt Nam. Chúng tôi vô cùng lo lắng về các hạn chế quyền của các nhà nhập khẩu đồ uống có cồn trong việc thực hiện cả hai hoạt động phân phối và bán buôn trên phạm vi toàn quốc. Chúng tôi mong đợi các giải pháp cấp bách được thực hiện như trong kiến nghị của chúng tôi đã được đề cập tại Sách Trắng năm ngoái.

Trong phần này, chúng tôi trình bày ba vấn đề thách thức lớn nhất đối với ngành hàng và đưa ra các kiến nghị mà theo chúng tôi có thể sẽ giúp tăng nguồn thu ngân sách, hỗ trợ sự phát triển của ngành hàng và khuyến khích một môi trường uống có trách nhiệm.

I. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ VIỆT NAM

Bộ ngành liên quan: Bộ Công Thương (BCT), Bộ Tài chính (BTC), Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN)

1. Cắt giảm thuế quan

Mô tả vấn đề

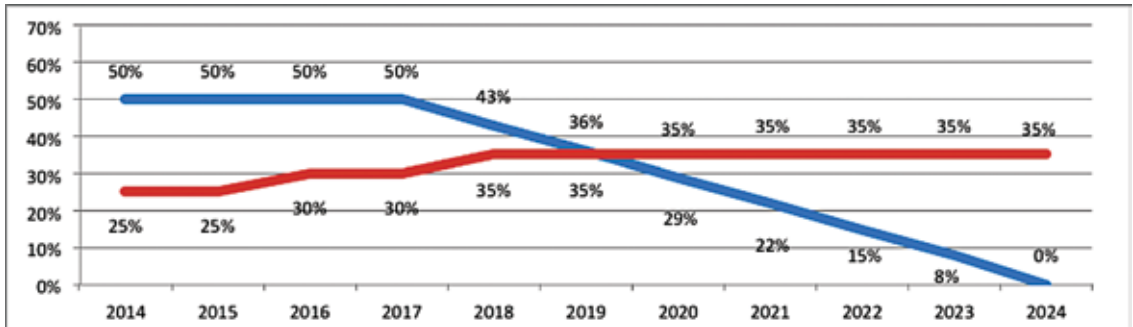
Hiện nay mức thuế nhập khẩu của Việt Nam là 50% đối với rượu vang và 45% đối với rượu mạnh (biểu thị bằng đường màu xanh)⁶. Mức thuế suất cao này, cùng với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (biểu thị bằng đường màu đỏ)⁷, đã tạo cơ hội khuyến khích hoạt động buôn lậu và các hoạt động gian lận thương mại khác, làm xói mòn nỗ lực tăng thu ngân sách từ thuế của Chính phủ. Chúng tôi hy vọng hàng rào thuế quan đối với rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu từ châu Âu được dỡ bỏ hoàn toàn sẽ giúp thúc đẩy các hoạt động nhập khẩu chính thức và từng bước giúp giảm các hoạt động buôn lậu, hàng giả và các hoạt động gian lận thương mại khác tại Việt Nam.

Theo Biên bản ghi nhớ của Ủy ban châu Âu công bố ngày 4 tháng 8 năm 2015 về Thỏa thuận nguyên tắc EVFTA⁸ thì thuế nhập khẩu đối với rượu vang và rượu mạnh có xuất xứ từ châu Âu sẽ được xóa bỏ trong vòng 7 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

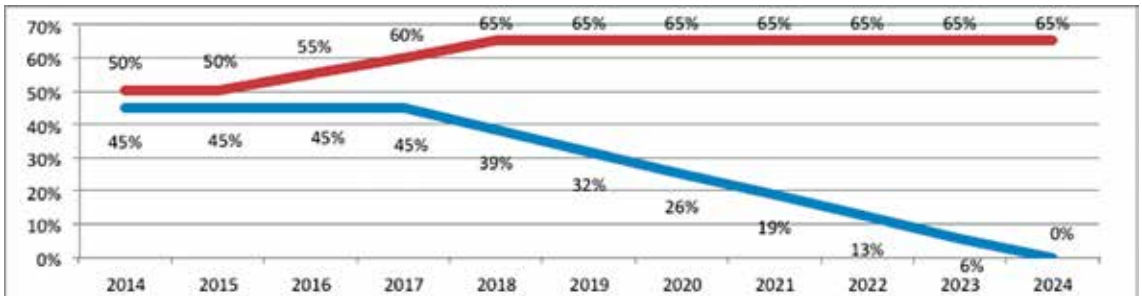
⁶ Thông tư 164/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 và/hoặc <<http://www.customs.gov.vn/SitePages/Tariff-Search.aspx?language=en-US>> Luật số 70/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt.

⁸ "Liên minh châu Âu và Việt Nam đạt được thỏa thuận về tự do thương mại"; Thông cáo Báo chí từ Ủy ban Liên minh châu Âu, 04/08/15. Tham khảo tại <http://europa.eu/rapid/press-release_IP-15-5467_en.htm>

Biểu đồ 16: Dự kiến thuế suất thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt⁹ đối với Rượu vang từ 2014-2024



Biểu đồ 17: Dự kiến thuế suất thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với Rượu mạnh¹⁰ từ 2014-2024



Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Do có sự chênh lệch về giá giữa rượu sản xuất trong nước và rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu nên rõ ràng là rượu sản xuất trong nước và rượu nhập khẩu có các đối tượng khách hàng khác nhau. Vì vậy việc cắt giảm thuế nhập khẩu sẽ không có tác động tiêu cực đến ngành hàng sản xuất trong nước. Sự xóa bỏ dần thuế quan đối với rượu nhập khẩu thông qua việc thực hiện EVFTA sẽ làm giảm gánh nặng về thuế đối với các mặt hàng rượu nhập khẩu chính thức, từ đó có thể khuyến khích các hoạt động nhập khẩu hợp pháp, có nộp thuế đầy đủ và điều này cũng sẽ làm giảm các hoạt động buôn lậu, hàng giả và các hình thức gian lận thương mại khác. EVFTA sẽ cho phép các nhà xuất khẩu và các nhà đầu tư từ Liên minh châu Âu thâm nhập vào thị trường Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển với hơn 90 triệu dân và từ đó đóng góp vào sự hiện diện của họ tại một trong những khu vực năng động nhất trên thế giới. Việc này đồng thời cũng cho phép người tiêu dùng Việt Nam có thêm cơ hội được thưởng thức các sản phẩm đa dạng và cao cấp.

Kiến nghị

- Chúng tôi mong muốn Chính phủ Việt Nam duy trì một chính sách thuế phù hợp và ổn định, thực hiện theo đúng các cam kết trong EVFTA đã ký kết đối với ngành hàng rượu vang và rượu mạnh xuất xứ từ châu Âu. Điều này sẽ giúp tăng trưởng các hoạt động nhập khẩu chính thức và giảm đáng kể các hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại khác và đồng thời bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng tại Việt Nam.

⁹ Biểu đồ này dựa trên giả thuyết (1) Thuế nhập khẩu: cắt giảm đều trong vòng 7 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực từ 1/1/2018 và (2) thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt được giữ nguyên sau năm 2018. Tham khảo tại <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2015/august/tradoc_153674.pdf>

¹⁰ Biểu đồ này dựa trên giả thuyết (1) Thuế nhập khẩu: cắt giảm đều trong vòng 7 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực từ 1/1/2018 và (2) thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt được giữ nguyên sau năm 2018. Tham khảo tại <http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2015/august/tradoc_153674.pdf>

2. Quy tắc xuất xứ/ Việc vận chuyển thông qua các trung tâm trung chuyển ở khu vực

Mô tả vấn đề

Để có thể được hưởng các lợi ích từ việc loại bỏ hàng rào thuế quan trong EVFTA, Quy tắc xuất xứ (ROO) cần được lưu tâm khi hàng hóa được vận chuyển đến nước nhập khẩu thông qua các trung tâm trung chuyển tại châu Á để cung ứng phân phối hàng hóa một cách hiệu quả trong môi trường thương mại quốc tế hiện nay. Điều này sẽ giúp cho ngành hàng tập trung các lô hàng và đảm bảo sự tuân thủ các yêu cầu cụ thể của một quốc gia nhập khẩu – các hoạt động cần thiết không làm thay đổi bản chất hàng hóa như bảo quản, chia tách lô hàng, dán nhãn phụ, tem thuế nhập khẩu (tùy theo yêu cầu của nước nhập khẩu) được thực hiện tại kho ngoại quan dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan hải quan của các quốc gia tại các trung tâm trung chuyển ở châu Á. Việc tập trung và xuất các hóa đơn cho những lô hàng xuất đi từ trung tâm trung chuyển cũng cần phải được lưu tâm để đảm bảo tính linh hoạt. Mô hình này góp phần nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí, và giảm thời gian đáp ứng đơn đặt hàng mà không làm ảnh hưởng nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa từ Liên minh châu Âu.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Tham khảo các Hiệp định Thương mại Tự do mà Việt Nam đã tham gia và các quy định về ROO liên quan ở mỗi hiệp định¹¹, Việt Nam đã cho thấy sự linh hoạt trong việc đảm bảo rằng các quy định về ROO trong các FTA có đủ cơ sở để xác định xuất xứ hàng hóa để được hưởng ưu đãi thuế quan theo hiệp định và đồng thời vẫn duy trì một mô hình cung ứng phân phối sản phẩm hiện đại. Cách thức này cũng sẽ tạo điều kiện và thúc đẩy hoạt động thương mại song phương và trong khu vực, đảm bảo phát huy tối đa tiềm năng tăng trưởng kinh tế.

Kiến nghị

Ngành hàng đề nghị việc áp dụng ROO một cách linh hoạt trong EVFTA và đảm bảo việc sử dụng mô hình cung ứng hàng hóa thông qua các trung tâm trung chuyển tại các nước trong khu vực sẽ được chấp thuận trong khi vẫn duy trì các điều kiện đủ để các mặt hàng có xuất xứ từ Liên minh châu Âu được hưởng các ưu đãi về cắt giảm thuế quan:

- Chấp nhận đề xuất về Quy tắc Không Làm thay đổi Cơ bản Hàng hóa (Non-Alteration rules), trong đó cho phép duy trì tình trạng nguồn gốc xuất xứ khi thực hiện các hoạt động không làm thay đổi cơ bản hàng hóa (ví dụ bảo quản và lưu kho, chia tách lô hàng, dán nhãn mác và tem thuế theo quy định của nước nhập khẩu nếu có) được thực hiện ở các nước quá cảnh hàng hóa không phải là thành viên EVFTA mà vẫn duy trì tình trạng xuất xứ hàng hóa.
- FTA cho phép các doanh nghiệp xuất khẩu từ châu Âu đủ điều kiện được cấp chứng nhận tự xác định nguồn gốc xuất xứ cho những mặt hàng mà mình xuất khẩu để được hưởng ưu đãi thuế quan;
- Đảm bảo hóa đơn do các quốc gia không tham gia EVFTA cấp không làm ảnh hưởng đến việc hàng hóa xuất xứ từ EU được hưởng các ưu đãi thuế quan.
- Yêu cầu làm rõ khi người nhận hàng trung gian¹² tại địa điểm trung chuyển trong khu vực được phép đính kèm tờ khai xuất xứ (bao gồm số hiệu doanh nghiệp xuất khẩu của đơn vị xuất khẩu gốc tại EU) trong chứng từ thương mại đi kèm hàng hóa vận chuyển từ nước trung chuyển không tham gia EVFTA đến Việt Nam, và tờ khai xuất xứ này cuối cùng sẽ được dùng làm căn cứ để yêu cầu xét áp dụng mức thuế suất ưu đãi theo FTA.
- Ngành hàng kiến nghị được phép tham gia vào các buổi thảo luận, tư vấn liên quan đến việc thực hiện FTA, bao gồm cả việc xây dựng các văn bản thực hiện các quy định về ROO theo EVFTA đã ký kết.

II. CHÍNH SÁCH THUẾ

Bộ ngành liên quan: Bộ Tài chính (BTC)

1. Thuế Tiêu thụ đặc biệt

¹¹ Hiệp hội Thương mại Nước ngoài hoan nghênh thỏa thuận thương mại EU-Việt Nam, nhưng bày tỏ những quan ngại về Quy tắc xuất xứ, *Hiệp hội Thương mại Nước ngoài*. Tham khảo tại <http://itp.fta-intl.org/news/fta-welcomes-eu-vietnam-trade-deal-raises-concern-rules-origin-1?_ga=1.226680149.939927813.1443156814>

¹² Người nhận hàng trung gian thường là chi nhánh ở nước ngoài của công ty thuộc nước xuất khẩu tham gia hiệp định, hoặc đơn vị xuất khẩu đại diện cho công ty tại nước xuất khẩu tham gia hiệp định.

Mô tả vấn đề

Luật số 70/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều về Luật thuế TTĐB sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thuế suất thuế TTĐB theo Luật này sẽ có thay đổi như sau: Rượu mạnh (≥ 20 độ): từ 1 tháng 1 năm 2016: 55%; từ 1 tháng 1 năm 2017: 60% và từ 1 tháng 1 năm 2018: 65%; - Rượu vang và Sâm-panh (< 20 độ): 1 tháng 1 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2017: 30% và từ 1 tháng 1 năm 2018: 35%.

Cùng với việc tăng thuế suất, một đề xuất khác về sửa đổi bổ sung một số điều về Luật thuế TTĐB (Dự thảo Luật) đã được đưa ra thảo luận tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội Khóa 13 (từ 20 tháng 10 đến 28 tháng 11 năm 2015). Ngành hàng vô cùng lo lắng về những thay đổi trong Dự thảo Luật này như sau:

1. Thay đổi về giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu: chuyển đổi từ giá nhập khẩu (Giá tính thuế nhập khẩu + thuế nhập khẩu) sang giá của cơ sở nhập khẩu bán ra.

Giá tính thuế TTĐB đối với hàng nhập khẩu là giá do cơ sở nhập khẩu bán ra nhưng có thể do cơ quan thuế ấn định nếu thấp hơn mức tỉ lệ (%) do Chính phủ quy định so với giá bán bình quân của các cơ sở thương mại bán ra (Ghi chú: hiện mức tỉ lệ này là 7% được quy định tại Nghị định 108/2015/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 10 năm 2015)

2. Việc thay đổi với mức tăng cao, nhanh chóng, bất ngờ ngay sau thuế suất thuế TTĐB được điều chỉnh tăng trong 3 năm liên tiếp kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến năm 2018, đã gây một tác động vô cùng lớn đối với hoạt động kinh doanh của ngành hàng rượu vang và rượu mạnh nhập khẩu và niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài. Mức tăng này không chỉ làm xói mòn các lợi ích đạt được từ việc cắt giảm thuế quan theo EVFTA hoặc TPP vừa mới được hoàn tất đàm phán, mà còn có thể khiến Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có mức thuế cao nhất ở khu vực châu Á như Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, thậm chí ngay cả khi thuế nhập khẩu về 0% trong tương lai. Và không phải ngẫu nhiên mà các nước này đồng thời cũng có các hoạt động buôn lậu, trốn thuế ở mức cao.

Ngày 28 tháng 10 năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2015/ND-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB (Nghị định 108) sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016. Điều 6.2 của Luật 27/2008/QH12 về thuế TTĐB (Luật số 27) có quy định giá tính thuế TTĐB đối với hàng nhập khẩu là “giá tính thuế nhập khẩu cộng thuế nhập khẩu” trong khi Điều 4.1 của Nghị định 108 quy định “giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu (trừ xăng các loại) do cơ sở kinh doanh nhập khẩu bán ra” và Điều 4.2 “đối với hàng nhập khẩu tại khâu nhập khẩu, giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế nhập khẩu + thuế nhập khẩu”. Theo chúng tôi, quy định tại điều 4.1 liên quan đến giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu là mâu thuẫn với Điều 6.2 của Luật số 27 và Luật số 70/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB (không có quy định sửa đổi giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu). Hơn nữa, quy định mới này được đưa ra mà không có sự tham khảo ý kiến của ngành hàng rượu vang và rượu mạnh châu Âu là đối tượng bị tác động trực tiếp.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Trong khi ngân sách của Chính phủ có thể tăng trong ngắn hạn, nhưng việc tăng thuế TTĐB sẽ có thể gây tác dụng ngược lại xét về dài hạn và sẽ:

- Ảnh hưởng nghiêm trọng tới tính bền vững và có thể dự đoán trước được của môi trường kinh doanh;
- Làm xói mòn các lợi ích đạt được từ việc cắt giảm thuế quan theo EVFTA và TPP;
- Tạo môi trường thuận lợi để buôn lậu phát triển và gia tăng thất thu thuế;
- Thuế cao sẽ khiến người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang các mặt hàng có giá thấp hơn và hàng lậu từ đó dẫn đến kinh doanh giảm và thu ngân sách cũng giảm theo;
- Việc đánh giá tác động một cách kỹ lưỡng sẽ giúp tạo một chính sách thu ngân sách bền vững, lâu dài;
- Tính rõ ràng, ổn định và phù hợp của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Kiến nghị

- Chính phủ Việt Nam cần tạo một môi trường chính sách bền vững và có thể dự đoán trước giúp các doanh nghiệp (trong nước và nước ngoài) có thể lên các kế hoạch kinh doanh và đầu tư dài hạn;
- Xem xét tạm hoãn thời hạn ban hành Luật bổ sung sửa đổi một số điều của Luật thuế TTĐB và duy trì hệ thống luật pháp hiện tại đối với ngành hàng cho tới khi có các đánh giá và tham vấn kỹ lưỡng được tiến hành;

- Trong trường hợp việc ban hành Luật bổ sung sửa đổi một số điều của Luật thuế TTĐB là cần thiết thì ngành hàng mong muốn hiệu lực về điều khoản thay đổi giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu nói trên được xem xét tạm hoãn cho tới khi EVFTA, TPP hoặc các FTA khác bắt đầu có hiệu lực và tác động của lộ trình tăng thuế suất thuế TTĐB cũng đồng thời được xem xét.
- Xem xét sửa đổi điều khoản tại Nghị định 108 trái với luật hiện hành.
- Việt Nam xem xét chuyển đổi một cách tiếp cận mới về phương pháp tính thuế: tính thuế dựa trên hàm lượng cồn nguyên chất có trong sản phẩm (phương pháp thuế tuyệt đối) thay vì phương pháp tính theo giá trị (thuế phần trăm – ad valorem). Nếu không thể chuyển đổi ngay sang hệ thống tính thuế tuyệt đối một cách toàn diện, Việt Nam có thể áp dụng kết hợp cả hai phương pháp tính trên bằng cách áp dụng thuế tuyệt đối cho một số cấu phần song song với một số cấu phần áp dụng phương pháp tính thuế theo giá trị sẽ vẫn đạt được cùng mục tiêu.

2. Xác định trị giá Hải quan

Mô tả vấn đề

Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam đã ban hành các luật và quy định về phương pháp xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phù hợp với các nguyên tắc WTO. Từ đó tới nay Việt Nam đã thiết lập hệ thống giá tham chiếu đối với các mặt hàng “nhạy cảm” trong hệ thống dữ liệu hải quan. Cục Hải quan các tỉnh, thành phố đều tham khảo cơ sở dữ liệu trị giá này khi gặp vấn đề đối với giá trị hải quan do đơn vị nhập khẩu khai. Tuy nhiên, việc sử dụng giá tham chiếu để xác định trị giá hải quan như hiện nay dẫn đến việc áp đặt giá trị tối thiểu đối với hàng hóa nhập khẩu và mức thuế hải quan cao một cách không công bằng.

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Hệ thống xác định giá trị tính thuế khách quan và có thể dự đoán được đóng vai trò thiết yếu trong việc lập kế hoạch mậu dịch. Hệ thống này sẽ cải thiện tính minh bạch và tạo điều kiện cho các công ty xác định đúng mức giá bán sản phẩm trên thị trường, đem lại lợi ích cho người tiêu dùng, từ đó giúp tăng nguồn thu hải quan.

Kiến nghị

- Chính phủ Việt Nam nên đảm bảo tuân thủ toàn diện Hiệp định Xác định trị giá tính Thuế hải quan của WTO cả về mặt nguyên tắc và áp dụng thực tiễn.

III. CHÍNH SÁCH VỀ PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI LẠM DỤNG ĐỒ UỐNG CÓ CỒN

Bộ ngành liên quan: Bộ Y tế (BYT)

Mô tả vấn đề

Việt Nam đã ban hành Quyết định 244/QĐ-TTg về Chính sách Quốc gia về Phòng chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2014 (NAP)¹³. Hiện nay Bộ Y tế (BYT) đang có kế hoạch xây dựng Luật phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia và các đồ uống có cồn khác (sau đây gọi là “Dự thảo Luật”). Mục tiêu chung là để “phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia và các đồ uống có cồn khác để bảo vệ sức khỏe cộng đồng và góp phần ổn định phát triển kinh tế xã hội”.

Tiểu ban hoàn toàn ủng hộ các nỗ lực và cam kết của Chính phủ trong việc kiểm soát tác hại của việc lạm dụng đồ uống có cồn và tin rằng việc tuyên truyền giáo dục và tiêu dùng đồ uống có cồn ở mức độ vừa phải, hợp lý và có trách nhiệm là điểm mấu chốt để đạt được những kết quả trong lĩnh vực này.

¹³ Tham khảo tại <<http://thuvienphapluat.vn/archive/Quyết-dinh-244-QĐ-TTg-nam-2014-phong-chong-tac-hai-lam-dung-do-uong-co-con-den-2020-vb221176.aspx>>

Tiểu ban xin được đề nghị BYT, Chính phủ và Ban soạn thảo Dự thảo Luật cần dựa trên đánh giá toàn diện việc thực hiện Chính sách quốc gia khi xây dựng Dự thảo luật. Chúng tôi sẵn sàng hợp tác với bộ Y tế và các bên liên quan để tìm ra những giải pháp và những chiến lược được định hướng để giảm tác hại đến sức khỏe do lạm dụng đồ uống có cồn tại Việt Nam. Chúng tôi mong muốn được chia sẻ những lo ngại cũng như đưa ra các đề xuất dựa trên kinh nghiệm quốc tế cho những nội dung chính trong Dự thảo Luật như sau: 1. Tên gọi của Dự thảo Luật, 2. Đề xuất cấm và hạn chế kinh doanh, 3. Đề xuất cấm và hạn chế quảng cáo và tiếp thị, 4. Nội dung ghi nhận cảnh báo sức khỏe (HWL), 5. Các chính sách thuế đối với đồ uống có cồn và 5. Quỹ nâng cao sức khỏe cộng đồng (HIF).

Lợi ích/quan ngại tiềm tàng đối với Việt Nam

Các đánh giá và nghiên cứu toàn diện dựa trên việc thực hiện Chính sách quốc gia sẽ cung cấp một nền tảng khoa học vững chắc để xây dựng một bản Dự thảo luật phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của Việt Nam.

Một chính sách quốc gia hay Luật công bằng và hài hòa sẽ vừa làm giảm việc lạm dụng đồ uống có cồn lại vừa bảo đảm nguồn thu ngân sách, bảo vệ các hoạt động tự do kinh doanh thương mại. Một chính sách quốc gia quá cứng nhắc trên mức cần thiết có thể sẽ gây phản tác dụng, khiến người tiêu dùng chuyển hướng sang sử dụng sản phẩm ở thị trường chợ đen gây ảnh hưởng xấu đến du lịch và làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước từ thuế và gia tăng các rủi ro về sức khỏe đối với người tiêu dùng.

Kiến nghị

Tiểu ban Rượu vang và rượu mạnh ủng hộ cách tiếp cận chính sách có định hướng, và dựa trên bằng chứng khoa học để quản lý một cách có hiệu quả các vấn đề liên quan đến hành vi tiêu dùng cá nhân và lạm dụng đồ uống có cồn mà không cần phải có các quy định khắt khe quá mức đối với các hoạt động kinh doanh và tiếp cận thị trường hợp pháp. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ mục tiêu của Việt Nam là:

- Hoàn thiện chi tiết một số chính sách và quy định đến năm 2020;
- Giải quyết vấn đề rượu lậu;
- Ngăn ngừa việc sử dụng đồ uống có cồn ở người dưới độ tuổi quy định;
- Ngăn ngừa việc sử dụng đồ uống có cồn tại nơi làm việc;
- Ngăn ngừa việc sử dụng đồ uống có cồn và lái xe;
- Nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn; và
- Giúp đỡ người nghiện đồ uống có cồn tham gia vào các chương trình phục hồi sức khỏe.

Chúng tôi cam kết và sẵn sàng hợp tác với Chính phủ để tuyên truyền uống có trách nhiệm tới người dân. Một số dự án mà chúng tôi đã và đang triển khai:

- Từ năm 2011, các công ty rượu vang và rượu mạnh phối hợp triển khai thực hiện các chương trình đa dạng ngăn ngừa và nâng cao nhận thức vấn đề về sử dụng đồ uống có cồn và lái xe tại Việt Nam.
- Vào tháng Ba năm 2012, chúng tôi cùng ký kết “Quy chế Marketing ngành Rượu Việt Nam – Hướng dẫn về truyền thông marketing có trách nhiệm”
- Đầu tháng 4 năm 2015, với sáng kiến của các thành viên Tiểu ban, Diễn đàn uống có trách nhiệm (VARD)¹⁴ được thành lập với phạm vi hoạt động chủ yếu liên quan đến việc thực hiện các cam kết của các lãnh đạo cấp cao của các công ty thành viên Tiểu ban và Chính sách Quốc gia về Phòng chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn.

LỜI CẢM ƠN

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham

Thành viên: Diageo Vietnam Ltd, Moët Hennessy Vietnam, Pernod Ricard Vietnam, Alchemy Asia, Remy Cointreau Vietnam

¹⁴ Diễn đàn Uống có Trách nhiệm, website <<http://vard.org.vn/>>

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT VÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

ACCC	Ủy ban Điều phối Kết nối ASEAN
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AEBS	Hội nghị Thượng đỉnh Kinh doanh thường niên EU-ASEAN
AEC	Cộng đồng Kinh tế ASEAN
AI	Hoạt chất
ARISE	Chương trình Hỗ trợ Hội nhập Khu vực ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
AVI	Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam
AWC	Chăm sóc Vết thương Nâng cao
BCA	Bộ Công An
BCI	Chỉ số môi trường kinh doanh
BCT	Bộ Công thương
BeluxCham	Phòng Thương mại và Công nghiệp Bỉ - Luxemburg tại Việt Nam
BNG	Bộ Ngoại giao
Bộ GTVT	Bộ Giao thông Vận tải
Bộ KHCN	Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ LĐTB&XH	Bộ Lao Động, Thương binh và Xã hội
Bộ NNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ TTTT	Bộ Thông tin và Truyền thông
Bộ VH TT&DL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
BOT	Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao
BT	Xây dựng - Chuyển giao
BTC	Bộ Tài chính
BXD	Bộ Xây dựng
BYT	Bộ Y tế
CBU	Ô tô nhập khẩu nguyên chiếc
CCFIV	Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam
CEEC	Hiệp hội Doanh nghiệp Trung và Đông Âu Việt Nam
CIETT	Liên đoàn quốc tế Hiệp hội các Công ty Nhân sự
CKD	Ô tô lắp ráp trong nước từ linh kiện nhập khẩu
CMIT	Cảng Quốc tế Cái Mép
CNTT	Công nghệ thông tin
CPC	Hệ thống phân loại sản phẩm trung tâm
CR	Hợp quy
CSR	Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp
Cục BQTG	Cục Bản quyền Tác giả
Cục QLCT	Cục Quản lý Cạnh tranh
Cục SHTT	Cục Sở hữu Trí tuệ
CV	Công văn
CWM	Thị trường bán buôn điện cạnh tranh
DAV	Cục Quản lý Dược Việt Nam
DBAV	Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan

DFU	Điều trị bỏng và loét chân do đái tháo đường
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
DTA	Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
EBOWWN	Mạng lưới các Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu toàn cầu
EE	Sử dụng năng lượng hiệu quả
EEBC	Quy chuẩn xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả
EFTA	Hiệp hội Mậu dịch Tự do Châu Âu
ERAV	Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam
E-READI	Công cụ Đối thoại Tăng cường khối EU-ASEAN
ESCO	Công ty Dịch vụ Năng lượng
EU	Liên minh Châu Âu
EUR	Đồng Euro
EuroCham	Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
FAASC	Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FIA	Hiệp hội Thực phẩm châu Á
FIEs	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
FSA	Cơ quan An toàn Thực phẩm
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
FTZ	Khu vực Mậu dịch Tự do
GBA	Hiệp hội các doanh nghiệp Đức tại Việt Nam
GDE	Tổng cục Năng lượng
GDP	Tổng Sản phẩm Quốc nội
GHG	Khí thải nhà kính
GI	Chỉ dẫn Địa lý
GIZ	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức
GSP	Chương trình Ưu đãi Thuế quan Phổ cập
HCP	Chuyên gia chăm sóc sức khỏe
HIF	Quý nâng cao sức khỏe cộng đồng
HKIAC	Trung tâm Trọng tài Quốc tế Hồng Kông
HWL	Nội dung ghi nhãn cảnh báo sức khỏe
ICham	Phòng Thương mại Ý tại Việt Nam
ICT	Ban Công nghệ thông tin và Truyền thông
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
IFRS	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
ILO	Tổ chức Lao Động Quốc tế
ISO	Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế
JCC	Hội nghị Ủy ban Hợp tác chung ASEAN-EU
LĐĐ	Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2013
LDN	Luật Doanh nghiệp 2014
LĐT	Luật Đầu tư 2014
LKDBĐS	Luật Kinh Doanh Bất Động Sản số 66/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 25/11/2014
LNO	Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 25/11/2014
Luật Chứng khoán	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006



Luật SHTT	Luật Sở hữu Trí tuệ
M&A	Mua bán và Sát nhập Doanh nghiệp
MDG	Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ
MPAC	Quy hoạch Tổng thể Kết nối
MRL	Mức dư lượng tối đa cho phép
MUTRAP	Dự án Hỗ trợ Chính sách Thương mại Đa biên
MW	Mê-ga oát
NAP	Chính sách Quốc gia về Phòng chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn.
NEDL	Danh mục Thuốc Thiết yếu Việt Nam
NFG	Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham
Nghị định 15	Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư
Nghị định 30	Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư
Nghị định 58	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ
NGO	Tổ chức Phi Chính phủ
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NIDQC	Viện kiểm nghiệm thuốc Trung ương
NordCham	Hiệp hội Doanh nghiệp Bắc Âu tại Việt Nam
NYC	Công ước New York 1958 về Công nhận và Thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
OTT	Ứng dụng Over-the-top
PDF	Quỹ Phát triển Dự án
PDP	Quy hoạch phát triển điện
PG	Tiểu ban Dược phẩm
PPA	Hợp đồng mua bán điện
PPP	Đối tác Công-Tư
PSC	Hợp đồng Chia sản phẩm Dầu Khí
QC&KM	Quảng cáo và Khuyến mại
QSDĐ	Quyền Sử dụng Đất
QSHTT	Quyền Sở hữu Trí tuệ
Quyết định 631	Quyết định số 631/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài tới năm 2020
Quyết định 71	Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg ngày 09/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thí điểm đầu tư theo hình thức đối tác công – tư
R&D	Nghiên cứu và Phát triển
RASFF	Hệ thống Cảnh báo nhanh về Thực phẩm và Thức ăn chăn nuôi
RDP	Bảo vệ Dữ liệu cung cấp theo yêu cầu Luật định
ROO	Quy tắc xuất xứ
SBG	Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha tại Việt Nam
SED	Chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội
SIAC	Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở VHNT&DL	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
SSC	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam
TAB	Hội đồng Tư vấn Du lịch
TB QSHTT	Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham
TCT	Tổng cục Thuế Việt Nam

Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng
Thuế TNCN	Thuế Thu nhập cá nhân
Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
Thuế TTĐB	Thuế Tiêu thụ đặc biệt
TLPQM	Hợp hàng quý các Đối tác hoạt động trong lĩnh vực vận tải và hậu cần
TPP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương
TRC	Giấy chứng nhận cư trú chính thức
TRIPS	Hiệp định của WTO về Quyền sở hữu trí tuệ trong các khía cạnh liên quan đến thương mại
UDRP	Chính sách thống nhất giải quyết tranh chấp tên miền
UIO	Số xe trong lưu thông
UNWTO	Tổ chức Du lịch Thế giới
USD	Đô-la Mỹ
VAMA	Hiệp hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam
VARD	Diễn đàn Uống có Trách nhiệm Việt Nam
VEAF	Hiệp hội các Công ty Nhân sự Việt Nam
VGf	Quỹ Bù đắp Tài chính
VIAC	Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam
VILAS	Hệ thống công nhận Phòng thí nghiệm Việt Nam
VNACCS/VCIS	Hệ thống thông quan hàng hóa tự động/ Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ
VNAT	Tổng Cục Du lịch Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
VPTTCP	Văn phòng Thủ tướng Chính phủ
W&S	Rượu vang và Rượu mạnh
WEF	Diễn đàn Kinh tế Thế giới
WFOE	Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài
WHR	Hệ thống thu hồi nhiệt thải
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
WTTC	Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng	Trang
1. Các đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam năm 2014	10
2. Xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam trong một số lĩnh vực nhất định	12
3. Năng lực cạnh tranh của Việt Nam theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới	48
4. Thuế tiêu thụ đặc biệt	102
5. Việt Nam và việc tuân thủ hiệp định TRIPS	121
6. Quyền nhập khẩu và phân phối – so sánh giữa các quốc gia trong khu vực	122
7. So sánh chính sách thị thực của các quốc gia trong khu vực	131
8. So sánh các mục số liệu với Nhóm cạnh tranh	136

Biểu đồ	Trang
1. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC 2015): những đặc điểm chính	5
2. Tổng lượng hàng hóa: Dòng chảy và cán cân thương mại EU, số liệu hàng năm 2005-2014	6
3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam	9
4. Chỉ số Môi trường Kinh doanh	13
5. Sự phát triển ngành năng lượng – Quy hoạch điện VII sửa đổi	25
6. Quy hoạch phát triển phát điện (MW)	26
7. Tỷ trọng phát điện năm 2030 trong Tổng sơ đồ VII điều chỉnh	30
8. Số vụ việc mới đăng ký tại VIAC trong giai đoạn 1993 – 2014	50
9. Xuất khẩu sang EU và số lần cảnh báo RASFF	79
10. Vấn đề nào có tác động lớn nhất tới thị hiếu tiêu dùng giai đoạn 2015-2016?	80
11. Chỉ số môi trường Kinh doanh EuroCham (Quý 2 năm 2015)	86
12. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Việt Nam (%)	109
13. Mức độ sẵn có của 143 thực thể hóa học mới (New Chemical Entities – NCEs) được cho ra thị trường trên toàn cầu trong giai đoạn 2007-2011	116
14. Thị phần về số lượng của thuốc generic trong kênh bệnh viện ở một số thị trường mới nổi (Quý 3, 2014)	118
15. Hợp tác với Việt Nam nhằm đạt được độ Bao phủ Y tế Toàn cầu đồng thời thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp dược	124
16. Dự kiến thuế suất thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với Rượu vang từ 2014-2024	141
17. Dự kiến thuế suất thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với Rượu mạnh từ 2014-2024	141

LỜI CẢM ƠN

EuroCham Việt Nam xin chân thành cảm ơn các tác giả và các Tiểu ban ngành nghề vì những đóng góp quý báu cho ấn phẩm Sách Trắng 2016. Chúng tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn đến Công ty Luật TNHH Audier & Cộng Sự đối với việc biên tập Sách Trắng năm nay, cũng như đến Phái đoàn Liên minh Châu Âu vì sự hỗ trợ không ngừng dành cho EuroCham.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Sao Khuê - đối tác dịch thuật của Eurocham - đã nhiệt tình hỗ trợ việc chuyển ngữ và hiệu đính phần lớn các chương của ấn phẩm Sách Trắng năm nay cũng như các năm trước.

TỔNG QUAN

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Laura Chan-Aramendi,
Biên tập viên Sách Trắng, EuroCham

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

Oliver Massmann, Luật sư điều hành, Tổng Giám Đốc,
Công ty Luật TNHH Duane Morris Việt Nam

Manfred Otto, Luật sư, Công ty Luật TNHH Duane
Morris Việt Nam

CÁC VẤN ĐỀ LIÊN NGÀNH

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Minh Dương, Luật sư thành viên, Công Ty Luật TNHH
Asia Counsel Việt Nam

NGÀNH NĂNG LƯỢNG VÀ ĐIỆN LỰC

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

TĂNG TRƯỞNG XANH

Tiểu ban Tăng trưởng Xanh thuộc EuroCham

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

Tiểu ban Nhân lực và Đào tạo thuộc EuroCham

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Nga Nguyễn, Chủ tịch, Luật sư, Hogan Lovells
International LLP và các thành viên Tiểu ban Quyền Sở
hữu Trí tuệ.

THỦ TỤC TƯ PHÁP

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Bernadette Fahy, Luật sư thành viên, Công ty Luật
TNHH Audier & Cộng Sự

Marijn Sprokkereef, Luật sư, Công ty Luật TNHH Audier
& Cộng Sự

MUA BÁN VÀ SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Phong Nguyễn, Luật sư, Công ty Luật Gide Loyrette
Nouel

ĐỐI TÁC CÔNG-TU

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Samantha Campbell, Luật sư Điều hành, Hogan Lovells,
Văn phòng Việt Nam

Lâm Quỳnh Anh, Luật sư, Hogan Lovells, Hà Nội

THUẾ

Tiểu ban Thuế và Chuyển giá thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Thomas McClelland, Chủ tịch Tiểu ban Thuế và Chuyển giá, Ban Tư vấn Thuế & Doanh nghiệp, Deloitte Việt Nam

VẬN TẢI VÀ HẬU CẦN

Tiểu ban Vận tải và Hậu cần thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này: Robert Hambleton, Tổng Giám Đốc, Cảng Quốc Tế Cái Mép

CÁC VẤN ĐỀ CỦA NGÀNH**NGÀNH THỰC PHẨM, NÔNG NGHIỆP VÀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

Alexander Kliegl, Chủ tịch

Marieke van der Pijl, Phó Chủ tịch, Chuyên gia Tư vấn Pháp lý của Tiểu ban Thực phẩm, Nông nghiệp và Nuôi trồng Thủy sản; Quản lý Phụ trách chuyên môn và Phát triển kinh doanh của Gide Loyrette Nouel

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tiểu ban Công nghệ Thông tin thuộc EuroCham và Ban Công nghệ Thông tin Truyền thông thuộc Hiệp Hội Doanh nghiệp Mỹ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt đối với chương này:

Yee Chung Seck, Luật sư, Baker & McKenzie

Andrew Fitanides, Luật sư, Baker & McKenzie

BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam

TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ SINH PHẨM CHUẨN ĐOÁN

Vincent Arreckx, Urgo International, Trưởng đại diện, HCP Healthcare Asia

Hồ Linh Lan, Trưởng phòng Pháp lý và Đối ngoại, Roche Việt Nam

NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ

Các công ty thành viên EuroCham thuộc ngành công nghiệp Ô tô. Đặc biệt đối với chương này:

Michael Behrens, Tổng Giám Đốc, Mercedes-Benz Vietnam

NGÀNH CÔNG NGHIỆP XE MÁY

Công ty TNHH Piaggio Việt Nam

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG VÀ SỮA CÔNG THỨC

Tiểu ban Thực phẩm Dinh dưỡng thuộc EuroCham

DƯỢC PHẨM

Tiểu ban Dược Phẩm thuộc EuroCham

BẤT ĐỘNG SẢN

Tiểu ban Pháp luật thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

VCI Legal

DU LỊCH VÀ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN

Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng – Khách sạn thuộc EuroCham và đặc biệt đối với chương này:

I. Chính sách thị thực nhập cảnh

Kenneth Atkinson, Chủ tịch Tiểu ban Du lịch và Nhà hàng – Khách sạn

Chủ tịch điều hành, Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam

II. Tiếp thị điểm đến

Hawkins Pham, Giám đốc Điều hành Quỹ Indochina Capital tại Thành phố Hồ Chí Minh

III. Đất đai và các vấn đề thuế liên quan

Colin M. Pine, Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Dự Án Hồ Tràm

RƯỢU VANG VÀ RƯỢU MẠNH

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham

Thành viên: Diageo Vietnam Ltd, Moët Hennessy Vietnam, Pernod Ricard Vietnam, Alchemy Asia, Remy Cointreau Vietnam

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và đóng góp ý kiến của tất cả các thành viên thuộc các Tiểu ban ngành nghề trong việc hoàn thành ấn phẩm lần thứ 8 của Sách Trắng EuroCham (Sách Trắng). Sách Trắng tổng hợp quan điểm của các doanh nghiệp thành viên EuroCham, đại diện bởi các Tiểu ban ngành nghề, về các vấn đề cụ thể trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Sách Trắng không đại diện cho quan điểm của một hay nhiều công ty cụ thể nào. Thông tin và quan điểm đề cập trong cuốn Sách Trắng này nhằm mục đích thúc đẩy các cuộc thảo luận mang tính xây dựng và đưa ra các kiến nghị nhằm tăng cường mối quan hệ thương mại giữa các doanh nghiệp châu Âu và doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, Sách Trắng được xuất bản nhằm mục đích sử dụng cho các thành viên của EuroCham và các bên quan tâm, không hướng tới bất kỳ công ty và/hoặc tổ chức cụ thể nào.

Nếu không có sự đồng ý của EuroCham, các nội dung của ấn phẩm này sẽ không được sao chép, chia sẻ hoặc truyền đi tất cả hay một phần, dưới bất kỳ hình thức hay phương tiện nào, bao gồm nhưng không giới hạn như việc sao chụp hoặc thông qua các phương pháp điện tử hoặc kỹ thuật. Để yêu cầu việc chấp thuận từ EuroCham, xin vui lòng viết thư về địa chỉ dưới đây. EuroCham đã nỗ lực hết sức để đảm bảo các thông tin trong cuốn Sách Trắng này là chính xác tại thời điểm soạn thảo theo những hiểu biết và quan điểm của chúng tôi. Tuy nhiên, EuroCham không chịu bất cứ trách nhiệm pháp lý đối với bất cứ bên nào về tính đầy đủ, chính xác, độ tin cậy và phù hợp của nội dung Sách Trắng và/hoặc kết quả từ bất cứ quyết định nào được đưa ra dựa các nội dung này. Trong mọi trường hợp, các bên không nên hành động dựa vào nội dung Sách Trắng mà không có sự tư vấn hay hỗ trợ chuyên môn.

Trong bất kỳ trường hợp nào, EuroCham, các doanh nghiệp thành viên, Ban Lãnh đạo và/hoặc các thành viên của Ban Lãnh đạo EuroCham sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý cho bất cứ thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, nghiêm trọng, ngẫu nhiên hay mang tính tất yếu (bao gồm cả thiệt hại về lợi nhuận) một cách trực tiếp hay gián tiếp liên quan hoặc phát sinh từ ấn phẩm của cuốn Sách Trắng này, dưới bất kỳ hình thức nào, cho dù trong hợp đồng, kế ước, các văn bản ràng buộc trách nhiệm pháp lý, cho dù các thiệt hại đã được lường trước hay không, hay thậm chí đã được khuyến cáo về khả năng có thể xảy ra. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng.

Thời điểm soạn thảo: tháng 11 năm 2015

© 2015 Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam, bản quyền của EuroCham.
Nghiêm cấm sao chép dưới mọi hình thức.

Văn phòng Hà Nội:

Tầng trệt, Sofitel Plaza Hà Nội
1 Thanh Niên
Quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84 4) 3 715 2228
Fax: (84 4) 3 715 2218
Email: info-hn@eurochamvn.org

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh:

Phòng 2B, Tầng 15, The Landmark
5B Tôn Đức Thắng,
Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84 8) 3 827 2715
Fax: (84 8) 3 827 2743
Email: info-hcm@eurochamvn.org

